NĂM THỨ TÁM • # 84 • APRIL 1996

# THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

## ĐÚC TƯỢNG BỤT
**LÊ VĂN LÂN**

## ĐỒNG NGHIỆP - NHỮNG CÁI TÊN
**PHẠM THỊ HOÀI**

## NỬA ĐỜI SAU
**XUÂN ĐỖ**

BẠN ĐANG SỐNG TRONG MỘT THẾ GIỚI MỞ RỘNG, GIAO DỊCH VÀ LÀM VIỆC
VỚI NGƯỜI NGOẠI QUỐC, HỌC NGÔN NGỮ LÀ CHUYỆN CẤP THIẾT KHÔNG THỂ XAO LÃNG.

*Hãy nhớ đến*

## ĐẠI TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ PHÁT ÂM

**ĐỪNG BỎ LỠ CƠ HỘI!**
**Một máy bằng 3 máy cộng lại mà chỉ tốn nửa số tiền.**

# GOLDEN® Thế Kỷ VEC-888

3 NGÔN NGỮ: ANH - VIỆT - HOA
5 BỘ TỪ ĐIỂN: ANH-ANH, ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-HOA, HOA-ANH

CHUYỂN TỪ NGÔN NGỮ NÀY QUA NGÔN NGỮ KIA CHỈ DÙNG MỘT NÚT BẤM.

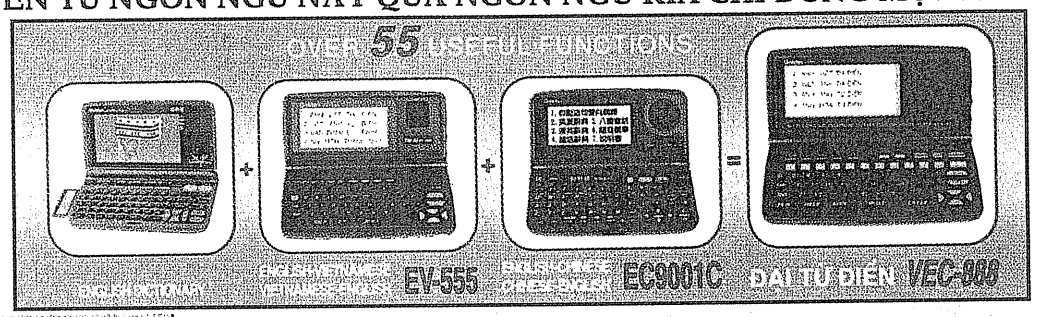


- *Anh-Anh* Từ Điển
- *Anh-Việt* Từ Điển
- *Việt-Anh* Từ Điển
- Từ điển *Đồng Nghĩa*
- Từ điển *Phản Nghĩa*
- *Đàm Thoại* thông dụng trong hàng chục lãnh vực
- *Vạn Dụng* Từ Điển để dùng riêng trong 35 lãnh vực khác nhau
- Sổ ghi *Điện Thoại*, Sổ Hẹn, *Sổ Ghi Nhớ* có sức chứa gấp đôi máy thường
- *Máy Tính:* Làm đủ các phép tính thông thường
- Đổi đơn vị đo lường
- Đổi hối suất tiền tệ quốc tế
- Xem giờ như đồng hồ biết giờ khắp năm châu
- Tra cứu thông minh chỉ cần ghi vào một phần hay một mẫu tự cái
- Tìm ngày tháng Âm Dương Lịch
- Chuông báo giờ nhắc mọi hoạt động

- Anh-Anh Từ Điển (American Heritage Concised Dictionary)
- Anh-Việt, Việt-Anh của máy Thế Kỷ EV-555
- Anh-Hoa, Hoa-Anh của máy EC-900 1C

Và 10 khả năng vô địch tất cả các máy khác hiện nay không thể có được:

1. *5 bộ từ điển ngôn ngữ Anh, Việt và Hoa trong một máy.*
2. *Màn ảnh có thể hiện lên bằng 1 trong 3 ngôn ngữ trên.*
3. *Tra cứu tuần hoàn, chuyển từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ kia ngay lập tức và không giới hạn (máy mới nhất của người Hoa chỉ cho tra 5 lần).*
4. *Có 16 bài văn phạm với đầy đủ câu ví dụ.*
5. *Trên 30,000 câu dẫn chứng cho các từ tiếng Anh.*
6. *Phát âm tiếng Anh nguyên giọng Mỹ của Đại Học Berkeley (có bản quyền).*
7. *Phát âm tiếng Hoa hai giọng Quảng Đông và Bắc Kinh, đúng giọng địa phương (có bản quyền).*
8. *Bộ nhớ của VEC-888 lớn nhất, kho chứa trữ liệu lớn nhất.*
9. *Luyện thi Nhập Tịch theo tài liệu hình thức của Sở Di Trú có phát âm.*
10. *Thay đổi màn ảnh, tra cứu các từ, đổi công dụng, chuyển ngôn ngữ, tìm câu dẫn chứng cho mỗi từ...chỉ bấm 1 nút.*

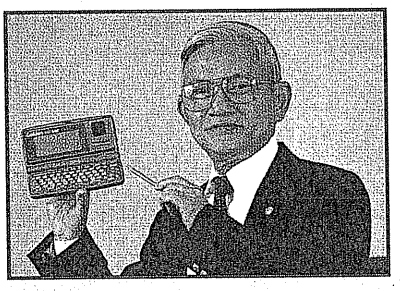

Chỉ cần Anh-Việt hãy dùng
**Từ Điển Điện Tử Phát Âm Thế Kỷ EV-555**
với trên 40 công dụng

**Chúng tôi phân phối đi khắp thế giới**

**TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ VÀ CANADA**
**GOLDEN MATE INC.**
2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732
**Tel: (818) 279-9898**
**Fax: (818) 279-9899**
Nhận Order: **1-800-248-3948**

**THẾ KỶ NEW YORK**
36-26 145 Place, Flushing, NY 11354
Tel: (718) 353-9116 * Fax: (718) 358-0294

**LITTLE SAIGON**
9200 Bolsa Ave., # 226
Tel: (714) 897-9808

**MONTERY PARK**
127 N. Garfield Ave
Tel: (818) 571-6598

**FELICITY CO.**
861 N. Spring St., # 110, LA.
Tel: (213) 617-2283

**NHÀ SÁCH THĂNG LONG**
767 N. Hill St. # 102, LA., CA 90012
(trong khu Interstate Bank)
Tel: (213) 628-1644

**CHINATOWN (LA)**
727 N. Broadway # 128
Tel: (213) 625-8609

# QUÀ GIÁNG SINH! QUÀ TẾT!

*Món quà nghệ thuật đáng giá nghìn vàng gây chấn động, xôn xao làng ca nhạc V.N. trong và ngoài nước V.N.*

# PARIS BY NIGHT 34

## The Best Video of The Year 1995

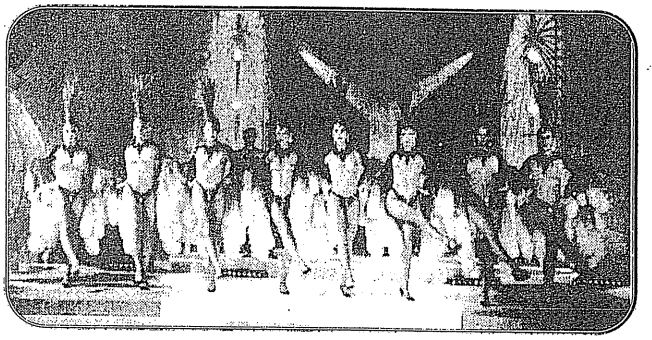

LIDO de PARIS

BONEY M., LONDON

*Một tuyệt phẩm VIDEO mà trình độ kỹ thuật và nghệ thuật đã hấp dẫn được sự hợp tác xứng đáng của các danh ca, vũ công quốc tế cùng về hợp tác với Paris By Night.*

*- Lần đầu tiên xuất hiện* **Ban Hợp Ca BONEY M.** *lừng danh quốc tế đã bán hằng triệu đĩa nhạc.*

*- Lần đầu tiên vũ đoàn của 3 Night Club danh tiếng Ba Lê:* **Lido, Moulin Rouge, Crazy Horse** *đã góp mặt trong Paris By Night.*

*- Sự tái xuất hiện của nữ danh ca* **HỌA MI** *cùng với* **ÁI VÂN - Ý LAN - NGỌC LAN - THANH LAN - HƯƠNG LAN - THANH HÀ - LYNDA TRANG ĐÀI - BẢO HÂN - PHI PHI - MỸ HUYỀN - NGỌC HUÊ - DON HỒ - THẾ SƠN - NGUYỄN HƯNG - CHÍ TÀI BROTHERS, PHƯƠNG LOAN** *và hằng trăm vũ công nhà nghề.*

xin liên lạc: **THÚY NGA**

**Mỹ & Canada:** 9295 Bolsa Ave. - Westminster, CA 92683 - USA • P.O. Box 2174 - Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673

**Âu Châu:** 44 Ave D'Ivry - 75013 Paris - France - Tel. 45 83 34 30

**Úc:** 323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA - Tel. (02) 796-7227

Video dài 3 tiếng Giá 28$ 1 bộ 2 cuốn luôn cước phí (TẠI USA & CANADA)

# THE-KY 21

*A source for Vietnamese studies*

**Office: 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92640 USA**
**Tel (714) 638-9510 • Fax (714) 638-1944 • E-mail 75504.3510@compuserve.com**
**E-mail theky21@ix.netcom.com • WWW page http://www.vietmedia.com/theky21**

## ADVERTISING RATES

### I. COVER (full color):

- Back : ..... $840.00
- Inside (front/back): ..... $680.00

### II. INSIDE GLOSS PAPER (full color):

- 1 page ..... $680.00

† (Less than 1 page size: not available).

### III. INSIDE (black and white):

- Page 1: ..... $340.00
- 1 page: ..... $300.00
- 1/2 page: ..... $170.00
- 1/4 page: ..... $90.00
- 1/8 page: ..... $50.00
- Classified (3 lines x 11picas) ..... $20.00

† Add-on color (red/blue) any size: ..... $50.00

### DISCOUNTS:

- 05% for 4 runnings. - 10% for 8 runnings. - 20% for 12 runnings. - 15% for paying in advance.

# THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PKWY SUITE A ▪ GARDEN GROVE CA 92640 ▪ TEL. 714-638-9510 FAX 714-638-1944

## PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN ▪ SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full Name*: _____ Đ.T./ *Phone*: _____

Địa chỉ / *Address*: _____

Tôi đặt mua Thế Kỷ 21 / *I would like* ***The Ky 21*** *delivered to me:*

☐ 06 số / *Issues* ☐ 12 số / *Issues* ☐ 24 số / *Issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*_____

Kèm theo đây là chi phiếu / lệnh phiếu mang số tiền / *Enclosed is check/money order of:* $_____

| | | | |
|---|---|---|---|
| Gửi Bulk Rate: | ☐ 6 tháng / *6 months:* $22.00 | ☐ 1 năm / *1 year:* $40.00 | ☐ 2 năm / *2 years* $ 75.00 |
| Gửi First Class: | | ☐ 1 năm / *1 year:* $52.00 | ☐ 2 năm / *2 years* $ 96.00 |
| Gửi ngoài nước Mỹ (chỉ nhận Air Mail) | *CANADA* | ☐ 1 năm / *1 year:* $59.00 | ☐ 2 năm / *2 years* $113.00 |
| | ÂU CHÂU / *EUROPE* | ☐ 1 năm / *1 year:* $76.00 | ☐ 2 năm / *2 years* $140.00 |
| | Á & ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA* | ☐ 1 năm / *1 year:* $86.00 | ☐ 2 năm / *2 years* $160.00 |

# VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
# ANDRE LAM

Liên lạc:

**DIAMOND BICH NGOC**

10221 Slater Avenue, Suite 211 - Fountain Valley, CA 92708

**(714) 965-9715** (trong giờ làm việc)

**1-(800) 695-7144** (ngoài giờ làm việc)

**(714) 663-4314** (Beeper)

## CHUYÊN LO BỒI THƯỜNG TAI NẠN XE CỘ

LUẬT SƯ PHÍ CỦA VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI

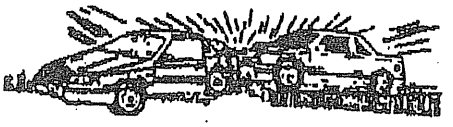

**14.99%**

**THAY VÌ NHƯ CÁC VĂN PHÒNG LUẬT SƯ KHÁC 33.33%**

**Ngoài ra văn phòng còn chuyên lo về các dịch vụ: Di trú (Immigration); Khánh tận tài sản (Bankruptcy); Ly dị cấp dưỡng (Family Law); Luật thương mại (Business Litigation); Hình luật, Trộm cắp và Tội Đại hình; Tai nạn nghề nghiệp.**

**ĐÓN NGHE ! ĐÓN NGHE ! ĐÓN NGHE !**

**GIỜ HỘI LUẬN VỀ LUẬT PHÁP phổ thông do Văn Phòng Luật Sư AMDRE LAM phụ trách, và Diamond Bich Ngọc thực hiện hàng tuần mỗi chiều Thứ Ba trên đài VNCR, làn sóng 106.3 FM từ 2:15 PM đến 3:15 PM.**

**GIỜ HƯỚNG DẪN LUẬT PHÁP ba tuần một lần chiều Thứ Bảy trên đài Văn Nghệ Truyền Thanh, làn sóng 96.7 FM từ 2:00 PM đến 3:00 PM.**

**Trân trọng thông báo**

# MINH VĂN

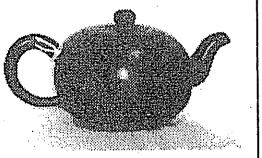

*Nhà Sách, Xuất Bản, và Phát Hành*

*2808 Graham Road, Falls Church, VA 22042*

*ĐT: (703) 698-8490/ 8491 FAX: (703) 204-9239 E-mail: 102736,2623@compuserve.com*

Mở Cửa : 10 AM đến 07 PM, bảy ngày trong tuần.

*Đọc sách, uống trà, nghe nhạc, xem tranh, và ngắm tượng.*

**01. Sách mới:** 1. **Nhạc Thời Gian,** truyện dài, được viết cách đây 50 năm của Thẩm Oánh.

2. **Cay Đắng Mùi Đời**, truyện dài, ấn bản mới của Hồ Biểu Chánh

3. **Bóng Đèn Tà Nguyệt,** truyện dài của Hồ Trường An

4. **Chân Trời Lam Ngọc 2,** ký sự của Hồ Trườnhg An

5. **Kẻ Đào Mồ,** truyện ngắn, tái bản, của Trần Long Hồ

**02. Sách Minh Văn:** Ngày Quanh Quẩn, Niềm Vui Ung Thư, Kẻ Đào Mồ; T.T.Dung Thân: Cõi Sa Mù, Cửa Địa Ngục, Bóng T. Đường I của T.L. Hồ. Âm Bản: N.N.Dũng. Chân Trời Lam Ngọc I , II của H.T.An.

**03.** Đầy đủ sách thiền, tôn giáo, nhi đồng, lịch sử, kiếm hiệp ,tiểu thuyết,từ điển, gia chánh, kinh dịch, ...

**TRÀ:** Ten Lu, Ten Wu, Vương Trà 403, 313, 913, 103, 509, 409, 319,919,109, Ti K.Yin, Bích L.Xuân,...

**BÌNH TRÀ:** Đủ loại bình trà đẹp và quí: Mẫu tử, Phu thê, Dragon,Tứ Quí, Ngũ Hành, Bát Quái,...

**NHẠC:** Đủ loại tapes video, CD,cassetes. Nhạc mới về hàng tuần. Xin mời quí vị đến xem và chọn lựa.

**TRANH, TƯỢNG, HÒN NON BỘ:** Nhiều tượng quí ,hòn non bộ, có suối nước chảy và khói sương.

***Sách đủ mọi thể loại, được sắp xếp ngăn nắp như trong thư viện, vừa đẹp mắt, vừa dễ tìm.***

***Quí vị có thể mua hàng của Minh Văn qua đường bưu điện.***



LAN MUSIC XIN TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU CD MỚI NHẤT

Lan Music

# Midnight Serenade

Sasha Alexeev

Piano Solos

Một buổi chiều vàng, sau những giờ làm việc mệt mỏi, xin quý vị hãy tìm lại giây phút thanh thản của một ngày còn lại...Hãy để lòng lắng xuống và lắng nghe tiếng đàn dương cầm rất cổ điển, rất quý phái của Sasha Alexeev. Nếu quý vị đã từng yêu mến tiếng đàn dương cầm điêu luyện của Sasha Alexeev qua những CD VELVET RAIN, SILOUETTES quý vị không thể bỏ qua đĩa CD mới nhất của Sasha Alexeev

## Midnight Serenade

gồm 12 nhạc khúc rất cổ điển và cũng rất trữ tình của nền nghệ thuật Việt Nam:

• **Tiếng Thời Gian** Lâm Tuyền • **Còn Tuổi Nào Cho Em** Trịnh Công Sơn • **Khi Người Yêu Tôi Khóc** Trần Thiện Thanh • **Ngọc Lan** Dương Thiệu Tước • **Nhìn Những Mùa Thu Đi** Trịnh Công Sơn • **By Candle Light** Sasha Alexeev • **Mùa Thu Không Trở Lại** Phạm Trọng • **Đêm Đông** Nguyễn Văn Thương • **Lòng Mẹ** Y Vân • **Nắng Thủy Tinh** Trịnh Công Sơn • **Nocturne** Sasha Alexeev • **Bên Cầu Biên Giới** Phạm Duy

Đây là một món quà rất đẹp và quý để tặng cho bạn bè, cho người yêu dấu... Một đĩa nhạc rất lý tưởng cho các văn phòng dịch vụ, bác sĩ, nha sĩ, nhà hàng sang trọng.

*Đại diện phát hành:*
**Trung Tâm Bích Thu Vân**
9200 Bolsa Ave. #137-138
Westminster, CA 92683
Tel: 714-897-4519

*Gửi thẳng về nhà kể cả cước phí Bưu điện:*
**Hoa kỳ: 10 US $, Ngoài Hoa Kỳ: 12 US $**
Thư từ liên lạc hay chi phiếu xin đề:
LAN ĐÀO
PO Box 9343 BREA, CA 92622-9343 USA

# NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
# NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

**14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643**

*(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)*

# (714) 531- 2773

¤ ***Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.***
¤ ***Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.***

**SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM**

## NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

**GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ¤ CHỦ NHẬT NGHỈ**

*CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải*

# Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

**Trung Tâm Nhãn Khoa**
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
**Tel: (714) 839-9996**

## Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

¤ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

¤ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

¤ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

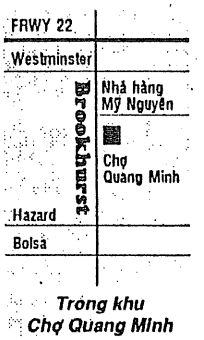


***Trong khu Chợ Quang Minh***

■ *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
■ *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

KC TRAVEL & TOURS
ARC
(KIM CONTINENTAL TRAVEL)
CHUYÊN
- *Bán vé máy bay Quốc nội & Quốc ngoại*
- *Làm Công Hàm Ngoại Giao (chứng chỉ độc thân)*
- *Lo các thủ tục xuất nhập cảnh*

ĐẶC BIỆT ĐƯỜNG BAY
TAM GIÁC VÀNG PHÁP, ÚC và VN

9842 Bolsa Ave., # 200A
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 839-9468
Fax: (714) 839-4283

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(*gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.*)
TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi dựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

TAXCALI
HÀ DƯƠNG DỰC
Master of Business Administration
HÀ DƯƠNG NGA
Enrolled Agent
- INCOME TAX
- BOOKKEEPING
- BUSINESS CONSULTANT

2619 W. EDINGER, SUITE A2
SANTA ANA, CA 92704
Tel: (714) 662-3149

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI
Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341
Lê's Florist Boutique
Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions
14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

Tranh bìa: *Blue Jazz* của **Đinh Cường**
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Đinh Cường, Suzie Vương, Ngọc Dũng, Vũ Thái Hòa**
Hí họa: Trích báo **Tin Tức** (Paris), **Babui Mamburao, Fus.**
Ảnh: **Lê Phúc, Lý Kiến Trúc, Lê Tam Ca, Nguyễn Xuân Hoàng**

# MỤC LỤC

## Số 84 • Tháng Tư 1996

### CHÍNH TRỊ - KINH TẾ - LỊCH SỬ


**13**. Eo biển Đài Loan nổi sóng — **Ngô Nhân Dụng**
**18**. "Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội," một sử liệu quan trọng —**Tôn Thất Thiện**
**21**. Sự dính líu của Trung Quốc vào cuộc chiến Việt Nam từ 1964 đến 1969 — **Chen Gian (Cam Vũ dịch)**
**104**. The people's Army or the Party's Army? — **Lâm Lễ Trinh**


### VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT - TÔN GIÁO


**37**. Đúc tượng Bụt — **Lê Văn Lân**
**41**. Đựng chờng — **Ông Tiến Hưng**
**32**. Đạo giúp được gì cho đời? — **Tenzin Gyatso, Dalai Lama XIV,(Long Khánh dịch)**
**43**. Ý thức thích đáng, hiện hữu xứng hợp — **Phấn Nguyễn Barker**
**45**. Đời sống Métro — **Phan Thị Đỗ Quyên**
**60**. Đối chiếu dân nhạc Việt và Mỹ — **Lê Văn Khoa**
**89**. Một vầng chính khí — **Như Phong Lê Văn Tiến**
**92**. Nguyễn Đình Toàn và "Đồng Cỏ" — **TK 21**


### KHOA HỌC - GIÁO DỤC


**48**. Ngôn ngữ từ ái — **Chân Văn**
**55**. Cái bẫy từ trường — **Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh**


### TIẾNG VỌNG


**58**. Về bàn tay vô hình — **Vũ Quí Hạo Nhiên**


### VĂN


**65**. Truyện: Sự nghiệp. Những xứ tuyết — **Phạm Thị Hoài**
**70**. Truyện: Nửa đời sau — **Xuân Đỗ**
**77**. Truyện: Kẻ vô danh — **Nguyễn Hiền**
**84**. Kịch: Nơi không phải là quê nhà — **Vũ Hạ**
**80**. Truyện: Mưa gió xa muôn trùng — **Hà Kỳ Lam**
**87**. Những đoạn thêm vào đã làm hỏng Ông Đồ — **Bùi Bảo Trúc**


### THƠ


**73** Người mẹ — **Trần Hồng Châu. 74** Nhân nghe đọc thơ, văn của bạn — **Phan Nhật Nam. 82** Quê người, chiều cuối năm, Mưa xuân — **Lâm Hoài Thi. 85** Chạy loạn — **Thảo Trường. 87** Ông đồ — **Vũ Đình Liên**


### MỤC THƯỜNG LỆ


**8**. Thư tòa soạn
**9**. Bạn đọc viết
**11**. Tòa soạn và bạn đọc
**12**. Thư trên lưới,
**12**. Hộp thư trị sự
**50**. Sổ tay
**94**. Vòng chân trời văn học nghệ thuật
**98**. Sách báo trong tháng
**103**. Bolsanet: Một chuyện đời thường (**Việt Tâm**)■

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • HỌC THUẬT

Tạp chí ra hàng tháng. Cty Người Việt sáng lập (1989). Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ bảo trợ.

**11022 Acacia Parkway #A**
**Garden Grove CA 92640 USA**
**Tel: (714) 638-9510**
**Fax: (714) 638-1944**
E-mail:
**75504.3510@compuserve.com**
hoặc **theky21@ix.netcom.com**
WWW homepage:
**http://www.vietmedia.com/theky21**

**Nhóm chủ trương:** Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô.

**Chủ nhiệm:**
*Lê Định Điểu*
**Chủ bút:**
*Vương Hữu Bột*
**Tổng thư ký Tòa soạn:**
*Phạm Phú Minh*

Bài gửi cho *Thế Kỷ 21* xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn.

**Trị sự:**
Văn phòng trưởng:
*Vũ Duy Tự*
Quảng cáo & phát hành:
*Phan Mỹ Sương*

Ngân phiếu đề: THE KY 21.

**Đại diện phát hành:**
**Bắc Cali:** *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
**Đông HK:** *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
**Pháp:**
1.*Lê Tất Luyện* 45 83 19 12
2.*Phạm Thị Thu Hương*
39 84 00 84
**Đức:** *Nguyễn Phi Hùng*
02371-439238
**Úc:** *Bình Anson*
(61-9) 448-0637
**Canada:** *Hoàng Chiêu Nhân*
(514) 445-0529

**ISSN 1056-4640**

## THƯ TÒA SOẠN

# CHỮ VÀ NGHĨA

Một người đọc viết cho *Thế Kỷ 21*, bàn rằng tờ báo không cần chống Cộng nữa. Nguyên văn ông viết như sau *"Về vấn đề chống cộng thì tôi nghĩ rằng quý báo không cần quan tâm nhiều vì đã có quá nhiều báo Việt Nam hải ngoại tập trung vào vấn đề này từ hai mươi năm qua... Qua (tới) thế kỷ 21 tôi nghĩ rằng chả còn ai hơi đâu mà sợ cái "họa cộng sản" hoặc là tìm cách "xây dựng xã hội chủ nghĩa." Do đó tôi cho rằng quý báo nên hướng về tương lai hơn là quá khứ cho xứng đáng với cái tên."*

Nhưng nếu chỉ bàn chuyện tương lai thôi là tự nhiên đã "chống cộng" rồi thì sao? Đây là một chuyện về chữ nghĩa.

Trong số báo Ra Mắt, tháng Năm 1989, *Thế Kỷ 21* trình bầy như sau: **"Góp lòng góp ý, đưa vào cuộc chuyển đổi sinh tử, cho hơn 60 triệu người Việt ngẩng đầu lên, cùng thế giới đi vào thiên niên kỷ thứ ba... là mục tiêu, là bầu khí, là hy vọng, và là cuộc dấn thân, cuộc lên đường mà tạp chí** *Thế Kỷ 21* trân trọng đề nghị với quý vị." Sau 83 số báo, gần bẩy năm trời, dân số Việt Nam đã thêm 12 triệu, *Thế Kỷ 21* vẫn không đi ra ngoài chủ trương căn bản đó. Những điều gọi là "góp lòng góp ý" đều nhắm vào tương lai. Nếu trong khi đi về hướng đó chúng ta phê phán để đòi mau mau xóa bỏ tình trạng lạc hậu bây giờ, điều đó không tránh được. Nếu làm như vậy mà gọi là chống cộng thì đúng là tờ báo này chống cộng. Nhưng nếu chế độ ở Việt Nam bây giờ là một chế độ quân phiệt, tài phiệt, thay vì cộng sản, thì những người góp ý góp lòng để chuyển đổi đời sống 72 triệu đồng bào vẫn phải tiếp tục công việc đó.

*Thế Kỷ 21*, số 18, tháng Mười năm 1990 có đăng một bài của Nguyễn Hữu Chung, một người cộng tác với *Thế Kỷ 21* từ năm đầu. Nhan đề bài báo là *Hãy Ngưng Chống Cộng*, khiến cho ông Chung cũng như tờ báo này bị nhiều người chỉ trích. Ông viết: "...có thể xếp hạng những người ở Việt Nam thành hai hạng. Hạng thứ nhất, những người chủ trương phải có đổi mới chánh trị, xây dựng dân chủ, là những người yêu nước mà chúng ta có thể hợp tác và cần hợp tác. Hạng thứ hai, những người nói quanh nói quẩn, đổi mới đủ thứ nhưng không muốn đổi mới chánh trị, không muốn thiết lập dân chủ... Chúng ta chống hạng này và hợp tác với hạng kia để làm thay đổi tình hình Việt Nam. Hai chữ chống cộng không còn ý nghĩa gì nữa..." Có lẽ người bạn mới của chúng tôi cũng đồng ý với nhà văn ở cùng thành phố với ông.

Khi chúng ta góp ý kiến phê phán và xây dựng một nước Việt Nam dân chủ và tiến bộ thì chắc không tránh khỏi đụng chạm chủ nghĩa cộng sản và chế độ cộng sản. Bất cứ ai muốn xây dựng một nước Việt Nam dân chủ và tiến bộ thì cũng thành chống cộng.

Thí dụ khi tiểu thuyết của Phạm Thị Hoài hay Dương Thu Hương không thể in ở trong nước Việt Nam, phải xuất bản ở Hoa Kỳ, thì các nhà văn này có thể bị gán cho nhãn hiệu chống cộng chăng? Chúng tôi nghĩ là không. Dương Thu Hương, Bảo Cự, hay Phạm Thị Hoài chỉ làm công việc của các nhà văn, viết rồi xuất bản. Nếu bây giờ chúng ta đòi hỏi quyền tự do xuất bản, cho tiểu thuyết *Marie Sến* của Phạm Thị Hoài được ra đời ở Hà Nội, cho người Hà Nội đọc, thì việc đòi hỏi này có phải là chống cộng chăng? Nếu việc đòi tự do cho mọi người là chống cộng thì chúng ta ai cũng chống cộng cả.

**THẾ KỶ 21**

## Nước mắt đầu xuân

Tôi vừa nhận được số *Thế Kỷ 21* mới nhất, số Tân Niên, vừa ăn bánh chưng chiên vừa đọc một cách say mê và thích thú bài vở của các tác giả mà tôi "khoái" như Doãn Quốc Sỹ, Vương Hữu Bột, Phan Lạc Tiếp, và đặc biệt, "Vài Chuyện Rất Thường" của Lê Tất Điều đã làm tôi phải khóc, tiếc thương cái chết rất hào hùng của sĩ quan trưởng đồn Dakseang. Mặc dù tôi đã đọc nhiều tác phẩm của Trường Sơn Lê Xuân Nhị, kể cả Đất Khách Trời Quê, nhưng sao vẫn câu chuyện đó dưới lời dẫn của Lê Tất Điều, và mới còn là tháng Giêng âm lịch mà tôi lại khóc cơ chứ? Thế mới biết ông Kiều Phong muốn ai cười thì người đó phải cười [Một Quả Cười Đầu Xuân (?) chẳng hạn], mà Lê Tất Điều muốn ai khóc thì người đó sẽ khóc, dù là mới đầu năm!

**Đàm Thế Lữ** *(San Jose, CA)*

## Người sáng lập Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển "trở lại quê nhà"

Trong dịp Tết Nguyên Đán Bính Tí vừa qua tôi đã được một số thân hữu thuộc các tiểu bang khác gọi điện thoại chúc tết. Trong số đó có hai người hỏi tôi có biết địa chỉ của nhà văn Phan Lạc Tiếp thì cho xin để liên lạc mua cuốn sách *Quê Nhà 40 Năm Trở Lại*. Hỏi ra, tôi được biết hai thân hữu trên đã được cứu trên biển đông trong chương trình Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển mà nhà văn Phan Lạc Tiếp, tác giả *Quê Nhà 40 Năm Trở Lại*, là một trong hai người sáng lập (người kia là giáo sư Nguyễn Hữu Xương).

Nhìn lại Chương trình ấy thì thấy quả là một công tác lớn lao, được sự hỗ trợ công và của của cộng đồng Việt Nam trên khắp thế giới, đã liên tục hoạt động trong suốt mười một năm trời (ngưng hoạt động vào tháng Mười 1990), cứu được hơn 3000 thuyền nhân. Hai người bạn của tôi cũng thuộc số người được cứu vớt ấy, nay muốn biết một trong những ân nhân của họ đã nhìn quê nhà như thế nào, sau 40 năm xa cách.

**Nguyễn Hưng Quảng** *(Connecticut)*

## Nếu một mai... nhớ báo, nhớ người...

Nếu rồi đây không mua được *Thế Kỷ 21* ở Paris thì chắc tôi sẽ *nhớ* lắm: *Nhớ báo, nhớ người*. Tôi rất kính phục quý vị *làm* và *viết* báo *Thế Kỷ 21*.

Số tháng Ba 1996 có nhiều bài rất hay:

Đọc hết bài của ông Nguyễn Minh Cần rồi còn *thèm* và *tiếc*: Sao ông không viết dài hơn?

Bài của ông Nguyễn Hữu Chung cũng rất hay. Tiếc là ông trích mấy câu của ông Đào Duy Tùng tuyên bố ở Bắc Kinh mà không ghi xuất xứ và lại nói: *"Nếu tôi không lầm..."*

Tuy ở hải ngoại có nhiều cây bút nổi tiếng, nhưng nếu số nào cũng có thêm bài của người trong nước như loại bài của Tiêu Dao Bảo Cự thì tờ báo lại càng tăng giá trị gấp bội.

**Nguyễn Bích** *(Paris, Pháp)*

## Lời giải thích của tác giả Sau Cơn Mưa

*Tòa soạn xin đăng sau đây nguyên văn bức thư giải thích của tác giả Nguyễn Đức An về cuốn sách Sau Cơn Mưa của ông để bạn đọc nhận định và hiểu thêm về tác giả và tác phẩm này.*

Trên *Thế Kỷ 21* số 82, tháng Hai 96, mục Sách Báo Trong Tháng, quý báo có nhã ý phân tích truyện dài Sau Cơn Mưa của tôi. Xin cám ơn nhã ý đó. Đồng thời xin cho tác giả vài lời giải thích, để độc giả không ngộ nhận một số chi tiết.

1. Sau Cơn Mưa là một tiểu thuyết không chủ đề. Đặc biệt không đề cao vai trò phụ nữ (qua nhân vật Viễn), hoặc hạ thấp (qua nhân vật Thiên Đơn).

2. Công là nhân vật chính, có thật, hiện sống ở Los Angeles, đã 75 tuổi (sinh năm 1921). Tuy nhiên truyện dài Sau Cơn Mưa chỉ diễn tả 30% về cuộc đời của ông Công, ngoài ra đều do trí tưởng tượng của tác giả.

3. Viễn lên Hà Nội khi nàng 16 tuổi, gặp Công lúc chàng 18 tuổi, đang học Đệ Ngũ (Quatrième, Albert Sarraut). Câu chuyện bắt đầu từ cuối năm 1939 và kết thúc năm 1949. Như thế thời gian chính sẽ tính khoảng 10 năm, và khúc mắc của câu chuyện nằm trong thập niên 40, chứ không phải 30.

4. Thập niên 40 ở Bắc Việt có nhiều thay đổi về hành chánh, khác hẳn với miền Trung (Hoàng triều cương thổ) và Nam (Bảo hộ). Nghĩa là khi Công đi làm phụ tá quận trưởng Tiên Yên (1944-45), ngoài Bắc đã có những chức vụ như tri châu, tri phủ, tri huyện. Sau 1945, đã có quận, tỉnh, phó tỉnh. Đặc biệt ở Thái Bình chức vụ Phó tỉnh được gọi là Đại lý (Gérant), trong khi đó ở Hải Dương, Hưng Yên vẫn có Phó tỉnh trưởng. Đúng ra, khi ông Đăng đi nhậm chức vụ Đại Lý ở Thái Bình, phải viết là Đại Lý. Nhưng tác giả muốn độc giả đỡ nhức đầu về những danh từ, xét ra, có thể thay thế được, nên viết "Phó Tỉnh Đăng", thay vì Đại Lý. Năm Công học đệ tam chương trình Pháp, sửa soạn thi bằng Thành chung (Troisième; Brevet), đã có chương trình Việt rồi. Với gần ba năm phụ tá cho giáo sư Nguyễn Đình Cát, trong toán phiên dịch danh từ y khoa Pháp ra Việt, tác giả cố ý dùng tiếng Việt, để độc giả dễ hiểu, và tránh bị hiểu lầm là "xính" tiếng Pháp.

5. Thập niên 40, đường phố, địa danh Hà Nội có tiếng Việt và Pháp. Thí dụ: Hồ Thuyền Cuông= Haller. Phố Đoàn Trần Nghiệp= Général Con-

stant, Huyền Trân Công Chúa= Duvigneau... Một lần nữa, tác giả chọn lối dùng tiếng Việt.

6. Tác giả sinh năm 1939, di cư vào Nam năm 1954. Do đó, để viết truyện dài Sau Cơn Mưa (thời gian 1939-49), tác giả nhờ bản đồ Pháp Việt Đông Dương trước 1954. Các chi tiết về tổ chức hành chánh do ông Công (cựu luật sư, đã giữ nhiều chức vụ hành chánh cao cấp trước 1954), nhà văn lão thành Phạm Cao Củng và ông Thiên Hộ NĐX, hiện ở Virginia (80 tuổi) cố vấn.

Với sự cố gắng tối đa của tác giả, Sau Cơn Mưa vẫn còn nhiều thiếu sót, cần phải sửa chữa như nhiều vị trọng tuổi trên 70 cho biết. Tuy nhiên tác giả không quá dễ dãi với chính mình, để đi vào những cố tình lấn cấn. Muốn hiểu được truyện dài Sau Cơn Mưa phải sống ở Hà Nội, Hải Phòng, Tiên Yên, Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên và Hải Dương. Dĩ nhiên trong thời gian của thập niên 40 và trước 1954.

7. Sẽ có Sau Cơn Mưa II, dự định ra mắt độc giả vào năm 1997. Hy vọng sẽ làm độc giả không bực mình vì sự mất cân xứng trong bộ truyện mà tác giả chỉ mong muốn mua vui độc giả được một vài trống canh, và không dựng chuyện trên luận đề nào cả.

*Florida ngày 15/2/96*
**Nguyễn Đức An** *(Trenton, FL)*

## Collection Thế Kỷ 21 từ số đầu

Tôi là một độc giả từ năm đầu của quý báo. Tôi yêu *Thế Kỷ 21* từ khi được một người bạn giới thiệu và tặng số đầu. Sau đó tôi cứ hay mua TK 21 từng số ngoài tiệm sách, mấy năm sau thì đặt mua dài hạn ở Tòa soạn. Các con tôi từ Houston, California cũng đặt mua báo năm. Chúng cũng như tôi thích đọc và ngưỡng mộ những nhà văn trong đó. Nội dung phong phú mang màu sắc đa dạng nhưng gần gũi với người đọc. Hình bìa mỹ thuật, đường nét tân kỳ trí thức. Tôi đã làm *collection* từ số đầu cho đến số 82, cất kỹ trong tủ sách gia đình.

**Đỗ Kim Nhung** *(Seattle, Wa)*

## Cuộc sống khách quan không giản dị

Các bài "Sống Nhàn Sống Giản Dị" (TK 21 #80) và "Sống Nhàn, Giản Dị, Nên Lắm Chứ" (TK 21 #83) có gây sự chú ý trong gia đình chúng tôi, nhưng ý kiến không đồng nhất. "Giới già" gồm hai vợ chồng tôi thì hầu như hoàn toàn chia sẻ ý tưởng của hai bài viết, cho là sống giản dị thì khỏe thân hơn. Vả chăng, sau một đời dài vật lộn với cuộc đời để có nhiều thứ và mất nhiều thứ, thì cũng sinh ra mỏi mệt, muốn nghỉ ngơi. Nhưng tụi trẻ thì khác. Trong một buổi hội họp gia đình, thằng con lớn của tôi nói:

"Con hoàn toàn đồng ý là khi già rồi thì người ta phải nghỉ ngơi, nên có một đời sống đơn giản, vì như thế khỏe hơn là phải bon chen. Nhưng trẻ thì không nên như vậy. Không phải là con tôn sùng vật chất, nhưng nhiều lúc con thấy khó phân biệt nhu cầu vật chất và nhu cầu tinh thần, thường là cái này hỗ trợ cho cái kia, ảnh hưởng lên cái kia. Con đi làm 15 miles, nếu với một chiếc xe tốt, chạy êm, con sẽ đến sở thư thái. Nếu xe cũ cà rịch cà tang thì thế nào nó cũng ảnh hưởng không hay đến tinh thần của con. Đó là chưa kể nếu phải đi đoạn đường đó với một chiếc xe gắn máy, thậm chí xe đạp như ở Việt Nam, thì lúc đến nơi tinh thần và thể chất con sẽ mỏi mệt hơn nhiều.

Con cũng thấy khó phân biệt đâu là sự vừa đủ, đâu là dư thừa của cuộc sống. Cái đó tùy thuộc hoàn cảnh và trình độ sống của mỗi nơi thôi. Nếu gọi là đủ thì một gia đình chui rúc trong một diện tích mấy mét vuông theo kiểu nhà phân phối ở Hà Nội thì cũng đủ, vì vẫn 'sống' được. Hay là theo điều kiện gia cư tương đối khá thong thả như Sài Gòn mà ta ở trước đây, tối tụi con trai chúng con ra phòng khách giăng mùng ngủ, mấy chị em gái mới được dồn vào một phòng riêng, như thế là đủ chưa? Và nay ở Mỹ mỗi người một phòng, như thế có gọi là phí không? Con thấy rất khó có một tiêu chuẩn cố định nào để đặt định thế nào là đủ, thế nào là dư. Chỉ biết con người ta luôn luôn cải tiến điều kiện sống của mình, và không biết đến mức độ nào là nên bảo: Đủ rồi, dừng lại đi."

Cô con gái út đang đi học đại học thì phát biểu:

"Thật sự con cũng thấy sự phi lý như ông Phan Lạc Tiếp đã viết, ví dụ sinh viên đi học ở gần nhà mà cũng phải mướn phòng ở riêng, đối với tụi con gái Việt Nam chúng con thì việc đó thật phí quá. Nhưng theo con hiểu thì đó chỉ là một tập quán để tỏ tinh thần tự lập của thanh niên Tây phương chứ không phải là cố tình gây ra một sự phí phạm. Tinh thần của một xã hội nhiều khi bắt nguồn từ những chuyện nho nhỏ như vậy của tập quán, mình chỉ đứng trên một phương diện mà lên án thì e rằng thiếu vô tư.

Cuộc sống ở đây quả thật quá thừa thãi, nhưng hoàn cảnh ép chúng ta phải nhận sự thừa thãi đó như là điều cần thiết. Nhà ta rõ ràng là mỗi người một chiếc xe hơi, nhưng hiện nay bớt một chiếc, chỉ một chiếc thôi, là điều không thể được, là sẽ xảy ra mất job, bỏ học ngay. Làm thế nào bây giờ? Tốt hơn hết là không nên thắc mắc, coi nó cũng như một chiếc xe đạp ở Việt Nam vậy thôi, chỉ là phương tiện cho ta di chuyển, trong một điều kiện nào đó."

Vợ tôi tham gia:

"Thôi thôi, nhập gia tùy tục, muôn sự tại tâm thôi các con ơi, bây giờ đem mấy chuyện đó ra cãi thì chắc không hồi nào dứt được. Mẹ với ba đã trải qua đủ cảnh đời, gian nan có, thong thả cũng có, nhưng trong cảnh nào cũng luôn luôn muốn làm sao cho đời sống gia đình được khá hơn, để các con được sung sướng hơn. Mình vậy thì người khác cũng vậy thôi, ai cũng cố gắng hết. Nếu không, gia đình mình đâu được như ngày nay?

Nhưng phí phạm thì nhất định mẹ không phí phạm, dù là một hột cơm cũng không bao giờ mẹ đổ đi. Còn như nhà rộng xe tốt, sức mình tới đâu thì mình dùng tới đó, miễn mình đừng tham lam thì thôi, thì không 'mắc tội' gì cả. Ăn thua ở lòng mình mà thôi..."

Như thường lệ, tôi có khuynh hướng đồng ý với vợ tôi. Các con đã lớn, chúng có đời sống khác rồi, chỉ đồng minh với bà xã là chắc ăn. Và chắc cũng tìm đồng minh nơi các bài báo như vừa rồi, bây giờ không ham gì hơn là tạo được sự giản dị ở trong lòng.

**Lê Bá Trung** *(Austin, TX)*

## TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

*Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:*

Đỗ Kim Nhung, Nguyễn Kỳ Anh, Thường Quán, Nguyễn Xuân Thiệp, Ngô Trọng, Vũ Quý Hạo Nhiên, Võ Đình Tuyết, Trần Quán Niệm, Nguyễn Đình Nhạc, Hà Kỳ Lam, Lê Văn Lân, Lâm Hoài Thi, Nguyễn Đức Thanh, Phấn Nguyễn Barker, Nguyễn Hiền, Từ Ngọc Lê, Phan Thị Đỗ Quyên, Thường Hạnh, Lý Thụy Vy, Tôn Thất Thiện, Như Phong Lê Văn Tiến, Nguyễn Hưng Quảng, Lâm Lễ Trinh, Nguyên Tường, Trần Mộng Tú, Bùi Văn Bảo, Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Tấn Hưng, Đỗ Thì Kênh G, Việt Tâm, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Phan Nhật Nam, Võ Doãn Nhẫn, Phan Lạc Tiếp.

*Chân thành cám ơn quý vị.*

**Nguyễn Anh Tuấn**, *(London, Anh Quốc):* Số xuân, mục Tòa soạn và Bạn đọc đã báo có nhận được bài của anh, và số Tân niên, mục Hộp thư Trị sự có nhắn đã nhận được tiền gia hạn báo. Vì chưa có gì đặc biệt nên không có thư riêng, xin anh thứ lỗi. Bài đó không đăng. Vì gặp cái tết nên số tân niên hơi bị trễ, hy vọng hôm nay thì anh đã nhận được rồi. Chắc bên ấy mùa xuân cũng đang về, chúc anh mọi chuyện tươi vui. Thân.

**Từ Ngọc Lê** *(Paris, Pháp Quốc):* Rất cám ơn "Đi tìm nụ cười..." và các bức hí họa. Rất tiếc tết qua đã lâu, số tân niên cũng đã xong, mọi chuyện liên quan đến tết nhất mới đó mà đã thành xa vời rồi. Và trước mặt thì bao nhiêu chuyện mới cứ tới tới. Cho nên phải gác cái đó lại. Bài sau về thể thao đã chuyển sang NV. Chúc vui luôn.

**Đỗ Thiên Như** *(Seattle, Wa):* Rất cảm động về những tình cảm bà dành cho TK 21. Riêng MXX chưa đăng được, xin bà tiếp tục gửi cho các sáng tác khác. Kính.

**Ngô Trọng** *(Hannover, Đức Quốc):* Tòa soạn có nhận được bài về HSP của ông, một bài viết rất công phu. Tuy nhiên đề tài ấy đã được nói đến nhiều nên chúng tôi chờ những khía cạnh mới lạ hơn. Chúc ông và anh em bên ấy mọi sự hanh thông tốt đẹp. Mong vẫn giữ liên lạc thường. Thân.

*


*Xin mời quý vị đến tham dự*

TRIỂN LÃM TRANH

*của nữ họa sĩ*
*ANN PHONG*

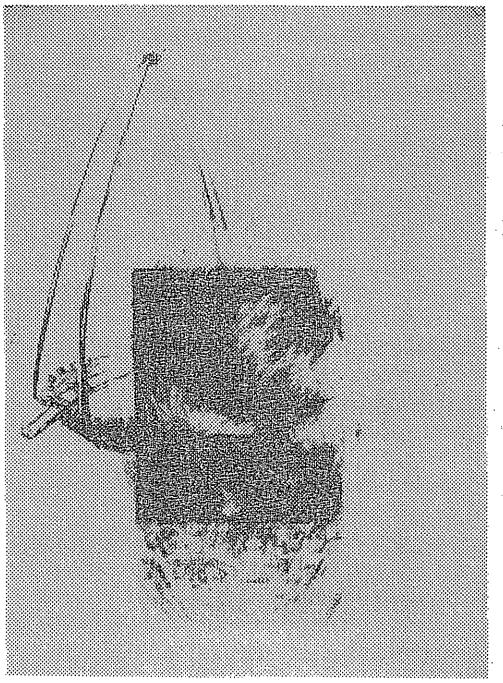

tại
LA ARTCORE Gallery
từ mùng **3 đến 28 tháng Tư** 1996
Ngày tiếp tân:
Chủ Nhật **14 tháng Tư** 1996
từ 2giờ đến 4 giờ chiều
Địa chỉ:
LA ARTCORE
**420 East Third St. Suite 110**
(thuộc vùng Little Tokyo)
ĐT: **(213) 617-3274**

Ngày giờ mở cửa: Wed - Sun, 11 am - 4 pm

**Đính chính**: Truyện của Phạm Thị Hoài đăng trong số này có tên *Sự Nghiệp. Những Xứ Tuyết* thay vì *Đồng Nghiệp. Những Cái Tên* như đã ghi ở ngoài bìa. Chân thành xin lỗi tác giả và quý độc giả.

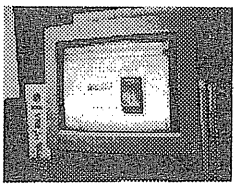

## Thư trên lưới

**Thuong Thu Ly** <ttly@cslink.net.au>: Đã chuyển địa chỉ mới cho trị sự. Có gì lạ ở UAE kể cho bà con ở Mỹ nghe nhé. Thân chào.

**Ngô Tiến Dũng** <ngo@aol.com>: Đã gửi báo và thư để giải thích. Mong nhận tiếp. Kính.

**Trần Hữu Dũng** <gydiscover.wright.edu>: Chắc là bão tuyết đã làm chậm trễ đấy thôi. Tuy nhiên, trị sự đã gửi ngay số báo đó. Thôi, cứ chợp mắt đi, trước sau thế nào báo cũng tới mà! Thân chào.

**PhùngNguyễn** <nguyen@chiba.netxn.com>: Cám ơn bạn đã giới thiệu TK 21 với các bạn trẻ. Mong nhận được tin luôn. Thân ái.

**Dung Nguyễn** <dzung_N1ysfov1.verifone.com>: Gửi lời chào tới các bạn trong VHNT magazine trên lưới. Nếu có tin sinh hoạt ở các nơi, xin chuyển cho TK 21 nhé. Thân ái.

**Lê Tất Luyện** <frw4212@trt-philips.fr>: Đã "nghiên cứu" lại trường hợp ông NB. Quả là có sơ sót trong việc cập nhật danh sách. Đã gửi báo và điều chỉnh trong hồ sơ. Thăm anh chị và chúc vui.

**Anh Vũ** <avu5012948@aol.com>: Thử lần nữa với "attach" xem sao. Nếu được, sẽ rất tiện và nhanh đấy. Thân ái.

**Nguyễn Chung** <nguyen@ge.hydro.qc.ca>: Đã nhận được bài có ghi chú "để đọc chơi." Đã làm theo lời nhắn! Mong tin luôn. Thân ái.

**Dan Nguyen** guyen@iaccess.com.au: Hy vọng khi số báo này đến tay bạn thì Vietmedia đã giải quyết xong cho bạn cái thắc mắc về chữ Việt trên lưới rồi. Chúc vui.

## Hộp thư trị sự

PHAN MỸ SƯƠNG

**Độc giả gia hạn và độc giả mới:**

SBS Radio Sydney (AUSTRALIA), Võ Văn Nguyễn (W. Covina CA), Văn Thúc Cung (Mesquite TX), Hoàng Thái Phạm (Eden Prairie MN), Liên Hương Nguyễn (Garden Grove CA), Hoàng Trần Nguyễn (Portland OR), Lý Văn Nguyễn (Fresno CA), Lại Văn Du (San Jose CA), Bùi Thị Hồng Phúc (Quebec CANADA), Trà Lũ (Ontario CANADA), Lâm Thu Vân (Montreal CANADA), Nguyễn Bích (Paris FRANCE), Vương Trọng Tài (Calgary CANADA), Khanh Công Nguyễn (Des Moines WA), Từ Văn Đạt (New Hope MN), Phan Thị Trọng Tuyến (Ludres FRANCE), Quách Phương Hào (Houston TX), Đỗ Anh Tài (Rancho Cucamonga CA), Nguyễn Ngọc Kim (Telfort PA), Đặng Quốc Anh (San Jose CA), Toàn Trương (San Diego CA), Thích Minh Đức (Redwood CA), Nguyễn Tiến Du (Upland CA), Trần Đức Vượng (GERMANY), VIDI (GERMANY), Võ Hùng Hải (Geneve SWITZERLAND), Joseph N. Vinh (San Jose CA), Ngô Thị Thân (Chicago IL), Lê Ngọc Minh (La Habra CA), Phạm Thảo (Houston TX), Nguyễn Ngọc Lan (Santa Ana CA), Lư Nhất (San Diego CA), Trần Văn Thảo (Seattle WA), Trịnh Nghiêm Hồng (Wichita KS), Phạm Từ Linh (Garden Grove CA), Đinh Ngọc Loan (Brookline MA), Lê Minh Vân (Thousand Oaks CA), Lý Quý Kim (Omaha NE), Vương Trọng Nam (Reseda CA), Hứa Ban (Los Angeles CA), Trương Văn Lợi (San Jose CA), Mai Văn Hậu (Orlando FL).

**Lê Tường Loan** *(Houston TX)*: Đã gởi báo về địa chỉ mới từ số 84 (Tháng Tư, 1996). Thân.

**Võ Hùng Hải** *(Geneve SWITZERLAND)*: Dù chưa nhận được *mandat*, nhưng toà soạn vẫn gởi TK 21 đến ông từ số 83 (Tháng Ba, 1996). Kính.

**Hoàng Trần Nguyễn** *(Portland OR)*: Đã gởi báo đến ông theo cước phí *first class* . Cuốn VCM&QH do Văn Nghệ xuất bản, có bán tại các tiệm sách. Kính.

**Nguyễn Bích** *(Paris FRANCE)*: Tòa soạn đã điều chỉnh số báo gia hạn của ông đến Tháng Ba, 1997 (#95). Thành thật tạ lỗi về việc sai sót trong việc cập nhật danh sách khiến cho ông phải phiền lòng viết thư nhiều lần. Kính.

**Hoàng Chiều Nhân** *(Quebec CANADA)*: Đã gởi bổ túc đến ông NVT báo số 79, và cũng đã chuyển lời của ông TL đến ban biên tập. Thân kính.

**Nguyễn Văn Thịnh** *(Vic AUSTRALIA)*: Tập *Thơ Bùi Giáng* do Thế Kỷ xuất bản, giá US$8.00. Ông có thể gởi chi phiếu đặt mua sách về tòa soạn (thêm US$3.00 cước phí). Kính.

**Nguyễn Anh Tuấn** *(London ENGLAND)*: Đã nhận được *money order* gia hạn thêm 2 năm báo (đến số 102). Ban phát hành đã gởi báo Tháng Ba đến ông từ cuối Tháng Hai. Kính.

**Nguyễn Phi Hùng** *(Dortmund GERMANY)*: Đã gởi báo đến độc giả mới TĐV và Trung Tâm VIDI. Thân.■

# EO BIỂN ĐÀI LOAN NỔI SÓNG

NGÔ NHÂN DỤNG

Truyện Tam Quốc Chí mở đầu bằng ý niệm thiên hạ hợp rồi lại tan, tan rồi lại hợp. Hiện nay chỉ có hai chính phủ tự xưng là đại diện chính thống của Trung Quốc. Chính phủ Bắc Kinh chủ trương chỉ có một nước Trung Hoa, mà Đài Loan chỉ là một tỉnh. Đài Bắc cũng nói giống hệt như vậy. Cả thế giới mặc nhiên hoặc công khai đồng ý.

Khi thống chế Tưởng Giới Thạch còn sống, mỗi năm đến ngày quốc khánh ông nhắc lại lời thề "quang phục lục địa." Sau khi ông mất lời nguyền đó càng ngày càng ít khi được nhắc tới. Điều đó khiến chính quyền ở Bắc Kinh lo ngại. Vì nếu chính phủ Đài Loan không nói chuyện trở về Bắc Bình (tên gọi Bắc Kinh) và họ không còn tự coi họ là chính phủ của cả nước Tầu thì biết đâu họ đang muốn dân chúng làm quen với ý niệm hai nước, một bên là Trung Hoa, nước kia là Đài Loan? Mối lo ngại đó gây sóng gió tại eo biển Đài Loan trong tháng qua.

Bài này tường thuật lại các biến cố làm cho eo biển Đài Loan nổi sóng theo các hồi sau đây.

### Hỏa tiễn Tầu phóng thử ngoài khơi Mẫu hạm Mỹ tiến gần eo biển

Cuộc bầu cử trực tiếp Tổng Thống Trung Hoa Dân Quốc ngày 23 tháng Ba làm cho Bắc Kinh lo gấp bội. Vì bầu cử trực tiếp sẽ làm gia tăng uy tín và tính cách chính thống (thừa mệnh nhân dân) của chính phủ trên hòn đảo này. Biết đâu đó chẳng là một bước mở đầu để chờ ngày tuyên bố độc lập? Vì vậy Trung Quốc biểu diễn thử hỏa tiễn bắn từ Phúc Kiến sang ngoài khơi Đài Loan. Cuộc phóng hỏa tiễn bắt đầu ngày 8 tháng Ba, kéo dài một tuần. Đích nhắm là hai "hình vuông" cách hải cảng Cao Hùng, Tây nam Đài Loan, 30 hải lý, và cách hải cảng Kỳ Long, Đông bắc Đài Loan, 20 hải lý. Sau đó là một cuộc tập trận giả ở ngoài khơi Quảng Đông, phía Tây Nam Đài Loan.

Cuộc biểu diễn võ lực này được thông báo trước, làm cho đường hàng hải và hàng không qua vùng bị trở ngại. Máy bay đáp xuống quần đảo Okinawa của Nhật, cách Kỳ Long 500 cây số phía bắc, cũng phải đổi đường bay để tránh tai nạn. Trong vòng một tuần lễ coi như hai hải cảng bị phong tỏa, nếu tầu biển qua lại có thể làm cho giá bảo hiểm tăng lên. Tuy nhiên công ty bảo hiểm Loyd ở Anh cho biết họ chưa tăng giá, trừ khi chiến tranh xảy ra.

Nhưng liệu chiến tranh có thể xảy ra không? Ngay từ đầu đã không ai tin rằng chiến cuộc sẽ nổ. Mục đích của Trung Cộng chỉ là "nhắc nhở" dân Đài Loan đừng quên họ là một tỉnh của Trung Quốc. Nếu Trung Cộng tấn công thì chắc sẽ sa lầy.

Quân số Trung Quốc hiện nay là 3 triệu người, với 6,000 máy bay chiến đấu, 50 chiến hạm, 52 tầu ngầm, với ngân sách quốc phòng 7.48 tỷ Mỹ Kim (USD). Đài Loan có 376 ngàn quân tinh nhuệ, 450 máy bay, và 38 chiến hạm với 4 tầu ngầm. Trung Quốc có 87 hỏa tiễn liên lục địa, Đài Loan không có. Năm ngoái Đài Loan chi 9.55 tỷ USD về quốc phòng. Họ được Mỹ chuyển giao 150 máy bay F-16 của General Dynamic đã mua từ lâu, Mỹ chỉ giao hàng khi nghe tin Trung Cộng mới mua 24 máy bay tối tân SU-27 của Mga. Đài Loan cũng mới mua 60 Mirage 2000 của Pháp. Nếu Trung cộng tấn công thì họ khó lòng bình định một xứ 21 triệu dân mà không ai muốn sống dưới chế độ cộng sản. Không những thế họ còn bị cả thế giới ngăn lại.

Chính phủ Mỹ cảnh cáo Trung Cộng, gọi hành động diễu võ dương oai này là "vô trách nhiệm" và gây hấn vô ích. Bị quốc hội thúc bách, nhất là sợ bị công kích là quá mềm yếu với Bắc Kinh, trong một năm bầu cử Tổng Thống, chính phủ Clinton phải tỏ ra cứng rắn.

Clinton ra lệnh hai hàng không mẫu hạm tiến về phía eo biển Đài Loan. Mẫu hạm *Independence* tới bờ đông Đài Loan, cách bờ 200 dặm (320 cây số) cùng với các chiến hạm và tầu ngầm tùy tùng. Sau đó một tuần, mẫu hạm nguyên tử *Nimitz* cũng đến. Nghị sĩ Jesse Helm, chủ tịch ủy ban Ngoại giao Thượng Viện, một tay bảo thủ quá khích, yêu cầu chính phủ Mỹ phải trả lời bằng võ lực nếu Đài Loan bị tấn công.

Ngoại trưởng Trung cộng Tiền Kỳ Sâm phản đối, nói rằng Mỹ đừng quên Đài Loan thuộc lãnh thổ Trung Hoa, không phải là đất bảo hộ của Mỹ. Trong khi đó chính phủ Mỹ tiết lộ với báo chí rằng giới chức Trung cộng đã bảo đảm với họ là Bắc Kinh không hề có ý định tấn công sang Đài Loan. Việc tiết lộ này lập tức bị Trung Quốc phủ nhận. Chuyện tấn công hay không là việc "nội bộ" của Trung Quốc, đâu cần thông báo cho Mỹ?

Nhưng cũng trong thời gian này bộ quốc phòng Mỹ vẫn tiếp tục chuẩn bị tiếp đón đại tướng Trì Hạo Điền, bộ trưởng quốc phòng Trung Cộng, sẽ sang Mỹ vào giữa tháng Tư. Ngũ Giác Đài chỉ thắc mắc không biết nên tiếp ông Trì Hạo Điền theo nghi thức "thảm đỏ" hay chỉ "hơi hồng hồng" thôi. Ông ta sẽ đi thăm cả các cơ sở võ khí nguyên tử của Mỹ.

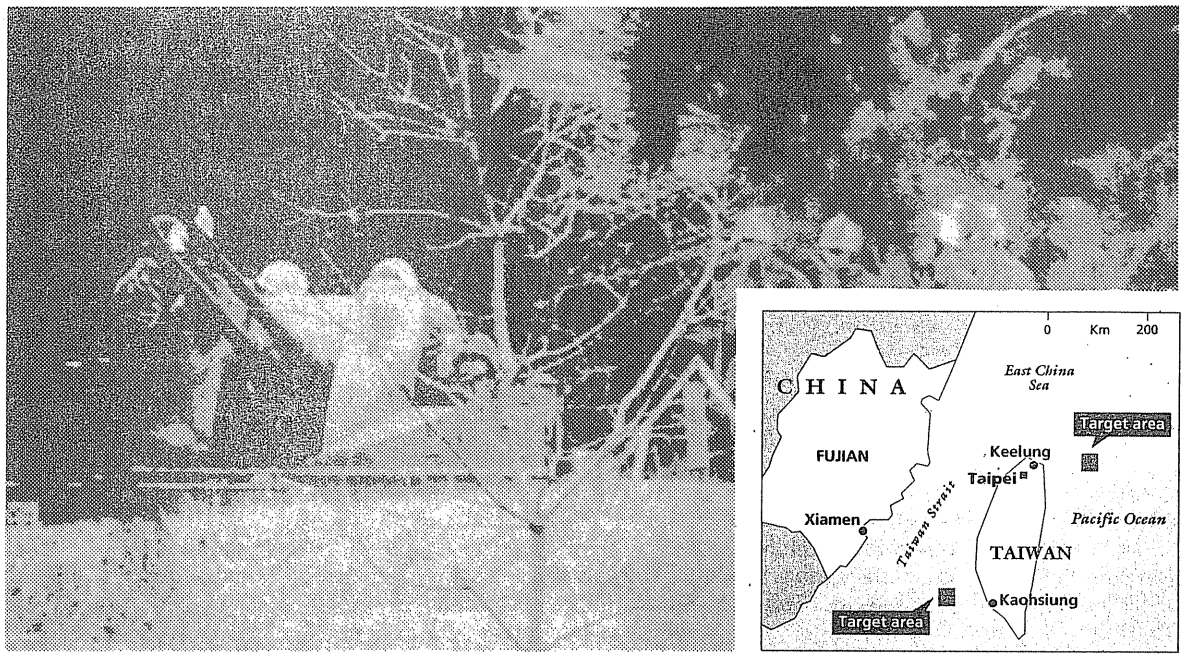


Các binh sĩ Đài Loan trên đảo tiền tuyến Kim Môn, ngay sát bờ biển Trung Quốc, đang tập luyện phòng không.

### Giang Trạch Dân sợ mất uy quyền
### Ngụy Kinh Sinh trong tù vẫn nói

Trung Quốc dùng lý lẽ rất mạnh mẽ bênh vực chuyện thử hỏa tiễn của họ. Nếu Mỹ công nhận Đài Loan thuộc lãnh thổ Trung Quốc thì tại sao lại phản ứng khi Trung Quốc thử hỏa tiễn trong phạm vi lãnh thổ của họ? Mỹ thử hỏa tiễn ở Alaska có ai phản đối không? Nhưng người ta cũng chú ý đến chi tiết. Thí dụ các hỏa tiễn bắn sang biển Đài Loan chỉ nhắm vào nơi ở ngoài "hải phận" mà Đài Loan công bố, theo đúng quy luật quốc tế. Hơn nữa, Bắc Kinh cũng báo tin cho Mỹ biết rất rõ chi tiết về địa điểm bắn hỏa tiễn và nơi tập trận. Chắc chắn khi Mỹ thử hỏa tiễn ở Alaska thì không báo cho nước nào biết cả. Thế mới biết ở đời cần phải khiêm tốn.

Trong năm qua Trung Quốc đã biểu diễn võ lực ba lần ở vùng này, mà lý do nội bộ của họ là chủ tịch Giang Trạch Dân muốn chứng tỏ cho phe quân sự ở Bắc Kinh biết ông cũng cứng rắn như họ. Tháng Sáu năm ngoái việc Mỹ cấp chiếu khán cho tổng thống Đài Loan Lý Đăng Huy đã bị phe tướng lãnh coi là một thất bại của Giang Trạch Dân vì ông này không phản đối mạnh mẽ cho đủ, lại quá tin vào lời hứa hão của ngoại trưởng Mỹ, Warren Christopher.

Giang Trạch Dân đang phải lo củng cố thế lực, đối đầu với các lãnh tụ khác, tất cả đang chờ ngày Đặng Tiểu Bình tạ thế coi ai sẽ là tay nhiều quyền nhất. Các đối thủ của ông ta có thể là Kiều Thạch, Lý Bằng, v.v... Trong tháng Ba, Giang Trạch Dân bị thất thế khi tướng chỉ huy Công An Võ Trang bị cất chức. Tướng Ba Trung Đoàn thuộc "phe Thượng Hải" cùng Giang Trạch Dân, chịu trách nhiệm về vụ giết một đại biểu quốc hội, vì việc bảo vệ yếu nhân là do công an của ông ta phụ trách. Ngược lại, Giang Trạch Dân cũng thắng thế khi cách chức hai tỉnh trưởng Tứ Xuyên và Quảng Đông, cả hai thuộc khuynh hướng "Đổi Mới nhanh" cùng với Kiều Thạch và Dương Thượng Côn.

Lý Bằng cũng thuộc phe cứng rắn và chủ trương "Đổi Mới chậm." Trước việc Mỹ gửi hàng không mẫu hạm đến Đài Loan, Lý Bằng lên tiếng cãnh cáo có tính chất mạnh mẽ nhất. Ông nói Mỹ phải từ bỏ ý định dùng võ lực bắt các nước khác theo ý của Mỹ. Chỉ huy trưởng hải quân Trung Cộng tuyên bố sẽ đẩy lui các hạm đội thù nghịch.

Năm 1972 sau khi Nixon viếng thăm Trung Quốc, thông cáo Thượng Hải xác nhận chỉ có một nước Trung Hoa, nhưng Mỹ hứa tôn trọng quy tắc đó "nếu Trung Quốc không thống nhất Đài Loan bằng võ lực." Năm 1979 khi Tổng Thống Jimmy Carter công nhận chính thức và trao đổi đại sứ với Bắc Kinh, Quốc Hội Mỹ ra một quyết nghị theo đó Mỹ sẽ tiếp tục cung cấp võ khí để Đài Loan đủ sức phòng thủ khi bị tấn công.

Chính sách ngoại giao của Mỹ xưa nay vẫn mập mờ, từ năm 1949 đến nay. Họ không bao giờ nói "bất can thiệp," vì như vậy là khuyến khích Trung cộng tấn công. Họ cũng không nói "bảo vệ đến cùng" vì sợ Tưởng Giới Thạch liều lĩnh tấn công lục địa hoặc chính phủ Đài Bắc tuyên bố độc lập, chọc giận Bắc kinh. Chính sách này được cả hai đảng ở Mỹ theo đuổi.

Trong khi bên ngoài đang xôn xao thì Ngụy Kinh Sinh, nhà trí thức Trung Quốc đang bị tù cũng có dịp lên tiếng. Một bản tuyên bố của Ngụy Kinh Sinh viết từ trước đã được báo chí Hoa kiều hải ngoại đăng, sau được các báo Tây phương đăng lại, công bố lập trường của ông. Ngụy Kinh Sinh

nói rằng không thể so sánh việc tiếp thu Hồng Kông năm 1997 với việc thống nhất Đài Loan. Trong khi Hồng Kông là nhượng địa được người ngoại quốc trả lại cho Trung Quốc thì Đài Loan không phải như vậy. Đài Loan lúc nào cũng vẫn thuộc Trung Quốc, nhưng do một chính phủ đối lập với Bắc Kinh cai trị. Việc thống nhất, do đó phải đặt trên căn bản là việc lựa chọn một chính thể cho cả nước Trung Hoa. Người dân Trung Hoa muốn lựa chọn cách tổ chức chính trị nào? Đó là câu hỏi căn bản. Do đó, chỉ bàn chuyện thống nhất nếu dân chúng trong lục địa được hỏi ý kiến, nghĩa là khi đã dân chủ hóa Trung Quốc!

Tổng Thống Lý Đăng Huy

Đó cũng là ý kiến của ông Lý Đăng Huy, đương kim tổng thống Trung Hoa Dân Quốc. Ông nói chỉ khi nào Trung Hoa thành dân chủ và tiến bộ đủ về kinh tế thì việc thống nhất mới có lợi cho cả hai vùng. Mao Trạch Đông cũng từng nói rằng nếu cần thì chờ 100 năm tính chuyện thống nhất cũng chưa muộn. Đặng Tiểu Bình còn nhìn xa hơn, ông cho con số 1,000 năm.

Năm 1972 sau khi tiếp Nixon, Mao Trạch Đông nói ngày mai báo chí Trung Cộng sẽ tiếp tục chửi Mỹ, để dân đọc thôi, yêu cầu Mỹ thông cảm. Ông cũng nói Nixon cứ ra lệnh báo Mỹ chửi Trung Quốc như thường lệ, không cần thay đổi. Hoàng đế đỏ không hiểu rằng Nixon chẳng có quyền ra lệnh cho các báo *Washington Post* hay *New York Time*!

Năm nay hai phía Bắc Kinh và Washington cũng lâm chiến bằng võ miệng như vậy. Chỉ khác là lần này võ miệng đi đôi với chuyện biểu diễn hỏa tiễn và hàng không mẫu hạm. Nhưng cả hai cũng đều nhắm vào gây ảnh hưởng ở trong nước họ mà thôi. Giang Trạch Dân cần lấy lòng các tướng lãnh còn Clinton thì đang lo tranh cử.

Không biết có phải vì được vụ xung đột Đài Loan gợi hứng hay không mà Cộng Sản Việt Nam và Campuchia cũng lời qua tiếng lại về biên giới. Cũng trong thời gian đó, một cuộc "hội thảo về quốc phòng" được tổ chức có 37 nước tham dự ở Bangkok, do Mỹ và Thái Lan đứng mời. Đài Loan không có mặt.

### Ba người Hẹ lừng danh thế giới
### Lý Đăng Huy du học Hoa Kỳ

Con người làm cho Trung Cộng tức giận và làm cho eo biển Đài Loan nổi sóng là Lý Đăng Huy, tổng thống Trung Hoa Dân Quốc. Nếu không vì ông Lý ứng cử, và chắc chắn thắng cử ngôi tổng thống ở Đài Loan, thì có lẽ Trung Cộng không có các luận điệu hiếu chiến và diễu võ dương oai tháng qua. Trung Cộng muốn cảnh cáo dân Đài Loan đừng bỏ phiếu cho tổng thống họ Lý. Nhưng kết quả họ chỉ làm cho dân Đài Loan ủng hộ ông mạnh hơn. Trung cộng nói rằng bầu cho Lý là ủng hộ khuynh hướng đòi độc lập cho Đài Loan tách khỏi Trung Quốc. Nhưng trong ba ứng cử viên mạnh nhất ông Lý không hề nói theo chủ trương đó. Ứng cử viên Bành Minh Dân thuộc đảng Dân Tiến mới đòi độc lập, mà số phiếu bầu cho ông ta rất ít.

Sinh năm 1923 ở một ngôi làng ngoại ô Đài Bắc, ông Lý Đăng Huy là người đầu tiên sinh ở hòn đảo này giữ địa vị tối cao của chính phủ Trung Hoa Dân Quốc. Đó là một lý do khiến Bắc Kinh muốn phá. Chính phủ THDQ ở Đài Bắc từ trước vẫn do một nhân vật sinh trưởng ở lục địa cầm đầu, từ thống chế Tưởng Giới Thạch trở xuống. Nếu họ tuyên bố chủ trương "một nước Trung Hoa," mà Đài Loan chỉ là một tỉnh, thì Bắc Kinh tin rằng họ thật sự nghĩ vậy. Phong trào Đài Loan độc lập tạo nên ảnh hưởng mạnh nhất trong số người "bổn xứ," sinh ra ở Đài Loan như Lý Đăng Huy. Ông Lý nói chủ trương thì giống các tổng thống tiền nhiệm, nhưng Bắc Kinh không tin trong lòng ông nghĩ vậy.

Tổ tiên Lý tổng thống gốc người Hẹ từ lục địa qua. Trên thế giới hiện có ba người Hẹ rất nổi danh, nắm quyền trực tiếp hay gián tiếp. Đó là Lý Đăng Huy, Lý Quang Diệu, và Đặng Tiểu Bình. Họ Đặng bây giờ chỉ còn uy quyền ở hậu trường. Chức vụ duy nhất của ông từ mấy năm nay là chủ tịch hội chơi bài Bridge toàn quốc. Lý Quang Diệu cũng chỉ đóng vai một bộ trưởng ở Singapore. Ông Lý Quang Diệu thường đọc *Luận Ngữ*, thích đề cao thuyết chính danh (xem *Sổ Tay* số này). Đặng Tiểu Bình cũng giống như Mao Trạch Đông, lấy *Tư Trị Thông Giám* của Tư Mã Quang làm sách gối đầu giường. Còn Lý Đăng Huy thường đọc *Sử Ký* của Tư Mã Thiên.

Lý Đăng Huy sinh ra trong thời Đài Loan bị Nhật đô hộ. Đảo Đài Loan bị nhường cho Nhật sau khi nhà Thanh thua trận chiến 1896, một mối nhục người Trung Hoa chưa quên. Sau 1945 Đài Loan trả lại cho Trung Quốc. Ông Lý đã học trường trung học do người Nhật lập ra. Sau ông lại du học Nhật Bản, tại trường Đại Học danh tiếng Kyoto,

nơi đào tạo giới ưu tú của nước Nhật. Ông nói thông thạo tiếng Nhật trước khi học nói tiếng Quan Thoại, quốc ngữ chính thức của Trung Hoa, trong lục địa gọi là tiếng phổ thông.

Như vậy cũng chưa kể hết các lý do khiến Trung Cộng dè dặt về Lý Đăng Huy. Bắc Kinh nghi ngờ hơn nữa vì từ mấy năm nay ông Lý tìm đủ cách nâng cao địa vị của Đài Loan trên trường quốc tế. Tuy phần lớn các quốc gia trên thế giới đều công nhận chủ trương "một nước Trung Hoa" và chính thức giao thiệp với Bắc Kinh, nhưng họ vẫn giữ liên lạc thương mại với Trung Hoa Dân Quốc, và đặt các văn phòng đại diện một cách bán chính thức. Gần đây Đài Loan càng ngày càng tăng số văn phòng đại diện ở khắp thế giới. Họ còn tính mua bằng tiền, mặc cả cho Liên Hiệp Quốc một tỷ USD nếu nhận Đài Loan trở lại tổ chức này — cái ghế họ mất cho Bắc Kinh năm 1979. Bắc Kinh nghi rằng Hoa Thịnh Đốn dính vào âm mưu đó. Họ cố ý quên rằng các dân biểu Mỹ tha hồ cổ động chuyện đó nhưng chính sách của nước Mỹ lại khác.

Hành động gây sôi nổi nhất là vụ ông Lý Đăng Huy sang Mỹ tháng Sáu năm 1995. Lúc đầu bộ ngoại giao Mỹ không chịu cấp chiếu khán cho ông, dù với tính cách tư nhân đi du lịch. Ông Warren Christopher bây giờ là ngoại trưởng, hồi năm 1979 đã dẫn một phái đoàn qua Đài Bắc giải thích vụ Mỹ thừa nhận Trung Cộng, và bị ném đá và cà chua. Chắc ông ta chẳng có ý định cấp chiếu khán, như chính ông đã hứa với Tiền Kỳ Sâm. Nhưng vì quốc hội Mỹ làm áp lực với Clinton, nên chính phủ Mỹ cho phép ông Lý Đăng Huy vào Mỹ du lịch, đến thăm viếng đại học Cornell, nơi ông tốt nghiệp tiến sĩ về kinh tế nông nghiệp năm 1967. Ông Lý nói đùa: "đi Cornell mà khó như lên mặt trăng!" Vụ Cornell gây sóng gió cho đến bây giờ.

Ông Lý Đăng Huy vẫn chủ trương phải dân chủ hóa Đài Loan. Lý tưởng dân chủ đó, ông nói đã học được trong thời gian theo học ở Cornell. Đó là những năm khi nước Mỹ đang sôi động về các cuộc tranh đấu cho dân quyền và chống chiến tranh Việt Nam. Cảnh tượng đó khiến ông thấy một xã hội muốn tiến bộ phải cho người dân lên tiếng tự do. Chỉ có cách đó mới thay đổi được chính sách quốc gia, một cách hòa bình không đổ máu.

Về nước năm 1967, Lý Đăng Huy tham gia chính phủ từ năm 1972, với chức quốc vụ khanh. Sau khi Thống chế Tưởng Giới Thạch mất năm 1975, Lý Đăng Huy được Tưởng Kinh Quốc ủng hộ, trở thành Đô Trưởng Đài Bắc, Thống Đốc tỉnh Đài Loan, rồi làm Phó Tổng Thống. Khi ông Tưởng Kinh Quốc mất năm 1988, Lý Đăng Huy lên thay.

Việc bầu cử năm nay có một ý nghĩa đặc biệt. Chức vụ Tổng Thống THDQ xưa nay vẫn do đảng chiếm đa số trong quốc hội cử ra và quốc hội chấp thuận. Năm nay là lần đầu tiên chức vụ đó do dân bầu trực tiếp, vì vậy uy tín người được bầu sẽ tăng lên gấp bội. Có ba ứng cử viên mạnh nhất nên rất sôi nổi. Cuộc bầu cử này, ông Lý tuyên bố, là biến cố vĩ đại trong 5,000 năm lịch sử Hán Tộc!

### Ngô Nghi chìa sẵn bốn tỷ đô
### Clinton xin giữ tối huệ quốc

Trong khi mặt trận quân sự và ngoại giao sôi nổi thì mặt trận kinh tế vẫn yên tĩnh. Đầu tháng Ba, hãng Boeing ở Mỹ báo tin sẽ tuyển thêm 10 ngàn nhân công. Năm năm qua họ chỉ sa thải bớt người. Năm ngoái, hãng McDonnell Douglas, cũng sản xuất máy bay, đã tuyển mộ thêm nhân viên tại nhà máy ở vùng Long Beach, California. Cả hai tin mừng đó đều liên quan đến các đơn đặt mua hàng của Trung Quốc. Trong lúc hỏa tiễn Trung Cộng đang bắn qua bờ biển Đài Loan thì bà bộ trưởng Mậu Dịch Quốc Tế Ngô Nghi tiết lộ sắp sang Mỹ với các đơn đặt hàng cụ thể. Họ sẽ mua 3 tỷ hàng của Boeing và một tỷ của McDonnell Douglas.

Tất nhiên chính sách ngoại giao của Mỹ không phải chỉ tùy thuộc vào các đơn đặt hàng cho các hãng làm máy bay này, hoặc các hãng IBM, Chrysler, GM, v.v..., đang đầu tư vào Trung Quốc. Ngược lại, Chính phủ Bắc Kinh cũng không thể bỏ qua các mối lợi khi mua, bán hàng với Mỹ, nhất là mua các **hiểu biết kỹ thuật** của các xí nghiệp Mỹ, trong đó có cả kỹ thuật sản xuất võ khí chiến lược.

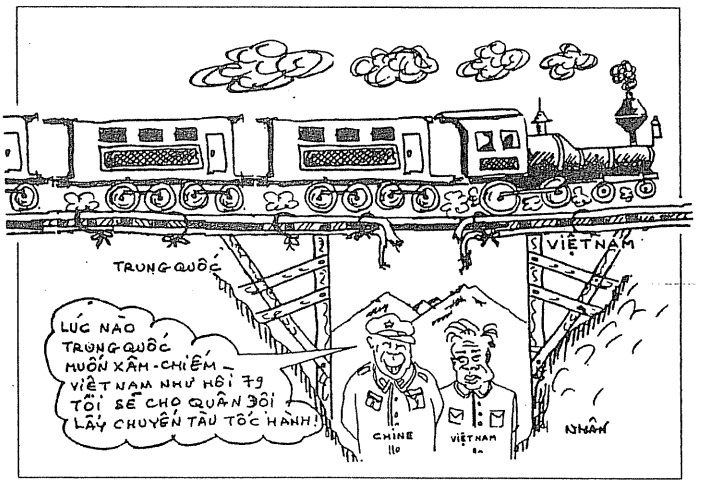


Năm ngoái McDonnell đã bán cho Trung Quốc một loại dụng cụ tối tân, do một xí nghiệp ở Bắc Kinh đứng mua. Loại dụng cụ này, gọi là "five axes" chỉ McDonnel có mà thôi, đi cùng với cả một nhà máy của hãng đó, tháo ra chở tầu thủy sang Trung Quốc. Sau người ta biết cái xí nghiệp ở Bắc Kinh đó không có thật. Giấy bán hàng được đổi sang một xí nghiệp Thượng Hải cho hợp lệ, để lập nhà máy sản xuất bộ phận cho máy bay phản lực MD-90 và MD-95 ở Thẩm Dương. Nhưng đầu tháng Hai vừa qua người Mỹ mới biết nhà máy Thẩm Dương cũng hợp tác với Nga sản xuất phản lực cơ chiến đấu SU-27, thuộc loại tốt nhất thế giới, hơn

cả F-16 mà Mỹ bằng lòng chuyển cho Đài Loan trong năm 1995. Không rõ những dụng cụ tối tân của McDonnell có được dùng để chế SU-27 hay không.

Nhưng khi hai hàng không mẫu hạm Mỹ kéo tới eo biển Đài Loan, thì chính phủ Clinton vẫn tuyên bố không thay đổi ý định xin quốc hội Mỹ gia hạn quy chế tối huệ quốc (MFN) cho Trung Hoa, vào tháng Sáu này. Trong khi đó, Ủy ban chính sách tại Hạ Viện của đảng Cộng Hòa đã tuyên bố Mỹ nên chấm dứt quy chế MFN đó. Ngoài vấn đề Đài Loan, Trung Cộng còn bị than phiền là đã bán kỹ thuật làm võ khí hạt nhân cho Iran và Pakistan, Trung cộng cũng chưa hết sức trừ nạn làm hàng giả của Mỹ, như đĩa CD, nhu liệu điện toán.

Mặt trận kinh tế Mỹ Hoa vẫn yên tĩnh. Nhưng còn mặt trận giữa Lục địa và Đài Loan thì sao? Trong lúc hỏa tiễn Trung cộng bắn sang ngoài khơi hai hải cảng lớn nhất, Kỳ Long và Cao Hùng, thì bộ trưởng ngoại thương Ngô Nghi cũng tìm cách trấn an các nhà tư bản. Bà tuyên bố Trung quốc vẫn tiếp tục buôn bán, và đón nhận vốn của tư bản Đài Loan vào đất liền, không thay đổi.

### Đài Bắc lo bảo vệ thị trường<br>Bắc Kinh cần trấn an tư bản

Tháng Giêng vừa qua số vốn nước ngoài đầu tư vào Trung Quốc giảm bớt 27% so với tháng Giêng năm trước. Hiện nay có 100 triệu nông dân Trung Quốc đang ra thành phố tìm việc làm. Số nhân dụng thặng dư này phải được tiếp nhận vào các nhà máy. Nhưng trong lúc đó thì phần lớn các xí nghiệp quốc doanh thì vẫn thiếu hiệu năng, cần bao cấp. Trung Quốc mà thiếu vốn đầu tư, không có thêm nhà máy và kỹ thuật của nước ngoài, không xuất cảng được hàng, thì hậu quả kinh tế và xã hội rất đáng lo ngại.

Ngay khi Trung Cộng tuyên bố thử hỏa tiễn, thị trường chứng khoán Đài Bắc đã xuống, rồi lại lên, rồi lại xuống, nhưng cuối cùng vẫn không bị khủng hoảng. Đài Bắc đã kêu gọi các công ty tài chánh, hãng bảo hiểm, quỹ hưu bổng dành riêng một quỹ để giữ giá các cổ phần. Quỹ này có 7.2 tỷ USD (200 tỷ Nguyên, tiền Đài Loan) do các công ty góp lại trên căn bản "tự nguyện." Họ cũng tình nguyện không bán ra nhiều cổ phần quá trong thời gian này.

Nhưng dân chúng Đài Loan thì vẫn tự do lo sợ, hoảng hốt. Một phản ứng của họ là rủ nhau kéo tới các ngân hàng đi mua đô la Mỹ. Ngân Hàng Bank of America phải thuê máy bay chở đô la từ Mỹ sang Đài Bắc (nhiều người ở miền Tây Hoa Kỳ đang lo giá nhà cửa sẽ lên vì những đô la được chuyển từ Đài sang có thể sẽ đem mua bất động sản.) Nhưng trong suốt thời gian đó tiền vẫn giữ vững giá 27.5 Nguyên một đô la. Vũ khí của chính phủ Trung Hoa Dân Quốc là kho dự trữ ngoại tệ 89 tỷ USD, đứng hàng nhì trên thế giới sau nước Nhật. Trong ba ngày đầu tiên khi Trung Cộng bắn thử hỏa tiễn, chính phủ bỏ ra khoảng 2 tỷ USD, mua tiền bản xứ để nâng giá. Năm ngoái quỹ dự trữ của Đài Loan có lúc lên tới 104 tỷ USD. quỹ dự trữ của lục địa hiện nay là 74 tỷ.

Trung quốc không dại gì đánh nhau với Đài Loan về kinh tế. Các xí nghiệp Đài Loan đã bỏ vốn vào lục địa, con số lên đến 24 tỷ USD, với 25 ngàn xí nghiệp phần lớn ở các tỉnh phía Nam. Trong lúc hỏa tiễn từ bờ biển Phúc Kiến bắn đi thì công nhân Phúc Kiến và Quảng Đông vẫn làm việc cho các chủ nhân Đài Loan.

Mậu dịch cũng tăng lên đều đều. Trong năm 1995 Đài Loan xuất cảng sang lục địa gần 25 tỷ USD hàng hóa, so với năm trước đã tăng 4.9%. Hàng Trung Quốc bán sang Đài Loan tăng 38% trong năm ngoái, lên 3.1 tỷ. Nhưng mối lợi quan trọng cho lục địa chính là sự chuyển giao kỹ thuật, nhất là kỹ thuật quản lý. Thiếu các hiểu biết kỹ thuật mới thì việc xuất cảng của Trung Quốc sẽ tiến chậm hơn nhiều.

Nếu vụ căng thẳng trên eo biển Đài Loan biến thành một cuộc phong tỏa thì Trung Quốc sẽ bị thiệt hại rất nhiều. Không những Đài Loan sẽ ngưng buôn bán và đầu tư vào lục địa, mà các nước chung quanh, các nước Tây Phương cũng sẽ phải ngưng các dự án buôn bán và đầu tư. Trong năm 1995 số đầu tư ngoại quốc vào lục địa là 27.7 tỷ, giúp quỹ dự trữ ngoại tệ tăng lên 22 tỷ USD. Các nhà đầu tư không sợ chiến tranh xảy ra trên lục địa, nhưng sợ các "rủi ro chính trị." Một chính phủ hiếu chiến, bất chấp nhân quyền, bất chấp các quy luật quốc tế thì không thể tin cậy họ sẽ giữ các lời hứa và giao kèo với tư nhân ngoại quốc được. Trung Cộng không thể để cho người ta nhìn Bắc Kinh như thời Mao Trạch Đông nữa.

Khi chúng tôi viết bài tường trình này thì Đài Loan chưa bầu cử. Cuộc tập trận của Trung Quốc sẽ kết thúc khi bầu cử xong. Một hậu quả bất ngờ của không khí căng thẳng là óc bài Mỹ của người Hoa ở Hồng Kông và Đài Loan gia tăng. Các tờ báo Hoa ngữ ở Hồng Kông, sau khi chỉ trích các hành động gây căng thẳng của Bắc kinh, đã đả kích việc Mỹ đem mẫu hạm tới vùng này. Họ cho là Mỹ chỉ khiêu khích làm Trung Cộng mất mặt, tức tối hơn chứ không ích lợi gì cả. Một nhật báo ở Đài Loan thì đăng trang "quảng cáo có trả tiền" nhắc lại cả hình ảnh quân nhân Mỹ khi còn đóng ở Đài Loan, với câu hỏi "Còn nhớ quá khứ khi lính Mỹ đầy các bar rượu... Các đứa em gái, con gái của chúng ta... Danh dự đâu mất rồi?" Chính phủ Đài Bắc trong thời gian căng thẳng nhất vẫn tuyên bố sẽ nối lại các cuộc đàm phán về thống nhất với Bắc Kinh, sau cuộc bầu cử tổng thống.

Các biến cố sẽ còn tiếp diễn cho đến ngày Đặng Tiểu Bình qua đời, và cuộc tranh giành quyền lực ở Bắc Kinh kết thúc. Cho nên, giống như trong tiểu thuyết chương hồi, quý vị phải chờ coi các hồi sau mới rõ. Hồi sau có thể mang tựa đề là:

*Đài Loan Lý tổng thống tái cử*
*Bắc Kinh Đặng nguyên soái từ trần.*

# "VIẾT CHO MẸ VÀ QUỐC HỘI": MỘT SỬ LIỆU QUAN TRỌNG

TÔN THẤT THIỆN

Đối với thường dân, và ngay cả đối với đại đa số đảng viên, Đảng Cộng Sản là một cấm cung kiểu chế độ vua chúa Á Đông. Sau những hào sâu, tường cao, cửa dày có lính gác cẩn mật, không ai biết được vua và quan của triều đình đang làm gì, và dự định gì. Riêng về ĐCS Việt Nam thì báo chí và trí thức thiên tả của Tây phương hằng nói với giọng có vẻ sợ sệt vừa khâm phục tính cách kỷ luật triệt để và "nhất trí như một tảng đá không có rạn nứt" (monolithique) của nó và uy thế tuyệt đối của ông Hồ Chí Minh trong đảng đó. Dân nghe vậy, tin vậy. Nhưng sự thực thì lại khác.

Gần đây, ĐCSVN bắt đầu mất tính cách "cấm cung" của nó, và hình ảnh của một đảng "nhứt trí như một tảng đá không có rạn nứt" cũng bắt đầu mất tính cách khả tin của nó. Những dữ kiện về các "ông lớn" của đảng và lề lối phong cách của họ đã bị những người trong cuộc tiết lộ dần dần, qua những tác phẩm của họ, qua những đơn thưa kiện về những vụ bất công, qua những tố cáo về cư xử vô nhân đạo, bất nhân bất nghĩa, của những lãnh tụ quyền thế của Đảng đối với những đảng viên trung kiên nhưng bất đồng ý kiến với họ.

Đứng đầu trong những tiết lộ kể trên có lẽ là tác phẩm *Mặt Thật* của Bùi Tín (*Mặt Thật*, Irvine, Saigon Press, 1993). Theo tôi biết, đây là lần đầu tiên bí mật nội cung của ĐCSVN được đưa ra ánh sáng. Tiếp theo là một loạt ấn phẩm có tính cách tố cáo những hành vi bất chính, thô bạo, trắng trợn bất chấp dân chủ và công lý, bất nhân, vô đạo đối với những cán bộ trung kiên đã hy sinh rất lớn để đưa Đảng lên địa vị ngày nay. Đó là những bản cáo trạng của những người mà nay tên tuổi rất quen thuộc với đại chúng: Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, Nguyễn Trung Thành, Lê Hồng Hà...

## Một sử liệu quan trọng

Gần đây nhứt, và phong phú nhứt, là tác phẩm của ông Nguyễn Văn Trấn, *Viết cho Mẹ và Quốc hội* (Westminster, CA, Văn Nghệ, 1995). Đây là sử liệu quan trọng nhứt từ trước đến nay về lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam vì ông Trấn là một đảng viên rất kỳ cựu của đảng đó (ông vào Đảng từ năm 1937), và đồng thời là một cán bộ cao cấp của nó đã giữ những chức vụ rất lớn trong Đảng và đóng một vai trò rất quan trọng trong hàng ngũ lãnh đạo đảng đó trong những giai đoạn lịch sử, như tổ chức cuộc cướp chính quyền ở Sài Gòn tháng Tám, 1945 và đại biểu Miền Nam tại Đại Hội II, đại hội then chốt của Đảng, năm 1951. Đặc biệt nhứt là ông N.V.Trấn là một nhân chứng ở một vị thế mà ít ai có được, và thêm vào đó, ông ấy có biệt tài viết rất rõ ràng, giản dị, lưu loát và hấp dẫn. Ngoài giá trị sử liệu của nó, *Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội* cũng là một tác phẩm rất có giá trị về phương diện văn chương.

Ông Trấn đã biết rất nhiều, vì ngoài việc ông đã nắm nhiều chức vụ và đóng nhiều vai trò quan trọng, ông còn có quen biết, và quen thân, tất cả những cán bộ cách mạng lão thành ở Miền Nam, và cán bộ cao cấp của Đảng trong toàn quốc. Cho nên tác phẩm có tính cách hồi ký của ông là một kho tàng cho những người tìm biết và hiểu bản chất và bản lĩnh của đảng đó.

Trong khuôn khổ một bài ngắn như bài này không thể đề cập đến tất cả những điểm rất quan trọng mà ông Trấn đã nêu ra. Tôi chỉ nói đến hai vấn đề mà tác phẩm *Viết cho Mẹ và Quốc hội* đã làm sáng tỏ. Một vấn đề liên quan đến bản chất của Đảng, đặc biệt là tính cách tai hại kinh khủng của "dân chủ tập trung." Một vấn đề thứ hai liên quan đến sự lãnh tụ của ĐCSVN khoe bản lĩnh và kể công lao của mình và lơ công lao của những người khác trong sự phục hồi độc lập của xứ sở.

## Dân chủ tập trung: Lê Đức Thọ lấn áp ông Hồ

Chúng ta đều biết rằng theo chủ thuyết lê-ni-nít/bôn-sê-vích đảng cộng sản phải là một đảng tổ chức như quân đội, theo một kỷ luật sắt và áp dụng triệt để nguyên tắc "dân chủ tập trung." Những chuyên gia về Lênin và chủ thuyết Lêninít nhấn mạnh rằng Lênin quan niệm "dân chủ tập trung" là sự tập trung toàn bộ quyền lực vào lãnh đạo, và cuối cùng, vào một người lãnh tụ. Ở cấp quốc tế, lãnh tụ đó là chủ tịch Đệ tam Quốc tế, đương nhiên là thủ trưởng Đảng Cộng Sản Nga — Lê-nin, rồi Stalin, và cứ thế cho đến Gorbachev, người cuối cùng — và ở cấp phân bộ quốc gia, người đó là thủ trưởng đảng cộng sản sở tại.

Ở Việt Nam, trong một thời gian rất lâu, vì bị ảnh hưởng của tuyên truyền của ĐCSVN, mà hiệu lực gia tăng qua sách báo của những giới thiên tả ngoại quốc, người Việt tin rằng ông Hồ Chí Minh là lãnh tụ thật sự của ĐCS và nước Việt Nam. Những tiết lộ cục bộ của Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, về sự im lặng của ông Hồ trong vụ

"xét lại" — mà họ và không không biết bao nhiêu cán bộ trung kiên và cao cấp của Đảng là nạn nhân — làm cho người ta nghĩ rằng ông Hồ cũng đồng tình với Lê Đức Thọ và nhóm theo Trung Cộng hồi đó. Nhưng, nay, qua những tiết lộ của ông N.V.Trấn, ta thấy quyền lực trong Đảng, vì một cách áp dụng nào đó, đã thực sự rơi vào tay Lê Đức Thọ và bè lũ của y. Ông Trấn đã thuật lại tiết lộ của Bùi Công Trừng, cũng là một cán bộ cao cấp quan trọng bị thanh trừng trong vụ "xét lại," tại buổi họp then chốt thứ chín của Trung ương Đảng vào cuối năm 1963: *ông Hồ tuy chủ trì buổi họp mà lại ngồi ngó ra sân, và giơ tay xin nói nhiều lần bị Lê Đức Thọ gạt đi không cho nói* (xem trang 326-330). Và như ta biết, qua Hoàng Minh Chính và Đỗ Trung Hiếu, ngay cả trợ lý của ông, là Vũ Đình Huỳnh, khi bị tố, nhìn qua ông để kêu cứu, thì ông lại quay mặt chỗ khác lờ đi. Đó là vì ngay cả ông ta cũng sợ Lê Đức Thọ. Và cũng theo Hoàng Minh Chính, sau 1963 ông Hồ chẳng còn quyền lực quyền hành gì, chỉ ngồi chơi xơi nước *(Ngày Nay, 15/1/1996).*

Nguyễn Văn Trấn

Những dữ kiện trên đây chứng minh rất rõ ràng sự thực sau đây: nguyên tắc "kỷ luật sắt" kèm với nguyên tắc "dân chủ tập trung" áp dụng đúng theo Lê-nin chủ trương đã đưa đến sự một cá nhân tiếm toàn quyền đảng, trong đó có cả quyền sinh tử, tù đày, cất chức, bỏ đói, hành hạ bất kỳ ai, kể cả đảng viên kỳ cựu và trung kiên, mà không cần đếm xỉa gì đến luật pháp của nước cũng như nội quy của Đảng!

Thật là kinh khủng! Ngoài ông Hồ, ta còn biết thêm rằng Thủ tướng và Chủ tịch nước Việt Nam cũng phải than phiền chẳng có quyền hành gì! Ông Phạm Văn Đồng than thở khi vào Nam: *"ce n'est pas moi qui décide!"* ("Quyền quyết định không phải trong tay tôi" — nghĩa là: nó ở trong tay người khác. Ai? Lê Duẩn, hay đúng hơn: Lê Đức Thọ) (xem sách, trang 243). Ở một dịp khác, ông P.V.Đồng than thở là "mình muốn làm gì họ cũng không cho làm." Rồi ngay cả ông Tôn Đức Thắng cũng phải thốt ra một câu bất hủ. Vì tính cách bất hủ này nên tôi xin trích nguyên văn của sách: *"Đụ mẹ, tao cũng sợ nó, mày biểu tao dám nói cái gì?" (xem trang 267).*

## "Họ" và "nó" là ai?

"Họ" của ông P.V.Đồng, "nó" của ông Tôn Đức Thắng là ai, mà quyền lực ghê gớm thế? "Họ" còn cao hơn Thủ tướng, và ngay cả Chủ tịch nước cũng phải sợ "Nó." Như thế thì trong toàn quốc, toàn Đảng còn ai dám ngoe ngoe gì? Nhiều đảng viên kỳ cựu khác cũng có nói đến sự sợ sệt làm cho mình tê liệt, cứ sợ sợ hở. Như Vũ Cẩn chẳng hạn. Người cộng sản kiểu mẫu này đã phải "luôn tâm niệm giữ mình, viết lách công khai đúng như những chuẩn mực của "chủ nghĩa hiện thực phải đạo, nói năng và ứng xử như kinh sách dạy, để bố và cả gia đình yên thân." (xem "Thơ gởi các con" trong *Thông Luận* số 67, tháng Một năm 1994). Còn cán bộ, đảng viên, công chức đi dự hội nghị thì phải nói ngược những gì mình nghĩ thực sự để tránh tai họa cho bản thân. Như Tướng Trần Độ nói: về những báo cáo, phát biểu công khai ở các cuộc mít tinh, hội thảo, học tập "không nên chủ quan dựa vào đó vì những người nói ở đây (có khi là tất cả) không nói được những *ý kiến trung thực* của mình." Tại sao? Vì "mọi ý kiến khác với lãnh đạo đều bị coi là sai lầm, có khi bị đẩy sang phía "kẻ thù" để rồi những người có ý kiến ấy bị đàn áp như "kẻ thù"." ("Góp ý kiến về Đại Hội VIII." *Diễn đàn,* số 46, 11/1995). Và, như ông N.V.Trấn nói: "thân phận đảng viên bị người nhơn danh "dân chủ tập trung" mà coi như kiến cỏ..." (xem trang 231)

"Dân chủ tập trung" đã, và đang, đưa nước Việt Nam vào một tình trạng lụn bại tụt hậu nhục nhã. Nhiều đảng viên đã lên tiếng, và chính ông N.V.Trấn cũn đã nhấn mạnh điều này, như đã nói ở một đoạn trên. "Dân chủ tập trung" cũng đã, và đang, làm cho dân chúng chán ngán về ĐCSVN và làm cho đảng viên của đảng đó trở thành kiến cỏ. Nó đã, và đang, cản trở đường tiến của dân tộc, và đường thoát của ĐCSVN ra khỏi thế kẹt hiện tại, làm cho đảng đó bị dân chúng hờn oán, phỉ nhổ. Tất cả những tệ hại đó, chỉ để cho một cá nhân và bè lũ thao túng, bất chấp hậu quả cho xứ, cho dân, và cho chính ngay ĐCS.

Ngày nào mà các đảng viên cán bộ sáng suốt và lương thiện của Đảng còn ủng hộ quan điểm

phải bám vào "dân chủ tập trung" như nguyên tắc chỉ đạo bất di bất dịch của Đảng thì ngày đó tình trạng nói trên vẫn tồn tại, và mang tai hại lớn cho dân tộc, và cho chính họ. Vậy họ cần suy nghĩ chính chắn và có những thái độ và biện pháp thích nghi, đặc biệt là đòi dẹp bỏ cái phương thức "dân chủ tập trung" đó đi và thay thế nó bằng phương thức dân chủ đa số, để có thể thay đổi tình trạng bế tắc kinh khủng mà dân tộc Việt Nam cũng như họ là nạn nhân oan uổng. Nhờ ông N.V.Trấn chúng ta thấy rõ thêm vấn đề này.

## Vấn đề bản lĩnh và công lao ĐCSVN

Vấn đề thứ hai xuất phát từ sự tự đắc và kiêu ngạo của các lãnh tụ ĐCSVN. Họ không ngớt ca ngợi công lao của mình trong sự phục hồi độc lập cho xứ sở. Không những họ luôn luôn hạ giá những phong trào tranh đấu cho độc lập và những lãnh tụ của các phong trào đó — Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Đề Thám, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học v.v. và họ tránh nhắc tới sự đóng góp của những đảng phái hay thành phần đã liên kết và sát cánh với họ trong cuộc đấu tranh dành độc lập cho sứ xở, ví dụ Đảng Dân Chủ, Đảng Xã Hội, và các lãnh tụ của các đảng đó. Họ hoàn toàn không nhắc tới những đảng này và lãnh tụ của nó khi nói đến lịch sử đấu tranh giành độc lập.

Phần khác, họ gạt ra ngoài những yếu tố quốc tế rất quan trọng, nếu không nói là quyết định, trong sự Việt Nam thâu hồi được độc lập sau khi Chiến tranh thế giới II kết thúc. Các vị Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Tôn Thất Thuyết, Đề Thám, Nguyễn Thái Học, không đạt được kết quả mong muốn vì tình hình quốc tế thời của họ không cho phép. Trước và ngay sau Chiến tranh thế giới II Pháp là một đại cường quốc, ngang hàng với Nga và Hoa Kỳ. Uy thế của Pháp rất lớn không những ở Âu Châu, mà cả ở Á Châu. Nhật Bản phải nể nang Pháp nhiều trước 1940.

Chỉ sau 1940, sau khi Pháp bị Đức đánh bại, quân đội Pháp bị giải giáp, chính quốc không còn cứu viện Đông Dương được. Nhật mới dòm ngó đến xứ này. Và đến tháng Ba, 1945, Nhật mới lật đổ chính quyền Pháp ở nơi đây. Tuy vậy cho đến khi chính Nhật cũng bị đánh bại và không còn thế và khả năng duy trì quyền lực ở Đông Dương nữa, những phong trào độc lập ở đây vẫn không cục cựa được, hoặc vì chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương vẫn còn thừa lực lượng quân sự để đàn áp những phong trào chống Pháp, hoặc vì quân đội Nhật ở Đông Dương rất đông, dư sức duy trì quyền uy của họ. Chỉ sau khi chính Nhật bị Mỹ đánh bại những phong trào này mới có cơ hội nổi lên cướp chính quyền mà không bị một sự đàn áp hay cản trở nào.

Cho nên, sự thành công trong công cuộc dành độc lập tùy thuộc ở ba yếu tố lớn: 1/ cơ hội do biến chuyển tình hình quốc tế mang đến; 2/ sự hợp tác của những đoàn thể không thuộc ĐCSVN; 3/ dân chúng Việt Nam.

Về thứ nhứt, ông N.V.Trấn, một người công lao rất lớn trong sự thành công của Cách mạng tháng Tám ở Nam Kỳ, viết trong *Viết cho Mẹ và Quốc hội:*

"Cách mạng tháng Tám ở Sài Gòn mà thắng lợi là cũng nhờ cơ hội điều kiện thuận tiện giúp cho nó mà thôi.

Coi, tôi là người tổ chức cuộc cướp chính quyền mà thiệt tôi có làm gì được nhiều đâu.

Ta thành công là nhờ điều kiện đồng minh thắng. Nhật thua. Không có cái đó a! Ngay nước hùng cường Trung Hoa trước đây cũng có nói, họ cố sức chạy cho mau. Trái đất tròn. Chạy một hồi họ ở sau lưng địch. Thành ra ta đuổi địch, chớ đâu phải địch rượt ta" (xem trang 124)

## ĐCSVN lơ sự đóng góp của các đảng khác

Về điểm thứ hai, trong sách, ông N.V.Trấn nói đến sự phản đối của ông Nguyễn Xiển, Tổng Thư ký Đảng Xã Hội, phản đối Đảng Cộng Sản về việc Đảng lơ không nhắc gì đến sự đóng góp của các đảng khác trong đó có Đảng Xã Hội. Trong một bức thư cho ông Đỗ Mười, mà ông Trân đăng lại nguyên văn, ông Xiển viết:

*"Việc viết lịch sử cách mạng Việt Nam gần đây trong đó có lịch sử của Đảng Cộng Sản Việt Nam, thường quá chú trọng đến thành tích quy công cho Đảng, nhưng lại chưa nêu đúng mức hoặc bỏ qua những sai lầm khuyết điểm (thậm chí có lúc nghiêm trọng) cũng như vai trò đóng góp của quần chúng, những người ngoài đảng. Bản sơ thảo lịch sử Quốc hội Khóa I là một ví dụ. Những bài viết về tôi đăng trên một số báo gần đây không dám đề cập đến hoạt động 40 năm của tôi trong Đảng Xã Hội Việt Nam" (xem trang 371).*

Về điểm cuối cùng này, Tướng Trần Độ cũng đã có ghi như sau trong bài "Góp ý kiến về Đại hội VIII" đã được nêu lên ở đoạn trên:

*"Khi đề cao vai trò lãnh dạo của Đảng ta, ta gần như lãng quên một sự kiện lịch sử rất quan trọng: sự nghiệp giải phóng dân tộc không phải là sự nghiệp và thành công riêng của Đảng. Trong sự nghiệp đó, có phần đóng góp có ý nghĩa quyết định của đa số nhân dân, mà hầu hết không phải là đảng viên. Những hoạt động của Đảng trong giai đoạn này chỉ là một bộ phận dù là một bộ phận hết sức quan trọng, của sự giải phóng dân tộc chung" Diễn Đàn, 11/1995).*

Cũng như về bản chất ĐCSVN, ông N. V.Trấn đã giúp chúng ta hiểu rõ vấn đề bản lĩnh củ ĐCSVN và công lao của họ trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Như thế ông đã giúp chúng ta đánh giá mọi việc mọi người đúng tầm mức của nó.

Ông Trấn đã đóng góp rất lớn vào việc tìm hiểu sự thực về ĐCSVN và về lịch sử Việt Nam trong nửa thế kỷ qua. Chúng ta thành thực ghi nhận sự đóng góp lớn lao này của ông, và cảm phục ông đã lương thiện, can đảm, thẳng thắn và vô tư trong việc làm sáng tỏ sự thực về lịch sử của xứ ta và dân ta.■

*Otawa, 2 tháng Ba 1996*

# SỰ DÍNH LÍU CỦA TRUNG QUỐC VÀO CUỘC CHIẾN VIỆT NAM TỪ 1964 ĐẾN 1969

CHEN GIAN
CAM VŨ chuyển sang Việt ngữ

Cuộc chiến tranh Việt Nam là một tranh chấp quốc tế. Không phải chỉ có Hoa Kỳ tham dự với một quy mô quân sự lớn lao vào một vùng xa đất nước của họ, mà cả hai cường quốc cộng sản, Trung Quốc và Liên Xô, cũng dính líu rất sâu đậm. Riêng về Trung Quốc, các học giả từ lâu cho rằng Bắc Kinh đã đóng một vai trò lớn trong việc ủng hộ Hà Nội chống lại Hoa Kỳ. Tuy nhiên, vì thiếu nguồn tài liệu của chính Trung Quốc nên có khó khăn trong việc minh họa và khẳng định những động lực, quá trình đưa đến các quyết định, tầm quan trọng cũng như hậu quả của việc Trung Quốc tham dự vào cuộc chiến tranh Việt Nam.

Bài này dựa vào các tài liệu của Trung Quốc bắt đầu được giải tỏa vào những năm cuối thập niên 80. Như là một nghiên cứu tiếp tục về những liên hệ của Trung Quốc vào cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất, bài này cố gắng rọi một ánh sáng mới vào sự can dự của Trung Quốc vào cuộc chiến Việt Nam. Nó sẽ nghiên cứu về năm năm chính yếu từ 1964 đến 1969, đặc biệt chú ý phân tích sự tan vỡ mối liên hệ đồng minh của những kẻ một thời vẫn xưng là "đồng chí anh em."

## Bối cảnh: Liên hệ giữa Trung Quốc và Bắc Việt Nam từ 1954 đến 1962.

Hiệp định Geneva về Đông Dương 1954 đã kết thúc cuộc chiến tranh Đông Dương, nhưng thất bại trong việc chấm dứt các xung đột quân sự tại Đông Nam Á Châu. Khi việc thống nhất đất nước thông qua tổng tuyển cử được dự trù vào 1956 đã bị Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn ngăn chặn, thì giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam, vào khoảng 1959-60, quyết định phát động lại cuộc "đấu tranh võ lực" tại miền Nam. Những nhà làm chính sách ở Washington, nhận thấy các trận đánh tại Nam Việt Nam và các nơi khác ở Đông Nam Á (đặc biệt là Lào) tiêu biểu cho sức đề kháng chủ yếu để chống lại sự bành trướng của cộng sản, nên đã liên tục tăng cường can thiệp quân sự vào đó. Và như thế, cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai ngày càng tăng lên.

Bắc Kinh là kẻ bảo trợ chính, và cũng là người hưởng lợi, của Hiệp Định Geneva 1954. Sách lược của Trung Quốc về việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất đã phản ảnh ý đồ chiến lược của họ vào thời đó, gồm ý muốn chú trọng vào những vấn đề trong nước sau cuộc chiến Triều Tiên, dè chừng sự can thiệp có thể có của Hoa Kỳ vào vùng Đông Dương hầu tránh một cuộc đối đầu trực tiếp Hoa-Mỹ, và nhu cầu xây dựng một bộ mặt quốc tế cho phù hợp với những lời tuyên bố mới của họ về sống chung hòa bình.

Với lập trường này, cho tới năm 1962 giới lãnh đạo Bắc Kinh không gợi ý hay khuyến khích Hà Nội "giải phóng" miền Nam bằng vũ lực. Sau khi ký kết hiệp định Geneva, giới lãnh đạo Bắc Kinh, khác với Hà Nội, có vẻ muốn chấp nhận sự kiện nước Việt Nam bị chia cắt lâu dài. Trong các cuộc trao đổi ý kiến giữa những lãnh tụ Bắc Kinh và Hà Nội vào khoảng 1955-56, Trung Quốc thường có giọng điệu khuyên cộng sản Việt Nam hãy gắng củng cố các thành quả cách mạng ở miền Bắc (1). Vào tháng Mười Hai 1955, các bộ Quốc Phòng và Ngoại Giao của Bắc Kinh quyết định rút Toán Cố Vấn Quân Sự Trung Quốc có mặt tại Việt Nam từ tháng Bảy 1950 về nước. Bành Đức Hoài, Bộ trưởng Quốc phòng Trung Quốc, thông báo cho Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam là Võ Nguyên Giáp quyết định này vào ngày 24 tháng Mười Hai 1955, và tất cả thành viên của toán cố vấn Trung Quốc lên đường về nước vào giữa tháng Ba 1956.

Mùa hè năm 1958, Bộ Chính Trị Việt Nam chính thức xin Bắc Kinh cố vấn về những sách lược cho "cuộc cách mạng miền Nam." Trong một trả lời bằng văn bản, giới lãnh đạo Bắc Kinh nhấn mạnh rằng "công việc căn bản nhất, quan trọng nhất, và cấp bách nhất" đối với cách mạng Việt Nam là "làm thế nào phát động cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng lại miền Bắc." "Thực hiện cuộc biến đổi cách mạng tại miền Nam," theo Bắc Kinh, "là không thể được trong tình hình hiện tại." Vì thế Bắc Kinh khuyến cáo Hà Nội một chiến lược cho miền Nam là "trong một thời gian dài không để lộ lực lượng của chúng ta ra, tập hợp sức mạnh của chúng ta lại, gầy dựng quan hệ với quần chúng, và chờ khi cơ hội chín mùi." Nạn đói trong cả nước sau thất bại của Bước Tiến Nhảy Vọt Vĩ Đại bắt buộc giới lãnh đạo Bắc Kinh phải chú trọng đến những vấn đề quốc nội.

Trong các buổi gặp gỡ giữa Chu Ân Lai với Hồ Chí Minh và Thủ tướng Bắc Việt Nam Phạm Văn Đồng tại Hà Nội vào tháng Năm 1960, họ Chu khuyên Việt Nam nên áp dụng một chiến thuật mềm dẻo đối với miền Nam bằng cách phối hợp đấu tranh chính trị với quân sự. Ông ta nhấn mạnh rằng ngay cả khi trận chiến quân sự có vẻ không

tránh khỏi, thì vẫn cần thiết phải đặt trọng tâm vào đấu tranh chính trị. Những điều này cho thấy rằng giới lãnh đạo Bắc Kinh không hào hứng gì trong việc các đồng chí Việt Nam phát động cuộc đấu tranh vũ trang ở miền Nam vào 1959-60, và việc "tái kháng chiến" tại miền Nam căn bản là sáng kiến của chính người Việt Nam.

Tuy nhiên, Bắc Kinh không có hành động tích cực nào để chống lại một cuộc cách mạng ở miền Nam Việt Nam. Quan hệ giữa Cộng sản Trung Quốc và Việt Nam rất gắn bó vào cuối thập niên 50 và đầu thập niên 60. Sự quan hệ gắn bó với Hà Nội, và ý thức hệ cách mạng của Bắc Kinh không cho phép Trung Quốc biến mình thành chướng ngại vật cho sự nghiệp cách mạng và thống nhất của Việt Nam. Cuối thập niên 50 và đầu thập niên 60 người ta cũng chứng kiến sự tuyên truyền liên tục từ nước Trung Hoa rằng Bắc Kinh là đồng minh tất nhiên của những dân tộc bị áp bức trên thế giới trong công cuộc tranh đấu giải phóng đất nước. Trong tình hình như thế mà nay Bắc Kinh lại tỏ ra quá tiêu cực đối với cách mạng Việt Nam thì thật không thể hiểu được. Hơn nữa, từ một cái nhìn chiến lược, sau khi giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ đã trải qua một số vụ căng thẳng vào thời kỳ này, đặc biệt tại eo biển Đài Loan năm 1958, lãnh đạo Trung Quốc không thể quên rằng tăng cường khởi nghĩa cách mạng tại miền Nam Việt Nam có thể khiến Hoa Kỳ phải can thiệp quân sự nhiều hơn, và như thế, cải tiến vị thế của Trung Quốc trong cuộc đối đầu với Hoa Kỳ tại Đông Á (2).

Trong các tình huống như thế và để trả lời các yêu cầu của Hà Nội, Trung Quốc bắt đầu cung cấp viện trợ quân sự quan trọng cho Việt Nam từ trước năm 1963. Theo một nguồn tin có độ tin cậy cao của Trung Quốc, suốt từ 1956 đến 1963, tổng số viện trợ quân sự của Trung Quốc cho Việt Nam lên đến 320 triệu nhân dân tệ. Trung Quốc đã chở đến Việt Nam 270,000 khẩu súng, trên 10,000 khẩu pháo, 200 triệu viên đạn các cỡ, 2.02 triệu viên đạn pháo, 15,000 máy điện thoại, 5,000 máy vô tuyến, trên 1,000 xe tải, 15 máy bay, 28 tàu chiến, và 1.18 triệu bộ quân phục. Không có mặt trực tiếp tại Việt Nam về mặt quân sự, giới lãnh đạo Bắc Kinh đã dùng những thứ tiếp liệu này để chứng tỏ với các đồng chí Hà Nội tình đoàn kết của họ.

## Quyết định tăng cường viện trợ cho Hà Nội của Bắc Kinh, 1963-64

Chính sách của Bắc Kinh đối với Việt Nam bắt đầu trở nên quyết liệt hơn vào cuối năm 1962, đầu 1963. Vào mùa hè năm 1962, một phái đoàn Việt Nam dẫn đầu bởi Hồ Chí Minh và Nguyễn Chí Thanh đến thăm Bắc Kinh. Phía Việt Nam tóm lược tình hình Nam Việt Nam, nhấn mạnh rằng với sự leo thang chiến trận tại miền Nam, có khả năng Hoa Kỳ sẽ dùng không quân hoặc có thể cả bộ binh để tấn công miền Bắc. Trung Quốc rất cảnh giác trước sự đánh giá này, và chấp nhận trang bị thêm 230 tiểu đoàn nữa cho Việt Nam.

Năm 1963 Bắc Kinh đã có những cam kết tổng quát về an ninh đối với Hà Nội. Vào tháng Ba, một phái đoàn quân sự Trung Quốc dẫn đầu bởi tham mưu trưởng Lạc Nhược Thanh đến thăm Hà Nội. Lạc nói rằng Trung Quốc sẽ bảo vệ Bắc Việt Nam nếu người Mỹ tấn công xứ này. Hai bên cũng thảo luận họ sẽ phối hợp ra sao trong trường hợp Mỹ xâm lăng Bắc Việt Nam. Tháng Năm, Lưu Thiếu Kỳ, nhân vật số hai của Trung Quốc, thăm Việt Nam. Trong những lần gặp mặt Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo khác của Việt Nam, Lưu hứa với họ rằng nếu công cuộc giải phóng miền Nam có đem lại hậu quả chiến tranh lan rộng, thì họ "có thể tin chắc Trung Quốc sẽ là hậu phương chiến lược của họ."

Tháng Mười, Cay-Xỏn Phom-Vi-Hản, tổng bí thư của đảng Nhân Dân Cách Mạng Lào (tức đảng Cộng sản), bí mật đến Bắc Kinh. Ông ta yêu cầu Trung Quốc viện trợ cho Cộng sản Lào trong đấu tranh võ trang và xây dựng căn cứ. Chu Ân Lai bằng lòng. Để mở đầu, một toán công tác Trung Quốc, cầm đầu bởi tướng Đoàn Tư Thuyên, đến Lào vào đầu năm kế "để điều tra tình hình tại đó, đồng thời chuẩn bị điều kiện cho một cuộc trợ giúp quy mô." Vào cuối năm 1963, sau khi chính quyền Johnson bộc lộ ý đồ mở rộng sự can thiệp quân sự tại Việt Nam, các nhà hoạch định quân sự ở Bắc Kinh khuyến cáo Việt Nam tăng cường hệ thống phòng thủ ở đồng bằng Bắc Bộ. Hà Nội yêu cầu Trung Quốc giúp hoàn tất việc xây dựng các công sự phòng thủ ở đó, và tướng Tham Mưu Trưởng Trung Quốc đã đồng ý.

Bắc Kinh mở rộng những cam kết an ninh với Hà Nội vào năm 1964. Vào tháng Sáu, Văn Tiến Dũng, tham mưu trưởng của miền Bắc và cũng là người trách nhiệm chiến trường miền Nam, dẫn đầu một phái đoàn sang Bắc Kinh. Mao nói với phái đoàn rằng Trung Quốc và Việt Nam cần đoàn kết chặt chẽ hơn nữa trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung, nhấn mạnh rằng sự nghiệp của Việt Nam cũng là của Trung Quốc, và rằng Trung Quốc sẽ "giúp đỡ không điều kiện" cho Cộng sản Việt Nam. Từ ngày 3 đến ngày 5 tháng Bảy, các lãnh tụ cộng sản Trung Quốc, Việt Nam và Lào đã gặp gỡ trong một cuộc họp quan trọng tại Hà Nội để bàn về sự tăng cường phối hợp giữa ba nước họ một khi cuộc chiến Đông Dương lan rộng. Đánh giá khả năng diễn tiến của tình hình, ba phái đoàn đồng ý rằng Hoa Kỳ sẽ mở rộng cuộc chiến tại Việt Nam bằng cách đổ quân vào miền Nam và, có thể, dùng không lực để oanh tạc các mục tiêu quan trọng ở miền Bắc. Phái đoàn Trung Quốc hứa rằng Trung Quốc sẽ tăng cường viện trợ quân sự và kinh tế cho Việt Nam, huấn luyện phi công cho Việt Nam, và trong trường hợp Hoa Kỳ tấn công miền Bắc, sẽ yểm trợ "mọi thứ cần thiết và có thể được." (3) Những lời hứa này cho thấy rằng giới lãnh đạo Bắc Kinh hơn lúc nào hết muốn ràng buộc Trung Quốc với sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Có nhiều lý do sâu xa, quốc nội cũng như quốc tế, khiến Bắc Kinh chọn một chiến lược hung hăng hơn, trước các cuộc đối đầu leo thang trong vùng Đông Nam Á. Trước tiên, thái độ ngày càng nhiệt tình hơn của Bắc Kinh đối với Hà Nội phải được hiểu trong bối cảnh cải cách rất cực đoan trong đời sống chính trị và xã hội Trung Quốc, và trong ý muốn của Mao muốn tạo ra một động lực mạnh cho cải cách cực đoan ấy, trong những năm 60. Từ những ngày đầu của nền Cộng Hòa Nhân Dân, Mao đã không hề che giấu tham vọng biến nước Trung Hoa thành vùng đất của bình đẳng và công lý phổ cập, dưới lá cờ của xã hội chủ nghĩa và Cộng sản chủ nghĩa.

Vào cuối những năm 50, chương trình lớn lao của Mao "biến đổi xã hội Trung Quốc" dẫn đến những bước Đại Nhảy Vọt, cuối cùng đã biến thành thảm họa cho cả nước. Lần đầu tiên trong lịch sử đảng Cộng Sản Trung Quốc, huyền thoại về sự "không bao giờ sai lầm" của Mao đã bị đặt thành vấn đề. Bắt đầu từ 1960, lãnh đạo Bắc Kinh, trong đó Mao đã rút xuống "hàng thứ nhì," áp dụng những chính sách khoan hòa và mềm dẻo hơn đối với đời sống trong nước nhằm phục hồi kinh tế và sự ổn định xã hội (như cho phép nông dân được giữ một mảnh đất nhỏ cho gia đình họ). Tuy nhiên, Mao không muốn từ bỏ các chương trình cách mạng cùng vị trí lãnh tụ độc tôn của ông ta. Khi nền kinh tế của Trung Quốc bắt đầu phục hồi vào năm 1962, Mao nói với toàn Đảng rằng "không bao giờ được quên cuộc đấu tranh giai cấp" tại Đại Hội Trung Ương Đảng lần thứ mười. Vào đầu năm 1963, một phong trào "cải tạo xã hội chủ nghĩa" bắt đầu quét qua các thành thị và thôn quê Trung Quốc, cuối cùng dẫn tới cuộc Đại Cách Mạng Văn Hóa Vô Sản.

Để biện minh và thúc đẩy tiến trình cách mạng hóa Đảng, xã hội và quần chúng, Mao, với các kinh nghiệm trước đây (4), nhận thức đầy đủ rằng nước Trung Hoa, một khi đối diện với những đe dọa đến từ bên ngoài thì bên trong lại nảy sinh các chuyển động cách mạng mạnh mẽ, và quyền lực và vị trí của ông ta trong đời sống chính trị Trung Quốc cũng vững mạnh. Trong nhiều dịp từ cuối năm 1962 đến 1964, Mao luôn luôn nhấn mạnh rằng Trung Quốc đang đối diện với một môi trường quốc tế đầy khủng hoảng, biện luận rằng những lực lượng phản động quốc tế đang chuẩn bị một cuộc chiến chống lại Trung Quốc. Vì thế Trung Quốc cần phải chuẩn bị cho những thách đố về chính trị cũng như quân sự sắp xảy tới.

Cùng lúc đó, Mao dùng chiến lược quốc tế của Đảng nói chung và chính sách đối với Việt Nam nói riêng để thắng thế trong cuộc đối đầu ngấm ngầm với một số lãnh tụ khác trong Đảng mà ông ta cho là có khuynh hướng "xét lại" trên những vấn đề quốc nội lẫn quốc tế. Ông ta nhắm vào Hoàng Gia Hương, trưởng Ban Liên lạc Quốc tế của Đảng Cộng sản Trung Quốc, như là mục tiêu đầu tiên cho các chỉ trích của ông ta.

Vào tháng Sáu năm 1962 Hoàng đệ trình ban lãnh đạo tối cao của Đảng một báo cáo về tình hình quốc tế, trong đó ông ta lý luận rằng Trung Quốc không nên để mình dính vào một trận chạm trán với Hoa Kỳ tại Việt Nam, giống như kiểu ở Triều Tiên nữa (5). Lập tức Mao cho rằng tư tưởng của Hoàng có ý đồ hòa giải với đế quốc, bọn xét lại và bọn phản động quốc tế, trong khi đó lại còn giảm bớt sự chi viện cho những nước và những dân tộc đang tranh đấu chống đế quốc. Ông ta nhấn mạnh rằng sách lược "ba hòa một giảm" bắt đầu manh nha trong một số lãnh tụ đảng Cộng sản Trung Quốc khi họ tỏ ra sợ bọn phản động quốc tế và nghiêng về chủ trương "thân xét lại" ở trong nước.

Mao nhấn mạnh ông ta, trái lại, chủ trương đấu tranh chống lại bọn đế quốc, bọn xét lại, và bọn phản động ở tất cả mọi nước, và cùng lúc, tăng cường ủng hộ các lực lượng chống đế quốc trong các nước khác. Sau này Mao sẽ còn dùng sự lên án này để thách thức và áp đảo các tay "xét lại" sừng sỏ trong trung ương Đảng, đặc biệt là Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình. Không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy cùng với việc củng cố vai trò lãnh đạo của Mao thì lại nảy ra chính sách cứng rắn của Trung Quốc đối với vấn đề Việt Nam.

Thái độ mới của Bắc Kinh về việc leo thang chiến tranh tại Việt Nam cũng liên hệ mật thiết với mối liên hệ ngày càng xấu đi giữa Trung Quốc và Liên Bang Xô Viết. Thời kỳ "trăng mật" giữa Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa trong những năm 50 phai nhạt đi mau chóng sau Đại hội Đảng lần thứ 20 của Liên Xô năm 1956. Có sự bất đồng về chính trị, kinh tế, ý thức hệ và tâm lý. Mao rất bất bình với việc Khrushchev hạ bệ Stalin, coi đó là dấu hiệu sự phục hồi của tư bản tại Liên Xô. Quyết định của Khrushchev rút chuyên gia Liên Xô tại Trung Quốc về nước, cắt viện trợ, có thái độ thân thiện với Ấn Độ trong cuộc đụng độ biên giới Ấn-Trung năm 1962, và thôi không chia sẻ các bí mật nguyên tử cho Trung Quốc nữa, làm cho quan hệ giữa hai nước càng xấu hơn.

Trong năm 1962 và 1963, sự rạn nứt giữa hai cường quốc cộng sản xuất hiện, với lời chỉ trích công khai của Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa về chính sách của nhau. Hai điểm cần được nhấn mạnh từ tác động tức thời của chính sách về Việt Nam của Trung Quốc. Thứ nhất, nhằm bảo đảm cho Hà Nội đứng về phía mình, giới lãnh đạo Bắc Kinh thấy cần hơn bao giờ hết phải kiên quyết hậu thuẫn cho các đồng chí Việt Nam. Thứ hai, vì Bắc Kinh ngày càng leo thang tuyên truyền chỉ trích Liên Xô bỏ rơi không chi viện đầy đủ cho các phong trào giải phóng dân tộc, các lãnh tụ Bắc Kinh sẽ tự thấy mình trở nên lố bịch nếu không viện trợ đầy đủ cho Việt Nam. Trước tình hình quan hệ đang xấu đi nhanh chóng giữa Trung Quốc và Liên Xô, Việt Nam trở nên nơi trắc nghiệm cho một thứ "cộng sản chủ nghĩa thật sự."

Thái độ của Bắc Kinh đối với Việt Nam cũng bắt nguồn từ sự ý thức vai trò trung tâm mà Trung

Quốc đang đóng trong việc kích động các phong trào cách mạng ở Á châu, Phi châu và châu Mỹ La Tinh. Từ khi cách mạng Trung Quốc thắng lợi năm 1949, giới lãnh đạo Bắc Kinh tin rằng kinh nghiệm của Trung Quốc đã xây dựng nên một mô hình cho các cuộc đấu tranh của những dân tộc bị áp bức, và ý nghĩa của của cách mạng Trung Quốc đã lan rộng ra ngoài biên giới nước này. Nhưng trong thập niên 50 và đầu thập niên 60, Bắc Kinh vẫn còn tự xem mình lệ thuộc vào thuyết "thế giới hai phe," theo đó trung tâm cách mạng thế giới nằm ở Mạc Tư Khoa. Với sự rạn nứt Trung-Xô vào những năm đầu thập niên 60, Trung Quốc đổi giọng, cho là trung tâm cách mạng thế giới đã dời từ Mạc Tư Khoa về Bắc Kinh.

Đem kinh nghiệm "lấy nông thôn bao vây thành thị" vào bối cảnh quốc tế, Bắc Kinh xem Á châu, Phi châu, và châu Mỹ La Tinh là "nông thôn của thế giới." Trung Quốc, với phẩm chất quá khứ cách mạng của nó, đáng được dành cho vai trò khơi động các cuộc đấu tranh cách mạng chống lại "các thành thị của thế giới." (6) Chính sách mới của Bắc Kinh đối với Việt Nam chắc chắn là thích hợp với lối suy nghĩ này.

Rõ ràng chính sách quyết liệt hơn của Bắc Kinh đối với tình hình Việt Nam là nằm trong chương trình cách mạng Mao-ít đầy tham vọng nhằm biến đổi đất nước, xã hội và bộ mặt quốc tế của Trung Quốc. Trong khi tình hình khủng hoảng ngày càng trầm trọng tại Việt Nam vào những năm đầu thập niên 60 đã đặt sự đe dọa ngày càng gia tăng vào an ninh của Trung Quốc, sự quan tâm hàng đầu của Mao vẫn nằm trong tác động qua lại giữa tình hình đang biến đổi tại Việt Nam và chương trình lớn lao của ông ta phát động cuộc "cách mạng thường trực" của Trung Quốc, và nhãn quan của Bắc Kinh trong chính sách về Việt Nam không chỉ giới hạn vào một mình Việt Nam mà thôi.

Các mục tiêu của chính sách có vẻ rất phức tạp: Mao và các đồng chí của ông chắc chắn hy vọng rằng cách mạng Việt Nam cuối cùng sẽ đánh bại đế quốc Mỹ và bọn "tôi tớ," và như thế Bắc Kinh cần phải ủng hộ cuộc đấu tranh, nhưng nếu sự ủng hộ đó lại dẫn đến một cuộc đối đầu trực tiếp Mỹ-Hoa thì đó không phải là điều mong muốn của Mao, vì như thế sẽ phá hỏng hết những cố gắng của ông ta trong cuộc Cách Mạng Văn Hóa. Sự bành trướng chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam, một cách tổng quát có thể là một đe dọa cho Trung Quốc, nhưng nếu chiến tranh chỉ bành trướng có giới hạn thì lại sẽ cung cấp cho Mao những chất kích thích rất cần thiết để động viên dân chúng Trung Quốc. Những lời tuyên bố tham chiến của Bắc Kinh trong cuộc chiến Việt Nam dĩ nhiên là nhắm tới cả Hà Nội lẫn Hoa Thịnh Đốn, nhưng, phân tích cho tới cùng, thì thấy còn nhắm tới người dân thường tại Trung Quốc nữa.

Những yếu tố phức tạp này đã cấu thành câu trả lời của Bắc Kinh đối với Sự Kiện Vịnh Bắc Việt tháng Tám năm 1964. Ngày 5 tháng Tám, Chu Ân Lai và Lạc Nhược Thanh đánh điện cho Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng và Văn Tiến Dũng, khuyên họ nên "điều tra và nắm vững tình hình, thảo luận và thiết lập các chiến lược và chính sách thích đáng, và sẵn sàng hành động." Không đi vào chi tiết, họ đề nghị có sự phối hợp quân sự chặt chẽ hơn giữa Bắc Kinh và Hà Nội để đối phó với sự đe dọa của Mỹ. Cùng ngày, Hội đồng Quân sự Trung ương và bộ Tổng Tham Mưu tại Bắc kinh ra lệnh cho các quân khu Côn Minh và Quảng Châu (là hai quân khu sát Việt Nam) và các đơn vị không quân và hải quân đồn trú tại phía nam và tây nam Trung Quốc phải ở trong tình trạng sẵn sàng ứng chiến, ra lệnh cho họ phải sẵn sàng đối phó ngay khi bị tấn công bất ngờ.

Vào giữa tháng Tám, bộ chỉ huy không quân Trung Quốc dời các đơn vị phi cơ và phòng không đến vùng biên giới Việt Trung. Vào ngày 12 tháng Tám, bộ chỉ huy không quân của Quân đoàn bảy được dời từ Quảng Đông đi Nam Ninh, để có thể chịu trách nhiệm các cuộc hành quân ở Quảng Tây và trong vùng tiếp giáp với vịnh Bắc Việt. Bốn sư đoàn không quân và một sư đoàn pháo phòng không được dời đến những vùng giáp giới với Việt Nam và được lệnh sẵn sàng chiến đấu. Trong các tháng sau đó, hai phi trường mới được xây cất tại Quảng Tây để phục vụ cho các lực lượng này. Bắc kinh cũng chỉ định tám sư đoàn không quân khác trong các vùng lân cận làm các đơn vị dự bị (7).

Dựa vào nguồn tin tình báo Hoa Kỳ, Allen Whiting cho rằng việc Bắc Kinh chuyển các đơn vị không quân tới vùng biên giới và xây dựng hai phi trường tại đó đã được hoạch định một cách cẩn thận nhằm cản trở Hoa Kỳ đừng bành trướng chiến tranh tại miền Nam và oanh tạc miền Bắc. Sự diễn dịch này dĩ nhiên là đáng tin cậy (nhất là về mặt hiệu quả mà những hành động này nhắm tới), nhưng nó còn cho thấy rằng giới lãnh đạo Bắc Kinh còn dùng những động tác này để trấn an các đồng chí ở Hà Nội về sự hậu thuẫn của họ, để chính họ có thời giờ thực hiện những chiến lược đặc biệt của Trung Quốc về chiến tranh Việt Nam theo nhu cầu của Bắc Kinh về những vấn đề quốc nội và quốc tế, và, trong một ý nghĩa thâm trầm hơn, để biến tình trạng căng thẳng gây ra bởi một khủng hoảng bên ngoài thành một sức mạnh hướng dẫn cho một công cuộc vận động sâu sắc ở trong nước.

Cũng chẳng lạ là Mao lập tức dùng sự leo thang chiến tranh Việt Nam vào tháng Tám 1964 để có biện pháp quyết liệt dài lâu hơn đối với đời sống chính trị và xã hội Trung Quốc, phát động phong trào "kháng Mỹ viện Việt" trong khắp đô thị và nông thôn Trung Quốc. Ngày 5 tháng Tám, chính phủ Trung Quốc mạnh mẽ tuyên bố rằng "Mỹ xâm lược Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa cũng là xâm lược Trung Quốc, và Trung Quốc không bao giờ từ bỏ công cuộc viện trợ cho Việt Nam." Từ 7 đến 11 tháng Tám, theo Tân Hoa Xã, trên 20 triệu người Hoa đã tập họp mít tinh và biểu tình trên khắp Trung Quốc, phản đối "đế quốc Mỹ xâm

lược Việt Nam," đồng thời bày tỏ "tình đoàn kết với nhân dân Việt Nam." Với nhiều cuộc mít tinh biểu tình và những hoạt động tương tự như thế trong suốt hai năm, ý niệm "kháng Mỹ viện Việt" đã len lỏi vào từng ngõ ngách của xã hội Trung Quốc, nó đã biến thành một khẩu hiệu chính của cả nước mà Mao sẽ dùng vào mục đích động viên dân chúng Trung Quốc theo "đường lối cách mạng" của ông ta.

Một số bài diễn văn của Mao về sau này đã để lộ cho thấy ý đồ ấy. Giữa tháng Tám năm 1964, Ban Bí thư Trung ương đảng Cộng sản Trung Quốc họp để bàn về tình hình quốc tế và cách phản ứng của Trung Quốc. Mao đã đọc một bài diễn văn dài vào ngày 17 tháng Tám. Ông ta nhấn mạnh rằng đế quốc đang mưu tính một cuộc chiến tranh xâm lược mới nhắm vào Trung Quốc, vì thế Trung Quốc cần phải hoạch định lại một cấu trúc cơ bản về kinh tế. Mao đặc biệt chú ý đến sự kiện vì hầu hết nền công nghệ nằm ở vùng bờ biển, Trung Quốc rất dễ bị tấn công bất ngờ về kinh tế. Để giữ an toàn cho nền móng nền công nghệ, Mao cho rằng cần phải dời một số lớn những nhà máy vào sâu trong nội địa, và dựng nên một Mặt Trận Thứ Ba (*tam tuyến,* tức các cơ sở công nghệ nằm sâu trong nội địa). Cùng lúc, để đối phó với tình hình Đông Dương, Mao kêu gọi nhanh chóng hoàn tất ba đường xe lửa mới — tuyến Thành Đô - Côn Minh, tuyến Tứ Xuyên - Quý Châu, và tuyến Vân Nam - Quý Châu. Mao nhấn mạnh rằng, tất cả kế hoạch kinh tế Trung Quốc hiện nay phải được hướng vào quốc phòng, chuẩn bị một cuộc chiến tranh có thể xảy ra với đế quốc.

Sự leo thang trong cuộc chiến Việt Nam như thế đã gây ra một biến đổi sâu rộng trong toàn thể cấu trúc của nền kinh tế Trung Quốc. Tiếp theo ý kiến của Mao, Trung Ương đảng CSTQ đã thảo luận về nhu cầu thiết lập một "Bộ Chỉ huy Kinh tế và Quốc phòng," dưới sự điều động chung của Mao Trạch Đông và Lưu Thiếu Kỳ. Vào đầu năm 1965, một bộ phận lớn công nghệ phía bờ biển bắt đầu dời vào vùng sâu hơn, và ưu tiên của phát triển của kinh tế Trung Quốc thay đổi từ nông nghiệp và kỹ nghệ nhẹ sang kỹ nghệ nặng, đặc biệt các ngành liên quan đến trang bị quân sự. Tất cả những điều này ảnh hưởng đến đời sống hàng ngày của một số lớn dân chúng Trung Quốc (nhất là vùng ven biển), ngày càng trở nên cực đoan trên xã hội và chính trị Trung Quốc, và như thế là theo đúng ý Mao.

*(còn tiếp)*

**Chú thích:**

*(người dịch chỉ ghi lại những ý chính yếu, lược bỏ bớt những chú thích về nguồn gốc tài liệu).*

1. Ví dụ, khi gặp gỡ với Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng từ ngày 18 đến 22 tháng Mười Một 1956, Chu Ân Lai không ngừng nhấn mạnh rằng "sự thống nhất phải được coi là một cuộc đấu tranh lâu dài," và "chỉ khi nào miền Bắc, với những nỗ lực lớn lao đã trở nên vững mạnh, thì lúc đó mới có thể nói đến chuyện làm thế nào để thắng miền Nam và thống nhất đất nước."

2. Vào cuối năm 1958, trong cuộc khủng hoảng Eo Biển Đài Loan, Mao Trạch Đông đưa ra ý niệm "chiến lược thòng lọng." Theo quan niệm này, sự hiện diện quân sự của Mỹ tại hải ngoại sẽ thành cái vòng treo cổ cho chính nước Mỹ. Bất cứ sự dính líu quân sự nào ở nước ngoài cũng thêm một cái thòng lọng cho người Mỹ, và cuối cùng sẽ siết cổ "Đế Quốc Mỹ." Từ đó Mao tin rằng sự bành trướng sức mạnh của Mỹ rốt cuộc sẽ dẫn đến sự thất bại trong chính sách đối ngoại của Mỹ nói chung, và chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc nói riêng.

3. Li Ke, "Viện trợ của Trung Quốc nhằm giúp đỡ Việt Nam và kháng Mỹ sẽ được lịch sử ghi nhớ," *Junshi ziliao (Tài Liệu Quân Sử)*; phỏng vấn những nhà nghiên cứu quân sự của Bắc Kinh vào tháng Tám 1993 và tháng Bảy 1994. Whiting tường trình rằng, theo các tiết lộ của các học giả Việt Nam, Bắc Kinh đã hứa với Hà Nội năm 1964 rằng họ sẽ giúp Việt Nam đương đầu các cuộc không tập của Mỹ, nhưng vào tháng Sáu 1965 đã bỏ lời hứa này (Whiting, "Vai trò của Trung Quốc trong chiến tranh Việt Nam, tr. 73). Không một nguồn tài liệu nào của Trung Quốc lẫn các cuộc phỏng vấn của tôi tại Bắc Kinh xác nhận điều này. Một nhà nghiên cứu quân sự Trung Quốc cho rằng cứ xem khả năng không chiến rất hạn chế của Trung Quốc vào những năm 60 thì thấy việc Bắc Kinh đưa ra một lời hứa như thế là rất đáng nghi ngờ.

4. Chẳng hạn, vào mùa hè 1958, khi đang xảy ra cuộc khủng hoảng Eo Biển Đài Loan cùng lúc với Bước Nhảy Vọt Vĩ Đại, Mao nhấn mạnh rằng "bên cạnh khía cạnh bất lợi, một tình hình (quốc tế) căng thẳng có thể động viên dân chúng, đặc biệt thành phần lạc hậu, động viên thành phần còn lưng chừng, và từ đó có thể phát động bước nhảy vọt trong việc xây dựng kinh tế." Diễn văn của Mao Trạch Đông tại Quốc Vụ Viện, ngày 5 tháng Chín 1958.

5. Trong báo cáo này, Hoàng lý luận rằng, khi dính líu vào chiến cuộc Việt Nam, Bắc Kinh phải nhớ bài học của trận chiến tranh Triều Tiên. Theo như được tường trình thì trong giai đoạn đầu của trận chiến này, Stalin khuyến khích Trung Quốc tham gia chiến cuộc với lời hứa không quân Xô Viết sẽ yểm trợ bộ binh Trung Quốc tại Triều Tiên; nhưng khi Trung Quốc đã quyết định tham gia cuộc chiến thì Stalin lờ lời hứa đó đi. Hoàng cảnh cáo Khrushchev có thể đang chơi lại trò lừa phỉnh của Stalin khi đẩy Trung Quốc vào một cuộc đối đầu khác với Mỹ tại Việt Nam.

6. Ý kiến này thoạt đầu là của D.N. Aidit, chủ tịch đảng Cộng sản Indonesia, nhưng ngay sau đó được Bắc Kinh dùng một cách rộng rãi.

7. Ngay sau Sự Kiện Vịnh Bắc Việt, Tình báo Hoa Kỳ ghi nhận Trung Quốc đã di chuyển 36 máy bay chiến đấu MIG đến phi trường mới xây tại Phúc Yên, Bắc Việt Nam, và tăng cường vững chắc không lực của họ tại miền nam Trung Quốc.■

# PHẬT GIÁO VÀ VẤN ĐỀ NHÂN QUYỀN

NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP

Trong thập niên Chín-mươi còn lại của thế kỷ, tổ chức Liên Hiệp Quốc hoạt động rất tích cực về vấn đề Nhân quyền và Nhân sinh. Năm 1993, Đại hội nghị Thế giới về Nhân quyền họp tại Vienna, nước Áo. Một năm sau, 1994, Đại hội nghị Thế giới về Dân số họp tại Cairo, Ai Cập. Tháng Ba năm 1995, Đại hội nghị Thế giới về Phát triển Nhân sinh họp tại Copenhagen nước Đan Mạch. Hội nghị quốc tế về Nhân quyền 1993 tại Vienna quy tụ tám nghìn đại biểu chính thức của các quốc gia, hơn ba nghìn tổ chức ngoại chính phủ, và vào ngày đúc kết, 130 vị Quốc trưởng hay Thủ tướng chánh phủ tham gia lễ bế mạc.

Trong phạm vi tìm học đạo Phật, ta thử đặt câu hỏi nhân quyền là gì, và giáo lý nhà Phật đã quan niệm nhân quyền như thế nào.

Để hướng việc học đạo Phật vào hệ thống, ngữ vựng trong bài sưu khảo nhỏ này sẽ dựa vào cuốn *Phật học Tự điển* của thầy Minh Châu (Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991). Các danh dự chung hay riêng sẽ được cố gắng giữ hình thức chữ *Sanskrit* (S) hay *Pali* (P), dịch một lần qua Hán Việt đặt trong vòng đơn, trừ trường hợp các danh tự quá thông dụng. Như vậy sẽ giúp được người đọc dễ theo dõi, so sánh, tra cứu với các tài liệu bằng tiếng Anh, Pháp, Đức... ngày nay rất phong phú tại các thư viện, trong khi tài liệu bằng Hán văn trở thành khan hiếm, không còn trong tầm tay của người trẻ.

## Nhân quyền trong thời Hiện đại

Từ ngữ "nhân quyền" mới được dùng đến gần đây trong bộ môn khoa học xã hội. Tiếng Pháp "droits de l'homme" hiện ra lần đầu trên sách vở vào cuối thế kỷ mười tám, khi các triết gia và luật gia tranh luận về các thể chế chánh trị cần thiết lập để thay thế cho chế độ quân chủ. Nhưng thật ra ý niệm nhân quyền đã sẵn có từ lâu trong lịch sử loài người.

Hai nghìn năm trước Tây nguyên, vào thời văn minh Babylon, có vua Hammurabi (2130-2088 trước TN) ban bố đạo luật đảm bảo đời sống dân chúng của nhà vua ngự trị. Văn minh La Mã có bộ dân luật để điều hành việc giao tế giữa cá nhân, và dựa theo đó ta tìm hiểu được cái quan niệm về nhân quyền của người La Mã khi họ làm bá chủ Châu Âu.

Đạo luật nhân quyền "Magna Carta" của người Anh năm 1215 được xem là văn kiện xưa nhất vào thời Trung cổ, trước các bổn Tuyên ngôn Độc lập và Tuyên ngôn Nhân quyền của Hoa Kỳ năm 1776 (Declaration of Independence, Virginia Bill of Rights) và bổn Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp năm 1789. Theo gương hai cuộc cách mệnh Hoa Kỳ và Pháp, vào thế kỷ mười chín và hai mươi, hầu hết các nước tại Âu châu, rồi đến Châu Mỹ La Tinh, Á Châu và cả Phi Châu dần dần chấp nhận nguyên tắc nhân quyền. Và ở nơi nào chế độ chính trị ban hành được hiến pháp, đều thấy ghi những điều kiện đảm bảo quyền làm người và quyền làm dân vào sinh hoạt pháp lý. Đến với nhân quyền, chậm hơn tất cả là các quốc gia sống dưới chế độ thuộc địa của người da trắng, vừa mới vãn hồi được chế độ tự lập từ giữa thế kỷ hai mươi. Và có lẽ ta cần nói đến trường hợp đặc biệt của Liên bang Sô viết: trong bổn hiến pháp, Cộng sản Nga đã dùng đủ ngôn từ tốt đẹp để diễn tả việc tôn trọng nhân quyền đúng theo tinh thần các bổn tuyên ngôn Hoa Kỳ và Pháp. Nhưng trên thực tế, họ đã định nghĩa chính trị và quyền công dân hoàn toàn khác biệt. Ta thử đơn cử một ví dụ để học hỏi: Tu chính án số một trong hiến pháp nước Mỹ khẳng định là Quốc hội có bổn phận đảm bảo quyền tự do ngôn luận và quyền tự do báo chí; Hiến pháp Sô viết ban hành năm 1918 ghi rõ là "để đảm bảo quyền tự do ngôn luận cho giai cấp lao động", tuyệt đối không để cho báo chí lệ thuộc tư bản, và phải trả lại cho giai cấp thợ thuyền và giai cấp nông dân "tất cả phương tiện kỹ thuật và phương tiện cơ giới dùng để in sách, báo, truyền đơn." Bổn Hiến pháp này được viết lại năm 1936, thay đổi vài ngôn từ để siết chặt hơn việc cấm đoán ngôn luận và báo chí.

Giữa thế kỷ hai mươi xảy ra một tai họa lớn nhất cho loài người: Thế giới Đại chiến II và hậu quả. Các chế độ độc tài, như trước là Đức quốc xã và sau là Cộng sản, dùng những phương tiện vô cùng mọi rợ tàn sát cả trăm triệu sinh linh. Chiến tranh chấm dứt, cộng đồng thế giới thức tỉnh, thành lập tổ chức Liên Hiệp Quốc, cùng xây dựng một thế giới nhân quyền mới.

Khởi đầu, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc công bố bổn Hiến chương Nhân quyền San Francisco năm 1945. Văn kiện này khẳng định rõ các tiết mục về nhân quyền và cách thực thi, nhưng cũng đã đề xướng rõ ràng là cộng đồng nhân loại cương quyết đào thải các điều kỳ thị về chủng tộc, về nam nữ, về ngôn ngữ và về tôn giáo.

Ba năm sau bổn Hiến chương San Francisco, cộng đồng thế giới thỏa thuận cho ra đời *Bổn*

*Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (Universal Declaration of Human Rights)*,ngày 10 tháng Mười Hai, 1948. Bổn Tuyên ngôn nói rõ sẽ có hai văn kiện được thực hiện sau, một là bổn quy ước định rõ quyền hạn *quyền làm người và quyền làm công dân*, hai là bổn quy ước định rõ quyền hạn *kinh tế, xã hội và văn hóa* của mỗi người. Mỗi bổn quy ước sẽ kèm theo huấn thị áp dụng và thể thức giám chế do Liên Hiệp Quốc trách nhiệm.

Cho đến ngày nay, trong lãnh vực nhân quyền và nhân sinh, ngoài một số văn kiện có tầm quan trọng quốc tế nhưng hạn chế trong từng tiết mục, như bổn Tuyên ngôn về quyền lợi Nhi đồng, bổn Tuyên ngôn Loại bỏ Kỳ thị Màu da, ..., Bổn Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền ta vừa nói ở trên là văn kiện độc nhất có tầm vóc quan trọng hơn tất cả về quyền làm người và quyền làm dân của mọi người trên trái đất. Ngoài những tiết mục chính trị về quyền làm người và quyền làm công dân đã nói trong hai văn kiện 1776 (Hoa Kỳ) và 1789 (Pháp), bản Tuyên ngôn Quốc tế đặt ra các quyền *mới* của con người về kinh tế, về an sinh và văn hóa.

Cộng đồng thế giới đã thỏa thuận công bố được một văn kiện như vậy, kết quả thiết lập nhân quyền thực hiện được như thế nào? Hai mươi năm sau bổn Hiến chương San Francisco, tổ chức Liên Hiệp Quốc triệu tập tại Tabul thủ đô nước Afghanistan (là một quốc gia trong thế giới đệ tam có mức độ phát triển kinh tế và xã hội rất thấp kém), *Hội nghị Thế giới Kiểm thảo Nhân quyền*. Đại hội đi đến quyết định nhìn nhận kết quả lạc quan của việc ban hành nhân quyền và dân quyền, nhưng nêu lên ba vấn đề rất khó khăn khi thực thi đã gặp phải.

Thứ nhất là việc thực hiện quyền làm người và làm dân, từ những nước phát triển tột mức đến các nước hậu tiến, ở đâu cũng có những khó khăn về địa dư và nhân văn, nhưng đặc biệt là tại các quốc gia nghèo, kém mở mang, các mối khó khăn này biến ra những bức thành trì ngăn chận nhân quyền. Kinh tế nghèo, dân trí kém, y tế lụn bại, và thiếu tinh thần cầu tiến (inertia/inerti, Đào Duy Anh dịch là tính vô sinh khí) là bốn bức tường cấm cản nhân quyền. Kinh tế không phát triển làm dân nghèo đói không đủ sức đầu tư vào giáo dục để nâng cao dân trí, không đầu tư vào y tế để đảm bảo an sinh. Kết quả tự nhiên là dân tình trở thành tiêu cực trì nọa, thiếu tinh thần đấu tranh và cầu tiến mà xã hội học phát triển gọi là *apathy*.

Điều khó khăn thứ hai là tại các nước kém phát triển, tình trạng nhân quyền trở lại mức "cổ điển". Đừng nói chi đến những quyền mới về kinh tế, xã hội, văn hóa, người dân đang thiếu ngay cả những quyền về chính trị và công dân, như ở vào thời trước cách mệnh Hoa Kỳ và Pháp. Muốn có nhân quyền, người dân có tội phải đem ra tòa xử đoán công bình. Muốn xử đoán công bình phải có một tổ chức tư pháp đứng đắn, đặc biệt là nhân viên tư pháp đủ khả năng và có lương tri. Điều này khiến ta nghĩ đến các hình thức "tòa án nhân dân" tại quê hương Việt Nam, cán bộ cộng sản tổ chức và xúi giục "đấu tố cường hào, địa chủ, phản động", hành hạ đến chết trước đám quần chúng bị đầu độc, nên trở thành man rợ.

Điều khó khăn thứ ba dính liền với phát triển kinh tế. Nhân quyền không thể có nếu phát triển chậm. Muốn phát triển lại phải chấp nhận một số biện pháp làm thiệt tới an sinh. Ví thử cụ thể như việc động viên nhân công đi khai phá các vùng kinh tế cần phát triển. Thiếu tổ chức kế hoạch, thiếu nhân sự, thiếu phương tiện, làm sao tránh được hà lạm và áp bức là những điều đi ngược lại với nhân quyền?

Đúng như lời của giáo sư Egon Schwelt trong sách *Human Rights and the International Community: the Roots and Growth of the Universal Declaration of Human Rights, 1948-1963* (Chicago 1964), việc thực hiện nhân quyền nằm trong "cái vòng lẩn quẩn", không dễ gì tìm ra lối thoát. Tuy nhiên, ông vẫn kết luận lạc quan là "bổn phận bảo vệ quyền làm người là bổn phận chung... số phận của mỗi con người cá nhân tùy thuộc trước tiên vào quốc gia (y đang sống) nhưng cộng đồng quốc tế mỗi ngày mỗi quan tâm nhiều hơn vào chút số phận này."

## Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền

Bây giờ ta tự hỏi là bổn Tuyên ngôn Quốc tế đã nói gì về số phận của mỗi chúng ta, để từ đó ta đối chiếu được vào mối quan tâm của giáo lý nhà Phật về quyền làm người và làm dân. Giáo sư Anton Fernando đã giải dịch và phân tích bổn Tuyên ngôn trong sách *A guide to Human Rights and the Humanitarian Law* (Colombo, 1990). Giáo sư Nguyễn Đình Tuyến cũng đã dịch toàn bổn ra tiếng Việt Nam trong sách *Từ điển Nhân quyền*

*Mỹ-Việt* (Houston, Texas, năm?). Bổn tuyên ngôn gồm có 30 điều khoản, ta có thể tóm lược như sau:

*Điều khoản 1 và 2* khẳng đề là con người sinh ra không ai khác ai, được tự do và bình đẳng trên phương diện nhân phẩm và quyền hạn. Vì vậy mỗi người đều được hưởng những quyền lợi làm người và làm dân, không có điều hạn chế.

*Điều 3* tới *điều 21* nói về quyền công dân và quyền chính trị, như là: Điều (3) quyền sống, quyền tự do và quyền an sinh; (4) không ai phải làm nô lệ và nô dịch; (5) không ai bị tra tấn, hành hạ; không bị đối xử và áp dụng hình phạt một cách độc ác, phi nhân; (6) quyền có tư cách pháp năng trước luật pháp; (7) quyền được đối xử bình đẳng trước pháp luật; (8) quyền tố cáo những hành động phạm nhân quyền; (9) không được bắt người trái phép, giam giữ và lưu đày; (10) quốc gia phải lập tòa án xét xử công bằng và công khai khi cá nhân phạm tội; (11) trước khi tội trạng được minh chứng, bị cáo phải được xem là vô tội; không thể kết tội nếu hành vi không phạm pháp đối với luật lệ hiện hành; (12) quyền phải tôn trọng đời sống riêng tư, đời sống gia đình; không được xâm phạm gia cư và thư tín; (14) quyền tị nạn; (15) quyền quốc tịch; (16) quyền cưới hỏi và lập gia đình; (17) quyền tư hữu; (18) quyền tự do và phát biểu ý kiến; (20) quyền tự do hội họp và lập hội; quyền không gia nhập bất cứ hội đoàn nào; (21) quyền tự do tham gia chánh sự, và bình đẳng để tìm việc làm trong cơ quan chánh phủ; quyền tham gia bầu cử và ứng cử.

Các *điều khoản 22* đến *27* liên hệ tới các quyền lợi kinh tế, xã hội và văn hóa của con người, được chiết ra như sau: (22) quyền được hưởng an sinh xã hội; (23) quyền làm việc và được tự do lựa chọn việc làm; quyền đồng lao đồng đãi; quyền được hưởng thù lao công bằng và hợp lý, được hưởng bảo hiểm xã hội; quyền thành lập và tham gia nghiệp đoàn; quyền nghỉ ngơi và giải trí; (25) quyền được hưởng tiện nghi đời sống vật chất (ăn, mặc, nhà ở), y tế và hạnh phúc tinh thần; quyền được đảm bảo khi thai nghén và khi dưỡng nhi; (26) quyền giáo dục như là cha mẹ được ưu tiên chọn lựa phương thức giáo dục cho con cái; (27) quyền được tham gia vào đời sống văn hóa của cộng đồng, quyền được bảo vệ chủ quyền sáng tác khoa học, văn hóa và nghệ thuật.

*Điều khoản 28* nhấn mạnh là mỗi cá nhân có quyền tham gia mọi hoạt động cộng đồng xã hội và cộng đồng quốc tế nhằm thực hiện cho bằng được những điều ghi trong bổn Tuyên ngôn. *Điều khoản 29* nói về bổn phận của cá nhân đối với cộng đồng, và ranh giới quyền hạn và tự do của mỗi cá nhân. Quyền hạn và tự do này không thể sử dụng ngược lại với mục đích và tôn chỉ của Liên Hiệp Quốc. *Điều thứ 30* nhắc lại mục tiêu và quyền hạn cao cả của Bổn Tuyên ngôn Quốc tế. Không một điểm nào trong bổn Tuyên ngôn được phép giải dịch để cho phép bất cứ quốc gia, cộng đồng hay cá nhân nào được hành động nhằm hủy hoại các điều quyền hạn và tự do đã được tuyên bố trong Bổn tuyên ngôn. Điều cuối này ta thấy rõ có tính cách dự phòng, vì cộng đồng nhân loại bao gồm muôn nghìn sắc tộc, hàng trăm ngành văn hóa, cho nên việc ngộ nhận các ngôn từ trong bản Tuyên là điều có thể xảy ra rất dễ dàng.

Nhìn vào đại thể, ta nhận rõ là cấu trúc của bổn tuyên ngôn (phần liệt kê điều khoản) gồm có ba phần. Điều khoản 1 và 2 là tiên đề xướng lên nguyên tắc nhân quyền để cho các điều khoản theo sau khai triển. Điều khoản 6 nêu lên tiên đề quyền hạn chính trị và công dân được 21 điều khoản theo sau nêu rõ từng chi tiết đề mục. Điều khoản 22 khởi đầu mục quyền hạn "mới" (đối chiếu với "cổ điển" ta đã nói ở trên) về kinh tế, xã hội và văn hóa cho mỗi công dân vào thời bây giờ. Ta hãy để cho các nhà làm luật đủ khả năng chuyên môn nghiên cứu các ưu khuyết điểm toàn thiện hay bất toàn của bản tuyên ngôn; nơi đây ta giới hạn việc khảo sát vào phạm vi đối chiếu với quan điểm của giáo lý nhà Phật. Ta cũng sẽ tránh việc thảo luận từng đề mục trong mỗi điều khoản, mà chỉ nhìn vào đại cương của mỗi phần trong cấu trúc để tìm các mối tương đồng hay dị biệt với lời dạy của Thích Ca.

*Nhân quyền trong Phật giáo*

*Điều khoản 1,* như đã nói ở trên, đề xướng địa vị của con người trong hoàn vũ, quyền hạn tối thượng y được hưởng và bổn phận của y, đặc biệt là bổn phận đối với tha nhân. Căn bản giáo lý nhà Phật phù hợp hoàn toàn với quan điểm của những nhà lãnh đạo nhân loại ngày nay đã sáng tạo bổn Tuyên ngôn.

Thích Ca nhìn vào hai lãnh vực để khảo sát các hiện tượng trong đời sống con người: lĩnh vực triết học và lĩnh vực đạo đức. Trong phạm trù triết học, giáo lý đạo Phật khẳng định là con người được hoàn toàn khai phóng và hoàn toàn nhận lãnh trách nhiệm về đời sống của mình. Đạo Phật không chấp nhận có một đấng Thượng Đế khai sáng ra muôn vật và khai sáng ra cá nhân chúng ta. Bởi lẽ đó Phật dạy là số phận của mỗi chúng ta nằm ngay gọn trong tay ta. Trong bộ kinh dài *Trường bộ* (Dighe-nikaya) có quyển kinh *Sampasadaniya Sutta* giảng dạy sự kiện này. Tưởng cần mở một dấu ngoặc lớn nơi đây để nhắc lại cho các bạn chưa quen kinh Phật là, nói chung, kinh điển do người đời sau chép lời dạy của đức Phật. Kinh điển nhà Phật vô cùng phong phú (hơn 6,500 bộ), chia làm hai hệ thống, Nam tông và Bắc tông. Kinh Nam tông được ghi lại bằng văn tự Pali, hệ thống rất chặt chẽ, và hầu hết những bộ kinh quan trọng đã được Hội The Pali Text Society dịch ra tiếng Anh. Kinh Bắc tông được ghi lại bằng văn tự Sanskrit, phong phú hơn kinh Pali, nhưng cho đến bây giờ vẫn chưa được hoàn toàn quy luật hóa và diễn dịch qua Tây ngữ. Kinh Pali gồm có năm sưu tập lớn: 1. Trường bộ kinh, gồm những bài thuyết pháp dài; 2. Trung bộ kinh (Majjima nikaya), những bài thuyết pháp trung bình; 3. Tương ưng bộ kinh (Samyutta nikaya), các bài thuyết pháp sắp theo đề tài; 4. Tăng chi bộ kinh (Anguttara ni-

kayaj), sắp xếp theo pháp số 1, pháp số 2...; và 5. Tiểu bộ kinh (Khuddaka nikaya) gồm các bài thuyết pháp ngắn. (Thích Minh Châu, đã dẫn).

Ta trở lại Kinh Sampasadaniya Sutta. Đức Phật kể ra sáu đức tính của con người khác loài vật: người là sinh vật độc nhất biết nỗ lực hướng thiện (attakara), biết cố gắng trong đời sống hằng ngày (purisakara), biết gìn giữ và tăng cường sức mạnh (purisathama), biết tăng cường nghị lực (purisaviriya), biết tăng cường giá trị cá nhân (purisaparakama), và quan trọng hơn hết, biết tăng cường trách nhiệm bổn phận của mình (purisadhoraya). Phật dạy nếu biết trau dồi các đức tính đó (chỉ con người mới có), con người dễ đi tới toàn thiện, làm chủ được số phận của chính mình. Vả lại, đức Phật há chẳng nói là trong mỗi con người có sẵn một vị Phật sẽ thành, tức là công bố lên cái bằng chứng bình đẳng trong vinh dự làm người giữa mỗi cá nhân chúng ta hay sao?

Một cuốn kinh khác, kinh *Kalama Sutta* trong Tăng Chi bộ kinh giải thích thêm là con người được hưởng quyền lợi bình đẳng giữa thế gian là vì chỉ riêng con người là sinh vật có lý trí (dhammavitaka) và có lương tri (attadhipatiya), khiến cho y phân biệt được điều thiện (kusala) và điều ác (akusala). Phân biệt được thiện, ác trong tư tưởng và hành động, tức là có được cái phương châm xử thế, gần đối với tha nhân, rộng đối với cộng đồng, để thành người chính nhân quân tử (chữ dùng trong tông giáo là upasaka, thiện nam, thanh tịnh sĩ).

Đoạn cuối của điều 1, "con người phải đối xử với nhau trong tình *huynh đệ*" (act towards one other in a spirit of *"brotherhood"*) có thể đem ra đối chiếu với lời dạy của đức Phật về cách xử thế giữa người với người. Kinh Kalama Sutta dạy là việc giao dịch giữa người với người phải đặt trên nền tảng *metta (maitri),* có nghĩa là ưu ái, yêu thương trong tình huynh đệ (love, loving fraternity/fratenité agissante). Kinh dạy là như vậy cũng chưa đủ, vì nghĩa chữ huynh đệ gò bó trong vòng gia đình, trong lúc tình thương tha nhân metta khai phóng giới hạn khỏi gia đình ra khắp nhân loại, bao gồm cả mọi sinh vật (Narada Mahathera: *Metta (maitri) or Loving Kindness,* Buddhist Annual, 1970).

*Điều khoản 2.* Ta thử địch nguyên bản. "Mọi người đều có những quyền hạn và tự do được công bố trong bổn Tuyên ngôn này mà không bị kỳ thị vì bất cứ lý do nào như là lý do chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo, ý kiến về chính trị hay vấn đề nào khác, xuất sinh, gia sản, hoàn cảnh sang hay hèn hay bất cứ hoàn cảnh nào.

Lại nữa, (lấy trường hợp của) một cá nhân thống thuộc vào một quốc gia hay lãnh thổ được độc lập hay bị thống thuộc không quyền tự chủ hay được quyền tự chủ giới hạn, (y) cũng sẽ không bị kỳ thị căn cứ trên quy chế chính trị pháp lý và quốc tế của quốc gia hay lãnh thổ chánh quán (của y)."

Điều 2 này khai triển rõ ràng ý kiến phát biểu trong điều 1, và sẽ cung cấp nguyên liệu cho các điều khoản theo sau khai thác. Nguyên liệu này phức tạp vì tình trạng bất đồng và đa nguyên của đời sống con người. Vì bất đồng và đa nguyên nên cấu trúc của mỗi thứ quyền hạn, của mỗi mối tự do hiện ra dưới nhiều hình thức khác biệt. Bổn Tuyên ngôn, vì vậy, không thể thấu triệt mọi trường hợp. Triết lý nhà Phật nhìn vào vấn đề và giải thích giản dị hơn. Đức Phật dạy là gốc con người là một. Vì hành động (nghiệp) mà sinh ra khác biệt. *Nghiệp* do ba yếu tố *ý, thân, khẩu* gây nên. Nghiệp khởi đầu bằng ý, chuyển qua việc làm cụ thể (thân), hoặc là phát triển bằng lời (khẩu). Người nào cũng tạo nghiệp bằng cách duy nhất là vậy. Thế, vì sao lại đem các điều khác như màu da, sắc tộc, sang hèn, giàu, nghèo... để đo lường nghiệp? Mà đã không đo lường và ước lượng được bằng yếu tố đó, thì chỉ còn cách nhìn nhận người là người, người *bằng* người. (L.P.N. Perera: *Buddhism and Human Rights,* Colombo, 1991). Đức Phật nếu còn sống, sẽ gật đầu tán thành mọi điều khoản đại cương của bổn Tuyên ngôn, nhưng có lẽ đồng thời Ngài sẽ mỉm cười chỉ cho các luật gia nhân quyền một các thức thuyết phục... giản dị hơn!

*Điều khoản 6.* "Mỗi người bất cứ ở nơi nào, có quyền được nhìn nhận nhân cách của mình trước luật pháp." Nhân cách: chữ "person" trong nguyên tác Anh ngữ, Nguyễn Đình Tuyến dịch là "tư cách pháp năng", thông suốt và đủ nghĩa. Chữ Pali nhà Phật gọi là *"munussattam", thường gặp trong Luật kinh Vinaya ấn định thể thức sinh hoạt trong đời sống của cộng đồng tăng đoàn.*

Ở trên ta đã nói là đức Phật khảo sát đời sống con người nhìn vào hai phạm trù triết học và đạo đức. Phạm trù triết học chứng minh là con người sinh ra tự do, và có bổn phận hướng thiện để xứng đáng với tự do. Phạm trù đạo đức sẽ giải thích các quyền hạn và tự do cá nhân được hưởng trong đời sống xã hội hàng ngày. Đạo Phật không tin là có một đấng Thượng Đế tạo ra sinh vật, nên việc con người đi tìm kiếm hạnh phúc là một bổn tánh thiên nhiên, nội tại. Vì thế mà giáo lý nhà Phật bàn đến nhân quyền qua phương diện nhân văn (humanistic) hơn là tranh luận bằng pháp lý (legalistic). Đạo Phật quan niệm luật pháp "như là một dụng cụ để thực hiện một số cứu cánh, và cứu cánh này có lợi ích cho đời sống xã hội." Hai điểm cứu cánh căn bản nêu ra là 1. *luật chánh đạo,* được tượng trưng bằng bánh xe chánh đạo *(Dhammalakka),* tức là Pháp, lẽ phải muôn đời, và bánh xe luôn luôn quay hướng về tiến hóa, 2. ý niệm thực hiện hạnh phúc và an sinh cho con người, cho toàn nhân loại, cho mọi sinh vật, chữ Pali là *bahujana sukha.* (K.N. Jayatilleke: *The Principles of International Law in Buddhist Doctrine,* Leiden 1967). Ngoài ra, còn phải kể điểm cứu cánh then chốt, căn bản của mọi căn bản là luật Nhân quả. Nơi nào và trường hợp nào xảy ra việc bất công mà luật pháp con người không lý xử được, thì đã có Luật Nhân quả của nhà Phật, "sơ nhi bất lậu", sưa mà không lọt, giải quyết tối hậu.

*Các quyền kinh tế, xã hội*

Hai điểm cứu cánh căn bản và Luật Nhân quả nói trên buộc người chủ, người hữu sản, và rộng hơn, buộc cộng đồng quốc gia phải lập "tư cách pháp năng" cho kẻ yếu hèn, những người cô thế, cô đơn cần cứu giúp. Như vậy, đạo Phật không những đã hoàn toàn hỗ trợ các điều khoản quyền lợi và tự do "cổ điển" của bổn Tuyên ngôn, mà còn đi xa hơn — với luật Nhân quả báo ứng — bổ túc những điều bất toàn không thể tránh được của bản Tuyên ngôn.

Bây giờ ta so sánh giáo lý nhà Phật với các điều khoản gọi là "tân tiến" của bản Tuyên ngôn, từ điều 22 đến điều 27, liên hệ đến nhân quyền thuộc lãnh vực *kinh tế, xã hội và văn hóa.*

Lúc Thích Ca khai sáng ra đạo Phật, xã hội Ấn Độ và rộng hơn, thế giới ngày đó, đang sống trong kỷ nguyên bình dị. Đời sống kinh tế dựa trên cày cấy và chăn nuôi, đang có khuynh hướng chuyển sang thêm một hoạt động mới là thương mãi. Giai cấp quý tộc vẫn giữ quyền hành cai trị và làm chủ đất, nhưng dân số gia tăng, tập trung tại đô thị, tạo việc thành hình của nền kinh tế buôn bán. Dân chúng bắt đầu dựng vốn liếng, và một lớp người mới dùng vốn liếng tích lũy để chi phối người đi buôn và nông dân. Tiếng Ấn Độ gọi lớp người này là *setthi,* cụ Nguyễn Văn Vĩnh dịch tiếng ta là sét-ti. Người bình dân nghèo trở thành công cụ của ba lớp người bóc lột: quý tộc, chủ điền và sét-ti.

Đức Phật hiểu rõ hơn ai hết tổ chức bóc lột thành hình trong môi trường sinh sống của Ngài, và Ngài mô tả trong cuốn kinh *Kutadanta Sutta,* trong đại tập Tăng Chi bộ kinh, thuộc hệ Pali. Bởi lý do vừa nói, đức Phật nhắc lại mối ưu lo và điều răn dạy của Ngài trong một cuốn kinh khác *Sigalovada Sutta,* cuốn kinh căn bản của người tu sĩ tại gia, có đủ trong hai hệ thống Sanskrit và Pali, được dịch qua Hán tạng gọi là *Kinh Thi-ca-la-việt.* Học giả phật giáo L.P.N. Perera, trong sách *Buddhism and Human Rights* (đã dẫn) sưu khảo và dịch giảng các điểm liên hệ về kinh tế, xã hội và văn hóa trong kinh, đem ghép vào với các điểm suy luận (commentary) trong đại tập Trường bộ, đề ra năm khoản chính của lời Phật dạy về "những điều kiện công bình và thuận lợi cho việc làm, công bình và thuận lợi cho việc trả thù lao nhân công, xem như là năm khoản bổn phận của người chủ."

> Kẻ nói tốt cho phụ nữ là kẻ chưa biết rõ phụ nữ, còn kẻ nói xấu phụ nữ là kẻ không biết gì cả về phụ nữ.
>
> — *Pigault Lebrun*

> Nước mắt của người đàn ông thực sự là đàn ông làm cho ta cảm động hơn bất cứ sự khóc than nào của người đàn bà.
>
> — *Diderot*

Kinh Phật được ghi lại từ lời truyền tụng, nặng âm điệu và dài lê thê. Bổn dịch từ nguyên tác cũng như vậy. Ta thử cố gắng thu gọn, nhằm làm được rõ.

a) Thứ nhất, Kinh viết người chủ lựa chọn việc làm tương xứng với khả năng người làm. Phần Luận đi theo kinh *(sastra,* do các đệ tử Phật tạo ra, nhằm giới thiệu và giải thích có hệ thống) ghi thêm là không được bắt người già yếu làm công việc nặng của người trẻ, người phái nữ làm việc của người nam. Chủ phải biết đắn đo ước lượng trước khi giao việc cho công nhân, tìm hiểu khả năng căn cứ trên tuổi tác, giới tính; phải tránh việc nặng nhọc cho phái nữ, tránh cho phái nữ làm xuất đêm. Kinh cấm đoán trẻ con lao động.

b) Thứ hai, Kinh viết về tiền công và thực phẩm cấp dưỡng theo một số huấn thị đồng nhất. Phần luận ghi thêm là mỗi công nhân đều có hoàn cảnh gia đình riêng, và đồng lương phải xét theo số người phải nuôi trong nhà, ví thử cùng một việc làm nhưng thù lao của người nặng gánh gia đình phải cao hơn người độc thân. Điều này chính là "phụ cấp gia đình" và "phụ cấp đắt đỏ" ta thường nói tới ngày nay. Thì ra bổn Tuyên ngôn Nhân quyền 1948 nói lại đúng một chi tiết đức Phật dạy 25 thế kỷ trước!

c) Thứ ba, Kinh viết về sức khỏe của người làm công. Phần Luận khai triển là khi bệnh hoạn hay tai nạn xảy ra, người làm công được phép nghỉ, được chu cấp lương thực đầy đủ, chẩn bệnh, cấp thuốc men để điều trị cho lành bệnh.

Cách mệnh Kỹ nghệ tại Châu Âu bắt đầu từ giữa Thế kỷ mười tám, trải qua bao nhiêu biến cố đổ máu, đến hai trăm năm sau mới thấy được những điều thỏa thuận quốc tế về lao động và y tế để đảm bảo sức khỏe cho người làm công. Thích Ca đã dạy những điều này hơn hai nghìn năm trước.

d) Thứ bốn, Kinh dạy phải làm sao tránh tranh chấp giữa người có tiền đi thuê và người đi làm mướn. Kinh viết phải tạo ra "tình huynh đệ" giữa hai lớp người mà quyền lợi bao giờ cũng xung phản. Người chủ phải "biết chia sẻ món ngọt món bùi" với người làm công.

Nếu quan hệ giữa người chủ và người thợ thực hiện được tới mức đó, thử hỏi làm sao có tranh chấp lao động xã hội?

e) Thứ năm, Kinh viết phải ấn định giờ giấc làm việc; nghỉ ngơi theo hạn kỳ; trả thù lao khi làm việc ngoài giờ giấc, cho quà cáp khi công tác hoàn mãn; cho công nhân tham gia các cuộc giải trí đình đám. Ta còn tìm được những chi tiết như thời khóa biểu làm việc và nghỉ giải lao sau buổi làm việc (niccasamaye vossajjiana, breaktime) và nghỉ hạn kỳ (kalasamaye, vacation).

Đến đây, ta có đủ hai bổn văn để so sánh: các điều khoản 22 đến 27 của bổn Tuyên ngôn và năm khoản giáo lý về nhân dụng trong kinh. Điều 22 của bổn Tuyên ngôn nói về "an sinh xã hội" là một ý niệm mới chưa có dưới thời đức Phật. Nhưng giáo lý đạo phật, cụ thể hóa qua năm khoản vừa

nhắc trong kinh cho phép ta khẳng định là quan niệm an sinh xã hội đã nằm sẵn trong tinh thần nhân ái của đạo Phật. Điều 23 đoạn 1 nói về quyền làm việc và quyền tự do chọn việc làm: tuy không viết thành lời, nhưng hiển nhiên đã hàm ý trong kinh. Điều 23 đoạn 2 và 3 nói về đồng lương phải tương xứng với việc làm. Không ai nói rõ hơn đức Phật trong giáo lý khoản (b) là thù lao phải căn cứ trên giá trị việc làm, không phụ thuộc vào các yếu tố khác như màu da, sắc tộc, giới tính, xuất sinh... Cũng trong điều 23, các điểm đảm bảo đời sống gia đình và xã hội của người làm công đều tìm thấy trong từng mục các khoản giáo lý. Điều 23 đoạn 4 nói về quyền tham gia công nghiệp đoàn: xã hội bình dị thời đức Phật chưa có những ý niệm "chuyên chế vô sản", "thặng dư giá trị", "giai cấp đấu tranh"... bao nhiêu liều thuốc độc đã tàn sát cả trăm triệu sinh linh, nên không thấy nói tới trong kinh. Nhưng đức Phật cũng đã tiên liệu được trước khi Ngài dạy những điểm chủ thợ "chia ngọt sẻ bùi", tránh trước tranh chấp quyền lợi. Điều 25 nói tới quyền nghỉ ngơi và giải trí, được ghi rõ trong khoản (e) giáo lý. Điều 25 nói về các tiện nghi đời sống công nhân, được bao hàm trong các khoản (b) và (c).

Điều 26 và 27 mở đề mục quyền hạn và tự do về *giáo dục và văn hóa của con người.* Tưởng cần nhắc lại trong lịch sử của các quốc gia theo đạo Phật ở Đông Nam Á, cho đến khi người phương Tây đến xâm hấn, đạo Phật là phương tiện độc nhất truyền bá văn hóa; chùa là nơi duy nhất cho con em được thụ hưởng giáo dục. Những đòi hỏi mới trong việc tổ chức và điều hành nền giáo dục ghi trong bổn Tuyên ngôn đều đã được đạo Phật, khi còn giữ trách nhiệm giáo dục quần chúng, giải quyết trọn vẹn. Từ thời đại đế Asoka (300 năm trước TN) mỗi đơn vị chùa là một trung tâm giáo dục, một số trung tâm này sau đã trở thành các trường Đại học đầu tiên của Á Đông và của nhân loại, như Đại học Nalanda, Taxila, Vickramashila, ngày nay còn tồn tại. Đạo Phật đã đem văn minh đến các quốc gia Á Châu và Đông Nam Á; đức Phật đã làm chất men phát triển nghệ thuật trong mọi ngành, kiến trúc, điêu khắc, hội họa, âm nhạc... tại Á Đông.

Ba điều khoản cuối cùng 28, 29 và đặc biệt là 30 của bổn Tuyên ngôn nhắc lại mục tiêu cao cả và quyết tâm thực hiện quyền làm người của Tổ chức Cộng đồng Nhân loại. Tưởng ta nên mượn cái fotmát đó làm mẫu để chung kết phần Nhân quyền trong giáo lý nhà Phật. Đức Phật dạy con người hướng thiện về hai mặt xã hội và tinh thần. Mỗi chúng sinh phải yêu thương phục vụ tha nhân, và thực hiện bằng cách lánh xa những điều tham sân si. Phật chủ trương công bình tuyệt đối, và dĩ nhiên ta đã thấy giáo lý nhà Phật bao gồm mọi điểm trong bổn Tuyên ngôn.

Con người ngày xưa xa cách nhau bằng giai cấp vì giai cấp do Thượng đế an bài: đụng chạm một người cùi, tắm rửa sạch thì tránh được nhiễm bệnh; đụng chạm một người hạ tiện pariah, phải tế lễ hàng năm chưa hết tội. Đức Phật xóa bỏ ý niệm giai cấp, gây lại vốn người.

Người phụ nữ ngày xưa sinh ra làm tôi đòi: đức Phật tái tạo địa vị người đàn bà tương xứng với chỗ đứng của người vợ và bà mẹ.

Ngày xưa dùng quyền và tiền bắt người làm nô lệ như trâu chó cho người. Đức Phật xóa bỏ chế độ nô lệ trước Abraham Lincoln gần ba thiên niên. Trong mắt đức Phật, không có người làm công. Ngày dạy trong kinh Thi-ca-la-việt là mỗi sáng dậy, người tu đạo phải lạy cha mẹ, lạy thầy và *lạy người giúp việc* trong nhà, vì suốt ngày chịu ơn họ. Đức Phật đã dạy bốn "đạo đức việc làm" (work ethic), trước bổn "đạo đức Tin lành" (The Protestant ethic) hai nghìn năm, và ngày nay đem áp dụng vào xã hội hậu kỹ nghệ vẫn còn thích ứng (xem *"Giáo lý Nhà Phật và Phát triển Kinh tế"*, Nguyễn Phúc Bửu Tập, 1995).

Đức Phật đề cao nghệ thuật và giáo dục. Ngài không tin có phép lạ, trừ phép lạ duy nhất của Thức (Duy thức). Uy linh của đức Phật đã khiến bàn tay nhỏ bé của con người tạo nên những công trình mỹ thuật vĩ đại như Peshawar, Sanchi, Đôn Hoàng, Angkor, Borobudur... mãi mãi sẽ là vinh dự của giống người.

Đức Phật cũng không hướng về tinh thần mà quên thể xác. Trước tất cả các vị giáo chủ khác, Ngài dạy bảo vệ sức khỏe. Đệ tử của Ngài, đại đế Asoka, ba trăm năm sau niết bàn, là vị vua đầu tiên lập nhà thương chẩn trị bệnh và dựng đồn điền trồng cây thuốc chữa trị. Thảo nào H.G. Wells gọi Asoka là "vì vua cao cả nhất trong lịch sử loài người". Một vị đệ tử khác, Bồ Đề Đạt Ma, một nghìn năm sau, áp dụng lời dạy của đức Phật "thân thể tráng kiện nuôi dưỡng tinh thần bi, trí, dũng", lập ra nền võ học Thiếu Lâm Trung Hoa.

Hai nghìn năm trăm năm trước bổn Tuyên ngôn Nhân quyền Liên Hiệp Quốc, đức Phật đã gióng lên tiếng chuông tự do cho con người nhận chân được danh dự và quyền hạn làm người. "Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi", Phật dạy chính ta làm chủ định mệnh của ta, và không có một uy quyền nào khuất phục được quyền làm người của ta.■

## Tài liệu tham khảo


— Anton Fernando: *A Guide to Human Rights and the Humanitarian Law,* New York, 1990

— K.N. Jayatilleke: *The Principles of International Law in Buddhist Doctrin,* Leiden, 1973.

— Buddhadasa Kirthisinghe: *"The Buddha and Basic Human Rights",* in Young East Review, 1973.

— Nguyễn Đình Tuyến: *Từ Điển Nhân Quyền Mỹ-Việt,* Đại học Đông Nam, Houston.

— B.G. Ramcharan: *Human Rights = Thirty Years after the Universal Declaration,* The Hague, 1979.

— L.P.N. Perera: *Buddhism and Human Rights,* Colombo 1991

— Albert Verdoodt: *La Naissance et la Signigication de la Déclaration Universelle des Droits de l'Homme,* Louvain 1964. ■

# ĐẠO GIÚP ĐƯỢC GÌ CHO ĐỜI? *

TENZIN GYATSO, DALAI LAMA XIV
LONG KHÁNH dịch

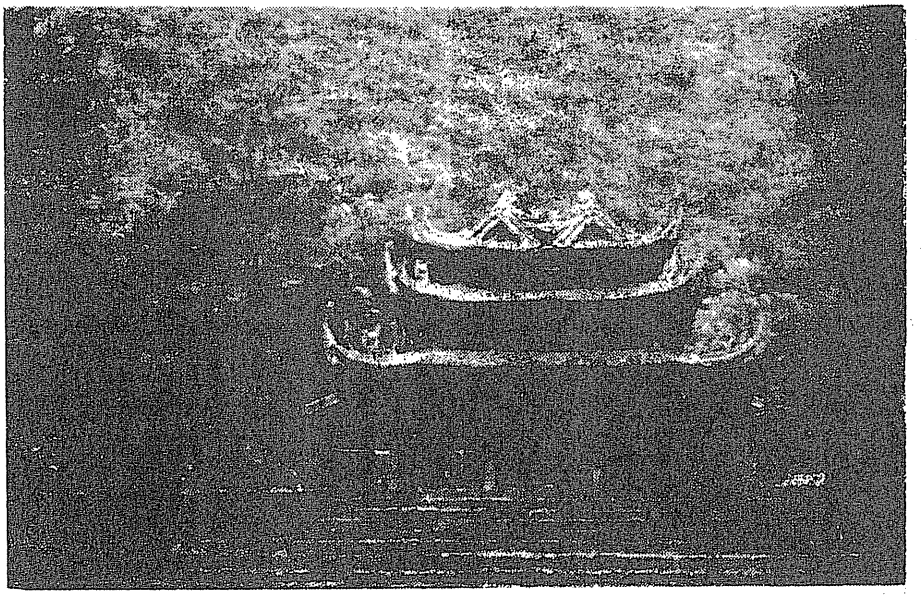

Để tìm hiểu xem đạo giúp được gì cho người, trước nhất cần phải hỏi, loài người mong cầu điều gì. Câu trả lời đơn giản là, loài người — tất cả mọi người chứ không riêng một cá nhân nào — luôn luôn mong muốn có được hạnh phúc, vượt qua những khó khăn và tránh được khổ đau. Dù phải đối mặt với các loại vấn đề khác biệt nhau, dù giàu sang hay nghèo khó, có hay thiếu học, thì tất cả mọi người đều có chung một ao ước: được hạnh phúc lâu bền. Là người, bất kì ai trong chúng ta cũng có một thân xác mà đôi lúc tạo thêm khổ đau cho chúng ta do bệnh tật hoặc các vấn đề khác, cùng những tình cảm mà ở mặt tiêu cực là tham lam, thù ghét, ganh tị, và ở mặt tích cực là thương yêu, sự đau xót trước khổ đau của người khác, sự nhẫn nhịn, khoan thứ và lòng tốt, vân vân. Tốt hay xấu, tích cực hay tiêu cực thì tất cả đều là một phần trong bản tính loài người. Tương tự như thế, bản tính loài người là muốn có hạnh phúc và không mong khổ đau.

Ngày nay, nhờ vào các thành tựu khoa học kĩ thuật, đời sống của nhiều người ở nhiều nơi trên thế giới đã được cải thiện đáng kể ở khía cạnh vật chất, và họ kinh qua những lợi lạc và hưởng được những cơ may mà các thế hệ trước không thể nào hình dung, mơ tưởng được. Tuy nhiên nếu chúng ta hỏi, tiến bộ vật chất có thật sự giải quyết được khổ đau của loài người hay không, thì câu trả lời là 'không'. Những thống khổ của con người vẫn còn đó, không mất đi đâu cả. Loài người vẫn không có được những gì mình ước muốn, vẫn phải ở trong những tình huống mình không mong đợi và vẫn có cảm giác cô độc lẻ loi, xao xuyến bất an và phiền muộn, dù rằng tiện nghi vật chất đã trở nên phong phú hơn.

Trong những vấn đề mà toàn thể nhân loại phải gánh chịu thì bão lụt, hạn hán v.v. là do tự nhiên tạo ra, nhưng nhiều điều khác thì hoàn toàn do loài người tự tạo cho chính mình: các xung đột giữa con người với nhau về chủng tộc, tư tưởng hệ, niềm tin tôn giáo, vân vân và vân vân. Đây là điều đáng tiếc. Cho dù thuộc về một chủng tộc nào, màu da nào, thì một người vẫn là thành viên của đại gia đình nhân loại. Còn tôn giáo và tư tưởng hệ cũng chỉ có chủ đích đem lại lợi lạc cho loài người chứ không phải để tạo thêm đối kháng và bạo động. Ngoài ra, điều quan trọng mà ai cũng phải ghi nhớ là, mục đích của các tư tưởng hệ và các hệ thống tôn giáo là phục vụ và thỏa mãn các nhu yếu của con người. Chỉ trong thế kỉ này thôi nhưng đã có đến hai thế chiến và rất nhiều những xung đột địa phương, và sự chém giết thì vẫn luôn xảy ra chung quanh chúng ta. Trong khi đó, hiểm họa nguyên tử vẫn đe dọa toàn thể nhân loại, phần

lớn cũng vì xung đột tư tưởng hệ.

Một khía cạnh khác của các vấn đề do người tạo là quan hệ giữa con người và trái đất hoặc môi trường, các vấn đề sinh thái và sự ô nhiễm. Nếu không có biện pháp giải quyết, chẳng những chúng ta mà các thế hệ tương lai cũng phải gánh chịu những hậu quả ngày một khốc hại hơn của việc làm lệch trật tự tự nhiên, làm nhiễm ô mặt đất, sông nước và không khí. Và chúng ta có khả năng làm được một điều gì đó, vì các vấn đề này là nhân tạo; chính chúng ta tạo ra các tai họa này thì chính chúng ta, nếu muốn, cũng có khả năng hủy diệt hay làm giảm thiểu tác hại của chúng.

Không ai có thể phủ nhận các lợi ích mà tiến bộ vật chất mang đến cho loài người. Nhưng đã đến lúc chúng ta thử tìm hiểu, thử xem còn tiến bộ nào khác đáng giá không, hay chỉ tiến bộ vật chất là điều duy nhất đáng lưu ý. Như tôi đã nói, thành tựu vật chất đã mang lại những phó sản bất thiện. Sự xao xuyến bất an, lo âu phiền muộn, sợ hãi v.v. chỉ có tăng chứ không giảm, và đôi khi chúng còn thể hiện qua các hình thức bạo động. Còn cảm thức nhân bản cũng bị suy thoái trầm trọng. Ví dụ điển hình nằm trong các xung đột, chém giết. Dù chúng luôn luôn xảy ra trong lịch sử nhưng những cuộc đụng độ mặt đối mặt rõ ràng không giống như chiến tranh hiện đại với vũ khí điều khiển bằng nút bấm. Giết người khác bằng một thanh gươm là điều rất khó vì chúng ta phải nhìn cảnh máu chảy thịt rơi, cảnh người ấy quằn quại trong đau đớn và nghe những lời kêu rên than khóc. Nhưng với một khẩu súng có gắn ống nhắm thì sự giết người trở nên dễ dàng hơn nhiều lắm khi mà hành động đó hầu như chẳng liên quan gì đến chúng ta cả: nạn nhân không biết đến chúng ta, chúng ta thì chỉ việc nhắm, bóp cò, nhìn đi nơi khác, và một đời người bị kết thúc!... Hiển nhiên sự suy sụp trong cảm thức nhân bản còn trầm trọng hơn với vũ khí nguyên tử và các phương tiện giết người tân tiến khác. Điều bị thiếu là ý thức làm người, ý thức trách nhiệm.

Nếu khảo sát kỹ lưỡng, chúng ta sẽ thấy, loài người ngoài khía cạnh vật lí còn có yếu tố tâm thức. Hễ là người thì có nhận thức. Thế nên trong việc giảm thiểu những khổ đau tự tạo, nhận thức là chìa khóa để giải quyết vấn đề. Các vấn đề về kinh tế, tương quan liên quốc, môi sinh, khoa học tự nhiên, kĩ thuật học, y học, nói chung là bất kì vấn đề nào thuộc về loại vượt quá khả năng giải quyết của một cá nhân, thì dù rất khác biệt nhau nhưng chúng đều có cùng một điểm xuất phát, đó là ý hướng của con người. Các khó khăn và những xung đột sẽ phát sinh nếu ý hướng của chúng ta không được cân nhắc, suy xét kĩ lưỡng theo tiêu chuẩn bất hại. Nếu ý hướng của chúng ta tốt đẹp, hành động theo sau ý hướng đó sẽ phát triển theo hướng tích cực.

Tuy trí năng hay khía cạnh trí não nơi con người đã phát triển rất mực và được tận dụng kĩ lưỡng nhưng dường như chúng ta đã quên mất "khía cạnh con tim" của mình — tôi muốn nói đến việc phát triển khả năng thương yêu, cảm thông, lòng tốt và sự độ lượng. Bỏ quên khía cạnh con tim nên dù có các tiến bộ vật chất nhưng chúng ta vẫn không thấy thỏa mãn, không có sự yên bình trong tâm hồn. Thế nên điều cần thiết là, tiến bộ vật chất phải đi song song với việc tu tập hay phát triển nội tâm. Nếu hai điều này được kết hợp, chúng ta sẽ cảm thấy hạnh phúc hơn, bình yên hơn. Điều phải làm trước và trên hết là tập thành thật, cởi mở, tập thương yêu, quí trọng tha nhân một cách chân thành như đối với anh chị em của mình.

Đây cũng là nền tảng cho một nền hòa bình đúng nghĩa và lâu bền cho toàn nhân loại. Sự an lạc trong thân tâm chúng ta có liên hệ mật thiết đến hòa bình của toàn thế giới: tâm bình thế giới bình; nếu tu tập để cá nhân chúng ta được an lạc thì gia đình, xã hội trong đó chúng ta sống theo đó cũng trở nên yên bình.

Để được an lạc hay có sự bình yên tâm hồn, điều quan trọng nhất mà chúng ta cần làm là thực tập từ bi, học hiểu về bản tính con người và tập quí trọng người khác. Trở ngại lớn nhất là sân hận, đố kị, sợ hãi và nghi ngờ. Do đó, đồng thời với việc kêu gọi giải giới ở toàn thế giới chúng ta cũng phải tập buông bỏ không nhiều thì ít những đầu mối tạo ra sự bất an tâm hồn này đi.

Vấn đề đặt ra là, làm sao có thể giảm thiểu những tâm ý tiêu cực và làm tăng trưởng các đức tính tốt đẹp sẵn có nơi chính mình? Chúng ta có thể thực tập bằng việc quan sát đời sống thường ngày của mình, xem sự sân hận đưa đến những kết quả nào. Tương tự, chúng ta suy xét, cân nhắc xem tâm từ và tâm bi đưa đến những điều lợi hại ra sao. Một ví dụ: là một sinh vật xã hội, chúng ta sống trong tương quan với người khác, có bạn tốt lẫn bạn xấu, và kẻ luôn luôn sân hận hiếm khi có được sự yên bình tâm hồn trong khi người tính tình trầm tĩnh thường được nhiều an lạc và có nhiều bằng hữu chân chính hơn, những người bạn tốt mà chúng ta không bao giờ mất dù thất bại hay thành công trong cuộc đời, những người bạn mà chúng ta không thể có nhờ sự ganh ghét, giận dữ, tham lam, mà nhờ sự cảm mến chân thành, lòng xót thương, sự cởi mở và thành thật. Thế thì thiện ý và sự chân thành là tác nhân của hạnh phúc, và ngược lại các tâm ý tiêu cực là cái tàn phá điều này.

Sự sân hận đôi khi được xem như một phản ứng tự vệ trước những đe dọa từ bên ngoài. Thật ra nó không phòng vệ gì cả; nó chẳng những tàn phá sự an lạc và hạnh phúc mà còn tiêu diệt khả năng thành đạt của chúng ta nữa. Thành công hay thất bại là tùy thuộc vào sự khôn ngoan và thông minh, những điều chúng ta không thể vận dụng được khi đang giận dữ. Bị sân hận chi phối, khống chế, chúng ta không thể phán đoán chính xác. Kết quả là chúng ta nhắm đến một mục đích sai lầm hoặc sử dụng những phương pháp sai lạc, và điều này đưa đến thất bại.

Phương cách tốt nhất và hữu hiệu nhất để diệt trừ sân hận là tập khoan dung độ lượng và nhẫn nhịn. Đôi khi người ta có cảm tưởng những điều

này vô dụng. Thật ra thì không phải như thế; chúng thâm sâu và hữu hiệu hơn sự thờ ơ lãnh đạm nhiều lắm. Có người cũng cảm thấy rằng sự nhẫn nhịn chịu đựng là một dấu chỉ sự yếu kém. Thật sự thì giận dữ, tức tối, chán nản mới là những biểu hiện của sự yếu kém: giận dữ phát sinh từ sợ hãi và sợ hãi phát sinh vì chúng ta có cảm nghĩ mình ở thế kém; nếu có lòng can đảm và sự cương nghị, chúng ta sẽ ít sợ hãi và theo đó bớt chán nản, bớt giận dữ thù oán.

Các phương pháp tu tập nhằm làm giảm thiểu sân hận và tăng trưởng lòng bao dung độ lượng như thế thích hợp với bất kì hệ thống tôn giáo nào, cũng như với người không có niềm tin nơi tôn giáo nào cả. Vì hễ là người, chúng ta cần có sự bao dung và lòng can đảm.

Theo đạo Phật, có tất cả chín trường hợp làm sân hận phát khởi trong chúng ta. Trường hợp đầu là tôi đã bị người khác làm hại, trường hợp thứ hai và thứ ba là tôi đang và sẽ bị làm hại. Tương tự, sự sân hận cũng phát khởi trong tôi trong các trường hợp người thân của tôi đã, đang hoặc sẽ bị làm tổn hại. Và cuối cùng, sự sân hận cũng phát khởi trong tôi trong trường hợp kẻ thù của tôi đã, đang hoặc sẽ sung sướng. Trong các trường hợp này, quan trọng nhất có lẽ là trường hợp trong đó cá nhân tôi đang bị tổn hại. Gặp một trường hợp như thế, phương cách đối trị sân hận là khảo sát nguyên ủy của điều thật sự làm chúng ta giận dữ, suy nghĩ xem nó làm hại chúng ta gián tiếp hay trực tiếp. Nếu có kẻ cầm gậy đánh chúng ta, cái gì làm hại chúng ta một cách trực tiếp? — Cây gậy! Còn nguyên nhân sâu xa khiến chúng ta bị tổn thương không phải kẻ cầm gậy, mà là sự sân hận, cái thúc đẩy người ấy đánh chúng ta! Thế thì chúng ta không nên hướng sự tức giận của mình về người ấy.

Có một phương cách khác, cũng rất hữu hiệu trong nhiều trường hợp. Khi có người làm chúng ta bị thương tổn, hãy nghĩ, "Thế này thì vẫn còn may phúc! May mắn là không bị những điều tai hại hơn nữa!" Khi thừa nhận rằng những điều cay cực, tệ hại hơn có thể xảy đến cho mình, chúng ta sẽ thấy những khó khăn mà mình phải đối phó trở nên ít đi và trở thành dễ chịu đựng hơn. Kĩ thuật này có thể được sử dụng để đối trị mọi loại khó khăn. Nhìn ở gần thì một vấn đề luôn luôn có vẻ to lớn, nhưng nếu được nhìn từ khoảng xa thì nó trở nên nhỏ bé hơn nhiều lắm, và điều này có thể giúp đối trị sân hận. Theo cách thế tương tự, một thảm kịch xảy đến cho chúng ta sẽ bớt đi tính cách bi đát nếu chúng ta phân tích, xem có cách nào vượt qua thảm kịch này không; nếu quả thật không có cách nào, thì lo lắng phiền muộn cũng vô dụng!

Sân hận là kẻ thù đích thực của tất cả mọi người. Cho dù đó là tâm ta, tâm của bạn hữu hay của người thù của chúng ta, thì sân hận vẫn là kẻ thù đích thực. Nó không thay đổi, bản chất của nó luôn luôn là tệ hại; người ấy có thể là kẻ thù của chúng ta hôm nay, nhưng ngày mai hoặc năm sau người ấy có thể trở thành một người bạn tốt nhất. Thế nên khi một người có những hành động thù nghịch làm chúng ta bị thương tổn, thì chúng ta đừng sinh lòng thù hận người ấy — một ngày nào đó tâm ý của người ấy sẽ thay đổi. Cái đáng bị chúng ta phiền trách là sự sân hận hoặc những thái độ, hành vi tiêu cực của người ấy; cho dù phát sinh trong người nào hay ở thời điểm nào thì chúng vẫn luôn luôn là thủ phạm gây ra mọi phiền não.

Muốn đối trị sân hận, chúng ta cần tu tập để làm tăng trưởng đức khoan dung độ lượng và hạnh nhẫn nhịn. Trong nghĩa này, để tập khoan thứ, tập kham nhẫn, chúng ta cần có một kẻ thù! Không thì chẳng có cơ hội nào để tập cả. Dù cho ý định của người thù là đúng hay sai thì đối với chúng ta, tình huống đó cũng đưa đến lợi lạc: những hành động hoặc ý tưởng xấu của kẻ thù là cơ hội để chúng ta tập luyện hạnh độ lượng và thử thách sức mạnh nội tại của chính mình. Nếu có thể nghĩ được như thế, chúng ta sẽ thấy rằng kẻ thù của mình là người mà chúng ta đúng ra nên biết ơn chứ không hẳn là đối tượng để chúng ta làm khổ.

Tuy nhiên trong thực tế kẻ nào gây ra và tiếp tục gây ra những điều vô lí và có hại cho người khác, kẻ ấy trước sau gì cũng đau khổ. Hiểu rõ tình trạng, chúng ta có thể đưa ra những hành động đối trị cần thiết mà không mang lòng sân hận oán thù. Trong các trường hợp như thế chúng ta có thể đưa ra những hành động chận đứng những hành vi bất thiện của kẻ đó, vì nếu không thì tình trạng đó sẽ trở nên tệ hại hơn. Chẳng những chúng ta được quyền ra tay, mà thật ra còn cần phải ra tay hành động. Điều khác biệt là, chúng ta làm thế không vì lòng sân hận thúc đẩy mà do ý định vị tha.

Có một cách thế đối trị sân hận khác, được đặt trên nền tảng từ bi và sự quí trọng người khác một cách thâm sâu. Trong phương cách này, một thái độ chân thật rất là cần thiết. Trong căn bản, người là một sinh vật xã hội, không thể sống còn mà không cần đến người khác. Do đó, vì sự sinh tồn, vì hạnh phúc và vì sự thành đạt của chính mình mà chúng ta cần đến người khác. Giúp người, quan tâm đến và chia sẻ những khổ đau của người khác cũng là giúp chính mình, hay cũng thu được cho chính mình những lợi lạc.

Điều này có thể được áp dụng trong một phạm vi rất rộng lớn, chẳng hạn đối với những vấn đề kinh tế thế giới. Nếu chỉ theo một chính sách kinh tế một chiều thì dù có thu được những lợi lộc nhất thời nhưng về lâu về dài, sự lỗ lã mất mát sẽ là một sự thật mà chúng ta có thể phải lãnh nhận. Nếu được đặt trên một căn bản vị tha hơn, đa diện

> Giọt nước mắt đầu tiên của tình yêu giống như hạt kim cương; giọt nước mắt thứ nhì giống như hạt ngọc; giọt nước mắt thứ ba giống như những giọt nước mắt khác không hơn không kém.
>
> — *Achille Poincelot*

hơn và rộng lớn hơn, một chính sách kinh tế sẽ đem đến những kết quả tốt đẹp hơn. Trong lãnh vực kinh tế hiện nay, chúng ta càng lúc càng lệ thuộc vào nhau, không những từ quốc gia này sang quốc gia kia mà còn từ lục địa này sang lục địa khác. Những quốc gia có mức tiêu thụ cao nhất hiện nay cần phải xét lại, xem mình nhận được nguyên liệu vật chất từ đâu để cho phép sự tiêu thụ như thế tiếp diễn, không thì một ngày nào đó việc làm này sẽ đưa đến những hậu quả trầm trọng khó lường. Hậu quả của sự khủng hoảng năng lượng và khoảng cách ngày một lớn giữa Bắc và Nam, giữa các nước giàu và những nước nghèo, đã làm vấn đề này càng lúc càng trở nên rõ nét hơn. Tình thế này nếu tiếp diễn thì chắc chắn sẽ tạo ra nhiều hậu quả xấu, nhưng nếu chúng ta suy ngẫm chuyện cải tạo hoàn cảnh thì sự phát triển một thái độ vị tha sẽ là trọng điểm để giải quyết vấn đề.

Sự phát triển các đức hạnh như tình thương hay tâm từ, tâm bi, sự nhẫn nhịn, tha thứ và hiểu biết về bản tính con người v.v. không chỉ là vấn đề tôn giáo thuần túy, mà còn là điều kiện để loài người có thể sống còn. Đôi khi tôi nói đến điều này như một tôn giáo phổ quát. Để trở nên một người lương hảo trong đời sống hàng ngày, chúng ta không cần đến các triết thuyết hay nghi thức tế tự, mà cần phát triển khả năng phục vụ tha nhân, hoặc ít nhất cố gắng không làm hại đến ai. Tuy nhiên các tôn giáo quả thật có trách nhiệm lớn. Vấn đề không phải là chuyện làm mọi người trở thành những tín đồ. Vấn đề là mỗi tôn giáo giúp được gì cho loài người. Những bậc thầy vĩ đại cổ thời đã đưa ra nhiều giáo thuyết khác nhau trong mục đích đem lợi lạc đến cho con người, có trường hợp còn cho mọi loài hữu tình. Và chắc chắn là các ngài không dạy chúng ta làm phiền làm khổ người khác.

Các cộng đồng và hệ thống tôn giáo khác nhau có những đóng góp theo cách riêng của mình — đóng góp không thuộc phạm vi lợi ích vật chất mà là những lợi lạc tâm linh. Đường hướng chân chính cho tương lai nhân loại là sự kết hợp hai điều này: thứ nhất, là người, chúng ta cần đến những tiến bộ vật chất để thỏa mãn nhu cầu cơ thể, và thứ hai là các tiến bộ nội tâm để thỏa mãn các nhu yếu tâm linh. Chỉ chú trọng đến khía cạnh vật chất là một thiếu sót vì khía cạnh này vốn không tình cảm, không kinh nghiệm và không có tri giác. Bao lâu thế giới chưa bị tràn ngập với những người máy, bấy giờ chúng ta vẫn còn cần đến tôn giáo. Là người, chúng ta có tình cảm, có sự sự kinh qua và nghiệm lại, biết đau đớn và biết cảm thấy thư thái dễ chịu. Khi các tình huống làm những điều này phát khởi trong chúng ta vẫn còn tồn tại, thì những thứ như tiền bạc chưa đủ để mang lại hạnh phúc; hạnh phúc hay không là tùy thuộc vào thái độ và cách thế tư duy của chúng ta.

Mỗi một hệ thống tôn giáo, như Do thái, Islam, đạo Phật, các dạng thức khác nhau của Ấn giáo và Kito đều có một vài phương thức đặc biệt giúp chúng ta đạt được hạnh phúc. Khi tiếp xúc với các nhà thông thái hoặc những tu sĩ, hành giả không phật giáo, chẳng hạn khi gặp các tín đồ kitô giáo thuần thành, thì dù không trao đổi với nhau một lời nào, chúng ta vẫn có thể cảm nhận rằng họ đã đạt được điều gì đó. Đó là cái được mang lại từ truyền thống tu tập của họ, và điều này cho thấy rằng các tôn giáo chẳng những hướng đến cùng một mục đích mà còn có khả năng tạo ra những người lương thiện tốt lành. Nhìn như thế, chúng ta dễ sinh tâm tôn trọng các tôn giáo khác.

Một sự thật là, có nhiều lãnh vực trong đó chúng ta có khuynh hướng tranh chấp nhau, trong khi tôn giáo là yếu tố có khả năng hàn gắn những đổ vỡ do con người tạo ra. Việc tôn giáo bị sử dụng như một phương tiện gây thêm chia rẻ, hiềm khích và tranh chấp là điều đáng tiếc. Một sự thật khác là, không thể biến tất cả mọi người trở thành người tôn giáo: không thể khiến mọi người trở thành phật tử, thành kitô hữu hoặc tín đồ của một tôn giáo nào đó; phật tử sẽ tiếp tục là phật tử, kitô hữu sẽ tiếp tục là tín đồ kitô giáo và người vô tín sẽ tiếp tục không có niềm tin vào bất kì tôn giáo nào (2). Dù muốn dù không chúng ta vẫn phải thừa nhận rằng đó là một sự kiện, và do đó mà sự tôn trọng quan điểm của người khác là điều rất quan trọng. Nếu người ta có niềm tin, chấp nhận một lí tưởng và cho rằng họ đã tìm được cách thế lợi ích nhất để cải thiện con người của mình, thì điều đó rất tốt và như thế họ đang thực hiện quyền tự do chọn lựa của riêng mình. Kẻ không có niềm tin tôn giáo, hay ngay cả người cho rằng tôn giáo là sai lầm, cũng ít nhất được một vài lợi lạc nào đó từ quan điểm chống tôn giáo của họ, và họ cũng có quyền tin tưởng như thế.

Bao lâu còn là người và còn là công dân của

thế giới này, bấy giờ chúng ta còn phải sống chung với tha nhân. Do đó chúng ta không nên tạo khổ đau cho người khác và hãy cố gắng hiểu rằng ta và người cùng là anh chị em với nhau. Có nhiều lí do hiển nhiên để phải phát triển những quan hệ chặt chẽ hơn giữa các triết thuyết, các tôn giáo và truyền thống khác nhau, nhất là trong tình huống hiện tại. Tôi rất vui khi nhìn thấy những dấu hiệu tích cực của một hoạt động theo hướng này, đặc biệt là nỗ lực tìm hiểu học hỏi lẫn nhau giữa cộng đồng phật tử Tây Tạng và các nam nữ tu sĩ kitô giáo. Người Tây Tạng chúng tôi có nhiều điểm cần học hỏi nơi các truyền thống khác.

Tuy nhiên một điều quan trọng phải hiểu là, tương lai của tôn giáo và những gì tôn giáo mang lại cho loài người không đơn giản là vấn đề duy trì các định chế giáo hội mà tùy thuộc rất nhiều vào nỗ lực hành trì tu tập của từng cá nhân. Nếu là người có đạo, chúng ta nên tu tập một cách thành khẩn chứ không phải hời hợt bề ngoài. Thế nên điều quan trọng là phải nắm bắt được cốt lõi, tinh hoa của tôn giáo mình, hiểu mục đích của nó và kết quả nó đưa đến. Nếu có sự chuyên cần, nghiêm chỉnh trong việc chuyển hóa bản thân, thì chính cá nhân chúng ta sẽ là một ví dụ sống thực và tiêu biểu cho những lợi lạc mà tôn giáo mình mang lại.

Có nhiều khác biệt quan trọng giữa các tôn giáo trong lãnh vực triết học. Kìna giáo (đạo Jain) và Phật giáo chẳng hạn cho rằng không có một tạo vật chủ hay đấng tạo hóa nào cả; ở tận căn bản, chính mỗi người chúng ta giống như một đấng tạo hóa. Trong giải thích Phật giáo thì ở tận sâu thẳm trong chúng ta có một cái biết hay thức cực kì vi tế, đôi khi được gọi là "tịnh quang" *(clear light)* và có những đặc tính mà tôn giáo khác sử dụng để mô tả đấng tạo hóa. Nhưng niềm tin căn bản của hầu hết các tôn giáo lại là Thần. Thế thì ở đây chúng ta thấy rõ cái khác biệt lớn lao trong phạm vi triết học.

Tuy nhiên thay vì dừng lại ở những điểm khác biệt giữa các tôn giáo chúng ta nên đặt vấn đề với một câu hỏi quan trọng hơn: chủ đích của các hệ thống và triết thuyết khác nhau này là gì? Câu trả lời là, chúng có cùng một chủ đích: mang lại lợi lạc tối đa cho nhân loại. Giữa con người với nhau có quá nhiều mô thức tâm thần vô cùng khác biệt, đến nỗi đối với một số người thì một truyền thống nào đó là hữu hiệu nhất, còn đối với người khác thì truyền thống khác, phương cách tu tập hành trì khác lại hữu hiệu hơn. Hoa làm chúng ta dễ chịu thoải mái, và một loại hoa thì tốt, nhưng nhiều loại hoa lại càng tốt hơn nữa, vì chúng ta có nhiều cơ hội để chọn lựa theo cảm quan và ý thích. Tương tự, đó là một điều tốt đẹp khi có nhiều hệ thống giáo lí, triết thuyết khác nhau; như thức ăn để nuôi dưỡng bồi cơ thể, tôn giáo và các tư tưởng hệ là thức ăn cho tâm trí chúng ta.

Có nhiều khác biệt giữa người này và người khác, ngay cả trong khung vật lí hạn hẹp, chẳng hạn trên khuôn mặt nhỏ bé của chúng ta mà đã có rất nhiều điểm làm người này không giống với người nọ. Tâm vốn không được tạo thành do vật chất thô lậu có hình tướng mà bao la vô hạn như không gian mênh mông, nên tự nhiên là có nhiều mô thức tâm thầm khác biệt nhau và do đó một tôn giáo hay triết hệ nào đó không đủ thỏa mãn toàn thể nhân loại. Với tâm niệm làm lợi lạc cho người khác, những gì chúng ta nên hướng tới không thể là hi vọng rằng người khác sẽ từ bỏ tôn giáo của họ để theo chúng ta, hay lấy chất liệu từ tất cả các tôn giáo khác để xây dựng một tôn giáo chiết trung. Chúng ta hãy tán thán những điểm tương đồng nhưng nên tôn trọng những khác biệt giữa các tôn giáo.

Chắc chắn là có những khía cạnh nơi các tông giáo có thể học hỏi lẫn nhau mà không phải từ bỏ căn tính riêng biệt của mình. Người Kitô giáo chẳng hạn có thể thấy sự ích dụng của các phương pháp điều định tâm ý của đạo Phật; có rất nhiều cách để tập luyện, chẳng hạn xuyên qua thiền định quán tưởng hoặc các phương thức phát triển hạnh khoan dung độ lượng tâm từ v.v. (3) Tương tự, người Phật giáo có thể thấy sự hữu hiệu và ích lợi cho việc tu tâm sửa tính của mình nơi các hoạt động từ thiện của người Kitô giáo. Ở đây, một điểm quan trọng cần nhớ là, cho dù học hỏi hay vay mượn lẫn nhau điều gì đi nữa thì những lợi lạc mà tôn giáo mang lại cùng những đóng góp của tôn giáo cho con người hoàn toàn tùy thuộc vào chính chúng ta, vào sự việc chúng ta có thật tâm đem các điều đó vào sự thực hành không. ■

> Sự ghen tuông chỉ đẹp trên gương mặt trẻ và nhiệt thành.
>
> *---- Alfred Capus*
>
> Phụ nữ tầm thường luôn luôn ghen chồng mình. Phụ nữ xinh đẹp không bao giờ như thế, lúc nào họ cũng quá bận rộn với việc ghen chồng người khác.
>
> *---- Oscar Wilde*

**Chú thích:**

(*) Nguyên tác: "What can Religion contribute to Mankind?" đăng trong *Chò Yang:* The Voice of Tibetan Religion & Culture, Vol. 1, No. 2, 1987.

(2) Phát biểu này có vẻ không thuận lí trừ phi hiểu 'người tôn giáo', 'phật tử', 'kitô hữu', v.v. như kẻ có hiểu biết niềm tin của mình và thật sự áp dụng nó vào đời sống. Trong các bài giảng của mình Dalai Lama thường nói rằng, cho đến nay người tôn giáo vẫn là thiểu số; những người khác, dù có thể do bối cảnh gia đình mà xem mình như người Phật giáo, Ấn giáo, Kitô giáo v.v. nhưng "một sự thật mà chúng ta phải chấp nhận là, đại đa số những người như thế trong thực tế không nhất thiết là người thực hành niềm tin của họ."

(3) Một sự kiện thoạt nhìn thì rất đáng ngạc nhiên là, các phương thức phật giáo cũng đã được vận dụng để phát triển sự trung thành với Giáo hội; có thể xem Nguyễn Văn Thành, *Chúng ta Sống lại - từ Tâm lý đến Đức tin,* Định Hướng Tùng Thư, Phong Trào Giáo Dân Việt Nam Hải Ngoại 1995. ■

# ĐÚC TƯỢNG BỤT

LÊ VĂN LÂN

*Thân tặng họa sĩ Phạm Thăng*

Trong mắt của một Phật tử thuần thành chân chính, ngay dù là một người thường tuyệt đối chủ trương "Phật tại tâm," tượng Bụt (hay Phật) là một hình thức cụ thể hóa cần thiết cho lòng tín mộ của đám thiện nam tín nữ. Kiểng chùa nghèo thì tượng Bụt bằng gỗ, đắp nặn bằng đất, hay xi măng, hay đúc bằng đá. Ngôi Phật tự lớn nguy nga thì tượng Bụt được đúc bằng đồng, bằng bạc, bằng vàng, hoặc chạm bằng ngọc. Tượng Bụt cơ hồ càng lớn bao nhiêu thì lại càng tượng trưng cho lòng tín mộ lớn bấy nhiêu, và điều công đức lại càng sâu dày bấy nhiêu...

Tượng Bụt — trên phương diện văn hóa — lại là những cổ vật quý báu thể hiện những khía cạnh nghệ thuật và kỹ thuật của một quốc gia.

Lên chùa thắp nhang lạy Bụt là một hành động tín ngưỡng mà từ thế kỷ này qua thế kỷ khác nhiều thiện nam tín nữ đã từng làm một cách thành khẩn... Nhưng ngẫm lại, đã mấy ai có cơ duyên tìm hiểu, nhất là chứng kiến một pho tượng Bụt được đúc như thế nào? Ngay dù đối với một thiểu số được may mắn thấy cảnh đúc tượng, mấy người đã hiểu bao nhiêu là sự kiện, hay chi tiết kỹ thuật từ giai đoạn nắn tượng mẫu, đắp khuôn, nấu đồng cho đến giai đoạn đúc cho viên mãn... Đó là chưa kể những con số về thành phần chất hợp kim dùng đúc tượng, về kích thước, trọng lượng của pho tượng hoàn thành.

Ấy thế mà, tôi vừa có được một chút cơ duyên hạnh kiết gọi là nắm bắt được những dữ kiện trên qua một bài tường thuật viết bằng Pháp ngữ, cách đây 42 năm, trong một tập san của trường Viễn Đông Bác Cổ ở Hà Nội (*Bulletin de l'École Francaise d'Extrême Orient.* BEFEO 1954).

Nhan đề của bài tường thuật là: *LA FONTE À HANOI d'une Statue du Buddha* (Đúc tượng Bụt ở Hà Nội), do ông Louis Malleret, Giám đốc của trường này viết. Bài tường thuật này phải nói là một sự tường trình công phu tỉ mỉ từng chi tiết đầy khoa học tính với sự phụ giúp của nhiều hợp tác viên khác như các ông Đặng Thế Khải, Trần Huy Bá về các sơ đồ và hình vẽ, các ông Jean Manikus và Nguyễn Hữu Thọ về nhiếp ảnh.

Pho tượng Bụt này là pho Phật A Di Đà khổng lồ được đúc vào ngày 26 tháng Mười năm 1952 tại chùa Thần Quang ở số 44 đường Ngũ Xã, ở ngoại ô phía Bắc thành phố Hà Nội. Pho tượng cao ba thước 95 phân, cần phải sử dụng đến mười tấm kim khí nấu chảy ra, huy động đến một đám đông đảo 144 thợ chuyên đúc đồng lành nghề (100 thợ từ làng Ngũ Xã và 40 thợ từ Bắc Ninh, hai thợ từ Hải Dương, hai thợ từ Sơn Tây).

Thời gian quyên góp đối với các thiện nam tín nữ hằng tâm hằng sản phải kéo dài từ ba năm trước nghĩa là 1949, cùng với bao nhiêu công tác phối hợp âm thầm như chọn mẫu, chọn kiểu cho pho tượng cùng là thâu góp số lượng kim khí và mua dụng cụ. (Ủy ban công đức đúc tượng gồm hai chủ tịch là Bác sĩ Bùi Văn Quý và thượng tọa Vĩnh Tường). Nghệ sĩ đắp tượng là Nguyễn Phú Hiếu đã tham bác nhiều tài liệu Trung Hoa và Nhật Bản để nắn thành một pho tượng A Di Đà mang những nét hài hòa và tổng hợp của tinh thần nghệ thuật Việt Nam. Thời gian nắn mẫu kéo dài 18 tháng và khi mẫu đã hoàn thành, ông thợ cả về đúc đồng là ông Nguyễn Văn Tùng cùng các trợ tá phải làm việc một năm trời mới đắp xong cái khuôn. Thế mà thời gian để đúc tượng chỉ được kéo dài không quá ba tiếng đồng hồ của một buổi sáng. Tượng đúc xong vào năm 1952, nhưng bài tường trình bằng Pháp ngữ của ông giám đốc trường Bác Cổ Louis Mallerey phải chờ đến hai năm sau (1954) để thu thập các tài liệu từ các hợp tác viên mới viết xong.

Trên đây chỉ là những dữ kiện về thời gian nghe đã hấp dẫn, chưa kể nhiều chi tiết ly kỳ khác mà tôi sẽ nói ở sau như điều khiển phối hợp nhịp nhàng, quy củ một lực lượng nhân lực 144 thợ làm việc đúc đồng trong vòng ba tiếng đồng hồ trên một khoảng đất nhỏ để hoàn thành một pho tượng Bụt viên mãn quả là một điều đáng phục, nhất là với những phương tiện điều kiện kỹ thuật cổ truyền. Ở câu kết của bài tường thuật, ông Louis Malleret đã viết:

*L'ensemble de la coulée n'a été une réussite que par une coordination calculée de tous les actes professionnels et le sens de l'organisation quy s'est manifesté en le circonstance, fait certainement le plus grand honneur aux aptitudes ingénieuses de l'esprit viêtnamien.*

(Toàn bộ công tác đúc tượng chỉ có thể thành tựu nhờ ở sự phối hợp có tính toán của tất cả các động tác lành nghề và năng khiếu tổ chức tùy theo hoàn cảnh, chắc chắn đã làm nên niềm vinh dự lớn lao nhất cho những khả năng khéo léo của tinh thần Việt Nam).

Bây giờ xin mời quý bạn đọc đi vào những chi tiết:

"Làng Ngũ Xã — gồm năm xã như tên gọi — nằm trên một cù lao của hồ Trúc Bạch phía Bắc Hà Nội là một làng chuyên nghề đúc từ lâu đời. Làng gồm nhiều phường thợ đúc các đồ vật bằng đồng như nồi chảo. Các món ngũ sự tam sự để thờ hay để chưng như lư, đỉnh, tượng, chuông... sự hoạt động vẫn giữ tính cách gia đình và cổ truyền tuy rằng có chịu một phần nào chút ảnh hưởng về canh tân kỹ thuật.

Công việc đắp khuôn để đúc tượng Bụt có nhiều chi tiết kỹ thuật đáng chú ý. Thông thường, khuôn đúc gồm hai phần là *vỏ khuôn* và và ruột khuôn gọi theo tiếng phường đúc là *thao*. Nằm giữa *vỏ khuôn* và *thao* là khoảng trống để đổ đồng nấu chảy vào để thành hình món đồ. Vỏ khuôn và thao làm bằng đất sét vàng nhồi trộn với trấu. Mới đầu, người ta đổ thử một hỗn hợp gồm đất phù sa của sông cái trộn với cát và nhiều giấy bản cốt thế nào để khi khô thì món đồ mẫu chắc nhưng dẻo có thể dễ gỡ ra khỏi khuôn rồi sau mới đổ kim khí lỏng vào. Chung quanh vỏ khuôn và thao, người ta niềng chắc bằng những sợi dây thép chằng qua chịt lại. Đồng được nấu chảy trong một cái lò xây gạch với nhiều cái nồi nấu, đốt bằng củi, thổi bằng những ống thụt bể cổ truyền thô sơ.

Trong công đức đúc pho tượng Bụt chùa Thần Quang, thì sự việc diễn tiến như sau:

Công tác đầu tiên là nặn tượng mẫu bằng đất sét từ đó mới tạo thành những mảnh thành phần một cái vỏ khuôn bằng xi măng. Từ cái khuôn vàng, người ta bèn đúc thí nghiệm một cái tượng mẫu bằng xi măng.

Giai đoạn thứ hai nhằm mục đích là làm Thao. Muốn thế, người ta nhét xi măng vào những phần rỗng của tượng mẫu xi măng rồi lớp đầu gồm một hỗn hợp đất sét, giấy bản, tro do trấu đốt ra, đại khái thì nửa phần đất, và 1/4 giấy, 1/4 tro. Đến lớp nhì được đắp gồm 1/3 đất, 2/3 là tro trấu. Bí quyết của vai trò tro và trấu là tạo thành một chất "rút chất béo" (*dégraissant*) để tránh những vết xước khi đồng chảy được đúc ở nhiệt độ cao. Những bộ phận của cái thao đã được tạo thành bèn được ráp lại dựa vào những chuẩn điểm được phân bố thật kỹ bằng những sợi dây sắt đúc bên trong, cuối cùng thì được trét đất và trấu cốt để cái thao liên lạc với nhau thật khít. Như vậy cái thao hay cái lõi là phần lồi của khuôn mà người ta sẽ chạm đẽo thật kỹ cốt để ước tính trước chiều dầy của lớp đồng trên pho tượng Bụt.

Công tác thứ ba là tạo ra cái phần lõm của khuôn hay cái khuôn thực sự được tạo thành bằng 51 mảnh rời được đánh số từ dưới lên trên khi được ráp yên vị lần cuối. Mỗi mảnh lại được đúc thử bằng xi măng, rồi được đắp chồng lên bằng hai lớp hỗn hợp đất, trấu như cái lõi hay thao. Người ta lại chừa những *lỗ đậu* tức là những ống rãnh để đổ đồng chảy ở những điểm thích hợp Mỗi một mảnh được tăng cường bằng những tấm hay cây sắt cùng với những cái móc và vòng để gắn yên vị với nhau.

Người ta phải tính kỹ cái khoảng trống cần thiết giữa cái mặt lõm khuôn và cái lõi lồi của thao để sau này lớp đồng dày cho thích hợp, không dày, không mỏng.

Toàn thể các mảnh được ràng chặt bên ngoài bằng những niềng thép dầy được siết bù lon rồi được đắp thêm một lớp đất trộn vỏ trấu (xin coi hình vẽ) gọi là vỏ khuôn. Toàn thể cái lõi, cái khuôn và cái vỏ khuôn được đắp phần lớn bằng đất sét. Đất này được lấy từ đất phù sa của Hồ Tây hay ngoài sông Hồng Hà để tránh sự sàng lọc và để có một thể chất rất mịn. Đối với người thợ lành nghề, thì tùy theo tính chất của đất sét mà gia giảm những vật liệu khác để khi nhào trộn cốt sao cho đất ăn với khuôn, sự gia giảm này không nhất thiết có phân lượng chính xác mà phỏng chừng theo kinh nghiệm.

Về chiều dày của lớp đồng đúc, cũng không nhất thiết phải giống nhau, mà là tùy theo chỗ trên pho tượng, mỏng ở các phần trên và dày ở phần dưới hay ở các chỗ lồi nhô ra. Chỗ mỏng nhất là không quá hai cm, còn ở phần đế hay phần đầu gối thì dày 10 cm. So với pho tượng cao gần bốn mét thì toàn thể kể là hơi yếu. Tuy nhiên, chiều dày trung bình năm cm kể như là đủ vững chãi.

Toàn thể khuôn, vỏ khuôn và lõi khuôn (thao) được yên vị trong một cái hố bê tông mà nền xây bằng gạch vụn thật chắc trên kê lót ba hàng xà sắt sắp đan ngang dọc, cần nhất là nền phải phẳng thủy bình. Bốn lò lửa được xây ở phần đáy hố và ống khói thông với khoảng trống để đúc để đưa hơi nóng lên. Lửa phải đốt liên tục trong một tuần cho đến buổi sáng đúc tượng, cốt làm sao cho có một sự khô toàn hảo và giúp cho đồng lỏng nhờ sức nóng mà phân phối đều khắp các lỗ trống.

Chung quanh hố là một bức tường gạch và có bốn bậc thang được bắc quanh khuôn tượng. Nối liền các bậc thang là những tấm ván để thợ đúc đưa đồng nấu lỏng lên các lỗ đậu ở phần trên bức tượng bằng các nồi nấu nhỏ khiêng bằng cán tre.

Ở phần dưới khuôn tượng, đồng lỏng được đổ vào qua các rãnh hay máng từ năm cái nồi đúc lớn kê trên những chiếc xe goòng chạy theo đường rầy. Các nồi nấu này có thể đẩy nghiêng tùy theo trường hợp thích hợp để đồng lỏng chảy vào các máng rãnh và các lỗ đậu.

Có cả thảy 14 lò nấu dùng để nấu, năm lò cỡ lớn đặt ở gần hố tượng, những lò khác thì đặt xa gần tùy chỗ.

Mỗi lò nấu được đánh số tương ứng với các lỗ

> Tai người ghen nghe thấy hết mọi thứ, kể cả những tiếng thì thào.
>
> *— Thánh Kinh*
>
> Đối với một người đàn bà, bảo vệ đức hạnh của mình trước những người đàn ông còn dễ dàng hơn là bảo vệ tiếng tăm của mình trước những người đàn bà.
>
> *— Rochebrune*

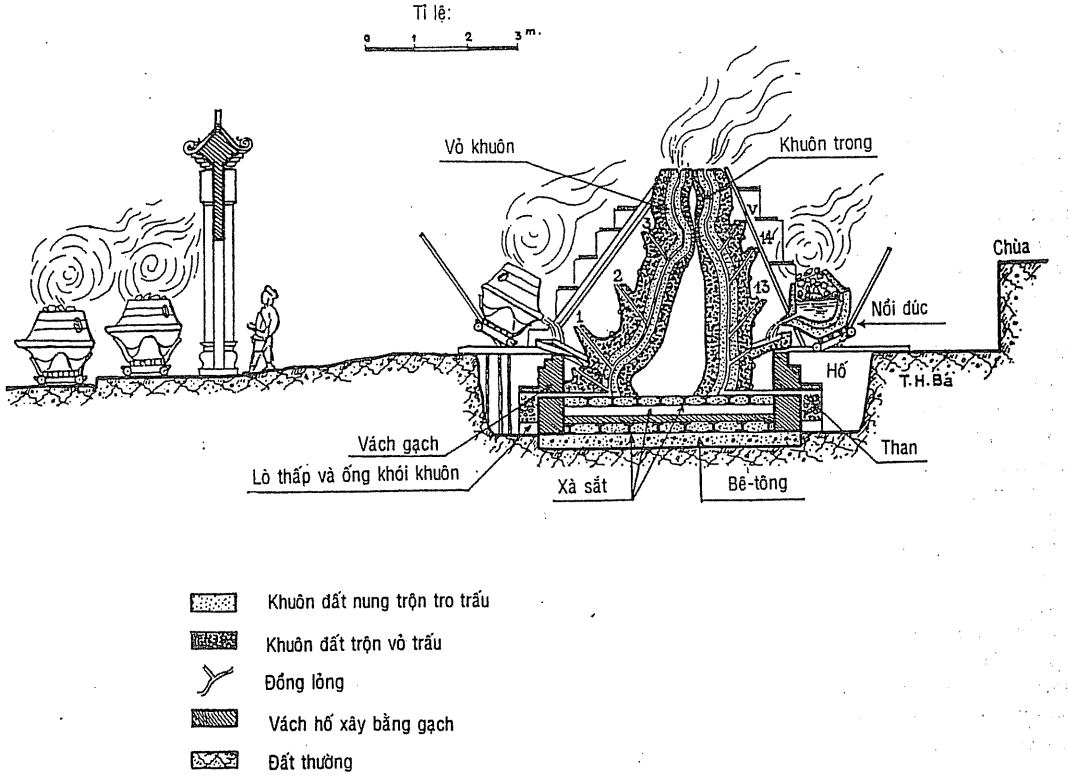


đậu để khi khởi sự đúc thì có một sự phối hợp toàn hảo trong sự thi hành các động tác một cách mau lẹ. Mặc dù là một đám đông 144 thợ đúc, nhưng công tác được điều khiển qua máy phóng thanh nên rất nhịp nhàng ăn khớp.

Bây giờ chúng ta thử đi vào chi tiết của chất hợp kim đúc tượng. Bên cạnh mỗi lò nấu là những vật kim khí do thiện nam tín nữ dâng cúng. Tuy rằng mười tấn đồng được quyên góp nhưng chỉ tám tấn dùng được, gồm những vật linh tinh như các ống đồng, vòi nước, bù loong, ổ khóa, đinh vít, nồi, chén, khay, mâm đồng, đuôi đạn, lư đồng, chuông, tiền đồng, tượng đồng bể. Tóm lại từ những món gọi là đồng nát đến những phế liệu bằng đồng từ các xe hơi như hộp số và bánh xe răng cưa... Toàn thể vật liệu để nấu phần lớn là làm bằng chất đồng đỏ (đồng điếu) hay đồng vàng và thau cùng các loại đồng khác trộn lẫn với vài hợp kim linh tinh.

Đến đây, tôi xin mở dấu ngoặc để nói về các loại đồng thông dụng với cách đúc của chúng. Trong việc đúc tượng ở Việt Nam, người ta không nhất thiết chú ý đến sự ròng nguyên chất của chất đồng. Đồng theo cách gọi của người Việt Nam gồm nhiều thứ như *Đồng đỏ (đồng điếu), đồng vàng (hoàng đồng), thau, đồng đen, đồng bạch...*

Đồng nguyên chất là *đồng đỏ* (hay đồng tụ, đồng điếu, đồng cua). Còn loại đồng mà tiếng Pháp gọi là *bronze* được ta gọi là "đồng pha chì." *Đồng đen* là đồng pha với chì và vàng mà tỉ lệ thành phần chưa ai rõ. *Đồng bạch* thì gồm đồng 80%, nickel 30%, kẽm 5.5%. Còn đồng để đúc chuông hay chiêng là đồng 80% pha với 20% thiếc thì đánh mới kêu rền. Theo giới thợ đúc Việt Nam, thì đúc pho tượng Quan Âm đã dùng đồng điếu (10 kg) "chì mềm" 300 gr, thiếc 100 gr. Đúc nồi cũng một thành phần như vậy. Trong công tác đúc tượng Bụt chùa Thần Quang, người ta dùng những cây chì mềm — chì mềm thường dùng làm cầu chì điện hay ống nước. Còn "chì cứng" thì là một hợp kim của chì, *antimoine*, và đôi khi thiếc, thường dùng để đúc chữ in, hay các tấm trong bình ac-quy. "Chì mềm" thì gồm có chì nguyên chất 97.39% và kẽm 2.6%.

Theo sự kê cứu của ông Louis Malleret cũng như nhiều vị khảo cổ khác thì thành phần kim loại để đúc các tượng ở Đông Nam Á Châu không thuần nhất. Ông thợ cả đúc tượng Phật của chùa Thần Quang tiết lộ về thành phần như sau: đồng 100 kg, chì 7 kg, nhưng đồng thời cũng pha trộn một mớ kẽm từ các vật linh tinh khác. Trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội cũng lấy để phân chất vài mẫu đồng nhẽu ra từ các lỗ đậu hay mẫu đồng còn sót trong các nồi nấu khác nhau thì thấy thành phần của chất đồng và các hợp kim pha lẫn thay đổi rất khác nhau tùy theo bộ phận của pho tượng Bụt: tai, ngực, tay, thắt lưng, đầu gối... Người ta có thể nghĩ rằng độ đun nóng của nồi nấu không đủ để trộn lẫn thuần nhất hỗn hợp kim khí khi đúc tượng, trong công tác đúc tượng chùa Thần Quang, người ta không dùng các ống thụt bễ cổ truyền mà dùng quạt máy điện để thổi. Ngoài ra, còn dùng than đá từ mỏ Hongay để đốt lò cho có nhiều độ nóng hơn. Thiết tưởng cũng cần biết rằng than đá Hongay là loại *anthracite* không đủ "độ béo" (*gras*) nên chưa làm thành thứ than để đốt lò kỹ nghệ (*coke industriel*), nên người ta đã từng dùng

Có lẽ cần ba tháng, vết thương mới lành hẳn. Còn tay chỉ bị xây xát, bị bong gân, chỉ cần uống thuốc chống đau nhức, trong vòng một tuần lễ, sẽ khỏi. Bây giờ y tá sẽ chuyển bà cụ qua phòng trị bệnh. Thế thôi. Chúc mọi người may mắn."

Đồng cầm tay trái của mẹ. Bà còn đau đớn, vẻ mệt mỏi hiện bên trên đôi mắt, trên khuôn mặt bơ phờ. Chân phải của bà đã được bó bột thẳng đờ và kê lên cao. Tay phải của bà cũng được băng bó và choàng vào cổ.

Đồng cúi sát xuống mẹ, hỏi:

"Mẹ có còn đau lắm không mẹ?"

Bà An chỉ khẽ gật đầu. Bà nhìn Đồng như muốn hỏi điều gì, nhưng bà mệt mỏi quá, không nói được. Đồng hiểu mẹ muốn hỏi Lâm đâu. Đồng cúi xuống nói nho nhỏ:

"Thằng Lâm có lẽ đi chơi cuối tuần với vợ, con chưa gọi điện thoại được. Khi nào hai vợ chồng nó về, bọn nó vào thăm mẹ còn vợ con, chốc nữa sẽ lên thăm mẹ."

Hai y tá đẩy giường bà qua dãy B West. Bà nhắm mắt như muốn ngủ. Đồng nói nho nhỏ với Thục và Châu:

"Thục, thôi con về nhà nghỉ một tí đi. Cậu cám ơn con và Châu. Tối nay, con có đi làm nhà hàng không? Không hả? Con cứ ở nhà học và nghỉ ngơi. Cậu ở lại trong này săn sóc bà. Con cứ đi học, đi làm ngày mai như thường lệ."

Đồng nhìn đứa cháu gái. Con bé xơ rơ, tóc tai rối bù. Bộ áo quần "Warm Up" xốc xếch. Đồng nghĩ, chắc nó và thằng Châu cũng chưa kịp đánh răng rửa mặt khi vội vã đưa bà vào nhà thương. Nhưng con bé không một lần than van, nhăn nhó.

Thục và Châu chào Đồng đi về. Đồng vỗ vai Châu:

"Cảm ơn Châu đưa bà vào nhà thương trong lúc nguy kịch."

Châu gật đầu dạ và chạy theo Thục đi ra tìm thang lầu xuống tầng trệt, đi ra parking lot tìm xe.

Đồng bước lại chỗ điện thoại, gọi về cho vợ. Tiếng Oanh:

"Em chờ anh gọi, sốt ruột quá. Mẹ khỏe không anh? Chân, tay mẹ có việc gì không?"

Anh nói những điều bác sĩ nói lúc nãy cho vợ nghe. Anh dặn Oanh, khi vào thăm mẹ, đi vào cửa trước, để xe ở khu dành cho thân nhân đi thăm viếng, lên lầu hai, phòng B207, khu West. Mẹ đang thiếp ngủ một tí, có lẽ mẹ còn đau nhức lắm.

Oanh hỏi:

"Còn Thục đâu? Bảo nó săn sóc bà, anh chạy về ăn uống gì một tí, chứ nhịn đói suốt ngày sao chịu nổi."

Đồng giải thích cho vợ:

"Anh mới bảo nó về nhà để nghỉ ngơi, đánh răng, rửa mặt, thay quần áo. Anh không thấy đói bụng lắm. Có lẽ khi em vào, anh chạy xuống cafeteria ở đây ăn gì một tí cũng được. Hay là em làm cho anh một cái bánh mì, đem vào cho anh ăn tạm cho xong."

Oanh ngập ngừng:

"Ờ thôi chốc nữa, khi em vào thăm mẹ, anh xuống cafeteria đi ăn coi được hơn. Với lại, khi em vào em phải xách đủ thứ, nào chậu hoa, nào cam, nào táo, nào nho. Tay đâu em cầm bánh mì cho anh. Vả lại, chỗ người qua kẻ lại, anh đứng ăn uống nhồm nhoàm không giống ai, coi kỳ lắm. À mà anh, em có gọi về Houston cho ba má, báo cho ba má hay để ba má fax cái 'fax' lên thăm mẹ và gọi cho 'flower shop' đưa hoa đến phòng mẹ. Để

TRẦN HỒNG CHÂU

## NGƯỜI MẸ

**người mẹ Kurde chạy loạn**
**cuống quít**
**xuống núi lên đèo**
**cheo leo**
**lạnh bởi đêm tuyết**
**vùi nông đứa con trai**
**độc nhất**
**vùi nông thiên thần**
**Chúa-trong-lòng-máng-cỏ**
**hết nước mắt rồi!**

**người mẹ Việt Nam**
**thuyền nhân**
**trên đỉnh sóng**
**mênh mông Thái bình dương**
**hoang tưởng**
**chết!**
**con nhỏ không sữa bú**
**thiên thần không sữa bú**
**quẳng xác thiên thần**
**Chúa Hài đồng xuống Biển đông**
**hết nước mắt rồi!**

**có ai ngồi bình tâm**
**viết luận về triết hiện sinh**
**hay nghe mưa rơi thánh thót**
**trên dương cầm Debussy**
**khi ở cuối đường biên chịu đựng**
**những người mẹ**
**đã thành gỗ đá thảm sầu**
**khi lửa đỏ cuồng loạn**
**còn giăng màn chết**
**khắp trời bốn phương!**

# ĐỰNG CHỜNG

## ÔNG TIẾN HƯNG

Khi ông Hoàng Kế Viêm mới ra làm quan ở kinh đô Huế (1842) thì bà Nguyễn Thị Duyên, vợ chánh thất, sống yên ổn ở quê nhà, làng Văn La, Quảng Bình cùng mẹ chồng, cụ bà Hoàng Kim Xán và con gái đầu lòng, Hoàng Thị Nữ Phiến.

Đến khi bà Nguyễn Thị Duyên mang thai lần thứ hai (1843) thì ở kinh đô, triều đình vua Thiệu Trị xúc tiến việc lập gia đình cho công chúa Hương La, con thứ năm của vua Minh Mạng (em ruột vua Thiệu Trị).

Ông Hoàng Kế Viêm, 23 tuổi, học giỏi, đỗ cử nhân, hiền đức, nhiều người mến mộ, lại là con cụ Hoàng Kim Xám, nổi tiếng hiếu hạnh, có bài vị thờ tại miếu Hiền Lương trong thành nội Huế, được các quan trong triều và hội Hoàng gia đồng thanh tiến cử làm phò mã và được vua chuẩn y.

Lệnh vua là tối thượng, hơn nữa, thời phong kiến, trai năm thê bảy thiếp là thường, Hoàng Kế Viêm không thể không tuân lệnh vua. Đám cưới công chúa, nghi lễ rườm rà, trước sau cộng là sáu lễ: nạp thái, vấn danh, nạp trưng, nạp các, điện nhạn, thân nghinh, mỗi lễ đều có lễ vật, tính chung gồm hai trâu, hai bò, ba heo, bốn ché rượu, hai mâm cau trầu, hai cây gấm, 12 cây lụa, 10 nén vàng, 36 nén bạc, hai chuỗi ngọc, chưa kể các thứ lặt vặt như hai hộp chỉ ngũ sắc, 100 đồng tiền tượng trưng sự phú quý, hai lá thiên tuế tượng trưng cho sống lâu, hai con ngỗng (uyên ương điểu) thay thế cho cặp chim nhạn ở xứ ta không có. Theo sách Trung Quốc, chim nhạn không kết đôi lần thứ hai.

Nghi lễ ấn định như vậy nhưng sau khi Bộ Binh và Bộ Lại (coi về nhân sự) tâu lên vua về gia cảnh nhà trai, vua phê vào phiếu trình: Xét Văn Ý Công Hoàng Kim Xán là người hiền đức, thanh liêm, đã quy tiên hơn 10 năm rồi, gia đình thanh bạch nên chi phí về hôn lễ ấn định của triều đình sẽ do công khố đài thọ.

Như vậy là đám cưới được cử hành đúng nghi thức. Sính lễ có kim sách (sách bằng vàng gồm bảy tờ) coi như là chứng nhận kết hôn trong đó có khắc ngoài các thứ theo tục lệ cổ truyền như phù lang thành bàn (cau trầu thành mâm) mỹ tửu thành trình (rượu ngon đóng hũ, đây là cái ché), hoa chúc thành song (đuốc hoa hai cái, tượng trưng bằng đôi đèn nến long phụng, hoa là cây gỗ Hoa), hoa nhĩ thành song (đôi hoa tai). Cũng cần lưu ý là thời đó công khố còn khá nên mới có kim sách, các đời vua sau, công khố nghèo hơn nên chỉ có ngân sách, sách bằng bạc. Đặc biệt thời đó, vua còn ban cho vương kiếm và vương tiễn (roi), đó là hai thứ tượng trưng cho vương quyền khi công chúa lấy chồng: nếu phò mã có lỗi nặng trong đạo vợ chồng, công chúa có quyền chém, ngược lại, nếu công chúa có lỗi, phò mã chỉ được phép dùng roi của vua đánh công chúa mà thôi.

Kể từ ngày trở nên phò mã, tháng Ba năm 1844, theo quy chế, Hoàng Kế Viêm không giữ một chức vụ gì trong chính quyền mà chỉ hưởng lạc tại phủ công chúa ở làng Lại Thế, Huế. Tuy nhiên, con người ai cũng nặng mối tình đầu nên Hoàng Kế Viêm một mặt gửi giấy về quê bề ngoài "để vợ," tiếng địa phương nghĩa là bỏ vợ, nhưng mặt khác vẫn bí mật liên lạc với bà Duyên.

Kịp đến ngày bà Nguyễn Thị Duyên gần nở nhụy khai hoa, chuẩn bị che buồng lo việc sinh nở thì trong họ ngoài làng có người xấu bụng gây trở ngại, viện cớ không chồng mà có con, hy vọng hưởng rượu phạt vạ hoặc tâng công với quan lại địa phương (trong âm mưu của công chúa). Bà Nguyễn Thị Duyên vẫn vững chắc tinh thần với lý lẽ mình lấy chồng có cha mẹ cưới hỏi đàng hoàng. Ấy thế mà lại có người quá khích còn đòi "ĐỰNG CHỜNG" (tiếng địa phương: dựng giường lên) không cho nằm đẻ.

Tuy vững tâm nhưng bà Nguyễn Thị Duyên vẫn liên lạc cầu cứu ông Phò (gọi tắt chữ phò mã) và ông Hoàng Kế Viêm đã gửi thư về xác nhận là vợ con mình.

Rồi bà Duyên sinh con gái lần thứ hai, mẹ tròn con vuông. Sáu tháng sau khi sinh, bà được công chúa Hương La mời vào Huế. Những âm mưu của công chúa với quan lại địa phương (Quảng Bình) hòng bôi nhọ bà Duyên đều không kết quả, công chúa phải đổi chiến thuật. Một mặt mua chuộc bà Duyên bằng quà cáp hậu hỹ, một mặt dùng uy thế của con gái vua bắt buộc bà Duyên xa lìa ông Hoàng Kế Viêm.

Cuộc đối thoại thật gay cấn. Công chúa dùng mọi lý lẽ, dựa trên lệnh vua để buộc bà Duyên về đi lấy chồng khác, nhưng bà Nguyễn Thị Duyên đưa ra những câu trả lời đầy ý nghĩa. Bà chậm rãi nói: "Tôi tuân lệnh vua. Ông Phò là của công chúa. Ông Phò ngự tại phủ công chúa ở Lại Thế, Huế, việc đó không phải bàn cãi. Riêng vấn đề công chúa bảo tôi về đi lấy chồng thì chưa thể làm được. Phàm con người phải giữ đạo hiếu. Tôi hiện còn phụng dưỡng mẹ chồng (cụ bà Hoàng Kim Xán) già yếu ở quê. Con dâu nhà có gia phong không thể trốn tránh bổn phận của mình. Chừng nào bà cụ sinh ra ông Hoàng còn thì tôi còn săn sóc hầu hạ."

Câu nói đã làm cho công chúa đuối lý, lại còn có ý mỉa mai, chê khéo công chúa chỉ biết giành

chồng mà không nghĩ đến đấng sinh thành.

Thế rồi, không biết có phải trời có con mắt không! Năm sau, Hương La công chúa thọ bệnh rồi mất ngày 17 tháng Mười năm Ất Tỵ (tháng 11, 1845), chết khi đang mang thai khoảng sáu tháng. Thai quá lớn khiến ông Phò, trước đó nhiều ngày, đã phải cho cột sào quanh nhà cho "bà bầu" vịn đi men men.

An táng công chúa xong, ông Hoàng Kế Viêm về làng thăm mẹ, gặp vợ, gặp con, đứa con gái ra đời sắp đầy tuổi tôi (một năm) mà bố mắc "kẹt" trong phủ công chúa ở Lại Thế không sao nhìn được. Người ta khi vợ mới chết thì mặt mày ủ rũ, u sầu, đằng này ông về quê mà không tỏ vẻ vui, vẻ buồn. Thực ra mối tình ngắn ngủi với công chúa Hương La chỉ mới một năm rưỡi trong khi vợ yêu của mối tình đầu vẫn trung thành ở vậy tại quê nhà nuôi con, phụng dưỡng mẹ mình chu đáo. Như vậy, trong lòng ông khác nào phơi phới như "tiến sĩ vinh quy bái tổ," ấy thế mà ông vẫn tỏ ra là người lịch sự, bề ngoài rất bình thản. Đó đúng là thái độ của người quân tử. Tình trạng lẫn lộn vui buồn này của ông, ngay từ lúc còn trẻ, mới 25 tuổi, có ảnh hưởng gì đến tương lai của ông không. Phải chăng đây là sự báo hiệu cho một cuộc đời oai hùng đầy sóng gió, ngang trái của ông sau này? Ông Hoàng Kế Viêm về đặt tên cho con gái là Toản, khác với lần đặt tên con gái đầu lòng, Hoàng Thị Nữ Phiến. Phiến là quạt thổi bùng lửa lên, ý nói muốn giúp cho cha có tiếng tăm. Chữ Phiến ( 煽 ) thuộc bộ hỏa ( 火 ) còn chữ Viêm, hai chữ hỏa chồng nhau ( 炎 ) nghĩa là lửa bốc lên. Còn lần này, ông đã đổi ý kiến, không dùng bộ hỏa.

Nguyên ông lấy công chúa, đã thành phò mã mà còn mang cái tên có chữ lót KẾ nghĩa là nối khiến nhà vua lo sợ xa gần, triều đình mới đổi tên lót KẾ ( 繼 ) thành TÁ ( 佐 ) nghĩa là giúp: Hoàng Kế Viêm thành Hoàng Tá Viêm. Ông Hoàng đã luyến tiếc chữ Kế thuộc bộ Mịch ( 糸 ) nên thay vì đặt tên con lần này theo bộ hỏa của chữ Viêm, ông đã chọn bộ Mịch của chữ Kế. Do đó, cô con gái thứ hai được đặt tên là Toản (纘), Hoàng Thị Nữ Toản. Toản nghĩa là nối, nối theo làm cái việc người trước làm chưa xong.

Người con gái thứ hai của ông Hoàng Kế Viêm tên Toản, tuy mất sớm lúc mới ba tuổi, nhưng vẫn được hậu duệ của ông Hoàng tôn sùng, cúng giỗ đàng hoàng, nhất là người cháu đích tôn của ông Hoàng Kế Viêm là Hoàng Chánh Bổn, rất nhiều lần đã nhắc đi nhắc lại đến cô Hai. (Ở miền Trung, con đầu là cả, con thứ hai là Hai, khác với miền Nam, chị Hai, cô Hai là con đầu). Sự ra đời của cô Toản đánh dấu một giai đoạn đặc biệt, đó là vụ bà công chúa Hương La xen ngang vào mối tình của ông Hoàng Kế Viêm và bà Nguyễn Thị Duyên.

Tình trạng trắc trở về mối tình đầu của ông Hoàng Kế Viêm, sau này đã được người Pháp và những người chủ hòa theo Pháp thời đó khai thác cho là Hoàng Kế Viêm nói dối với vua chưa có vợ để lấy công chúa. Sự việc đâu có đơn giản để người đương thời và hậu thế ngây thơ tin vào.

Cả triều đình vua Thiệu trị không phải là một tổ chức nhỏ để dễ dàng tin vào lời dối trá nếu có của ông Hoàng Kế Viêm.

Năm 1878, ông Hoàng Kế Viêm được thăng Đông các Đại học sĩ thì tiếp đó, bà Nguyễn Thị Duyên được nhận vinh hàm "chánh nhất phẩm mạng phụ phu nhân." Trong lúc vui mừng về lễ tấn phong, bà Nguyễn Thị Duyên lúc đó 38 tuổi kể lại cho con cháu một mẩu chuyện ngắn.

Ngày bà còn là con gái, một hôm đi làm cỏ đậu trên mảnh đất cạnh đường cái, lúc bà mỏi lưng đứng dậy vặn mình giải mệt, bà thấy trên đường có hai người đàn ông, ăn mặc chỉnh tề, đang đi, người đeo túi xách bằng khăn đỏ nói với người đi sau: con bé có ánh mắt lạ thường, tướng mạo mạng phụ phu nhân. Ngày trước, ở xứ ta, đàn ông đi đường vai mang khăn gói đỏ đều thuộc giới trí thức nho, y, lý, số, nghĩa là không thầy dạy học thì cũng thầy thuốc, thầy địa lý, thầy bói. Nghe như vậy thì bà cũng để bụng vì con gái nhà quê, học hành ít, không hiểu rõ chữ "mạng phụ phu nhân" là gì. Bây giờ nghe lời vua ban mới hiểu.

Về sau, trong văn tế những ngày kỵ giỗ, con cháu thường được nghe về phẩm hàm của bà Nguyễn Thị Duyên là: "Chánh Nhất phẩm mạng phụ Trinh mục Nguyễn phu nhân." Riêng bà công chúa, cũng được thờ chung, chức tước là: "Hương La Thái thái Trưởng Công chúa, thụy Huy Mẫn." Còn về ông Hoàng Kế Viêm trong thần chủ (bài vị thờ) cũng như trong văn tế, chức tước ghi dài 23 chữ: "Đặc tấn Vinh Lộc Đại phu Thái tử thiếu phó, Đông các Đại học sĩ, Địch trung tử, thụy Văn nghị tướng công." ■

# Ý THỨC THÍCH ĐÁNG, HIỆN HỮU XỨNG HỢP

PHẤN NGUYỄN BARKER

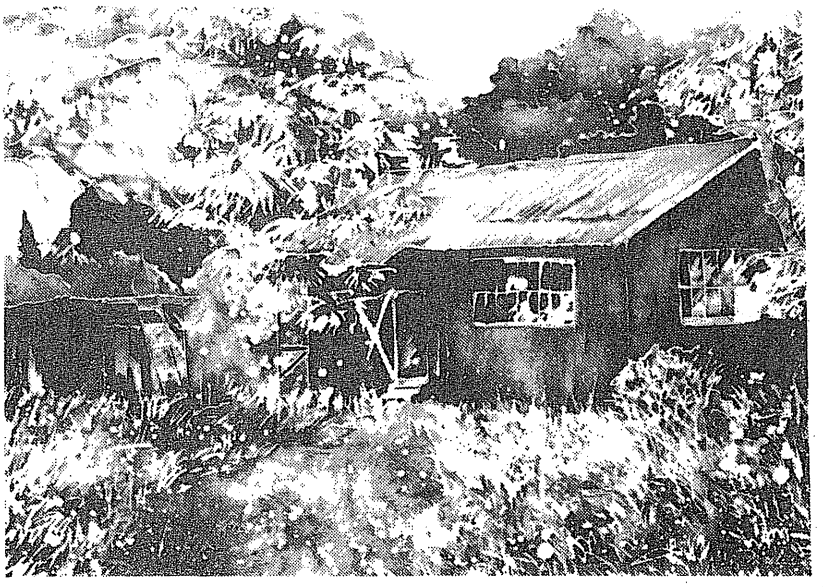

"Island Blue", tranh Phấn Nguyễn Barker

Ông Joseph Campbell, một triết nhân nổi tiếng, kể rằng trong Sanskrit, một cổ ngữ của Ấn Độ, có ba từ ngữ tượng trưng cho một điểm cao, địa điểm mà tâm linh của thế nhân có thể vượt từ cuộc sống hạ giới để chuyển sang tiên nghiệm: Sat, Chit và Anada. Sat = hiện hữu, hiện thực; Chit = ý thức; Ananda = hạnh phúc trọn vẹn, niềm sung sướng mãnh liệt. Trong cuộc phỏng vấn với Bill Moyer, ông Campbell nói: "Tôi không biết 'ý thức' của tôi có thích đáng hay không, 'hiện hữu' của tôi có xứng hợp hay không, nhưng tôi biết nguồn hạnh phúc trọn vẹn từ đâu đến. Vì vậy hãy cho tôi bám víu lấy niềm vui sướng mãnh liệt này, và từ đó ý thức thích đáng và hiện hữu xứng hợp sẽ đến."

Tôi sống trên đất Mỹ đã 26 năm trời. Trong thời gian này tôi luôn luôn bận rộn hết đi học, đi dạy học, lại bắt đầu vẽ, trăm công nghìn việc. Những ngày lễ tạ ơn, lễ giáng sinh, tết tây, chỉ là một dịp được nghỉ xả hơi mà không cần phải cảm thấy hối hận. Tôi thấy mình hầu như một kẻ nô lệ.

Một ngày kia, trong khi chạy ngược chạy xuôi, tôi gặp bà bạn. Ann Inaba. Tôi thở dài thở vắn, than vãn với bà là có quá nhiều công việc phải hoàn tất. Bà Ann, một giáo viên về hưu, tuổi ngót 70, tóc bạc trắng, người gọn gàng đẹp lão vô cùng. Gương mặt bà không có một phiền muộn vương vấn, giọng nói dịu dàng, nhỏ nhẹ. Tôi thường tự nhủ nếu mình có gì đi mà được đẹp như bà thì cũng phước đức lắm. Hôm ấy, ba Ann cầm tay tôi, chúng tôi ngồi xuống đối diện nhau, gối kề gối. Vẫn nắm tay tôi trong hai bàn tay của bà, bà nhìn thẳng vào mắt tôi và hỏi:

"Phấn, vậy cô nghĩ chúng ta hiện hữu để làm gì?"

Tôi thở dài:

"Dĩ nhiên không phải là để hoàn tất công việc kê khai trên cái mảnh giấy này."

Bà nói:

"Theo thiển ý tôi, chúng ta hiện hữu để thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, và để học những bài học mà chúng ta đã dự định trước khi đến trần thế này."

Tôi không bao giờ quên cuộc đàm thoại đó.

Mấy năm nay, nhất là sau khi trở về thăm quê hương, tôi thấy mình lại càng trở nên một người Việt Nam hơn bao giờ hết. Tôi nhớ những phong tục tập quán cổ truyền của dân Việt Nam. Vì thế năm nay tôi quyết định ăn mừng Tết Bính Tý. Từ ngày sang đây tôi chẳng bao giờ nghĩ đến ăn mừng

Tết. Tôi không cần biết nó đến ngày nào. Xuân đến Xuân lại đi.

Làm sao ăn tết được khi gia đình tôi ở cách xa bao ngàn dặm? Tôi viện cớ. Tôi đã chấp nhận điều này từ lâu. Năm nay tôi nói với vài người bạn là tôi có ý định tổ chức mừng Xuân. Thế là tôi bắt đầu nghĩ đến những đống chén dĩa mà hai vợ chồng tôi phải rửa sau khi tiệc tàn, dọn dẹp nhà cửa, mua sắm, nấu nướng, chưa gì đã thấy mệt rồi. Nhưng như có một mãnh lực nào thúc đẩy, tôi vẫn quyết định ăn Tết. Tôi điện thoại cho các cô bạn Việt Nam. Mỗi cô tình nguyện làm vài món đem đến. Thế là bữa tiệc của chúng tôi sẽ có gỏi sứa, mực xào, chả giò, cua rang muối, hột dưa, xôi đậu xanh nước dừa, chè thưng, bánh xô-cô-la. Em gái tôi gửi hai cái bánh chưng xanh và mứt từ bang Oklahoma.

Nồi phở bốc hương nghi ngút. "Phải có một bàn thờ tổ tiên", tôi lẩm bẩm. Mấy lúc sau này tôi thích tham gia vào những nghi lễ. Một trong những ông thầy của tôi là Joseph Campbell nói: "Mỗi nghi lễ có thể được định nghĩa là sự trình diện của một huyền thoại. Tham gia vào một nghi lễ, tức nhiên bạn đã thực sự kinh nghiệm một đời sống thần thoại, và vì sự tham gia vào kinh nghiệm này, ta có thể học một lối sống thiên về tâm linh hơn."

Ngày xưa ở Việt Nam tôi theo đạo Thiên Chúa, nhưng hàng xóm láng giềng chung quanh tôi hầu hết là đạo Phật. Tôi thấy phong tục cúng và khấn vái tổ tiên trong những ngày rằm, ngày giỗ thật là ý nghĩa. Tôi tìm được một chiếc khăn bàn đỏ, ủi phẳng phắn, trải lên TV. Bày hình của cha mẹ tôi, cha mẹ chồng, một bình cắm hương, một dĩa trái cây, hai chiếc đèn dầu, một chậu cúc tím. "Giống bàn thờ tổ tiên rồi đó", tôi nghĩ thầm. À, tại sao lại không treo một tác phẩm nghệ thuật của tôi có tên là Dương Miếu? Không biết linh hồn của song thân tôi sẽ nghĩ thế nào, có thể đang mỉm cười nơi chín suối. Các người thương yêu tôi thì chắc sẽ tha thứ nếu tôi xơ xót điều gì. Bày xong xuôi, tôi đốt một cây nhang (ba cây thì sợ khói trong nhà quá nhiều), chắp tay trước trán, tôi ngượng nghịu vì không biết nói gì đây, vái một hay ba cái, trước hay sau khi cầu khấn vong linh tổ tiên. Tôi lắp bắp vài câu, nhắm mắt yên lặng... chờ đợi sự hướng dẫn của các ngài. Tâm trí tôi chìm trong yên tĩnh. Tôi nghĩ mình chẳng cần nói gì. Mùi nhang, mùi ngũ vị hương, mùi quế, mùi phở, tôi cảm thấy ngây ngất. Tình cảm dâng lên, một yên lặng nghẹn ngào trôi qua. "Xin cám ơn Chúa, xin cám ơn Trời Phật, xin cám ơn Vũ Trụ bao la, xin cám ơn Ba Mẹ." Giờ phút này linh thiêng quá. Sự linh thiêng hiện hữu đã mở rộng tìm tới và tôi cảm nhận một tình yêu tràn trề. Trong không gian này tôi thấy mình thật là kẻ có phước.

Cắm cây nhang trong bình, tôi trở lại tiếp tục nấu ăn. "Mong đầu năm cuối năm gặp may, gia đình luôn hạnh phúc vui đầy..." Tiếng hát trộn lẫn mùi nhang khói, mùi vị của phở, rau thơm... Những hương vị của quê hương, những hương vị này phải chăng đã thấm vào tâm hồn, vào tim từ lúc còn trong bụng mẹ, hay từ khi mới ra đời. Cũng như tiếng nước tôi, cũng như giọng hát câu hò, màu mạ xanh, con trâu già... Tất cả những hình ảnh âm thanh, hương vị, giờ đây chúng trở nên một thần dược khiến tâm hồn tôi ngây ngất như người vừa được thưởng thức một thứ rượu quý, như Lưu Thần Nguyễn Triệu lạc dòng Thiên Thai. Lòng tràn đầy hạnh phúc khiến tôi bàng hoàng rưng rưng nước mắt. Thật là một sự màu nhiệm khó tả. Xin cho tôi bám víu lấy niềm sung sướng mãnh liệt này, và từ đó "ý thức thích đáng" và "hiện hữu xứng hợp" sẽ đến.

Buổi tiệc thật vui. Tôi được dịp kể chuyện cổ tích "Bánh Dầy, Bánh Chưng" cho các ông người Mỹ. Tôi mời khách viết tên tổ tiên, người thân yêu của họ đã mất trên một miếng giấy và treo trên bàn thờ. Trước khi ăn tôi khuyến khích họ nên đốt một cây nhang tưởng nhớ đến vong linh tổ tiên.

Cô Ngọc, người trẻ nhất trong đám với khuôn mặt tươi, và đẹp như ngọc trai quí: "Tiệc vui quá chị Phấn ơi!", cô Hoa nói: "Từ ngày em sang Mỹ đến giờ, đây là lần đầu tiên được ăn Tết. Hôm nay mới thật là tiệc ăn mừng Tết", cô nhìn tôi, tôi nhìn cô. Tôi thấy hạnh phúc tràn trề. Trên đường đời, chúng tôi đã gặp nhau, đã trao tặng nhau một món quà mà không tiền bạc nào có thể mua được. "Từ giờ trở đi năm nào, tôi cũng sẽ tổ chức Tết cho chị em mình."Tôi nói không cần suy nghĩ." Nhớ lại lời bà Ann, "Thế chúng ta hiện hữu để làm gì?"

Sau khi ăn uống, các cô bạn giúp tôi dọn dẹp xong chúng tôi chơi Bầu Cua Cá Cọp, và Bingo, cười đùa ầm ỹ. Mọi người ở chơi đến nửa đêm mà cũng chưa muốn chia tay nhau.

Bao nhiêu năm nay, tôi cứ phân vân: "Phải chi gia đình ở gần đây," cứ chờ đợi: "Sẽ có một ngày gia đình xum họp", cứ ước mong: "Ước gì... ước gì.. ước gì..." Sống nơi đất Mỹ, đất khách quê người, cuộc đời của chúng ta thật bận rộn, đầy những bổn phận, nghĩa vụ, vất vả miếng cơm manh áo. Có nhà thì muốn nhà cao hơn, cửa rộng hơn, xe sang hơn, TV lớn hơn. Những vật chất này có đem đến hạnh phúc lâu dài cho ta không? Có đem đến an bình trong tâm hồn ta không? Chúng ta buồn tủi và cô đơn vì họ hàng anh em sống tản mát trên đất Mỹ bao la, phần thì còn ở lại Việt Nam, phần thì đã về thế giới bên kia. Chúng ta có thể ngồi than thân trách phận, chờ đợi một ngày nào đó hạnh phúc sẽ đến. Ngày đó có thể sẽ không bao giờ đến! Hoặc chúng ta có thể tự hỏi: *với đời sống và khả năng hiện tại, ta có thể làm gì để đời sống ta được hạnh phúc hơn, được ý nghĩa hơn?*

Riêng tôi từ nay có một gia đình Việt Nam mà chính tôi đã chọn lựa riêng từ ng ngườ i họ hà ng. Những ngườ i bạn Việt Nam từ đây sẽ là họ phía bên ngoại, và những ngườ i bạn Mỹ sẽ là họ phía bên nội.■

*Phấn Nguyễn Barker là một nghệ sĩ tạo hình, hiện sinh sống ở Đảo Lớn, Hawaii.*

# ĐỜI SỐNG MÉTRO

PHAN THỊ ĐỖ QUYÊN

Anh ơi! Em đã xa quê hương hơn 20 năm rồi. Mỗi lần em tiếp xúc với người thân từ bên nhà sang, em lại cảm thấy mình có khác đi nhiều, thay đổi đi nhiều. Em cảm thấy em mất mát một cái gì lớn lắm. Mất mát tính Việt Nam, mất mát cái phần tình cảm và cái lối sống đằm thắm đầy tình người mà trước kia em có được khi còn sống ở quê nhà.

Xã hội tân tiến kỹ thuật bên này có cái gì mất quân bằng, có cái gì khô héo và đôi khi điên loạn. Chung quanh em, mọi người bị đè nặng bởi công việc bù đầu làm không xuể, cảm giác cô lập và cô đơn vì ít thì giờ giao tiếp với bạn. Đôi khi ban đêm về nhà chợt nhận thức ra cái trống rỗng vô ý nghĩa của cuộc đời thân trâu kéo cày của mình. Bao trùm là một cảm giác thiếu hạnh phúc, bất an, lo âu và căng thẳng trong một xã hội càng ngày càng bạo lực.

Em còn nhớ mãi lần đầu trở về Paris sau nhiều năm xa vắng. Em đi lại chuyến tàu điện ngầm Métro ở đây. Giờ sáng đi làm. Đông người, chật ních. Người ta đứng san sát nhau. Áo chạm áo, gần đến độ còn cảm thấy được mùi da thịt hơi thở của nhau. Ấy thế mà mỗi người là một ốc đảo kín mít lạnh lùng. Mỗi người kéo xuống chung quanh mình một bức màn sắt kín bưng. Mặt lạnh lùng. Mắt nhìn người xung quanh như nhìn vào khoảng trống không không có người. Anh tưởng tượng đi! 365 ngày dưới cái nhìn như thế, em có trở thành cột sắt hay cái ghế không? 365 ngày, em cũng nhìn người khác như vậy thì em có khô héo tình người đi chăng?

Cách đây hơn 20 năm, lần đầu tiên bước chân tới Paris và đi métro, em đã được học bài học vỡ lòng của nếp sống mới: bài học sống cách ly giữa đám đông người. Em có ngờ đâu cuộc hành trình mới chỉ bắt đầu. Càng ngày nó càng kéo em xa hơn khỏi cội nguồn, khỏi nếp sống nhân bản đầy tính người của quê hương mình. Em tưởng tượng ra, ông bà nội, ông bà ngoại em, xưa kia sống trong làng mạc Bắc phần, mỗi lần bước ra khỏi nhà, có lẽ biết được nhà này gia đình ông Cả có đến ba thế hệ sống chung, có chị Nỏ dâu trưởng vừa đẹp người vừa đẹp nết, nhà kia cụ Bá ở, có cậu Ấm suốt ngày chỉ rượu chè, cờ bạc... Rồi trên đường đi, ít nhất cũng gặp dăm ba người quen, ông bà sẽ gật đầu chào hỏi vui vẻ. "Sau mùa gặt, thế nào tôi cũng xin phép ghé thăm Bác. Ngày mai, họp chợ tôi sẽ ghé sang cô mình đi cùng v.v." Đi ra ngoài đường là một cơ hội để ông bà giao tiếp, để ông bà giang tay ra nối sợi dây liên kết với người. Đi ra ngoài đường ở Paris, đối với em là thả bức màn sắt xuống, không tiếp xúc với ai.

Còn đi chợ thì sao? Em đi chợ supermarket như một cái nạn. Đi nhanh như chớp, mua mau lẹ vì các mặt hàng cũng khá giống nhau không cần chọn lựa. Ra đến quày trả tiền, em chỉ chào hỏi xã giao cô thu tiền vì còn vội đi về. Có một lần đi chợ rau trong trung tâm thành phố ở Adelaide, em học được một bài học lý thú về việc đi chợ. Chợ rau ở đây là hằng hà sa số những sạp rau trái sát cạnh nhau, nằm dưới một mái tôn rộng lớn. Người đi chợ cảm thấy thoải mái hơn vì nó cũng có nhiều nét giống các chợ quê thời xa xưa. Các chủ hàng chăm chút hàng của mình, rao bán tận tình, nói chuyện vui tươi với khách hàng. Ở đây có một sự huyên náo và hỗn độn rất người, khác với cái vô chủ lạnh lùng và ngăn nắp của chợ supermarket. Buổi tối hôm đó, em đến hàng chợ rau quen thuộc thì bắt gặp một ông khách hàng Úc đang đứng hát thật to bài "Happy Birthday" chúc mừng sinh nhật của Jeff, một thanh niên trẻ bán hàng. Jeff đỏ mặt tía tai, không giấu được nỗi xúc động. Những người khách hàng khác cũng hòa theo hát chung. Trong một vài phút ngắn ngủi, có lẽ Jeff đang sung sướng tận hưởng cái dòng thiện cảm mọi người gởi đến anh. Người khách hàng Úc quay mặt lại thì em nhận ra Jim, một người tâm lý gia làm việc với bộ Giáo dục ở đây. Em chưa kịp nói gì thì Jim đã tươi cười nhận ra em. "Hi, cô có khỏe không?" Rồi Jim ý nhị chào em bằng tiếng Việt không có dấu của anh: "Chao ba." Em thầm nghĩ: nhà tâm lý có khác. Khi Jim đi rồi, cô bán hàng nói với em: "Jim là một người khách rất đặc biệt. Ông vui tính lắm và mỗi lần đi chợ ông đều chuyện trò hỏi thăm mọi người như bạn bè vậy. Ở đây chúng tôi ai cũng mến ông ta. Ông thuộc hết tên và sinh nhật mọi người và ông không bao giờ quên hát mừng sinh nhật bọn chúng tôi. Tuần nào ông cũng đi chợ ở đây, cũng giờ này. Điều lạ lùng ông có vẻ quen rất nhiều người. Không lần nào ông đi chợ mà không gặp bạn. Bà thấy không, bà cũng quen biết ông ta nữa!"

Jim đã từ chối nếp sống cách ly, lạnh lùng của xã hội tân tiến vội vã. Đi chợ đối với ông là để mua hàng mà cũng là dịp tốt để ông giang mở cánh tay nối kết tình người với những người ông gặp.

Xưa kia, đi chợ còn là biểu tượng của vòng ân nghĩa, của sự lệ thuộc hỗ tương giữa người và người trong một cộng đồng. Bà nội, bà ngoại em ra chợ làng mua một bó rau, mua một cái rổ hay con gà. Người bán chính là người trồng cây rau ấy, đan cái rổ ấy và nuôi con gà ấy. Bà nội bà ngoại em không phải chỉ mua một món hàng mà còn đón

nhận cái công lao chăm chút cho cọng rau, cái rổ và chú gà. Đây không phải là món hàng vô danh bày trên quày supermarket. Nó là bó rau của cô Nang, cái rổ của bà Cư hay con gà của ông Nột. Hẳn đâu đó trong tâm bà nội, bà ngoại em cũng có lòng biết ơn những người này đã bỏ công lao ra sản xuất sản phẩm đó. Chẳng hạn, bà ngoại có thể nói giọng thán phục: "May mà làng mình có ông Nột. Không ai nuôi gà giỏi bằng ông ấy, thịt vừa ngọt vừa chắc. Ngày giỗ ngày Tết mà không có gà của ông Nột thì không sao ngon được!" Mỗi miếng ăn bà ăn, mỗi đồ dùng bà dùng, bà đều cảm thấy cái công lao và ân nghĩa của người làm ra nó. Bà cảm thấy rõ cái màng lưới lệ thuộc giữa bà và những người khác trong làng. Bà cảm thấy bà là một thành phần của một cộng đồng gắn bó chặt chẽ mà trong đó ai ai cũng đóng góp một vai trò quan trọng cho đời sống người khác. Do đó mà bà cảm thấy cuộc sống của bà và của mọi người có ý nghĩa.

Ngày nay, em đi chợ supermarket. Món hàng hoàn toàn vô danh. Em không tưởng tượng ra ai làm nó, làm thế nào, công lao ra sao. Em trả tiền xong là cảm thấy làm đầy đủ bổn phận. Tiền đã trả, chẳng còn ân nghĩa gì. Hạt cơm em ăn sẽ không đậm đà bằng hạt cơm của bà nội em ăn khi bà thầm nghĩ: "May mà có ông cả Đột. Gạo nhà ấy quả là ngon. Khéo trồng mà lại tìm đâu ra giống lúa ngon thế!"

Xưa kia ở Saigon, khi em đi may áo dài, hôm nào được chiếc áo ưng ý, em ríu rít "Cám ơn bác may cho cháu cái áo vừa quá!" Bác nhận tiền thù lao mà miệng nở một nụ cười vừa hãnh diện vừa vui lòng vì sự biết ơn của em. Thời ấy, việc làm là một phương tiện sinh nhai nhưng việc làm cũng đem lại ý nghĩa cho đời sống vì người làm việc thấy rõ sự ích lợi của công việc mình và được tiếp xúc trực tiếp với người đón nhận sản phẩm của mình. Ngày nay, người thợ làm trong hãng xưởng, suốt ngày vặn bù long hay đóng hộp hay may áo kỹ nghệ không hưởng được cái hạnh phúc thấy được nụ cười hay lòng tạ ơn của người hưởng công lao mình. Khi em đi làm và nghĩ rằng em chỉ làm việc vì tiền, vô hình chung, em đã giết đi chất thơ và ân nghĩa của đời sống. Giờ đây, những hôm em đi làm, em có may mắn gặp nhiều người đồng hương của mình thì em nghĩ: người Việt Nam mà em sắp gặp đây là một người đặc biệt mà Thượng Đế cho em gặp. Đây là một duyên may và em lợi dụng sự gặp gỡ ngắn ngủi này để đem lại niềm vui cho mình và người.

Tình hàng xóm láng giềng cũng là nạn nhân của xã hội tân tiến kỹ trị. Ngày nay người ta làm ra tấm cửa gara mở lên đóng xuống tự động. Người chủ nhà lái thẳng xe vào nhà, chẳng phải gặp người hàng xóm hay chào hỏi một câu nào. Người ta không biết hàng xóm mình là ai vì chưa bao giờ có dịp nói chuyện thật sự với nhau. Trong chòm xóm có người can tội giết người và bắt cóc trẻ, có khi cũng chẳng ai hay biết. Hôm trước, tại Queensland có một bé gái, nhân ngày Halloween, đi đến nhà hàng xóm chơi trò "trick or treat" để xin kẹo bánh không ngờ bị bắt cóc biệt tăm. Tình hàng xóm láng giềng của em những năm sống tại Paris cũng thê thảm như cảnh đi métro. Nhưng thay vì là cảnh đi métro, lần này là cảnh đi thang máy. Chiếc thang máy nhỏ hẹp chỉ chứa đủ bốn người. Mỗi lần có người hàng xóm đi cùng, sau câu chào hỏi xã giao thì lúng túng, tay chân thừa thãi không biết để đâu, mắt không biết nhìn đi đâu nên cúi gằm mặt xuống đất hay chọc thiên nhìn trần! Không khí nặng và ngột ngạt như chì, chỉ mong sao cho tới lầu của mình để bước thoát ra. Một lần nữa bức màn sắt kín bưng lại được kéo xuống. Làm như em sợ phải giao tiếp với người, phải nói một câu hay phải nhìn người ta với cái nhìn của hai con người giao tiếp nhau. Cách ly đã trở thành cái nếp. Đó là nếp văn hóa không có tính người của Métro!

Em nhớ lại ngày xưa, gia đình em sống ở Sàigòn, tình hàng xóm láng giềng đâu như thế. Một năm ít nhất một lần, mẹ em cũng đi chúc Tết hàng xóm. Những người thân hơn thì qua lại nhiều hơn. Mẹ có thể đang đi bộ về nhà, bác Tâm đứng ngoài cửa mời vào: "Chị có rảnh, xin mời chị vào nhà tôi chơi." Thế là hai bà ngồi lại hàn huyên chuyện gia đình, chuyện chợ búa với nhau. Hôm nào, bố mẹ em phải đi ăn cơm khách, có thể nhờ bác: "Nhờ bác có chuyện gì ở nhà, giúp các cháu một tay." Những lúc tối lửa tắt đèn, hàng xóm láng


*Tìm đọc*

**BƯỚC MỞ ĐẦU CỦA SỰ THIẾT LẬP HỆ THỐNG THUỘC ĐỊA PHÁP Ở VIỆT NAM (1858-1897)**

*của NGUYỄN XUÂN THỌ*

Tác giả đậu Tiến sĩ tại Đại Học Sorbonne, Paris, nhiều năm làm việc tại bộ Ngoại Giao Pháp. Đây là cuốn sách chứa đựng nhiều tài liệu thuộc Văn Khố bộ Ngoại Giao Pháp và Tây Ban Nha, phần nhiều chưa công bố. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn nhận xét: *Bản thảo này quả là độc đáo, hơn hết các công trình nghiên cứu của các sử gia khác.*

Liên lạc mua sách:

1. Tác giả: Nguyễn Xuân Thọ, Résidence Estérel Guynemer 2 Avenue du 15è Corps, 83700 St Raphael, France.
Tel: 94 83 11 27.
2. Tiệm hoa Phong Lan, 10296 Wesminster Ave. Garden Grove, CA 92643, USA.
Tel: (714) 530-3893.
3. Lê Văn Sang, 15150 Magnolia #202 Westminster CA 92683 USA
Tel: (714) 892-2287.

giềng tốt có thể trông cậy ở nhau. Đêm nằm ngủ trong nhà, cảm thấy như có mối dây thân thiện nối kết với các gia đình chung quanh. Trong khi em sống giữa một chung cư nhiều người mà vẫn thấy như căn apartment của mình nằm giữa sa mạc những người không quen biết, vô danh.

Năm này sang tháng nọ, người gặp người ngoài đường mà không giao tiếp, tiếp xúc với nhau thì tính ác có môi trường nảy nở. Vì không còn coi người là người nữa nên mới có cảnh thanh niên chĩa súng bắn vào đám đông như bắn vào một đàn kiến hay một đàn "người" trong phim hoạt họa hay phim bạo động.

Ti-vi là sản phẩm tuyệt hảo của kỹ thuật để cách ly con người. Bữa cơm gia đình, có những trẻ, bưng bát cơm hay đĩa cơm ra phòng khách ngồi xem chương trình Ti-vi ưa thích của mình. Người vợ trẻ ở nhà nuôi hai ba con nhỏ, mong chồng về để có người lớn nói chuyện thì ông chồng lại vặn Ti-vi lên xem, mất cả hứng nói chuyện.

Ti-vi cũng bóp méo cách nhìn cuộc đời của mình và cách xử thế của mình. Thường thì người ta học cách cư xử và hiểu người khác qua sự giao tế hàng ngày với những con người thật ngoài đời. Những người xem Ti-vi nhiều quá có mẫu chuẩn là những nhân vật của Ti-vi đôi khi hư hư ảo ảo thiếu thực tế. Bên Mỹ, các nhà tâm lý nói đến hội chứng bệnh Ti-vi: có những em bé nói, nghĩ và cư xử y hệt những nhân vật trong truyện hoạt họa Ti-vi vì em xem Ti-vi 35 tiếng một tuần! Bên cạnh văn hóa cách ly Métro, chúng ta lại có thêm văn hóa giả tạo của Ti-vi!

Trong các xã hội tân tiến kỹ trị Tây phương, càng ngày càng nhiều người bị các vấn đề và chứng bệnh tâm lý. Một phần tư người Mỹ bị chứng lo âu (anxiety). Tự tử là nguyên nhân thứ nhì gây ra cái chết của đàn ông Mỹ vào tuổi thành niên trẻ. Các nhà tâm lý cho rằng xã hội kỹ trị là một xã hội... phi xã hội. Nhờ có xe hơi và máy bay, người ta bỏ nơi chôn nhau cắt rốn đi làm ở xa, xa các bạn bè niên thiếu, xa đại gia đình cha mẹ anh em. Giữa các thành phố đông người nhưng lạnh lùng vô danh, người ta sống như những ốc đảo cô lập, cách ly. Sự cô lập, cách ly này là ngọn nguồn của mọi vấn đề. Cách ly khi ra ngoài đường. Cách ly khi đi chợ búa. Cách ly ngay giữa hàng xóm láng giềng. Cách ly ngay trong gia đình khi không còn ai nói chuyện với ai, con chơi điện tử, bố coi Ti-vi, mẹ đọc sách. Sự cách ly ấy nếu kéo dài từ ngày này sang tháng nọ dẫn đến sự cô đơn và tuyệt vọng. Đời sống không còn tính người và tình người nữa. Do đó, nó trống rỗng vô nghĩa.

Vấn đề là trong các xã hội kỹ trị, người ta không còn có nhiều những mối giao tiếp thật sự là có tính người, có sự đậm đà, có thiện ý, tình thân, ơn nghĩa, cởi mở, khôi hài và vô vị lợi. Nếu đếm trong ngày số giờ ta bỏ ra với những giao tiếp đó thì nó rất ít. Người ta bỏ nhiều thì giờ vào trong các mối giao tiếp nghề nghiệp (khoảng tám giờ một ngày) hơn là giao tiếp với bạn bè.

Có một lần, em đang ở nhà một mình với một chị bạn thì nhà bị tắt điện. Không khí trong nhà khi đèn điện tắt màu nhiệm lắm. Em không nhìn bằng mắt nữa mà em nhìn bằng trăm ngàn con mắt trên da thịt em. Em tiếp xúc với chị bạn bằng xúc cảm của da thịt và bằng toàn thân con người. Khi đèn điện tắt, hình như cả cái bầu không khí của đời sống kỹ thuật thành thị tắt theo. Em bỗng có cảm giác như ở thôn quê. Em cảm thấy được ánh trăng trắng xanh, lạnh nhưng mơ mộng. Em cảm thấy làn hơi không khí trên da thịt. Em nghe được tiếng đêm và tiếng côn trùng. Em nghe được đằng sau câu nói của chị bạn tâm hồn dịu dàng của chị. Giọng chúng em tự nhiên nhỏ hẳn đi, dịu hiền và êm ái. Câu chuyện tự nhiên chân thành hơn, sâu xa hơn và đằm thắm hơn. Chưa bao giờ em có cảm tưởng em thông cảm và được thông cảm một người bạn như vậy. Sự cảm thông thắm thiết này đem lại cho em một niềm hạnh phúc chan hòa, đầy ắp khó tả. Chúng ta cần những sự giao tiếp như vậy: gặp nhau chỉ để gặp nhau, không có mục đích, không bàn chuyện sở, không tìm sự hữu ích, lợi lộc, mà chỉ gặp nhau để một con người có thể tiếp xúc với một con người.

Các nhà tâm lý thuộc trường phái tiến hóa (evolutionary psychologists) cho rằng con người sống trong thời đại này bị căng thẳng (stress) và chán đời (blues) bởi vì môi trường của xã hội chúng ta đang sống không giống cái môi trường mà *gen* chúng ta đã định cho chúng ta. Qua nhiều ngàn năm tiến hóa, tâm trí của chúng ta đã được nhào nắn để thích ứng và hạnh phúc trong một môi trường tổ tiên của thời xã hội săn hái (hunter-gatherer). Trong môi trường này, con người tiếp xúc với nhau nhiều hơn, gắn bó hơn, liên kết hơn. Từ lúc sinh ra đến khi lớn lên và mất đi, con người sống với một nhóm người mấy người bà con và bạn hữu thân thuộc. Đặc tính của môi trường này là sự gắn bó, ổn định và thân thuộc. Xã hội kỹ trị thì cách ly, thay đổi và vô danh. Xã hội kỹ trị cũng làm hao mòn những giá trị đem lại hạnh phúc cho con người: tính cộng đồng, tình thân hữu, tin tưởng, thiện ý, nhân ái và dịu hiền.

Em viết cho Anh tất cả những điều trên không phải là để đề nghị chúng ta trở về sống với xã hội sơ khai, không có điện, nước, xe hơi, điện thoại hay chiếc máy vi toán mà em đang dùng để đánh bài này. Em chỉ mong rằng chúng ta dùng kỹ thuật chứ không để kỹ thuật dùng chúng ta. Em vẫn có thể dùng chiếc điện thoại để thăm hỏi bạn ở xa nhưng không vì thế mà không bao giờ đến tận nhà thăm bạn vì em vẫn cần nghe được giọng nói ấm áp của bạn và nhìn mắt bạn cười. Em vẫn có thể đi chợ theo tinh thần của Jim và nhẹ nhàng nói một câu thông cảm với cô thu tiền bận rộn: "Hôm nay, cuối tuần, cô làm việc có mệt lắm không?" Em vẫn có thể đi làm với cái tâm mở rộng đón mừng những con người mới mình được duyên may gặp gỡ. Và em sẽ quay lưng với đời sống Métro để dệt chung quanh mình những màng tơ chằng chịt nối kết mình với mọi người.■

*7 tháng Giêng 1996*

# NGÔN NGỮ TỪ ÁI

## CHÂN VĂN

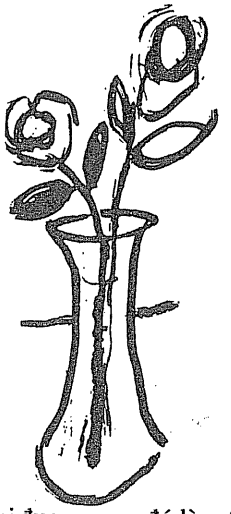

Người ta biết rằng các gia đình quý tộc bên Anh chú ý đến việc rèn luyện con em về phong cách quý phái, từ cách ăn mặc, cử chỉ, cho đến việc luyện giọng nói cho sang. Nhưng nền giáo dục gia đình thuần hậu bao giờ cũng chú ý đến ái ngữ.

Ngày xưa khi dậy con, tổ tiên chúng ta rèn tập cử chỉ, dáng điệu và lời nói. Chúng ta có châm ngôn "Học Ăn, Học Nói." Cử chỉ dáng điệu khi ăn uống bầy tỏ tư cách con người. Lời nói, các từ ngữ đem dùng, giọng nói nhanh hay chậm, đều cho thấy giá trị người nói.

Trường học ở đây có những cố gắng dậy trẻ em về đạo lý, nhưng nhiều khi nền văn hóa thiên về cạnh tranh, thi đua, đến mức căng thẳng và kịch liệt, khiến người ta không chú ý đến ngôn ngữ từ ái nữa. Thử nghe câu chuyện "chiến dịch tấn công" hãng Gillette mà nhiều học sinh các trường tiểu học ở Mỹ đã được các thầy cô khuyến khích.

Tại sao hãng Gillette bị các thiếu nhi tấn công? Hãng này dùng thú vật trong phòng thí nghiệm của họ để thử chất độc của các sản phẩm trước khi đưa ra thị trường. Hãng này nổi tiếng với sản phẩm tiêu dùng như bọt cạo râu, thuốc gội đầu, bút và nhiều món hàng bán chạy cho đại chúng. Năm 1994 họ đã sử dụng 2,311 con chuột và 53 con thỏ trong việc thí nghiệm. Năm 1990 họ dùng 2,320 con chuột để thử các sản phẩm. Chẳng hạn họ nhỏ mực vào mắt con thỏ để xem chất độc tác dụng ra sao, và sửa chữa cách nào. Họ cũng thử chất nước xóa mực trên giấy, nhồi vào bao tử chuột để xem tác dụng và tìm cách chữa. (Hãng Gillette sản xuất bút bi Paper Mate.)

Việc sử dụng xúc vật trong phòng thí nghiệm y khoa đã từng bị nhiều người phản đối, vì lòng nhân từ. Nhưng các nhà thương và các trường đại học y khoa có lý do cưỡng lại chiến dịch chống đối. Vì muốn thử thuốc để cứu người họ phải hy sinh một số thú vật. Nhưng dùng thú vật để thí nghiệm cho việc sản xuất các sản phẩm tiêu thụ, như thuốc gội đầu, kem bôi mặt, mực bút máy, thì khó bào chữa. Lý do duy nhất của nhà sản xuất là muốn tránh bị kiện thưa, đòi bồi thường. Thử tưởng tượng một thư ký bị mực bút làm mù mắt, hay một em bé lỡ uống lọ thuốc tẩy trên giấy (Liquid Paper), nhà sản xuất sẽ tốn bạc triệu. Họ có cách nào khác để nhà sản xuất tránh các vụ kiện đó chăng?

Nhưng trước hết, "Hội đối xử nhân đạo với loài vật" —PETA, tức *People for the Ethical Treatment of Animals* — đã cung cấp cho các trường học ở Mỹ tài liệu về những vụ đối xử dã man đối với loài vật trong các phòng thí nghiệm. Sau đó, các thầy và cô giáo từ Pennsylvania, California, đến Florida, v.v... khuyến khích các trẻ em 12, 13 tuổi viết thư phản đối.

Mùa hè năm ngoái hãng Gillette đã nhận được hàng ngàn lá thư phản đối từ khắp nước Mỹ. Các em học sinh lớp sáu, lớp bẩy đã động lòng trắc ẩn, lên tiếng kêu gọi công ty này ngưng các hành động tàn ác đối với súc vật.

Giáo dục lòng trắc ẩn cho trẻ em, đó là một điều đáng ca ngợi. Lòng trắc ẩn đối với loài vật sẽ tập cho trẻ em khởi sinh tình yêu thương đồng loại. Nhiều người nghĩ rằng các sinh vật cũng có quyền sống an lành, không khác loài người. Triết gia Emmanuel Kant không tin như vậy, ông cho rằng loài vật không có giá trị nào khác hơn là những phương tiện để phục vụ loài người. Nhưng chính Kant cũng khuyên người ta không nên hành hạ thú vật, "Kẻ nào tàn ác với thú vật thì cũng sẽ trở nên tàn nhẫn khi đối xử với người." (Bài giảng về Đạo Đức Học, 1779)

Những thầy giáo, cô giáo ở Mỹ khuyến khích học sinh, cho bài làm ở nhà với đề tài viết thư phản đối một xí nghiệp hành hạ thú vật, đó là một hành động giáo dục tốt. Nhưng khi chúng ta đọc các lá thư đó, được trích đăng trên một tờ báo thì cảm tưởng tốt đó không còn nguyên vẹn.

Hãy đọc một em bé 12 tuổi, ở trường trung học Aprende, Arizona, viết cho ban giám đốc hãng Gillette "Các ông bà sẽ cảm thấy thế nào nếu chính quý vị bị cạo lông, đốt da, bị làm mù mắt, và bị giết?" (như các con vật đem làm thí nghiệm). Một học sinh 12 tuổi khác ở Niles, Illinois, viết: "Những người như các ông là bọn phẫu thuật gia bất nhân, tàn ác, lạnh lùng, không thể tưởng tượng nổi." Em này được cô giáo cho điểm A+, cao nhất. Cô giáo em cũng thấy những chữ "cold-blooded, insensitive, cruel, unthinkable vivisectors" là rất nặng nề, nhưng cô cho rằng phải để cho các học trò cô nghĩ sao nói vậy.

Đây là một điều chúng ta khác với cô giáo này trong việc dậy trẻ em. Trẻ em có các cảm xúc, nhưng cũng phải tập tự làm chủ các cảm xúc của mình. Cảm xúc tự chủ được sẽ biểu lộ bằng sự kiềm chế trong ngôn từ. Trẻ em chúng ta cần biết

động lòng trắc ẩn trước việc hành hạ súc vật, nhưng sẽ được khuyên không nên nói những lời có tính bạo động, như "cạo lông, đốt da," giống như lời nguyền rủa người khác. Không nghĩ đến, nói đến sự bất hạnh của người khác để hả cơn giận dữ của mình. Đó là đức tự chủ, mà biểu lộ dễ dàng nhất là trong cách sử dụng ngôn ngữ. Ông cha chúng ta dậy "học ăn, học nói" chính là tập luyện tinh thần tự chủ để nâng cao tư cách con người.

Nhưng tập nói những lời từ ái cũng là tập lòng nhân. Chúng ta chỉ có thể thực hành đạo từ bi, bác ái nếu trong lòng trẻ em được tập nuôi dưỡng các đức từ bi, bác ái. Người ta không thể ngăn ngừa việc bạo hành bằng các ngôn từ cũng đầy tính chất bạo hành. *"Một lời là một vận vào khó nghe."* Tập nói những lời từ ái là tập sống với lòng nhân. Đó là kinh nghiệm giáo dục mà tổ tiên chúng ta đã truyền lại.

Người Hoa Kỳ có thể khác chúng ta. Trước những lời lẽ có tính bạo hành, các cô giáo không thấy cần phải giúp học sinh sửa chữa ngay. Một bà hiệu trưởng ở Philadelphia chỉ tỏ ý tiếc rằng một học trò lớp sáu của bà đã dọa đặt bom nổ tại hãng Gillette. Em bé đó viết "Tôi cảnh cáo các ông. Nếu các ông còn hành hạ thêm một con vật nữa, và nếu tôi khám phá ra, trong vòng một tháng sau lá thư này, tôi sẽ đặt bom nổ công ty các ông. Tái bút: Hãy coi chừng bị bắn từ phía sau lưng!" Em bé này chắc đã coi tivi nhiều phim bạo động lắm.

Chúng ta không muốn trẻ em trong gia đình chúng ta sử dụng lối ăn nói đó. Nếu có thì rất đáng lo ngại. Chúng ta cần cho các em nghe những lời từ ái, để tập nói những lời từ ái.■

# Dự án Thái Tuấn 1996

Triển lãm loạt tranh mới nhất của Thái Tuấn ở Washington DC. Trưởng ban tổ chức: Lê Thiệp. Ngày giờ và địa điểm: sẽ thông báo sau.
Các nơi khác, như Los Angeles, Montréal, Paris,... họa sĩ Thái Tuấn đến nói chuyện, và ra mắt cuốn album in loạt tranh mới của ông, khoảng 24 bức, cùng một số bài viết về ông và 20 bài tùy bút về nghệ thuật tạo hình của Thái Tuấn đã đăng rải rác trên các báo từ trước 1975 và gần đây. Sách do Lê Tài Điển (Paris), Ngọc Dũng và Lê Thiệp (Washington DC), và Lê Đình Điểu (Nam Cali), phụ trách thực hiện.
*Để có thể in cuốn album tranh và bài của Thái Tuấn (tranh lọc màu trên giấy tốt), cần một ngân khoản lớn. Hội VAALA đề nghị các Hội viên và Thân hữu yểm trợ bằng cách đặt mua trước cuốn sách này, với giá $25.00. Nếu mua sau, giá mỗi cuốn sẽ là $32.00. Xin quý vị điền phiếu đặt mua kèm theo thư này, và gửi về Hội cùng với ngân phiếu. Hội hoan nghênh mọi tặng dữ. Mỗi người có thể mua nhiều cuốn (để tặng bằng hữu, thân nhân...)*

**PHIẾU ĐẶT MUA ALBUM THÁI TUẤN**

Yêu cầu gửi cho tôi khi sách in xong: cuốn với giá US$25.00 một cuốn. Tôi kèm theo đây chi/lệnh phiếu mang số tiền:..... Tôi biết rằng số tiền trên là tiền sách, kể cả công đóng gói và cước phí hạng tư trong nước Mỹ, và tàu thủy ngoài nước Mỹ. Nếu tôi mua sau khi sách in xong, tôi sẽ phải trả US$32.00 một cuốn. Nếu tôi muốn sách được gửi bằng hạng nhất thì tôi sẽ phải thêm US$3.00 trong nước Mỹ, hoặc US$7.00 ngoài nước Mỹ, cho 1 cuốn.
Họ tên:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:.....

- Ở Mỹ: chi/lệnh phiếu đề VAALA và gửi về Hội, 11022 Acacia Pky #A, Garden Gorve CA 92640.
- Ở Pháp: quy ra tiền Pháp và gửi về Phạm Thị Thu Hương, 14 Villa des Acacias, 202 rue d'Epinay, 95360 Montmagny,
- Ở Úc: quy ra tiền Úc và gửi về Bình Anson, 1 Parwich Rise, Carine WA 6020.
- Ở Đức: Quy ra tiền Đức và gửi về Nguyen Phi Hung, Melanchthonstr. 32, 44143 Dortmund, hoặc trả thẳng vào trương mục Nguyen Phi Hung, Stadtspakasse Dortmund, Bankleitzahl 440 501 99, Konto-Nr. 622016893.
- Ở Canada: quy ra tiền Canada và gửi về Hoàng Chiều Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8.

# ĐỂ LẠI CHO CON EM

Trong dịp tết nguyên đán có hai đám cháy ở khu người Việt Nam vùng Tiểu Sài Gòn, được các tờ báo Mỹ ở địa phương tường thuật. Một quán ăn cháy một phần nhỏ phía sau lúc nửa đêm, rồi một kho giấy của nhà in Westminster Press bị cháy, thiệt hại hàng triệu USD. Tiếp theo là vụ băng đảng bắn nhau làm chết người ở một quán cà phê.

Sau các biến cố đó, ai đọc báo Mỹ chắc đều để ý, và lấy làm khó chịu vì các tờ báo này, khi tường thuật các sự kiện rồi, lại viết thêm, thí dụ "Cảnh sát không gạt bỏ giả thuyết rằng âm mưu đốt nhà liên quan đến việc (hai nhóm) người Việt đang cùng tổ chức hội chợ Tết." Những lời bình luận như vậy trở thành rất vô lý khi những vụ cháy thật ra chẳng liên quan gì đến vụ tổ chức hội chợ Tết cả. Đáng ngạc nhiên hơn nữa là sau vụ du đãng bắn nhau, có tờ báo viết: "Cảnh sát nói rằng án mạng ở quán cà phê này không liên quan đến việc người Việt Nam đang tổ chức hội chợ Tết."

Lối tường thuật đó, nhắc đi nhắc lại các xung đột nội bộ của người Việt Nam, thật là đầy thiên kiến, nếu không phải là có ác ý. Nó gây cảm tưởng rằng người Việt không biết cách cư xử ôn hòa, bất đồng ý kiến là dùng bạo lực, một cách lén lút, hèn hạ. Ở miền nam California, và ở cả nước Mỹ này, hàng ngày có biết bao nhiêu vụ giết người, vì trộm cắp, vì ma túy, vì băng đảng, vì ghen tuông, hay chỉ vì nóng nẩy bồng bột. Tại sao mấy thanh niên Việt Nam gây lộn bắn nhau, do ảnh hưởng của một xã hội quá nhiều súng, thì các nhà báo Mỹ lại phải nêu giả thuyết rằng án mạng đó liên quan đến mấy hội chợ Tết, để nêu câu hỏi đó ra, cho cảnh sát phủ nhận?

Hơn nữa, nếu cảnh sát đã phủ nhận rồi, tại sao còn phải tường thuật lại để gieo một ấn tượng xấu vào đầu người đọc? Phải chăng khi nói đến người Việt Nam là nhà báo chỉ nghĩ đến bạo động? Nếu có nhà báo ngốc nghếch nào đó đặt một câu hỏi cho cảnh sát, thí dụ "vụ án mạng trong quán cà phê này có phải do ảnh hưởng của việc công chúa Diana và thái tử Charles sắp li dị không?" để cảnh sát phủ nhận, thì liệu tờ báo có "tường thuật trung thực" câu hỏi và câu trả lời đó hay không?

Chúng ta phải kết luận rằng các người Mỹ viết báo trên có thành kiến khi nói đến người Việt ở đây. Cũng giống như khi cảnh sát chặn đường khám xét một người da đen chỉ vì thấy anh ta lái chiếc xe BMW hay Jaguar mà lại không mặc áo vét, không thắt cà vạt vậy. Đều do thành kiến chủng tộc.

Người Việt Nam chắc phải rất dễ tính, nếu không thì tờ báo nào đăng các lời lộ ra thành kiến về người Việt sẽ bị tràn ngập bởi các lá thư phản đối. Nhất là cộng đồng chúng ta có rất nhiều "nhân sĩ" có thể nhân danh tập thể mà phản đối.

Nhưng cũng có thể người Việt Nam chúng ta vốn có óc khoan dung, trước khi trách cứ người khác thì tự xét mình trước. Nếu có ai tỏ ra mang nặng thành kiến đối với cộng đồng mình, chúng ta sẽ tự xét mình trước đã. Chính chúng ta đã làm gì để đến nỗi người ngoài sinh ra các thành kiến đó?

Nếu quả thật tập thể người Việt đã trưởng thành, thì chắc các người có địa vị và có ảnh hưởng trong cộng đồng sẽ tự tìm ra các hành động thích hợp để xóa bỏ dần dần các thành kiến của người ngoài. Ít nhất là để tới khi thế hệ con em chúng ta lớn lên thì họ không phải gánh chịu ảnh hưởng tai hại của các thành kiến mà thế hệ cha anh có thể vô tình gây ra. Để cho người địa phương sẽ không liên tưởng đến các hình ảnh chia rẽ và bạo động khi tường thuật các tin về người Việt Nam nữa.

Thế hệ thứ hai không mong gì hơn là được thấy các gương tốt mà các bậc phụ huynh sẽ để lại. Đó là di sản công cộng mà thế hệ thứ nhất phải tạo ra cho con cháu sau này.

Nhật báo *Người Việt* đã đăng một lá thư ngỏ của VAC, một tổ chức sinh viên Việt Nam (Vietnamese American Coalition.) Các bạn trẻ này kêu gọi đồng bào ủng hộ họ về tài chánh để tiến hành các hoạt động xây dựng trong giới trẻ như tổ chức hướng dẫn học sinh trung học gốc Việt Nam, dậy kèm cho các em mới tới Mỹ, v.v...

Trong lá thư, các bạn trẻ đã nói là họ "nghĩ rằng vấn đề quan tâm hàng đầu (là) cần giải quyết sự thiếu đoàn kết của cộng đồng. Sự thiếu đoàn kết này làm chúng ta không đủ khả năng đối phó các vấn đề như kỳ thị..." Chắc hẳn các người lớn tuổi, bậc cha anh của những bạn trẻ này còn nhìn thấy vấn đề đó rõ hơn nữa.

# HỘI NHẬP HAY CÔ LẬP

Cuộc họp của bẩy nước Đông Nam Á, ba cường quốc kinh tế ở Á Đông, với 15 nước trong Liên Hiệp Âu châu, tại Bangkok cho thấy

một chiều hướng trong thế giới hiện đại. Đó là: giao lưu kinh tế mới là chủ đề trọng yếu trong trường ngoại giao thế giới. Các nước không họp nhau để bàn chuyện liên minh quân sự, như thời chiến tranh lạnh nữa. Khi lo làm ăn thì không có ai là bạn, ai là thù, chỉ có thuận mua vừa bán.

Trong lúc đó thì Việt Nam đang nghiêng về một chính sách rất thủ cựu, như tiết lộ trong một "báo cáo của ban bí thư bộ chính trị," đã đăng tải trên một tờ báo Mỹ rồi được báo Việt dịch lại. Bản báo cáo này nhắm vào ông Võ Văn Kiệt với lá thư ông gửi Bộ Chính Trị tháng Tám năm ngoái.

Chính sách kinh tế của đảng vẫn đề cao khu vực quốc doanh và chèn ép tư doanh. Điều này ông Võ Văn Kiệt đã phải công nhận và muốn thay đổi. Trong năm năm qua khu vực quốc doanh ở Việt Nam đã tăng từ hơn 30% lên gần 40% tổng số sản xuất.

Về mặt đối ngoại, lời lẽ của tài liệu này vẫn lấy chính trị xét đoán các hoạt động kinh tế. Bản báo cáo nói trên tố giác âm mưu người Việt ở Mỹ về khuynh đảo chính quyền, do chính phủ Mỹ yểm trợ. Họ cũng nói việc người Mỹ đến làm ăn, và việc mậu dịch giữa Mỹ và Việt Nam là các âm mưu của Mỹ nhằm lật đổ chính quyền vào năm 1997, bằng diễn biến hòa bình. Lối nhìn này sẽ làm nản lòng tất cả những người muốn đầu tư và buôn bán. Người ta sẽ tự hỏi "Sau Mỹ, bao giờ thì đến lượt người Nhật, người Pháp bị đổ tội?" Khi các ông trong bộ chính trị còn dùng nhãn quan đó thì đáng lo cho tương lai nước ta, vì các nước Đông Nam Á hiện đang theo chính sách mở cửa. Họ càng tiến thì ta càng lùi!

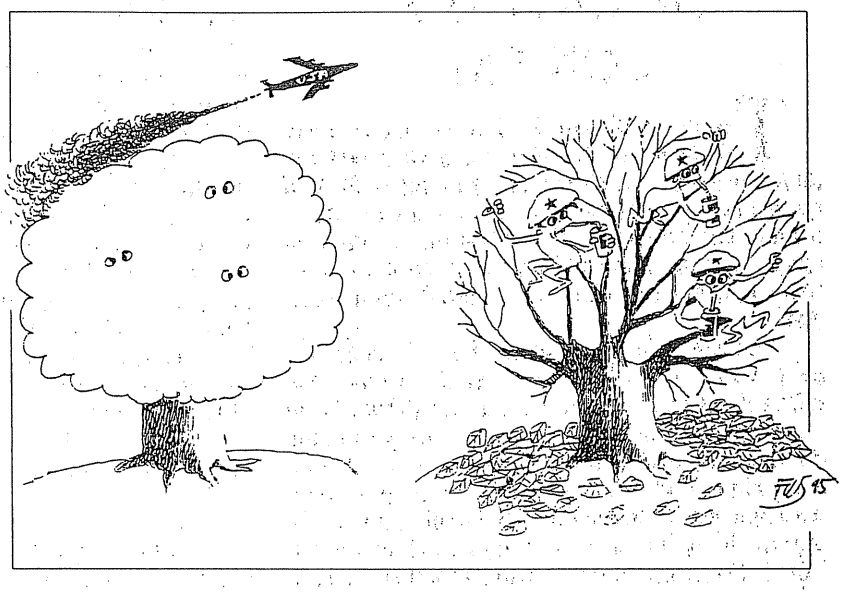

Cuộc họp mặt ở Bangkok giữa bảy nước ASEAN, trong đó Việt Nam là một hội viên mới, với Trung Quốc, Nhật, Đại Hàn và 15 nước Âu châu, có tính cách một cuộc thăm dò, trao đổi và tìm hiểu thái độ của nhau.

Thủ tướng Nhật Hashimoto nhận xét đây là lần đầu tiên các nước Âu châu và Á châu gặp nhau trên căn bản bình đẳng. Trong thị trường, nói chuyện buôn bán tất nhiên phải coi khách hàng bình đẳng. Âu châu đang lo ngại bị chậm chân trong thị trường Trung Quốc và Đông Nam Á. Năm 1970, 25% số nhập cảng của Á châu xuất phát từ châu Âu, năm 1994 xuống chỉ còn 15%. Số đầu tư trực tiếp của Âu châu cũng giảm từ 6% năm 1980 xuống 2,6% năm 1994. Các xí nghiệp Anh, Đức, Hòa Lan, Pháp, Thụy Sĩ đang nhìn vào châu Á như nơi tiêu thụ các sản phẩm kỹ thuật cao của họ, và cung cấp nhân lực rẻ và có khả năng cho họ. Công ty Lyonnaise des Eaux ở Pháp đang hợp tác xây đập nước trong dự án thủy điện Tam Hạp của Trung Quốc, thương số lên 600 triệu USD.

Chính sách của đảng CSVN chú trọng đến các doanh nghiệp nhà nước, coi nhẹ và ngăn chặn việc phát triển tư doanh, không những làm nền sản xuất trong nước chậm tiến, mà còn ngăn trở việc hội nhập của kinh tế Việt Nam vào thị trường Đông Nam Á.

Trong năm qua các việc trao đổi về hàng hóa và vốn liếng giữa các nước Đông Nam Á đã gia tăng. Thái Lan là nước đứng hàng nhì trong các nước đầu tư vào Phi Luật Tân. Trong năm 1990 các nước Á châu xuất cảng 41,9% sang các nước láng giềng, đến năm 1994 con số đó tăng lên thành 48,5%.

Những trao đổi giữa các nước trong vùng thúc đẩy sản xuất, nâng cao trình độ kỹ thuật, đưa các sản phẩm mới từ nước này vào thị trường nước khác, gia tăng cạnh tranh để các xí nghiệp ở mỗi nước phải tự cải thiện. Tình trạng đó đạt được nhờ các nước cộng tác để giảm bớt thuế quan nhập khẩu, giản dị hóa các luật lệ và thủ tục, nói chung là cởi trói cho nền kinh tế. Việc giảm thuế và tư hữu hóa các xí nghiệp quốc doanh cũng là các điều kiện thúc đẩy kinh tế vùng trong thời gian qua. Đó là kết luận của Công ty Crosby Financial ở Hồng Kông, nghiên cứu kinh tế trong vùng.

Nhưng việc hội nhập vào nền kinh tế vùng đòi hỏi ít nhất hai yếu tố. Thứ nhất là các xí nghiệp ở mỗi nước phải đủ khả năng cạnh tranh ngang sức với nhau. Điều kiện thứ hai là chính phủ các nước phải chấp nhận cho nền kinh tế của mình cạnh tranh với xí nghiệp khác trong vùng bằng cách mở cửa và cởi trói cho kinh tế.

Hai điều kiện trên, chính sách đang theo đuổi của nhóm quá khích trong đảng CSVN không thể nào đạt được. Xí nghiệp quốc doanh không thể thi

đua được với tư doanh ngoại quốc. Không phải vì người Việt Nam không giỏi hay không muốn cạnh tranh. Nhưng vì kinh nghiệm cho thấy cha chung không ai khóc, người làm trong doanh nghiệp nhà nước không có động cơ tự nhiên để làm việc hăng hái hết lòng như tư doanh. Biết nhược điểm đó, đảng CSVN sẽ phải lo bảo vệ khu vực quốc doanh, bảo vệ quyền lợi của đảng viên, cho nên sẽ không dám mở cửa và cởi trói cho kinh tế.

Các nước ASEAN đang lập khu mậu dịch tự do, theo kiểu Canada, Mỹ và Mexico, xóa bỏ dần các hàng rào mậu dịch. Tất nhiên muốn vào tổ chức đó thì các nước đều phải cởi trói kinh tế thêm. Nếu đảng CSVN cứ theo đường lối thủ cựu, lạc hậu thì nước ta không thể nào hội nhập để phát triển.

# CHÍNH DANH

Trước năm 1975 ở Sài Gòn, cụ Lương là một nhà nho vẫn đi xin cậy đăng trên các báo bốn chữ "LÊ NGHĨA LIÊM SỈ." Các tờ báo cảm động trước tấm lòng của cụ, không ai lấy tiền đăng quảng cáo. Tại Hà Nội đang có một giáo sư trong viện Hán Nôm đề nghị lập hội Khổng Học. Thực ra Hội Khổng Học đã có ở Việt Nam từ lâu, ít nhất cũng tồn tại ở miền Nam Việt Nam cho đến tháng tư năm 1975. Có một thời vị hội trưởng tại Sài Gòn còn đòi cho mình địa vị đứng đầu một giáo hội, giống như Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, v.v... Nhưng cả chuyện lố bịch đó cũng không làm người ta mất tin tưởng vào nhu cầu bảo vệ nền đạo đức chính trị của thầy Khổng. Nếu giáo sư Phan Văn Các trong Viện Hán Nôm muốn cổ động việc nghiên cứu, tìm hiểu và thực hành những quy tắc xử thế của Khổng Tử thì ông có thể tìm các hội viên cũ Hội Khổng Học ở Sài gòn, cùng tái lập hội đó, cho có sự liên tục.

Nếu muốn học lại Khổng Tử, thì về mặt chính trị chắc phải học lại thuyết chính danh. Nhưng học thuyết Chính Danh nào? Các nhà chính trị ở Singapore, một nước đang mang Khổng Giáo ra học lại, họ chỉ muốn hiểu Chính Danh theo nghĩa đen. Đó là "mỗi người hãy làm đúng danh phận của mình." Thí dụ vua làm đúng việc vua, tôi làm đúng việc tôi, cha, con, vợ chồng cũng vậy.

Hiểu như thế là để bảo vệ "trật tự," nhưng một thứ trật tự sơ cứng. Khi loài người thay đổi thì các tương quan xã hội cũng đổi. Các quan hệ xã hội cần thay đổi, nếu cứ bắt dân phải vâng lời vua mãi thì thế giới không có cảnh tiến bộ ngày nay. Như vậy chúng ta phải hiểu quan niệm Chính Danh một cách sinh động, phù hợp với thời đại, nếu không thì sự phục hưng Khổng Giáo chỉ giúp củng cố một chế độ độc tài lỗi thời.

Trong *Luận Ngữ*, thiên Tử Lộ, là chương thầy Khổng nói đến quy tắc Chính Danh lần đầu, ngài giải thích rằng "Người Quân Tử dùng Danh hiệu gì thì có thể nói đúng với danh hiệu đó, nói ra điều gì rồi thì phải làm được đúng điều đó. Đối với lời nói người quân tử không thể cẩu thả được."

Ngày nay chúng ta vẫn có thể áp dụng quy tắc Chính Danh theo nghĩa đó. Một chính quyền đặt ra luật lệ, chính sách, phải có can đảm nói ra chính sách, luật lệ cho rõ ràng, không quanh co, không lừa bịp dân; sau đó phải làm đúng với các điều đã tuyên bố. Đó là cốt yếu của quy tắc Chính Danh. Thể chế dân chủ cũng cần quy tắc chính danh.

Dân Mỹ không có truyền thống Khổng giáo. Nhiều đạo luật của quốc hội Mỹ đặt ra danh không chính chút nào cả. Năm rồi họ làm Đạo Luật về Trách Nhiệm Cá Nhân (Personal Resposibility Act) mà mục đích chính là cắt trợ cấp cho người nghèo! Đạo Luật Phục Hồi Giấc Mộng Mỹ Quốc (American Dream Restoration Act) cốt đặt ra những khoản miễn trừ thuế lợi tức! Còn Đạo Luật đang được đề nghị về Tạo Việc Làm và Củng Cố Lương Bổng (Job Creation and Wage Enhancement Act) cốt giảm thuế lợi tức các vụ đầu tư và giảm bớt luật lệ nghiêm khắc về sức khỏe và bảo vệ lao động! Đấy là chuyện ở Mỹ. Quả là đem chữ nghĩa trói voi bỏ rọ, bất kể danh với thực! Nhưng người Mỹ họ không có ý học cụ Khổng.

Còn ở Việt Nam thì sao? Chuyện xẩy ra ở trong nước xin để người trong nước nói. Một người là Hà Sĩ Phu. Năm 1988, trước khi bức tường Berlin đổ, Hà Sĩ Phu viết bài "Dắt Tay Nhau Đi Dưới Những Tấm Biển Chỉ Đường của Trí Tuệ."

Trong bài trên, Hà Sĩ Phu nêu ra những chuyện "mạo danh" của chế độ — mà ông gọi là các "nghịch lý." Chẳng hạn:

Hệ thống tự xưng tiêu biểu cho sự thật (nhà xuất bản Sự Thật, báo Sự Thật) mà lại đang phải cố chữa cho được bệnh nói dối!

Nói tiêu biểu cho chủ nghĩa duy vật thì lại là điển hình của bệnh duy ý chí — muốn là làm, bất chấp quy luật khách quan!

Nói giải phóng con người thì lại bị chỉ trích về xâm phạm quyền con người — nhân quyền!

Đề cao tính tập thể nhưng lại cực kỳ sùng bái cá nhân, lấy một người thay cho tất cả!

Vẫn nói năng suất lao động quyết định xã hội nào thắng hay bại, cứ luôn luôn tuyên bố ta thắng lớn, nhưng năng suất lao động của ta lại thua quá xa!

Nói tư bản giẫy chết, cộng sản đầy sức sống, mà ở các nước bị chia đôi (năm 1988) thì phía đang "giẫy chết" có năng suất lao động cao hơn, sản phẩm tốt hơn!

Hà Sĩ Phu cứ tiếp tục nói như vậy cho nên

> Để cho người chết hưởng cái bất tử của danh vọng, và hãy cho người sống cái bất tử của tình yêu.
>
> — *Tagore*
>
> Tình yêu làm cho thời giờ qua mau, và thời gian cũng làm cho tình yêu qua mau.
>
> —*Danh ngôn Ý*

đảng CSVN phải bắt ông ta bỏ tù. Lỗi cũng là do ông Khổng Tử dậy thuyết chính danh, nghe nói một đằng làm một nẻo con cháu nhà nho chịu không được.

**CHÚ THÍCH:** Câu trích dẫn nguyên văn là ."..quân tử danh chi tất khả ngôn dã; ngôn chi tất khả hành dã. Quân tử ư kì ngôn, vô sở cẩu nhi dĩ hĩ." Theo *Luận Ngữ*, bản dịch Nguyễn Hiến Lê, Văn Nghệ xuất bản, California 1994, trang 160-161.

# THƯ CHÚC TẾT CỦA NGUYỄN HỘ

Trong lá thư mới của ông Nguyễn Hộ, mà một số báo hải ngoại có đăng tháng qua, ông nói nhiều lần đến bốn chữ "mối nhục ngàn năm." Đây không phải là lần đầu tiên ông Nguyễn Hộ nói đến nỗi nhục của dân tộc khi phải sống trong chế độ độc tài thủ cựu của đảng Cộng Sản. Nhưng trong lá thư chúc tết này lần đầu tiên ông Nguyễn Hộ nhắc đến lịch sử ngàn năm của dân tộc. Viễn quan đó làm cho lời kêu gọi của ông rất cảm động.

Sau một ngàn năm Bắc thuộc, năm 939 đánh dấu bước chuẩn bị cho một thiên niên kỷ mới của dân tộc Việt Nam. Đó là năm Ngô Quyền thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng. Từ đó dân tộc ta bắt đầu xây dựng nền tự chủ, sang thế kỷ thứ 11 quốc gia Việt Nam đã thành hình trên các nền tảng vững chắc.

Ngàn năm sau, năm 1945 là một thời điểm quan trọng khác, đánh dấu việc sửa soạn cho dân ta cùng nhân loại bước vào thế kỷ 21. Từ năm 939 đến 1010, khi Lý Thái Tổ dời kinh đô ra Thăng Long, cũng như từ 1945 đến nay chỉ là khoảng thời gian chuẩn bị cho thiên niên kỷ mới. Thế kỷ tới, chúng ta sẽ tham dự vào một thế giới dân chủ, tiến bộ, và văn minh cùng với loài người.

Khi nhìn bằng viễn quan như vậy, bổn phận chúng ta quả thấy nặng nề hơn. Thế hệ này chịu ơn tổ tiên cả ngàn năm trước, cũng phải làm nghĩa vụ với con cháu cả ngàn năm sau. Trách nhiệm đó là giữ vững truyền thống "**bất khuất không chịu nhục.**" Tổ tiên chúng ta, một ngàn năm trước đã đưa dân tộc thoát khỏi mối nhục lệ thuộc ngoại bang. Để cho con cháu hãnh diện đứng thẳng, ngẩng đầu lên tự xưng là một dân tộc văn hiến.

Ngày nay dân ta đang chịu một mối nhục khác. Trần Văn Thủy đã nói đến cái nhục nghèo đói, rồi nhục dốt nát. Nguyễn Hộ nói đến mối nhục bị thống trị bởi cường quyền, độc tài và ngu dốt. Ông tố cáo: ."..*đảng cộng sản đã gây nhiều tội lớn đối với dân tộc,... làm đất nước suy sụp, làm suy đồi phong hóa,... người lương thiện và có trí tuệ thì ngồi tù hay bị trù dập còn những kẻ tham nhũng bất lương thì cao sang quyền quý...*" Kết luận của ông là *"Nếu vào thế kỷ 21 mà chúng ta vẫn còn phải chịu đựng một chế độ độc tài thì đó sẽ là một mối nhục cho cả ngàn năm sau. Chúng ta không thể chấp nhận mối nhục đó."*

Cuối cùng ông Nguyễn Hộ đề nghị những lực lượng tranh đấu cho dân chủ phải đoàn kết để lật đổ chế độ hiện tại. Chúng ta phải thấy lòng thành của ông. Ông không kêu gọi đoàn kết tranh đấu cho đời ông được hưởng. *"Tôi không chắc có sống được đến thiên niên kỷ thứ ba (sau năm 2,000) hay không nhưng vẫn muốn... nước ta bước vào thế kỷ 21 với dáng đứng hiên ngang của một nước dân chủ."*

Ông Nguyễn Hộ cũng rất thẳng thắn: *"Tôi đã từng là đảng viên cộng sản trong hơn nửa thế kỷ, nên dù có ly khai với đảng cộng sản tôi không thể thù ghét người cộng sản..."* Và ông công nhận rằng ."..*những người đã là nạn nhân của chính sách bạo ngược của chính quyền cộng sản, cho rằng hòa hợp hòa giải là một lập trường ngây ngô (ngây thơ?)"* Nhưng ông nói rõ "*Đúng thực là lực lượng bảo thủ, ngoan cố, gian ác trong ban lãnh đạo (đảng) cộng sản,*" ."..*không hề muốn hòa giải và hòa hợp dân tộc...*" Ông chủ trương hòa giải với những người cộng sản nào "*...đã và đang đấu tranh đòi dân chủ hóa đất nước, đòi bãi bỏ độc quyền chuyên chính.*"

Lá thư chúc tết của Nguyễn Hộ có một văn phong và lối trình bầy khác với các lá thư trước, chứng tỏ nếu ông là tác giả thì cũng không phải là người duy nhất soạn lá thư đó, và chắc không phải là người cầm bút viết bản văn sau cùng, dù các ý kiến trong đó chính ông nêu lên và chịu trách nhiệm.

Điều đó chứng tỏ trong nước đang có một chuẩn bị, manh nha những tập hợp để chống lại nhóm lãnh tụ "bảo thủ, ngoan cố và gian ác" trước kỳ đại hội tám của đảng CSVN. Dù chỉ ký tên dưới lá thư này, ông Nguyễn Hộ đã làm bổn phận của ông. Năm mới chắc ai cũng muốn chúc ông được toại nguyện.

# THƯỢNG TÔN PHÁP LUẬT

Nhiều bản tin tức trong một ngày, tuy không liên quan đến nhau, vẫn có thể mang cùng một ý nghĩa. Cuối tháng Ba có tin về tòa án ở Đại Hàn đang xử hai ông cựu tổng thống, bên cạnh tin về quốc hội Trung Cộng biểu quyết bộ hình luật, và tin tòa án Nam Phi xử vụ li dị của tổng thống Mandela. Ba bản tin này không liên hệ

> Thường người ta yêu nhau vì những đức tính mà người ta không có, thế rồi người ta lại xa nhau vì những tính xấu mà người ta cũng không có.
>
> — *Daniel Stern*
>
> Tình yêu sống vì đói và chết vì no đủ.
>
> — *Alfred De Musset*

với nhau, nhưng cả ba cùng cho thấy vai trò luật pháp trong xã hội loài người.

Trước hết là chuyện ở Đại Hàn. Hai vị cựu tổng thống ra tòa, về tội tham nhũng, và về tội đảo chính, ám sát, tội ra lệnh quân đội đàn áp biểu tình giết hàng trăm sinh viên. Cả hai vị đó đã ủng hộ đương kim tổng thống Kim Yong Sam khi ông này ứng cử, để chuyển giao quyền hành từ các tướng lãnh sang một người dân sự. Bây giờ họ đang phải trả lời trước pháp luật về cuộc đảo chính năm 1979,vụ sát hại cố tổng thống Park Chung Hi, và tội ra lệnh cho quân đội tàn sát sinh viên ở Quang Du khi dân chúng biểu tình đòi tự do dân chủ.

Khi hai vị tướng trên còn nắm quyền thì họ tha hồ sinh sát, không guồng máy pháp luật nào đụng tới được họ. Lúc đó họ có thể nghĩ pháp luật chỉ là trò từ chương của mấy tay trí thức gàn dở. Họ có súng, có quyền, họ cũng nghĩ rằng họ có nghĩa vụ đối với quốc gia, phải bảo vệ "trật tự và ổn định." Nhưng dân chúng Đại Hàn bây giờ đã tự do, và trong một chế độ dân chủ tự do không có ai đứng trên luật pháp cả. Nhiều người có thể nghĩ rằng các chuyện cũ đã 16, 17 năm nên cho chìm vào quên lãng. Nhưng nếu những người phạm pháp không ra tòa trả lời trước pháp luật thì xã hội làm thế nào có trật tự và ổn định?

Vụ án này đang được các nhà độc tài và tập sự độc tài khắp vùng Á Đông chăm chú theo dõi. Các ông tướng ở Miến Điện chắc đang tính chuyển thêm tài sản đi ngoại quốc. Ông Suharto chắc đang dặn dò các con khi làm ăn nhớ không lộ điều gì phạm pháp. Nhiều ông tướng ở Thái Lan cũng đang lo thủ tiêu dấu tích các vụ buôn lậu thuốc phiện và phá rừng phi pháp. Mấy nhà độc tài ở Việt Nam chắc cũng đang căn dặn lẫn nhau phải cẩn thận che giấu các vết tích ngay từ bây giờ, từ chuyện mấy ngôi nhà ở đê Yên Phụ đến vụ một ông tướng đi săn bị lạc đạn ở rừng Cúc Phương.

Dù sau cùng dân Đại Hàn có tha chết cho hai vị cựu tổng thống già nua, vụ xử hai ông vẫn phải tiến hành để bảo vệ tinh thần thượng tôn pháp luật. Vụ án li dị của đương kim tổng thống Nam Phi cũng biểu lộ tinh thần thượng tôn pháp luật của một vị nguyên thủ quốc gia có học thức.

Một ông tổng thống đang tại chức phải ra tòa làm nhân chứng để xin li dị vợ, đó là điều không ai muốn làm. Không một người đàn ông nào muốn ra nói trước công chúng là bà vợ mình đã ngoại tình. Khi ông Mandela nằm trong nhà tù, ông là một biểu tượng của tinh thần tranh đấu bất khuất cho tự do. Trong hơn 20 năm đó, bà vợ trẻ hơn ông vài chục tuổi cũng trở thành một biểu tượng, được thế giới ngưỡng mộ như một đồng chí của chồng bà.

> Con chó dữ chán không muốn ăn nữa, nhưng cũng vẫn gầm gừ khi thấy một con chó khác đến gần dĩa đồ ăn của mình.
>
> — *Lope De Vega*

Chuyện ông tổng thống ra tòa nói sự thật đau buồn về mình cho thấy ở Nam Phi không ai đứng trên hay đứng bên ngoài pháp luật. Ông Mandela mất thể diện vì phải vạch áo cho người xem lưng, nhưng ông chứng tỏ một nhân cách đáng kính trọng. Ông không dùng quyền hành của một vị tổng thống để tránh né trước pháp luật. Ông làm cho người dân Nam Phi cũng phải hãnh diện vì hành động của ông chứng tỏ họ là một quốc gia đã trưởng thành.

Những dân biểu trong quốc hội Trung Cộng chắc cũng nghĩ đến thể diện quốc gia họ khi thông qua một bộ hình luật, bộ luật được soạn thảo với sự cố vấn của các luật gia Tây phương. Chủ tịch quốc hội Kiều Thạch vốn phụ trách về an ninh và tổ chức đảng. Bây giờ ông là con người tiến bộ nhất ở Bắc Kinh. Ông từng tuyên bố rằng *"Phải định chế hóa nền dân chủ bằng luật lệ để không phải cứ thay đổi lãnh đạo hay lãnh đạo đổi ý kiến thì các chính sách lại thay đổi."* Các lãnh tụ Trung Cộng có kinh nghiệm đau đớn về lối sống bất chấp pháp luật. Họ là nạn nhân của tình trạng "vô pháp vô thiên" thời Cách Mạng Văn Hóa.

Trung Quốc rất tự hào về nền văn minh nhân bản lâu đời. Chắc chắn họ không muốn Hán tộc mang tiếng là kém văn minh trong một thế giới mà biểu hiện của văn minh là tinh thần thượng tôn luật pháp. Truyền thống Đông phương cũng mang sẵn tinh thần trọng pháp, bằng cớ là từ Hồng Kông đến Kuala Lumpur người ta say mê coi bộ phim Bao Công xử án. Chính phủ Mã Lai Á có lúc cấm phim Bao Công vì sợ bị "Hán hóa." Bộ phim này có ảnh hưởng tốt hơn bao nhiêu lớp công dân giáo dục. Ở Trung Cộng năm 1979 chỉ có 3,000 luật sư. Từ 1986 trong mười năm đào tạo được 70 ngàn luật sư. Trong chương trình của Kiều Thạch thì trong năm năm tới tạo thêm 200 ngàn luật sư nữa.

Bộ luật mới ở Trung Cộng có những điều khoản hạn chế quyền quan lại, nói rõ không được giam người mà không xét xử, ấn định thời gian tạm giam tối đa là 30 ngày, v.v... Ai đang sống ở những nước dân chủ đều biết đó chỉ là chuyện tự nhiên giống như không khí ai cũng được thở, nhưng trong một nước cộng sản, đây là những tiến bộ vượt bực. Luật lệ đặt ra rồi, tất nhiên việc thi hành còn tùy thuộc các cơ quan công an, biện lý, và quan tòa. Các dân biểu Trung Cộng đã làm một cử chỉ tượng trưng khi họ bỏ phiếu về các bản báo cáo của chính phủ. Hai bản báo cáo bị bỏ phiếu chống nhiều nhất là của Tòa Án Tối Cao và của Viện Kiểm Sát Nhân Dân. Chánh án Tối Cao bị 243 phiếu chống và 208 phiếu trắng. Biện lý tối cao bị 431 phiếu chống và 296 phiếu trắng. Đây là một lời nhắn nhủ đến hơn một tỷ người dân: Không phải cứ công an hay quan tòa bảo sao là phải nghe vậy.

Những câu chuyện trên đây là những dấu hiệu của thời đại. Xã hội loài người đang tiến đến trình độ văn minh, trong đó tinh thần trọng pháp là một điều kiện không thể thiếu được. Chúng ta ước ao người Việt Nam đều được đọc và hiểu rõ các tin tức này.

# VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
# EDWARD REID

# CHUYÊN MÔN VỀ TAI NẠN

- BẤT CỨ TAI NẠN GÂY THƯƠNG TÍCH
- HỒ SƠ ĐƯỢC THEO DÕI THƯỜNG XUYÊN VÀ GIẢI QUYẾT NHANH CHÓNG
- CHỈ NHẬN THÙ LAO SAU KHI ĐƯỢC BỒI THƯỜNG

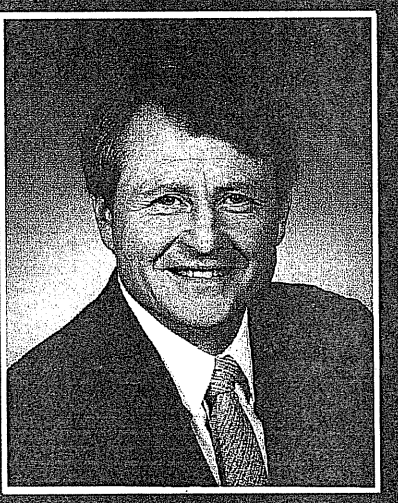

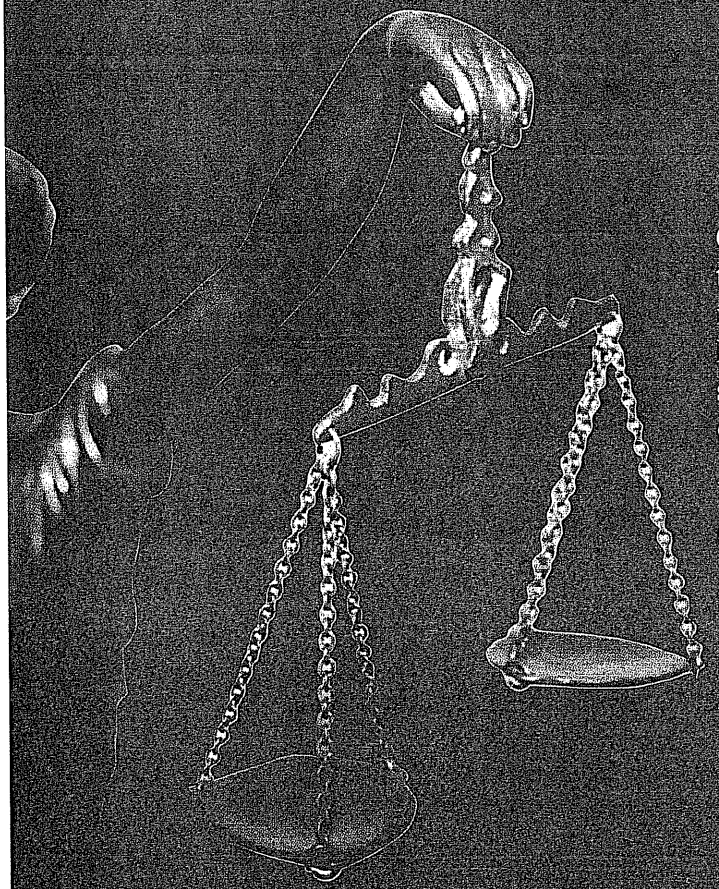

Quý vị cần có một luật sư tận tâm, uy tín. Với rất nhiều năm kinh nghiệm hùng biện trước tòa án, luật sư sẽ bảo vệ quyền lợi tối đa cho thân chủ.

Văn phòng có Cô NHƯ LAN sẽ hướng dẫn và giúp đỡ quý vị tham khảo trực tiếp với luật sư để giải quyết mọi thắc mắc và khó khăn thiệt hại đến đời sống hằng ngày của quý vị. Khi có tai nạn, xin quý vị trực tiếp liên lạc ngay với văn phòng để bảo đảm được lệ phí luật sư thấp và hợp lý.

ĐỊA ĐIỂM THUẬN LỢI

**ORANGE COUNTY** **LOS ANGELES COUNTY**

**(714) 379-8333** **(310) 434-4421**

# We've set a new standard

*"Giữa năm 1995, khi sắp sửa ký contract $15,000.00 (cho một dự án mới) với một nhà in Mỹ vẫn làm việc với chúng tôi từ nhiều năm qua, thì KAL TOOLS tình cờ khám phá ra PRECISION. Trong vòng 10 ngày làm việc chung với nhau, chúng tôi học hỏi được biết bao nhiêu điều mới mẻ về in ấn, và tiết kiệm được vào khoảng 6,000 đôla trong chỉ một order. Từ nay, chúng tôi coi PRECISION như một bộ phận không thể thiếu của hãng chúng tôi..."*

Andy Senkevich
KAL TOOLS, Sales/Marketing Director

*"Đã chiều thứ sáu rồi mà chúng tôi vẫn còn lo lắng quá đi thôi. Tất cả những hãng phân màu nằm trong network của chúng tôi quanh Los Angeles đều chào thua chuyến này. Giữa lúc lính qua lính quính đó, thì PRECISION hiện ra. Với cam kết rõ ràng trên giấy tờ về giá cả cũng như phẩm chất, PRECISION chỉ trong 2 ngày weekend đã scan xong 50 tấm hình và output 10 tấm phim cỡ 30" x 40" cùng 2 tấm matchprint 25" x 38"... với giá rẻ hơn các hãng khác làm trong weekdays. Chưa hết, khi in ra, khách hàng của chúng tôi nhận xét rằng màu sắc kỳ này đẹp hơn hẳn mấy kỳ trước..."*

Len Williams
LWD, Graphic Designer

*"Tôi quảng cáo trên WORKBOOK. Cuốn này tập trung toàn dân "nghệ sĩ tạo hình" loại first class khắp nước Mỹ. Để bảo đảm phần phẩm chất của trang quảng cáo chao ơi là mắc tiền này, tôi giao cho PRECISION, và mấy năm nay chưa hề bị thất vọng..."*

Dennis Dannehl
Los Angeles Photographer

*" Hãng designer cũ của chúng tôi mất 4 tuần mà chưa xong việc Chúng tôi được giới thiệu đến PRECISION. Chỉ trong mấy ngày ngắn ngủi, PRECISION chụp ảnh, design và in xong 10 ngàn cuốn brochures và 4 tấm posters 36" x 48" đẹp ơi là đẹp, vừa vặn kịp lúc chúng tôi lên đường đi show ở Chicago. Phải chi chúng tôi biết đến PRECISION sớm hơn..."*

Farooqi Mustafa
US LIGHTS, President

*"Hội chợ Tết cộng đồng 1996 năm nay có một điều lạ: lần đầu tiên vé vào cửa được designed thật trang nhã và in 4 màu thật đẹp (tranh Nguyễn Thị Hợp). Nhiều người từ xa về thăm Cali ăn Tết đã mang luôn cuống vé về nhà làm kỷ niệm. Cám ơn PRECISION đã đóng góp tài chánh và công sức trong việc thực hiện một công trình mang nặng màu sắc văn hóa cộng đồng như thế này."*

Mike Nguyễn
Ban Tổ Chức Hội Chợ Tết

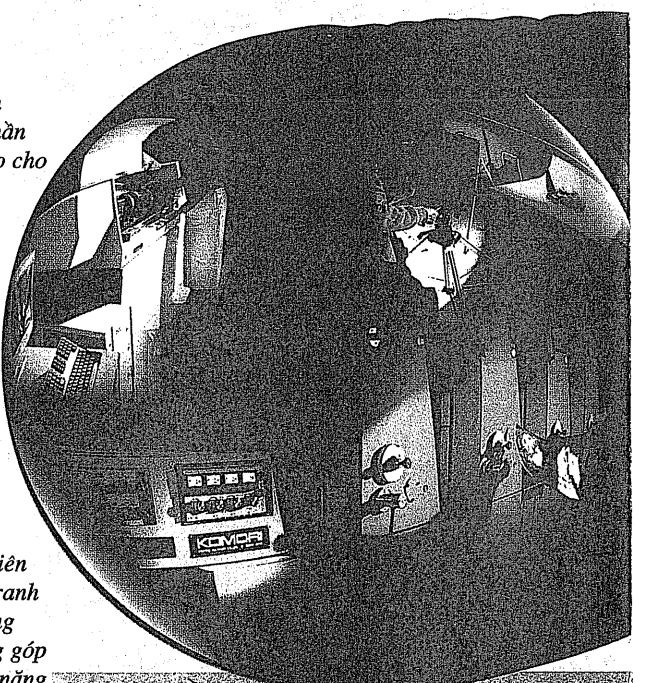

PRECISION

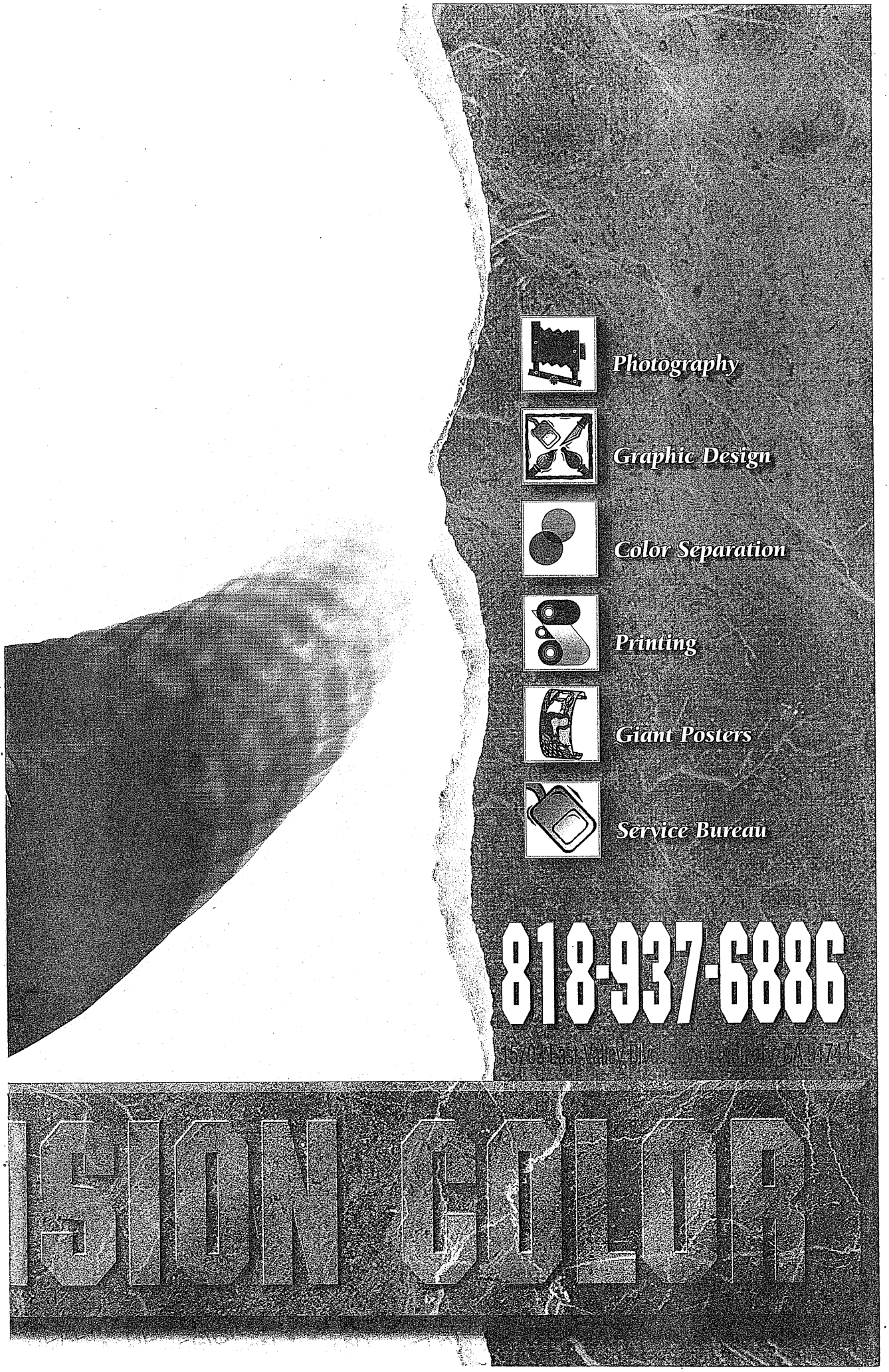
Photography
Graphic Design
Color Separation
Printing
Giant Posters
Service Bureau
818-937-6886
15703 East Valley Blvd. [illegible] CA 91744
ISION COLOR

# Diễm Xưa
## PRODUCTIONS

Hân hạnh giới thiệu đến quý vị những CD mới năm 1996
Đã Phát Hành Khắp Nơi

**VŨ KHANH**
Ở Đâu Cũng Có Em

**LA SƯƠNG SƯƠNG**
Tình Đầu

**VŨ KHANH - THANH HÀ**
Chờ Em Muôn Kiếp

**DIỄM XƯA ĐẶC BIỆT (2CD)**
20 Năm Chiếc Áo Dài Viễn Xứ

## TRUNG TÂM DIỄM XƯA

P.O.BOX 26217 SANTA ANA, CA 92799 * Tel: (714) 894-9432

SIÊU NGUYÊN TỬ (II)

# CÁI BẪY TỪ TRƯỜNG NHỐT HẠT NHÂN

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

*Xin chư vị độc giả lượng thứ, mấy tháng qua vì bận công việc riêng và phải đi một vài nơi, tôi đã không có dịp viết bài cho* Thế Kỷ 21. *Nay tôi xin tiếp tục trở lại với bài "Siêu Nguyên tử: Einstein lại đúng" đã đăng phần I trên TK 21 số 79.*

*

Giả thuyết của nhà bác học Albert Einstein đưa ra từ 70 năm trước đây là khi gặp một sức lạnh ghê gớm, lạnh tuyệt đối (0 độ K), hàng ngàn nguyên tử sẽ bị đông lạnh, đóng cục lại và trở thành một nguyên tử duy nhất "khổng lồ," coi như một siêu nguyên tử.

Từ khi giả thuyết đó ra đời, các nhà khoa học chỉ thấy đó là chuyện lạ. Nếu do một người nào khác đưa ra, có lẽ họ cũng chẳng cần để ý, nhưng đàng này người đưa ra tiên đoán lại là một vị tổ sư bổ đề của ngành Vật lý, họ không thể bỏ qua.

Tuy nhiên họ cũng không có cách nào thí nghiệm xem giả thuyết có đúng hay không vì một lẽ giản dị: không có cách nào tạo được sức lạnh... lạnh hơn cả vũ trụ. Người ta đành phải tạm thời gọi đó là một trạng thái mới của vật chất, tuy chưa tìm thấy nhưng nó được đặt tên là BEC (*Bose-Einstein condensate* = Sự đông đặc Bose-Einstein).

Tại sao có tên ông Bose ở đây? Đó là một nhà Vật lý học người Ấn Độ rất nổi danh, ông Santyendra Nath Bose, người đã góp công lớn vào việc xây dựng ngành vật lý lượng tử và đã cùng nhà bác học Einstein lập một phép thống kê lượng tử gọi là *Bose-Einstein statistics*, trong đó hạt *boson* (lấy tên từ Bose) được xác định. Và cũng căn cứ từ vi hạt *boson* này, hai nhà bác học Bose và Einstein đã tiên đoán sự đông đặc nguyên tử.

Chúng ta hãy trở lại với thế giới khoa học ngày nay.

Tháng Bảy năm 1995, hai nhà Vật lý Mỹ Carl Weiman và Eric Cornell đã thành công trong việc xác nhận sự đông đặc Bose-Einstein. Họ đã chụp được hình một siêu nguyên tử, nghĩa là họ đã tạo được sức lạnh gần như tuyệt đối. Lý thuyết Einstein cũng đã vạch rõ không cần đạt đến đúng 0 độ K (Kelvin, xem bài trước), chỉ cần đạt đến gần 0 thôi cũng đủ làm cho nguyên tử đông lại và đóng cục.

Nhưng thế nào là gần số 0? Bài báo trong tạp chí *Science* nói "ống lạnh" của nhà bác học Weiman đã đạt đến một độ lạnh là 1 phần 170 tỷ của một độ trên 0 độ K. Đạt đến 1 độ K cũng đủ khó rồi, vì trong vũ trụ nơi lạnh nhất cũng đến 3 độ K. Đàng này, ông Weiman làm lạnh, không phải xuống đến 1 độ, mà xuống đến chỉ còn 1\170 tỷ của một độ!

Kỹ thuật nào giúp các nhà khoa học làm lạnh đến một độ ghê gớm như vậy?

## Kỹ thuật làm đông đặc nguyên tử

Trong nhà chúng ta, ngăn đá của tủ lạnh luôn luôn ở dưới 0 độ C để làm nước đá. Ở hai cực Trái Đất, độ lạnh cũng chỉ xuống đến khoảng 30 âm độ C.

Trong kỹ nghệ hiện đại, người ta có thể làm lạnh đến trên 100 âm độ C. Nhưng tạo ra đến 273 âm độ C (tức là trên 0 độ K một chút) cũng đủ thấy khó khăn rồi, nói chi đến sát nút 0 độ K?

Hai nhà bác học Weiman và Cornell đã đạt đến kỷ lục về độ lạnh bằng cách phối hợp nhiều phương pháp làm lạnh khác nhau, trong đó có phương pháp Kleppner đã từng đạt đến trên 100 âm độ C.

Họ dùng một loại nguyên tố hiếm có trong thiên nhiên là *rubidium*, một chất trắng như muối có những đặc tính lạ, đụng vào không khí là cháy, gặp nước nó phản ứng và cứ nóng đến 39 độ C là nó chảy. Nguyên tử *rubidium* có 37 điện tử "quay" xung quanh.

Họ phóng các tia laser (kích quang) nhẹ từ nhiều phía tụ lại một cái đích là một khối hơi nguyên tử *rubidium* với mục đích nhằm cản bớt lối đi của chúng, khiến những di động của nguyên tử trong đám hơi bị chậm lại. Nên nhớ trong thế giới vi mô của nguyên tử, động có nghĩa là nhiệt và tĩnh có nghĩa là lạnh. Khi làm cho các nguyên tử *rubidium* bay chậm lại, điều đó có nghĩa là làm chúng bớt nhiệt và trở thành lạnh.

Kỹ thuật làm lạnh này cũng không phải mới lạ. Sau khi các nhà bác học làm chậm lại các nguyên tử *rubidium*, họ làm cho chúng chạy vào một cái "chai" từ trường để lọc: nghĩa là những nguyên tử nào còn di động nhanh (tức là nóng) còn đủ sức văng ra ngoài thì cứ việc ra đi, không cần đến các anh đó nữa, còn lại là những anh chậm chạp là những anh đã bị nguội lạnh rồi và những anh này bị cái bẫy từ trường giam vào một chỗ. Gọi là cái chai, nhưng nó chỉ nhỏ bằng một củ cà-rốt.

Người ta gọi phương pháp này là phương pháp làm lạnh bốc hơi (*evaporative cooling*). Dùng phương pháp này, năm 1990 nhà bác học Greytak và nhóm của ông ở M.I.T. đã làm lạnh nguyên tử khinh khí xuống đến 1 phần 10.000 của một độ K, còn xa mới đạt được độ lạnh đông đặc Bose-Einstein.

Làm lạnh thêm nữa là không thể được bởi vì cái bẫy từ trường có một lỗ hổng. Số là khi các nguyên tử bị nhốt vào một chỗ như vậy, chúng bị đụng vào với nhau. Các vụ va chạm đó thường khi làm chiều quay (*spin*) của nguyên tử lạnh bị đổi ngược lại, khiến chúng có thể thoát ra ngoài qua một đường nằm giữa từ trường, nơi từ trường chỉ là số không, nghĩa là chính ở đường này, từ trường hết hiệu năng. Kết quả là không những tiến trình làm lạnh bị ngưng lại mà con số các chàng nguyên tử lạnh cứ tẩu thoát dần đến độ không đủ để tạo thành sự đông đặc.

Hồi năm 1994, các nhà bác học đã tìm được phương pháp bịt lỗ hổng của cái bẫy từ trường. Nhà bác học Wolfgang Ketterle của M.I.T. dùng laser nhẹ để giữ các nguyên tử lạnh, còn nhóm của các ông Weiman và Cornell sử dụng một từ trường rất đặc biệt, làm cho cái lỗ hổng trong từ trường quay thật nhanh khiến các nguyên tử không kịp thoát ra ngoài. Sau khi bịt được lỗ hổng, cả hai nhóm đã thực hiện được những tiến bộ phi thường. Trong khoảng có tám tháng trời, nhóm Weiman-Cornell đã tăng độ lạnh đến cả 1000 lần thêm. Và hồi tháng Bảy năm 1995, họ đã tạo ra được một siêu nguyên tử như Einstein tiên đoán.

Cũng phải nói thêm rằng cái độ lạnh ghê gớm đó chỉ đạt trong khoảng khắc, nhưng cũng đủ thời gian để các nhà bác học chụp được hình ảnh.

## Cơ học sóng

Nhưng thế nào là một siêu nguyên tử? Khi các nguyên tử lạnh bị nhốt, chúng đóng cục vào với nhau là siêu nguyên tử chăng? Không phải như vậy.

Để hiểu thế nào là siêu nguyên tử, chúng ta hãy tìm một thí dụ vui vui. Nguyên tử cũng giống như một người, có điều là loại người này luôn đứng dang tay ra. Nhân nguyên tử là cơ thể con người, còn hai cánh tay dang ra chính là đám mây điện tử lúc nào cũng bao quanh nhân nguyên tử. Khi hai nguyên tử đứng cạnh nhau, chúng vẫn còn cách nhau hai sải cánh tay, không có cách nào làm hai bàn tay đụng vào nhau được. Tại sao vậy? Giản dị thôi, đó là vì các điện tử đều là âm điện và theo luật điện như chúng ta đã biết, âm đẩy âm. Bây giờ hai nguyên tử lạnh cũng giống như một cặp trai gái, vòng tay ra ôm lấy nhau cho hai cơ thể sát vào nhau mà... hôn, như vậy là siêu nguyên tử chăng? Vẫn chưa phải.

Siêu nguyên tử là chàng trai phải... lồng vào người cô gái, để hai cơ thể biến thành một và lớn hơn.

Thế trong môn Vật lý, làm thế nào mà hai nhân nguyên tử lồng được vào với nhau, và không những có hai mà cả chục ngàn nguyên tử lồng vào với nhau để tạo thành siêu nguyên tử, nguyên tử khổng lồ?

Để tìm hiểu hiện tượng này chúng ta đành phải nhức đầu một chút mà đi vào những nguyên lý sơ đẳng của lượng tử học, và cũng phải nhắc lại luôn những khái niệm về sóng trong cơ học sóng (*wave mechanics*).

Vật lý lượng tử đã cho chúng ta thấy vật chất là sóng và sóng cũng là vật chất. Thí dụ ánh sáng vừa là hạt (vật chất) vừa là sóng như sóng điện từ. Từ đó khoa học hiện đại đã phải nhìn nhận và chứng minh được qua thí nghiệm là điện tử tuy là hạt nhưng cũng là sóng. Bởi vậy khi chúng quay xung quanh hạt nhân nguyên tử, chúng ta gọi đó là đám mây điện tử cho gọn, thật ra đó chỉ là những sóng vật chất. Cả hạt nhân nguyên tử, tuy là hạt nhưng cũng vẫn là sóng. Siêu nguyên tử có nghĩa là các sóng đó nhập vào với nhau.

Làm thế nào mà sóng nhập vào với nhau? Và sóng là cái gì vậy? Chúng ta phải đi vào cơ học sóng.

Thật ra, trong các loạt bài đăng trên

*Thế Kỷ 21*, chúng tôi đã nhiều lần muốn tìm cơ hội để trình bày cho căn kẽ một hiện tượng chúng ta phải chung đụng hàng ngày, nhưng ít khi để ý. Đó là hiện tượng sóng. Chúng ta vẫn thường thấy sóng trên mặt nước, nhưng có một thứ sóng chúng ta không thể nhìn thấy, đó là sóng điện từ. Thứ sóng này vô cùng quan trọng cho đời sống chúng ta, thiếu nó chúng ta... mù, bởi vì ánh sáng truyền trong không gian bằng sóng. Thiếu nó chung ta cũng không thể có radio hay TV. Các nhà khoa học từ hơn một thế kỷ nay đã tìm hiểu sóng, tác động và động năng của chúng và gói chung chúng lại trong một môn học gọi là cơ học sóng.

Hãy bắt đầu từ cái chúng ta nhìn thấy là sóng trên mặt nước. Trên mặt hồ phẳng lặng, ta ném một cục đá vào giữa hồ, ta sẽ thấy những vòng tròn sóng tỏa rộng ra chạm đến bờ hồ. Chuyện quá thường, nhưng hãy nghiên cứu chuyện này một chút. Nếu ta cắm một cái que vào hồ nước, ta sẽ thấy rõ hiện tượng sóng thật sự là gì. Nó không phải là nước di chuyển, mà chỉ là nước nhấp nhô. Ở cái que đó, ta thấy nước nhô lên một chút rồi lại thụt xuống và lại nhô lên khi đợt sóng kế tiếp đến rồi lại thụt xuống, cứ thế mãi cho đến lúc sóng lặng dần dần. Người ta gọi đó là một hiện tượng tuần hoàn, có chu kỳ. Nếu có cách nào làm cho sóng liên tục, chẳng hạn như tiếp tục ném cục đá xuống nước, người ta sẽ thấy sóng không lặng mà cứ thế nhấp nhô hoài hoài.

Ở cái que đứng nguyên một chỗ đó, lúc nước nhô lên cao nhất được gọi là ngọn sóng và lúc nước hạ xuống thấp nhất được gọi là bụng sóng. Nếu cắm nhiều cái que sát nhau, bắt đầu từ chỗ hòn đá rớt xuống ở giữa hồ cho đến bờ hồ, người ta sẽ thấy các mực nước khác nhau vẽ thành một hình ngoằn nghèo, toán cơ học gọi đó là hình "sin," một hình chúng ta đã quen mắt trên các sách báo ngày nay.

Bây giờ đến cái gọi là sóng điện từ, người ta gọi đó là sóng và cũng dùng hình đường "sin" để mô tả nó khi truyền đi khắp không gian, tứ phương tám hướng chớ không phải chỉ ở trên mặt phẳng như mặt nước, đó là vì sóng điện từ cũng truyền đi theo sự tuần hoàn có chu kỳ như vậy, nhưng với tốc độ của ánh sáng.

Có điều nếu chúng ta trông mặt mà bắt hình dong, cho rằng sóng điện từ kể cả ánh sáng cũng truyền đi theo một đường ngoằn nghèo như con giun đó, chúng ta sẽ lầm to. Chúng ta đã lấy một sự mô phỏng tương trưng của các nhà toán học làm hình ảnh thật.

## Áp dụng Nguyên lý bất định

Sóng có thể giao thoa với nhau, có thể chồng lên nhau một cách dễ dàng. Nếu điện tử là sóng và hạt nhân nguyên tử cũng là sóng, tự nhiên trong một hoàn cảnh đặc biệt nào đó, chúng cũng có thể chồng lên nhau. Đó chính là lý do phát sinh ra siêu nguyên tử.

Nhưng thế nào là hoàn cảnh đặc biệt? Chúng ta phải trở lại môn Vật lý lượng tử với một cột mốc của nó là "Nguyên lý bất định" (*Uncertainty principle*) do nhà bác học Heisenberg phát hiện, mà trên mục báo này chúng tôi đã có lần trình bày. Ngắn gọn, theo nguyên lý này, trong thế giới vi mô của nguyên tử và dưới nguyên tử, khi người ta xác định được động lượng của một hạt, người ta lại không thể xác định được vị trí của nó. Nếu bây giờ làm cho các nguyên tử *rubidium* lạnh phải chạy thật chậm, người ta đã gần như xác định được động lượng (tốc độ) của chúng, bởi vậy đúng theo nguyên lý bất định, các nguyên tử đó không còn vị trí chính xác, nó phải nhòe đi, tỏa rộng ra để không biết nó ở đâu. Các "sóng" tỏa rộng nhập lại với nhau, siêu nguyên tử ra đời.

Sự thành công trong cuộc thử nghiệm bài toán nguyên tử BEC (*Bose-Einstein condensate*) làm các nhà khoa học trên thế giới mừng rỡ và phấn khởi. Đó là chuyện của các ông khoa học.

Chúng ta chỉ là những... phó thường dân. Chúng ta có thể đặt ra những câu hỏi khá thường dân. Cái trò vui của các ông khoa học đó ăn nhậu gì đến chúng tôi? Tạo ra siêu nguyên tử để làm cái gì, nó có làm cho chúng tôi no béo thêm chút nào không?

Chúng ta chớ nên kết luận vội vã. Ngay bây giờ người ta chưa thể đo lường được hết lợi ích, nhưng ít ra một số những áp dụng đã được nghĩ tới. Các chùm tia nguyên tử BEC có thể dùng để tạo ra những vi mạch nhỏ không thể tưởng trong các phiến tinh thể (chip) siêu vi dùng trong các máy điện toán thu gọn chỉ bằng nắm tay. Nó cũng có thể dùng để làm việc trong các đồng hồ nguyên tử cực kỳ chính xác. Danh sách còn dài...

Cũng như thời kỳ khởi thủy kỹ thuật laser, tìm thấy lợi khí rồi, người ta mới đi kiếm các vấn đề để dùng nó mà giải. Nguyên tử BEC là một cái chìa khóa. Vấn đề là tìm các ổ khóa để mở. Và không thiếu gì các ổ khóa hiểm ■

*February 96*


KHAI THUẾ VÀ KẾ TOÁN

**VĨNH KHẢI**

*Enrolled Agent*

Chuyên gia thuế vụ,
Đại diện thân chủ trước sở thuế
Tốt nghiệp Cao Đẳng Thương Mại
(HEC) tại Pháp,
BS Computer Science
Nguyên Giám đốc Kế toán
(Controller) nhiều xí nghiệp Hoa Kỳ
10872 Westminster Ave. #102,
Garden Grove, CA 92643
(Khu chợ Vanco)
Tel: (714) 530-1678.
Fax: (714) 530-1298.

# VỀ BÀN TAY VÔ HÌNH

VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

Tôi xin được góp ý đôi lời với bài "Sổ Tay" đăng trên *Thế Kỷ 21* số Xuân Bính Tý vừa rồi.

Bài đó kể rằng sau khi Trung Quốc ra đạo luật bắt các cửa hàng bán đồ giả phải đền khách hàng gấp đôi tiền, thì có một chàng Vương Hải nghĩ ra việc chuyên nghề đi mua đồ giả về để đòi trả lại lấy gấp đôi tiền, và sau rất nhiều lần như vậy thì anh giàu to. *Sổ Tay Thế Kỷ 21* (số 82 Xuân Bính Tý) liền nhận xét rằng đó là thí dụ của "bàn tay vô hình" của Adam Smith, và nhờ bàn tay vô hình ấy mà đạt được kết quả tốt, là các cửa tiệm không còn bán đồ giả nữa.

Nhận xét của *Thế Kỷ 21* sai. Sai tới hai lần. Một, trường hợp Vương Hải không phải là trường hợp "bàn tay vô hình." Hai, trường hợp anh Vương Hải không dẫn đến kết quả "tốt" theo nghĩa của Adam Smith.

Trường hợp Vương Hải là trường hợp một bàn tay "có hình" đàng hoàng. "Hình" của bàn tay ấy chính là đạo luật phạt tội bán hàng giả bằng cách phải trả gấp đôi tiền cho khách hàng. Chính phủ đã nhúng tay vào thị trường tự do, "quậy" tung lên rồi, còn đâu nữa là bàn tay vô hình? Hữu hình quá đi!

Hơn nữa, *Thế Kỷ 21* đã hiểu nhầm thuyết "bàn tay vô hình." Bàn tay vô hình không phải luôn luôn đưa đến kết quả "tốt" nhất! (Vì lý do rất đơn giản là cái gì tốt đối với chị chưa chắc đã tốt với tôi, nên làm sao có cái gì là "tốt nhất" được?) Bàn tay vô hình chỉ đưa đến kết quả có hiệu năng cao nhất. Nói tiếng Anh là "most effcient."

Nghĩa là làm sao? Có nghĩa là bàn tay vô hình (tức thị trường tự do) sẽ phân phối tài nguyên một cách thích hợp nhất, không món hàng nào quá nhiều mà cũng không món hàng nào quá thiếu, không phí phạm nguyên liệu công sức. Chứ không có nghĩa là bàn tay vô hình sẽ làm cho một món hàng nào đó sản xuất ra được nhiều nhất. Một thí dụ cụ thể là các công tác thủy lợi ở miền Nam. Chính chỉ thị của chính phủ đã khiến cho số kinh đào ở miền Nam lên rất cao, nhưng con số này không phải có hiệu năng cao, và sức lao động bị phí phạm.

Trường hợp hàng giả ở Trung Quốc cũng vậy. Trước khi chính phủ lọ xọ xía vô, thì thị trường tự do dẫn đến một kết quả có hiệu năng cao nhất. Tức là, số đồng hồ Casio giả đã tương đương và thích hợp so với số người muốn mua đồng hồ Casio giả. Nếu số đồng hồ Casio giả quá nhiều, thì giá sẽ hạ thấp, một số nhà sản xuất sẽ chán không làm Casio giả nữa, cho tới khi giá tiền lên tới mức vừa phải, và số đồng hồ giả cũng ngưng ở mức vừa phải.

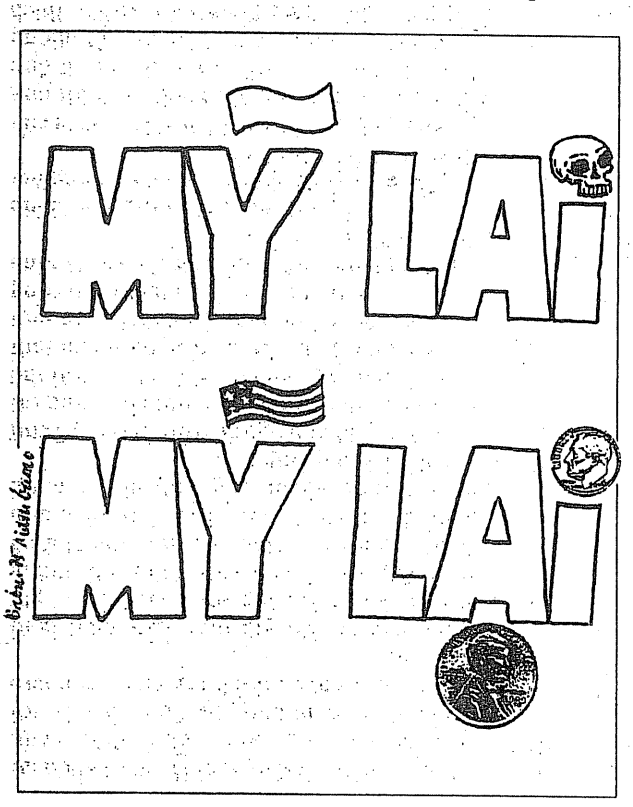


Sau khi nhà nước xía vô, thì số đồng hồ Casio giả bị giảm đi. Có thể xuống tới zéro (vì những người như Vương Hải). Do đó thị trường bị bóp méo. Số đồng hồ Casio giả sẽ quá ít so với số người muốn mua Casio giả. Đối với Adam Smith, thì đây là một kết quả xấu!

*Thế Kỷ 21* nhầm ở chỗ nào? *Thế Kỷ 21* nhầm vì đã hiểu sai vấn đề đồng hồ giả. Làm đồng hồ giả là tệ, nhưng đó là vì mình không thích đồ giả. Đó là vì cái ý thức đạo đức của riêng mình nó bảo mình vậy. Nhưng đồng hồ giả không có gì là tệ cả nếu hiểu theo nghĩa kinh tế. Ngược lại, nếu thị trường đòi hỏi đồng hồ giả, nếu người dân có nhu cầu mua đồng hồ giả (vừa rẻ, mà vừa nhìn giống như đồ thiệt), thì làm đồng hồ giả lại là việc rất tốt.

Nói tóm lại, đạo luật mới của Trung Quốc là một bàn tay hữu hình, làm xáo trộn cung/cầu, chuyển lợi tức từ các nhà sản xuất đồng hồ Casio giả (và các đồ giả khác) qua tay Vương Hải, hãng Casio, và các công ty

ngoại quốc khác.

**Trả lời của** *Thế Kỷ 21:*

*Lá thư của bạn Vũ Quí Hạo Nhiên khích lệ các người phụ trách mục Sổ Tay, vì được bạn đọc kỹ và góp ý là điều rất phấn khởi.*

*Bạn V.Q.H.N. hiểu rất đúng ý nghĩa của hình ảnh Bàn Tay Vô Hình, khi thị trường tự do cạnh tranh thì hậu quả là tăng gia hiệu năng của nền kinh tế, theo nghĩa phân bố các tài nguyên vào các hoạt động kinh tế có lợi ích cao nhất cho nhiều người nhất. Đó là cơ bản của lý thuyết kinh tế thị trường tự do, từ thời Adam Smith (1723-1790).*

*Tuy nhiên, chúng tôi không tin rằng cách bạn áp dụng hình ảnh này vào chuyện làm đồ giả, bán đồ giả là diễn tả đúng ý của Adam Smith.*

*Trước hết, làm đồ giả, thí dụ tôi làm một cái máy walkman, cũng cho nó nhãn hiệu Walkman, rồi mạo nhận hãng Sony để đem bán, như vậy là vi phạm vào quyền sở hữu của hãng Sony. Adam Smith bênh vực quyền sở hữu (property right), vì đó là kết quả do sức lao động của người ta tạo ra.*

*Trong The Wealth Of Nation (WN)* ông viết như vầy: *"The property which every man has in his own labour, as it is the original foundation of all other property, so it is the most sacred and inviolable."*

*Thời A. Smith nước Anh và Âu châu chưa có nạn làm đồ giả như chúng ta bây giờ nên ông không bàn tới. Nhưng chắc hẳn nếu hãng Sony kiện tôi thì ông cũng bảo là đáng kiện lắm.*

*Trong cuốn The Theory of Moral Sentiments (TMS) ông cũng nói rằng các quy luật công lý "thiêng liêng" nhất là bảo vệ sinh mạng, rồi đến bảo vệ quyền sở hữu, cuối cùng mới đến bảo vệ các hợp đồng (lời hứa).*

*Còn vấn đề hiệu năng của nền kinh tế thì sao? Nếu cứ cho làm đồ giả thả cửa thì có giúp cho kinh tế có hiệu năng (efficient) hơn không? Không chắc! Việc đó sẽ làm các nhà phát minh, sáng chế nản lòng, các nhà khoa học hay kỹ sư sẽ không có việc mà làm nữa! Nghĩa là cái tài nguyên chất xám đó không được sử dụng hữu hiệu. Thí dụ hãng PG mất mấy chục năm mới tìm ra cái "chất béo không có mỡ" mà vừa tung ra thị trường ai cũng có quyền sản xuất thì hãng đó sẽ không dại gì mà bỏ bạc triệu ra nghiên cứu thứ khác để các bà các ông đỡ mập. Như vậy thiệt hại cho cả các bà lẫn các ông.*

*Adam Smith cũng không chủ trương một nền kinh tế không cần luật lệ, không cần chính phủ để làm ra luật và thi hành luật.*

*Trong cuốn năm (book V) của WN ông đề nghị hạn chế các hành động của các ngân hàng. Xin trích một đoạn để hiểu ông hơn: "The obligation of building party walls, in order to prevent the communication of fire, is a violation of natural liberty, exactly of the same kind with the regulation of the banking trade which are here proposed."*

*Người viết mục Sổ Tay khi bàn chuyện Vương Hải, nhắc đến Bàn Tay Vô Hình, theo nghĩa là "khi mọi người hành sử theo quyền lợi riêng của họ, họ đã vô tình giúp cho phúc lợi chung của xã hội." Tất nhiên xã hội xây cái "bức tường" để phòng hỏa thì người ta chỉ được tự do trong phạm vi cái bức tường đó thôi.*

*Bàn Tay Vô Hình (Invisible hand) được Adam Smith nói đến, trong WN theo nghĩa mỗi cá nhân không cố ý mà gia tăng lợi ích chung của xã hội, "...he intends only his own gain, and he is in this, ...led by an invisible hand to promote an end which was no part of his intention."*

*Trong TMS ông cũng đã nói đến hình ảnh an invisible hand rồi, cũng với ý tương tự, nhưng nhuộm mùi tôn giáo hơn.*

*Cảm ơn bạn Vũ Quí Hạo Nhiên cho chúng tôi có dịp nói thêm để chúng ta hiểu Adam Smith hơn.* ■


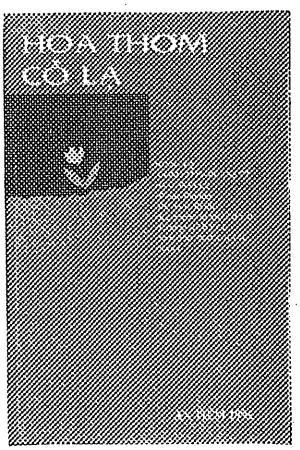


*Nhà xuất bản AN TIÊM vừa phát hành*

HOA THƠM CỎ LẠ

Tập truyện ngắn đặc sắc của các tác giả Anh đầu thế kỷ XX
Do **NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH** chọn dịch

Liên lạc:
- Tại Pháp: Mr Trương Tuệ (nxb An Tiêm), 14 Villa des Acacias, 202 rue d'Épinay, 95360 Montmagny, France. Tel: **39 84 00 84.**
- Tại Mỹ: Mr Võ Thắng Tiết, (nxb Văn Nghệ), P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA. Tel: **(714) 527-5761**.

# ĐỐI CHIẾU DÂN NHẠC VIỆT VÀ MỸ

LÊ VĂN KHOA

Vốn biết Hoa Kỳ có nét nhạc ngũ cung, và để dễ tạo thông cảm với nỗi đau đớn, bơ vơ của người tị nạn Việt Nam mới đặt chân lên đất Mỹ, tôi đã nói chuyện tại nhiều nhà thờ ở Hawaii tháng Năm 1975, tháng Sáu và tháng Bảy tại Loma Linda University và Santa Monica, California. Sau đó, tháng Mười tôi nói chuyện với Hội Phụ Nữ Hoa Kỳ ở Cambridge, rồi hai tháng sau, tôi được mời nói chuyện trước đại hội Hồng Thập Tự Hoa Kỳ toàn bang Maryland lại Salisbury.

Trong những buổi nói chuyện này, tôi có đề cập và hát mấy đoạn các bài dân ca và *Negro Spiritual* của Mỹ như: *Sometimes I feel Like A Motherless Child, A Wayfaring Stranger, Nobody Knows the Trouble I've Seen.* Nơi nào cử tọa cũng đều rất ngạc nhiên và bày tỏ sự thông cảm ngay. Từ đó tôi để tâm nghiên cứu kỹ hơn và có dịp đề cập đến những điểm giống nhau giữa nhạc Việt và Mỹ trong buổi hội học âm nhạc do Pacific Symphony Orchestra tổ chức vào tháng Tám 1994, và một buổi hội học âm nhạc khác gần đây, ngày 10 tháng Hai 1996. Điều đáng tiếc là thì giờ trong các buổi hội học đó cũng như khuôn khổ tạp chí *Thế Kỷ 21* này không cho phép tôi trình bày đầy đủ hơn, nên chỉ trích dẫn ra đây một số dữ kiện liên hệ mà thôi.

Đây là một đề tài tưởng chỉ tóm gọn trong một lãnh vực nhỏ, tức những điểm dị, đồng trong dân nhạc Việt Nam và Hoa Kỳ, nhưng nếu truy nguyên, nó trở thành một vấn đề rộng lớn vô biên, đòi hỏi một ủy ban chuyên về nhạc học, khảo cổ, nhân chủng, xã hội, cực lực sưu tầm, nghiên cứu, san định mới có thể am tường được.

Cả nhạc Việt và Mỹ đều chịu ảnh hưởng ngoại lai rất nhiều, vì vậy muốn hiểu nhạc Việt hay Mỹ đều phải trở về quá khứ và vượt khỏi biên cương quốc gia để sưu tầm.

Âm nhạc xuất hiện từ khi nào? Không ai trả lời dứt khoát được câu hỏi trên. Người ta đoán là âm nhạc xuất hiện sau khi con người có được tiếng nói. Lập luận đó hoàn toàn tùy thuộc nơi người tin theo thuyết tiến hóa hay tạo thế.

Căn cứ nơi các hình vẽ của người tiền sử mà người ta tìm được trong hang động *Trois Frères* ở Ariège, miền Nam nước Pháp, thì âm nhạc đã có từ trên 40,000 năm trước. Những hình vẽ khác được tìm thấy trên vách núi vùng sa mạc Negreb, Do thái, và ở nhiều nơi khác trên thế giới.

Những mảnh của nhạc cụ từ thời đại Ba-by-lôn ( thế kỷ 18 đến thế kỷ thứ 6 trước Công nguyên) cũng được khai quật gần đây. Theo cổ sử, Do Thái đã có nhạc trong thời đại này rồi.

Riêng tại Việt Nam, lần đầu tiên năm 1949, người ta đã tìm được bộ đàn đá, và sau đó tìm thêm được mấy bộ đàn đá khác, còn gần như nguyên vẹn. Những bộ đàn này theo các nhà khảo cổ Tây phương, được trên 5,000 tuổi.

Trên mặt các trống đồng Ngọc Lũ tìm được năm 1893-4, trống đồng Hoàng Hạ tìm thấy năm 1937, trống đồng Cổ Loa, khai quật năm 1982 đều có hình vẽ người chơi nhạc, múa và cả cách thức đánh trống đồng. Theo các nhà khảo cổ, các trống này được đúc trên đất Việt, trong giai đoạn văn minh Đồng Sơn, dọc lưu vực Hồng Hà. Đây là giai đoạn Văn Lang và Âu Lạc, cùng lúc vua Hùng dựng nước. Trống là một nhạc cụ thuộc bộ gõ. Như vậy, ngoài đàn đá, còn có nhạc cụ khác của người Việt là trống đồng được tìm thấy tại Việt Nam. Đây là những chứng tích âm nhạc đã giữ vai trò quan trọng trong đời sống văn minh của dân ta. Trống đồng được dùng để gọi sấm và gọi mưa. Trống đồng cũng đã từng tham gia cuộc chiến chống quân Tàu, làm chúng khiếp vía bỏ chạy về Tàu. Sau này người ta còn tìm được trên 100 trống lớn nhỏ khác ở nhiều địa phương khác nhau.

Những hình vẽ trên các loại đồ sành, phù điêu tìm được ở vùng Tiểu Á (cận Đông) cho ta thấy nhạc được ưa chuộng và vô cùng thịnh hành trước thời văn minh Hy Lạp.

Điều ngạc nhiên là cả hai bán cầu Đông, Tây đều cùng lúc dựa trên toán học và thiên văn học để viết lý thuyết, phân định cung bực của âm thanh và hệ thống hóa âm nhạc.

Pythagoras (582-500 trước Công nguyên) đưa ra lý thuyết con số toán học là phần tối thượng của mọi nguyên tắc đưa đến ổn định và hòa hợp trong vũ trụ. Các thiên thể được tách xa bằng khoảng cách tương hợp với âm thanh của một sợi dây căng thẳng (độc huyền: *monochord*) được khảy vào những khoảng cách nhất định để phát ra âm nhạc (dựa theo các quãng trong âm nhạc của người Ba-by-lôn.) Ông cho rằng sự xáo trộn âm thanh gây ra bấn loạn trong tâm trí con người và hỗn loạn trong vũ trụ. Ông được coi như là người đầu tiên hiểu biết về đàn một dây (độc huyền cầm).

Nhưng Euclid, nhà toán học Hy Lạp khoảng 300 trước Công nguyên. được kể như người dùng độc huyền để chứng minh những tương hệ của âm thanh, được ghi lại trong quyển Katatome Kanonos (Phân tách độc huyền cầm) của ông.

Người Hy Lạp làm ra cây đàn với bốn dây căng theo âm thanh của bộ âm thanh bốn bực (*tetratonic*). Sau đó họ thêm một bộ bốn dây khác tương hợp với bộ bốn dây trước nhưng ở cung bực cao hơn.

là Xang Xừ Líu.

Bản đối chiếu A.

Vị trí và tên các nốt nhạc trên khóa Sol (*treble clef*)

Hy Lạp cũng như Á Đông xưa đều nhận thấy

## Bản tên và nốt nhạc Việt-Hoa-Phap-Anh

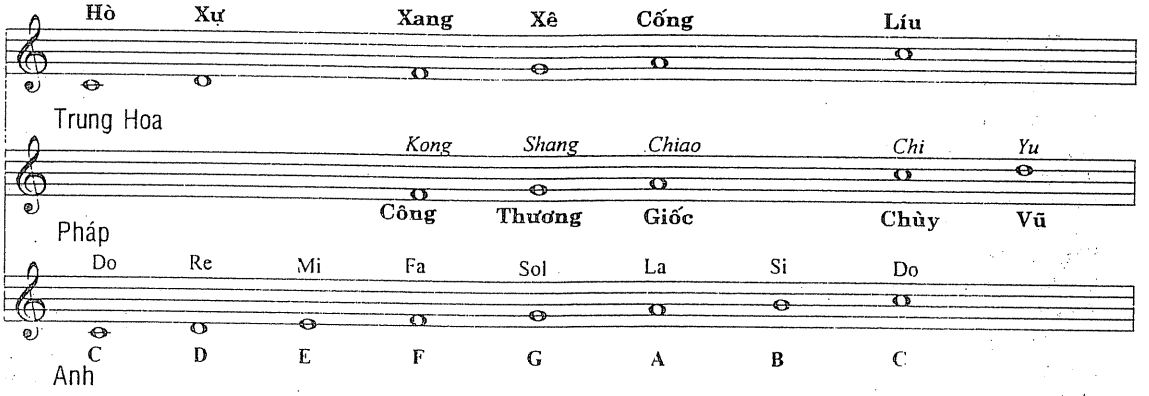


Đồng lúc đó ở Á Châu người Trung Hoa cũng dựa trên lý thuyết vũ trụ và toán học định lại âm nhạc của họ. Ảnh hưởng của nhạc Trung Hoa lan qua các lân quốc Đại Hàn, Nhật Bản. Dĩ nhiên phải kể cả Việt Nam. Họ cũng quan niệm rằng những xáo trộn của âm thanh sẽ tạo ra hỗn loạn trong vũ trụ và có ảnh hưởng trực tiếp đến con người. Họ san định cung bực âm thanh, không phải do các nhạc sĩ, mà do các nhà thiên văn dựa trên toán học.

Ấn Độ không dùng toán học để định lý âm nhạc, nhưng giải thích bằng thần thoại. Cũng như người Trung Hoa và Hy Lạp, người Ấn thấy những cung bực của âm thanh được gắn liền với nhật nguyệt, ngày đêm, nóng lạnh, cung điện hay đồng trống. Những nốt nhạc cũng liên hệ trực tiếp đến các bộ phận trong thân thể con người. Dùng không đúng cung bực sẽ gây xáo trộn trong vũ trụ và xã hội.

Tôi không tìm được mấu chốt nào về âm nhạc Việt Nam trong thời đại đó. Những hình khắc trên mặt trống đồng có ghi nhạc và vũ, nhưng nhạc và vũ đã biến mất trong sinh hoạt văn hóa nước nhà suốt khoảng thời gian thật dài. Mãi sau mới thấy vua Lê Thái Tôn sai người đi học nhạc triều đình Trung Hoa!

Ảnh hưởng của nhạc ngữ Trung Hoa là Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ. (Có sách ghi là công, thương, chủy, giốc, vũ. Trong bản đối chiếu tôi ghi cả lối gọi của người Trung Hoa để dễ thấy lối gọi nào là đúng. Đến nay vẫn có người Việt dùng các tên này.) Như người Hy Lạp hay ngược lại, tên năm nốt nhạc này cũng là tên năm dây của chiếc đàn của người Trung Hoa. Đến đời Hậu Lê, cung, thương, giốc, chủy, vũ, được đổi lại thành Hò, Xự, Xang, Xê, Cống, Líu, nghe cũng rất Tàu. Bằng chứng là một bài nhạc Quảng theo điệu Tàu có tên

âm nhạc gắn liền với vũ trụ. Nói rõ hơn, Pythagoras cũng như các triết gia Đông phương đều cho rằng nhạc điều động sự vận hành của vũ trụ, do đó mỗi âm thanh phát ra, mỗi cung bực sử dụng đều được cân nhắc cẩn thận. Một cung nào đó dùng không đúng tháng, ngày và giờ trong ngày là một lỗi lầm tai hại rất lớn. Điều đó tai hại hơn nếu so sánh như ngày nay người nhạc sĩ đại phong cầm trong nhà thờ dùng nhạc đám ma đàn cho lễ cưới. Dựa trên một số dữ kiện thu góp được, nhất là tên cung nhạc Tàu đối với nhạc Tây, tôi lập ra bản đối chiếu sau đây và nghiệm thấy rất có lý. Xin quý vi cao minh góp ý và chỉ giáo cho.

Bản đối chiếu B.

Tên nốt nhạc Việt, Hoa,Mỹ, Pháp, Ngũ hành, bốn hướng, và nhiệm vụ của từng cung:

(*xem bảng trang sau*)

Các soạn nhạc gia cổ điển Tây phương đều chọn cung (âm giai) để viết nhạc. Họ thấy mỗi âm giai có màu sắc khác nhau, diễn tả tâm tình khác nhau mà trong một dịp khác chúng tôi sẽ nói đến. Ở đây tôi chỉ nêu ra một vài dẫn chứng để thấy sự hòa hợp Đông-Tây vốn có từ ngàn xưa tàng ẩn trong ý nghĩa của âm thanh, căn cứ nơi vũ trụ và nhân sinh học.

Felix Mendelssohn chọn cung La trưởng (*A major*) để viết bài *Spring Song*. Nét nhạc linh động, rộn ràng, vui tươi rất hợp với khung cảnh và không khí mùa Xuân.

Ludwig Van Beethoven dùng cung Fa trưởng (*F major*) cho Giao hưởng khúc số 6, Pastoral. Nhạc thoải mái nhẹ nhàng, trải rộng, khoảng khoát. Giới viết nhạc cổ điển đều chung quan điểm, cho cung F là hợp cho nhạc về đồng quê. Nhạc sĩ Võ Đức Thu của ta cũng chọn cung này cho nhạc phẩm Đồng Quê của ông.

Dựa theo các cung bực trên, tôi vẽ đồ hình

| Tên nốt nhạc: | Cung<br>*Xang*<br>F (Fa) | Thương<br>*Xê*<br>G (Sol) | Giốc<br>*Cống*<br>A (La) | Chùy<br>*Hò*<br>C (Do) | Vũ<br>*Xự*<br>D (Re) |
|---|---|---|---|---|---|
| **Tứ phương:** | *(Trung tâm* | Tây | Đông | Nam | Bắc |
| **Tứ thời:** | *quyền lực)* | Thu | Xuân | Hè | Đông |
| **Hành tinh:** | Saturn | Venus | Jupiter | Mars | Mercury |
| **Ngũ hành:** | Thổ | Kim | Mộc | Hỏa | Thủy |
| **Ngũ sắc:** | Vàng | Tráng | Tím | Đỏ | Đen |
| **Chức năng:** | Hoàng đế | Thứ dân | Vũ trụ | Thủ tướng | Quốc vụ |
| **Ngũ thường:** | Nhân | Nghĩa | Lễ | Trí | Tín |
| **Ngũ luân:** | Quân-thần<br>*Vua-Tôi* | Phụ-tử<br>*Cha-Con* | Phu-phụ<br>*Chồng-Vợ* | Huynh-đệ<br>*Anh-Em* | Bằng-hữu<br>*Bạn Bè* |
| **Ngũ phúc:** | Phú<br>*Giàu* | Qúi<br>*Sang* | Thọ<br>*Sống lâu* | Khang<br>*Yên* | Ninh |
| **Ngũ quan:** | Thính<br>*Tai* | Thị<br>*Mắt* | Khứu<br>*Mũi* | Vị<br>*Lưỡi* | Xúc<br>*Da* |
| **Ngũ tạng:** | Tâm<br>*Tim* | Can<br>*Gan* | Tì<br>*Lá lách* | Phế<br>*Phổi* | Thận<br>*Thận* |

dưới đây, đối chiếu nhạc ngũ cung theo lối Á Đông với nhạc thất cung của âm giai điều hòa (*temperament scale*) Tây Phương. Tôi khám phá ra sự vận hành hòa hợp kỳ diệu giữa Đông-Tây.

Hình vẽ về sự vận hành của các nốt nhạc. (*hình trang bên*)

Qua hình vẽ này ta thấy rõ sự đối chiếu của Âm và Dương, của Đông Tây và Nam Bắc. Nốt nhạc F, tức Cung hoặc Xang cũng thế, giữ vai trò quan trọng hơn hết, điều hợp mọi cuộc vận hành của âm thanh cũng như thời tiết. Đường ngang của Kim và Mộc, tức mùa Thu và mùa Xuân là để dung hòa sự khác biệt của hai cực Âm - Dương. Cũng chính hai mùa này người ta có lễ lạc nhiều hơn hết để thoải mái trước mùa Hè nắng cháy và mùa Đông băng giá.

Nhìn vào bản vẽ ở trên, ta thấy các nốt nhạc Tây phương bị phân tán rã rời, không theo thứ tự thuận hoặc ngược chiều, nhưng thật ra nó nằm trong nguyên tác xoay vần khít khao vô cùng. Đó là hệ thống chuyển cung gọi là *Cycle Of Fifth* mà người học nhạc lý Tây phương đều biết. Có người gọi sự chuyển cung này là Quãng Bốn đi lên (đi tới), người khác gọi là Quãng Năm đi xuống (thụt lùi), cung nhạc đạt tới cũng mang tên giống nhau. Ta khởi đi từ mùa Xuân, tức từ nốt A (la) cho đẹp. Sự chuyển cung của Tây phương đi vòng ngược chiều với Xuân, Hạ, Thu, Đông. Từ A7 (la) phải về D (re). D7 về G (sol). G7 về C (do). C7 về F (fa). Thế là đủ giáp vòng ngũ cung.

Nốt F (fa: xang, cung) nằm ở giữa hai nốt dưới là C (do: hò, chủy), D (re: xự, vũ) và hai nốt trên là G (sol: xê, thương) và A (la: cống, giốc). Nó làm cái trục cho bốn nốt nhạc kia xoay quanh. Nó là bực thứ ba từ dưới đi lên, cũng là bực thứ ba từ trên đi xuống, tuy các quảng có khác nhau.

Các sách về dân nhạc Việt Nam đều có đề cập đến điệu Bắc và Nam như là các điệu chính của nhạc Việt. Thậm chí có người cho điệu Bắc thì vui vì hướng về Bắc tức là Trung Hoa, còn điệu Nam Ai vì chịu ảnh hưởng nhạc Chiêm Thành bị mất nước nên buồn. Tôi không nghĩ ông cha chúng ta mê Tàu và bi lụy vì Chiêm Thành đến thế. Dù chịu ảnh hưởng Trung Hoa với đạo lý Khổng Mạnh, nhưng ta đã bỏ chữ Hán và sáng chế chữ Nôm để thay. Ông cha ta cũng có những cái đau vì bị đánh đuổi từ phía Bắc, cay đắng vì nỗi nhục bị Tàu đô hộ cả ngàn năm chưa đủ buồn hay sao mà phải đi vay mượn cái buồn của Chiêm Thành trên đường Nam tiến?

Qua sự nghiên cứu, đối chiếu dân nhạc Việt và Mỹ, tôi thấy vấn đề sáng tỏ hơn và lập luận nhạc cổ truyền Việt Nam vui nhờ Tàu, buồn vì Chiêm Thành hoàn toàn không đứng vững, sẽ nói đến sau.

Peter Yates liệt kê các dòng nhạc lớn của thế kỷ 20 trong quyển sách *Twentieth Century Music* của ông như sau: Đức, Pháp, Nga, di sản của Listz, những thực nghiệm của Hoa Kỳ, Á Châu và nhạc của người của người da đen.

Nhạc của Mỹ, ngoài nhạc của người da đỏ, là nhạc từ Âu Châu và Phi Châu đưa vào. Nhờ đó nảy

Hình vẽ về sự vận hành của các nốt nhạc.

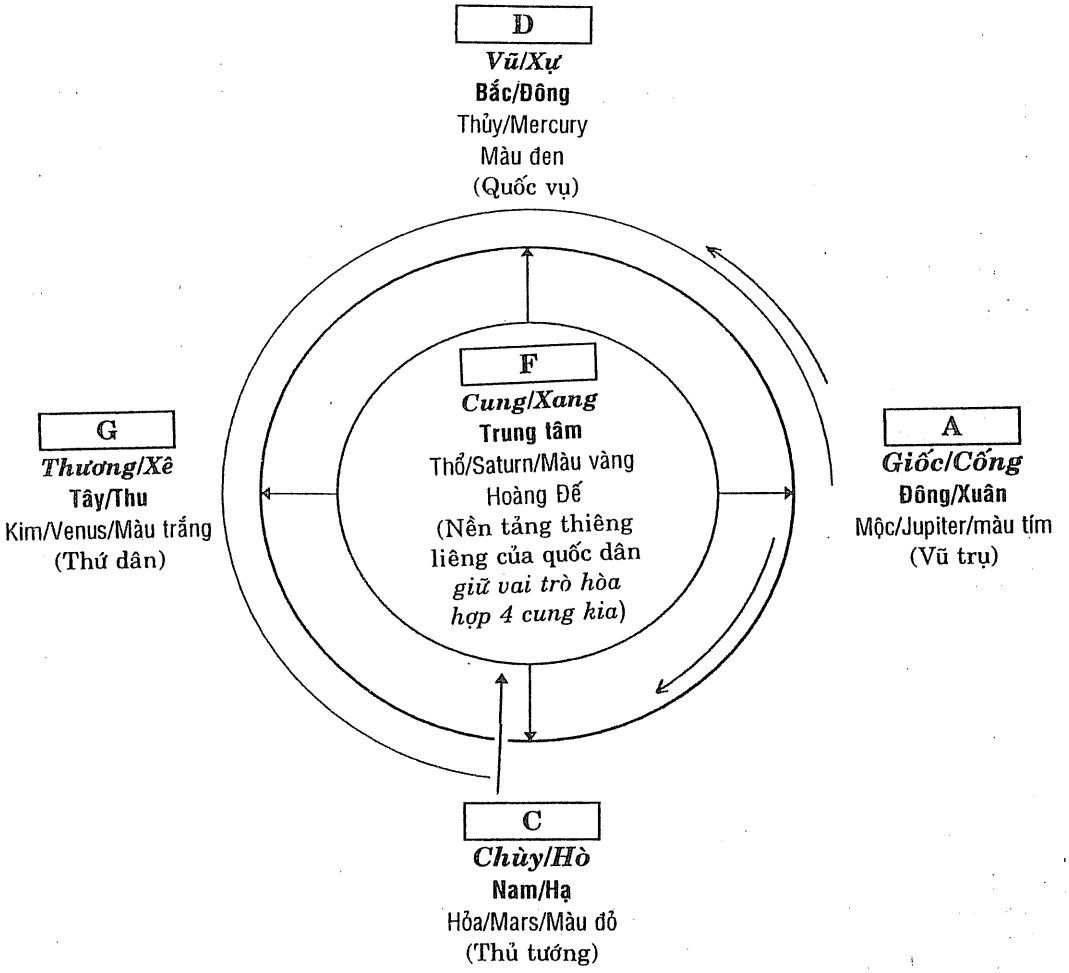


sinh ra loại nhạc mới mà ảnh hưởng tràn ra khắp thế giới thật nhanh chóng. Đúng ra nét nhạc chính của thế kỷ 20 là nhạc Á Châu và nhạc Mỹ đen, mà Việt Nam đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển này.

Trong thời cổ điển Tây phương, nhạc ngũ cung bị coi là loại nhạc tiền sử, bán khai. Người ta góp công vào việc phát triển nhạc thất cung. Nó ngự trị thế giới ngót 200 năm. Đến cuối thế kỷ 19 người ta cảm thấy nhạc bảy nốt trở thành chán ngấy, nên tìm những nét mới lạ. Chính Chopin và Listz đã thám hiểm vào vùng xa lạ của âm thanh. Nhất là Listz, ông đã khơi mào cho tất cả loại nhạc mà ta thấy ngày nay. Rất tiếc ông chỉ là người làm nhạc, không phải là người biên khảo, viết lý thuyết, ông không lập trường phái để phổ biến, cổ súy cho tư tưởng mới của mình.

Trong lãnh vực nghệ thuật, những cái gì mới sau một thời gian sẽ trở thành cũ, và ngược lại cái cũ được đem ra đánh bóng và trở thành thời thượng. Ta cứ nhìn vào thời trang thì thấy rõ nhất. Nhạc của Bach đã trở thành khuôn mẫu của giới nhạc tiền cổ điển (Baroque), nhưng sau đó bị lãng quên. Mendelssohn đã có công moi ra trình diễn một trong những tác phẩm rất lớn là *The Passion According to St. Matthew* và còn giữ được sự đón tiếp của người yêu nhạc đến ngày nay. Những ca khúc phổ thông thời thập niên 50, 60 của Hoa Kỳ được giới sinh viên, học sinh ngày nay phục hồi. Trong giới nhạc giao hưởng, thính phòng, Tân Cổ điển (*Neo Classic*), Tân Lãng Mạn (*Neo Romantic*) đã xuất hiện cả rồi.

Cuối thế kỷ 19 các soạn nhạc gia nào chán thất cung, tìm lại ngũ cung. F. Chopin có câu nhạc ngũ cung trong *Nocturne in E Major* của ông. F. Listz cũng có ngũ cung trong tác phẩm lớn *Les Préludes*.

Tchaikowsky trong một bức thư viết năm 1877 cho ân nhân của ông là bà Nadezhda von Meck, có câu: "Ông Mussorsky, trong những nét nhạc ngô nghê xấu xí nhất của nhạc ông, đang nói lên một ngôn ngữ mới. Tuy nó không đẹp, nhưng rất tươi mát... Dù gì sự xấu xí của chúng ta chỉ khá hơn cái bất lực đáng thương một chút thôi, được khoát lên bằng cái mặt nạ khả năng sáng tạo làm ra vẻ quan trọng của Brahms và những người Đức khác. Hiện có nhiều tài năng mới, có nhiều chiến sĩ đầy nhiệt tâm xông vào cuộc chiến chống lối viết nhạc theo quy luật thông thường!"

Modest Mussorsky viết nhiều nhạc, nhưng ai cũng đồng ý tác phẩm đóng góp quan trọng nhất cho âm nhạc là *Pictures at an Exhibition*. Đoạn

nhạc chính của tác phẩm này là *Promenade*, được viết bằng âm giai ngũ cung.

Sự chuyển hướng để đạt đến tầm vóc quan trọng là do Claude Debussy dẫn đầu. Có lẽ động lực chính thúc đẩy ông khai lối phát khởi từ phiên hội chợ triển lãm thế giới tại Paris, thủ đô nước Pháp, năm 1889. Hầu hết các sách về nhạc sử thế giới đều có nhắc đến biến cố này của Debussy. Ông ghi lại như sau: "Người An Nam (Annamites) (Việt Nam) có trình diễn một loại tuồng hát (hát bộ), chịu ảnh hưởng của người Trung Hoa. Người ta nhận ra hình thức của một chủ thuyết tam tài; nhưng họ nặng về Ngọc Hoàng hơn là cảnh trí. Một cây tiểu hắc tiêu say sưa điều động cảm xúc, một cái trống tạo kinh hoàng... Chỉ thế thôi. Họ không cần một rạp hát đặc biệt, cũng không cần một dàn nhạc giấu dưới hầm. Họ không cần gì cả ngoài một trực giác cần thiết cho nghệ thuật. Thật điệu nghệ. Không dở chút nào!"

Ông cũng có nghe nhạc từ các quốc gia khác. Sau đó ông thử tạo trên piano âm thanh xe chạy trên đường phố, dùng lối kết hợp âm nhạc mà ông nghe ở hội chợ.

Ít tháng sau Debussy có đi dự chương trình Rimsky Korsakoff điều khiển nhạc của nhóm Ngũ Đại Soạn Nhạc Gia Nga. Với ảnh hưởng của nhạc Việt vẫn còn rõ trong trí ông ghi lại"... những cảnh di chuyển trong phạm vi và các nhân vật trong đó giống như người An Nam (Việt Nam) dùng nhạc đệm cho tuồng kịch của họ."

Debussy vạch ra lối viết nhạc khác, dùng âm thanh mà ông ghi nhận được từ các nơi, đổi lối hòa âm theo âm giai Á Đông, viết nhạc trên âm giai không có bán cung, v.v... Maurice Ravel theo gót Debussy cùng tạo trường phái mới cho thế kỷ 20, phát xuất từ Pháp.

Hoa Kỳ cũng trở thành một trường phái nhạc lớn mà ảnh hưởng lan tràn mạnh mẽ khắp thế giới. Đó là nhạc Jazz. Nhưng nhạc Jazz phát khởi từ đâu? Có phải từ trời rơi xuống chăng? Không hẳn, nhưng cũng gần như vậy.

Hoa Kỳ là nơi thu dụng người da đen (từ Tây Phi Châu), để phục dịch người da trắng trong các đồn điền rộng lớn ở phía Nam. Trong cơ cực, tuyệt vọng của cuộc sống, những người nô lệ da đen tìm an ủi nơi tôn giáo của người da trắng. Họ đặt mình vào hoàn cảnh của các phu tù Do Thái ngày xưa chờ nguồn giải cứu. Họ hát về thân phận họ. Từ đó loại nhạc *Negro Spiritual* ra đời. Họ cũng hát về tình cảm của họ. Đó là loại nhạc *Blues*. Từ những bài thánh ca của người da trắng mà họ hát chung với người da trắng, những âm thanh chói lộ ra, gây bức rức cho người nghe không ít.

Những âm thanh làm cho người này khó chịu có thể là lý thú của người khác. Cứ thử dò xem lối nghe nhạc của những người trong gia đình mình thì thấy ngay. Vì vậy có người có sáng kiến lợi dụng những âm thanh chói tai kia để khai sinh một loại nhạc mới: nhạc Jazz.

*(còn tiếp)*


THE RIGHT ACCOUNTANT MAKES A DIFFERENCE

SYED A. HYDER, C.P.A.

Certified Public Accountant

**Nhiều năm kinh nghiệm**
**Đã và đang làm việc cho**
**các Công Ty lớn của Hoa Kỳ**

VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI NHẬN:

- ❑ Khai Thuế cá nhân - Tổ Hợp - Công Ty
- ❑ Giữ sổ sách kế toán cho các cơ sở thương mại
- ❑ Cố vấn thuế vụ - Tài chánh
- ❑ Tất cả mọi dịch vụ về thuế

Tiếng Việt liên lạc Bà Lệ Nga
Giờ làm việc: 7 ngày 10:00 am - 6:00 pm

Chuyên Nghiệp - Tận Tâm

Phone: (714) 890-3719 ■ Fax: (714) 890-3792 ■ Pager: (714) 565-8012
9081 Bolsa Ave., Suite 203 ■ Westminster, CA 92683 (Trong khu Hoa Bình Food tự Gọi)

# SỰ NGHIỆP. NHỮNG XỨ TUYẾT

PHẠM THỊ HOÀI

*LTS. — Đây là một chương (Chương IV) trong cuốn tiểu thuyết mới nhất của nhà văn Phạm Thị Hoài, cuốn "Marie Sến."*

*Phạm Thị Hoài sinh năm 1960, du học ở Đông Berlin, Đức quốc, từ 1977 tới 1983, làm việc tại Viện Sử học và Viện Nghiên cứu Tôn giáo thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam từ 1983 tới 1993. Từ 1993 định cư tại Berlin. Tác phẩm: Thiên Sứ (tiểu thuyết, 1988), Mê Lộ (tập truyện ngắn, 1989), Từ Man Nương Đến AK (truyện ngắn và tiểu luận, 1993).*

*"Marie Sến" được nhà xuất bản Thanh Văn ở California in và sẽ phát hành trong tháng Tư năm nay. TK 21 xin cảm ơn nhà văn Phạm Thị Hoài, tạp chí Văn Học và nhà xuất bản Thanh Văn đã cho phép trích đăng Chương IV của cuốn sách trong số này.*

Bao nhiêu tình thương cũng là không đủ, tôi vẫn ngậm ngùi rằng thế. Tôi không sao biết mang quà gì cho khỏi bẽ mỗi dịp Tết ngồi giữa bố mẹ anh chị em dâu rể nhà vợ, nên thường đến tay không và huy động kho tiếu lâm trợ lực, lâu dần người ta thôi chờ đợi quà cáp ở tôi. Tôi không chở cô ấy chiều thứ bảy đi vòng Bờ Hồ xem người ta ăn kem, hay ngược Hồ Tây xem người ta hôn nhau bạt ngàn. Tôi không đưa Vân và Kiều đi tảo mộ, đi công viên ngồi đờ trong hoa cười với ông thợ ảnh. Tôi không để tóc râu mắt nhìn sáng quắc cho vợ con tôi được ru trong hào quang một nhân vật lớn. Không mời các tên tuổi ngân vang về nhà uống rượu. Không chửi nát thiên hạ để vợ tôi sướng tai. Không kể chuyện giang hồ để các con tôi tròn xoe mắt. Không có gì hấp dẫn ở tôi hết. Thậm chí tôi không có nổi một bức ảnh chụp ở nước ngoài để treo lên bốn bức tường nghiêng: tôi không có sự nghiệp.

Ba phần tư cán bộ khoa học Viện tôi có sự nghiệp. Có ảnh chụp ở những xứ tuyết. Ảnh nào cũng cho thấy họ cười trong công viên và trên quảng trường, với măng tô thật dài trên nền trắng xóa. Người Việt chúng ta không thích sự độc đáo. Người Việt chúng ta thích giống nhau. Xe đạp thì cùng xanh lơ, xe máy thì cùng Giấc Mơ Tím, nhà một thời cùng vuông vức mái bằng như trại lính, bây giờ cùng trổ tháp Alibaba, giường cùng kiểu Đức gỗ lát, ấm chén cùng Trung Quốc hoa leo, thết người sống cùng sáu đĩa bốn bát, đãi người chết cùng vòng hoa ni lông cho được bền, đàn bà cùng slip Bông Hồng Thái Lan, đàn ông cùng ba con năm ba con ba, và trẻ em cùng Đô Rê Môn. Người đã vậy, thần linh trong đền chùa miếu mạo và trên điện thờ của chúng ta ở nhà cũng hình thù giống nhau, đứng ngồi giống nhau, tiêu cùng một loại tiền và lắng nghe cùng một bài cầu xin in sẵn của chúng sinh đệ tử. Tính tập thể là một cái gì cao hơn lý trí.

Khi Sến hỏi chuyện nước ngoài, tôi ngượng ngùng bảo mình chưa bao giờ đặt chân ra ngoài

Đính chính: Truyện của Phạm Thị Hoài đăng trong số này có tên *Sự Nghiệp. Những Xứ Tuyết* thay vì *Đồng Nghiệp. Những Cái Tên* như đã ghi ở ngoài bìa. Chân thành xin lỗi tác giả và quý độc giả.

biên giới. Tôi thuộc số một phần tư còn lại ở Viện, một phần tư nội địa, gồm: bác lao công, anh lái xe, cô thủ quỹ, cô văn thư, cô tiếp tân, cô thủ thư, chị đánh máy, chị chữa mô rát, ba tập sự, Đoài, ông Thân, và hai đồng nghiệp nữ. Không biết hai cô này là chuyên gia về vấn đề gì mà cứ đến Viện sà ngay vào chiếc bàn Liên Khu đọc tất cả các loại báo tiếng Việt. Đọc một tờ, ngồi lên những tờ khác đúng như nghĩa của từ xí chỗ, giằng được tờ báo dưới mông hai cô ấy ra là có thể mắc tội cường dâm. Cho nên Sến nói, trông anh nội địa lắm, nghe chưa. Cho nên Sến khoe, ngoài đường khối người tưởng em là Việt kiều, trẻ con chạy theo từng đàn, chắp tay xin ma đam thương như tế sao. Sến lại nài, mình đi chụp ảnh thông tấn xã đi anh, có tháp ép Phanh nghiêm chỉnh. Tôi đã lấy cớ Paris không mấy khi có tuyết để đánh bài chuồn. Hôm ấy ở Hà Nội là ba mươi chín độ trong bóng râm, bốn mươi ba độ dưới nắng, lòng nào em khoác chiếc măng tô muôn thuở của studio, dẫm lên tuyết mượn, ngả đầu vào tháp Eiffel vay! Hôm ấy tôi gọi thẳng em là Marie Sến. Em cười ngặt nghẽo. Em thích cái Marie. Tên Pháp hở anh? ừ, tên Pháp. ừ, bên Tây. Em yêu sự uyên bác đểu giả của tôi. Mắt em đã lại ngời lên rồi, hai cánh mũi phập phồng như cánh bướm. Em có hiểu gì đâu, rác người ta nhặt còn bán lại được, những kiến thức vụn tôi mót chỗ này chỗ kia chẳng dùng vào chỗ nào, nay được dùng vào em là phúc lớn. Em có hiểu gì đâu, lời tôi mơ hồ, hồn tôi đi lung tung, chân tay tôi thừa ế như thịt phản chợ chiều!

Một mảnh thôi, một mảnh rổm made in Tây, đặc biệt là Tây Pháp, cũng đủ khua rộn rã những giấc mơ Việt. Tôi trách Sến làm sao được. Chính tôi cũng thế, nước Pháp không nghe tôi nói giọng mũi học lỏm *entre nous soit dit, c'est-à-dire, quant à moi, il me semble, alors, voilà, peu à peu, en suite, vous avez raison, oui, c'est ça*, nhưng ngồi ở Hà Nội ít ra tôi cũng cảm thấy đương kim mình thuộc giới quý tộc Nga thế kỉ mười chín.)

Rồi Sến xuất hiện lần thứ hai ở cầu thang chúng tôi. Vẫn mắt, má, môi, cằm rực rỡ ấy, vẫn hai nốt ruồi, nhưng tất cả nống lên như bánh ga tô ba tầng ở phố Thợ Nhuộm, tôi không nói ngoa, một lớp kem ba ly trắng nhoét làm nền, vô số họa tiết xanh đỏ tím, tôi ngỡ một mợ cất công đi mở phủ, và chất ngất ngự trên tất cả là cái kỳ quan tóc, một búi mấy vòng dăm bảy lọn hững hờ buông, với cặp chùm lược xíu lại còn trâm. Sến có phép gì mà tóc dài qua đêm, tóc duỗi tóc co, mỗi lần gặp em một tóc?

Tôi nghe thoảng tiếng gió chào anh dọn đường cho một cơn bão nước hoa ào ạt kéo qua và rớt lại đáng kể. Hoặc là cái mũi của tôi nội địa mũi ngồi đáy giếng, hoặc Sến cho rằng phải khử mùi cho môi trường quanh em bằng thứ thuốc phun nồng độ ghê gớm đến thế. Tôi tự hỏi vì sao hôm trước tôi có thể phải lòng mợ nạ dòng sùng sục này. Dù chỉ để dâm ô chớp nhoáng thì bới đào qua lớp kem vữa trát ngoài đến được thịt da mùi vị thật của mợ ấy cũng khó khăn mệt mỏi còn thiết gì nữa.

Trên đầu tôi chuông đã bính boong, duy nhất hàng xóm xế bên trái tôi dùng chuông cửa, nhà tôi chẳng hạn thường mở toang hoác cho đủ ô xy bình quân mỗi đầu người. Sến đã ỏn ẻn "nghe anh Đoài giới thiệu anh sắp đi," và thằng Hồng đã trọ trẹ "vâng mời chị vào" lịch sự phát tởm. Thế là từ Đoài sang tôi, từ Đoài sang Đủ, từ Đoài sang Hồng, bố con ông Thân cũng sắp đến lượt, ở Hà Nội quả là không ai giữ được gì lâu cho riêng mình. Sến xuất hiện giữa chúng tôi sáu thằng đàn ông tuổi từ sáu chục đến hăm mốt, những ông bố cùng những ông con, những hàng xóm và đồng nghiệp, những địch thủ và chiến hữu. Bao nhiêu tầng quan hệ cá nhân và xã hội chồng lên, kiếp nhân sinh bẹp gí của chúng tôi bây giờ được cái bơm ái tình bơm lại cho phồng và sẽ nổ tung vì quá áp. Anh cán bộ thoát ly không biết rằng mình đã mời cơn bão tên là Marie Sến đến hoành hành ở khu cầu thang tập thể bốn hộ chúng tôi. Làm sao anh ta biết nổi! Chẳng có gì trong cái lí lịch nhạt phèo phèo của anh ta báo trước tình yêu không hẹn này. Chẳng có gì trong cuộc sống hờ của chúng tôi báo hiệu một cơn đại bùng nổ... Nhưng chuyện còn dài, bây giờ hãy quay về với Sến trước cửa nhà hàng xóm xế bên trái tôi.

Nếu biết Sến đến gặp y, tôi đã mách em cách gây ấn tượng. Thằng trẻ trai ấy thuộc lớp cán bộ nòng cốt của tương lai. Y không dí dỏm như Viện phó, mẫu của y là gentleman lạnh lùng. Thằng ăng lê xứ Nghệ này đánh giá cao những tảng băng, cứ nhìn vợ y là rõ. Từ những xứ tuyết y tậu về một tinh thần văn minh sang trọng. Cái sang của y không giống cái sang của đám thanh niên đi Đức gặp may trở về, đám ấy huỳnh huych xây nhà hai tầng có ban công treo những bóng điện li ti rồi trang hoàng phòng khách bằng xa lông đệm mút và tủ tường bày ra muôn ngàn vật dụng có giá, thế thôi, đám ấy có một cơ hội giàu sang duy nhất quá ngắn ngủi trong đời, chưa kịp sang cho thỏa, chưa ngấm máu sang đã rơi trở về ngày thường Hà Nội. Cái sang của y cũng khác của ông Viện trưởng. Ông Viện trưởng nhà ở phố lớn, trên lầu cao, đến được với ông phải men theo giường ngủ của một


*Đón đọc Thế Kỷ 21 số 85 (tháng Năm 1996):*

**Những bí mật của cuộc chiến tranh Triều Tiên**

*của D. Volkogonov, do Trần Minh dịch.*

Sử gia người Nga D. Volkogonov đã dựa trên những tài liệu tối mật từ trước đến nay bị giấu kín trong kho "Lưu trữ đặc biệt" của Bộ Chính trị đảng Cộng sản Liên Xô, để viết bài này.

gia đình tầng dưới, nhảy qua vô khối thùng nước gạo và chậu rác ở sân trong, sờ soạng một cầu thang xoắn, băng qua mâm cơm của một gia đình tầng hai và sờ soạng tiếp một cầu thang xoắn.

Đến nơi, khách đơn sẽ ngồi vào một trong hai chiếc ghế bành màu ghi còn nguyên lớp ni lông bọc ngoài, ghế kia phần chủ, khách đông sẽ dùng ghế nhựa trắng muốt mua ở phố Hàm Long kê sát tường. Khách sẽ uống trà trong sứ Trung Quốc, uống rượu trong thủy tinh Tiệp Khắc và gạt tàn trong nhãn hiệu Métropole Hotel, sẽ thỉnh thoảng nhìn trộm mình trong chiếc gương bầu dục Hồng Kông và nhân tiện kiểm tra ngày tháng trên tờ lịch có bức Van Gogh tự họa, sẽ ngưỡng mộ cái sập gụ nằm ềnh ra giữa nhà và hỏi thăm chiếc tủ lim ba cánh sừng sững như ba ông hộ pháp, sẽ đưa tay khẽ đụng vào đầu Gahndi đặt cạnh chân nữ thần Tự do, hai thần tượng này đội một con Matrjotschka cực lớn. Khách sẽ được nhắc nhở bởi một chiếc đồng hồ Gimiko mạ vàng có hai con ngựa phi nước đại, và sau khi từ biệt ông Viện trưởng bằng xương thịt có thể quay ra chào ông Viện trưởng khổ mười tám hăm bốn trên tường, măng tô thật dài, đăm chiêu bên một dòng sông xứ tuyết. Ông Viện trưởng có thể tiếp khách trong quần pijama phía dưới, áo len phía trên, mà không thấy gì bất tiện. Ông là một người Việt điển hình, nhặt nhạnh khắp nơi trên thế giới và sống chen chúc với những vật dụng tùy tiện của mình, nhà ông giống một cửa hàng bán đồ lưu niệm đông tây kim cổ. Dân thường chúng tôi nhặt chỗ này một tí chỗ kia một tí, miễn là dùng được, không vứt đi đâu cái gì. Nhà chúng tôi lủng củng tạm bợ. Dân sang các ông cũng nhặt chỗ này một tí chỗ kia một tí, miễn là bày được, không vứt đi đâu cái gì. Nhà các ông hỗn độn và cũng tạm bợ chẳng kém. Hồng khác chúng tôi và các ông. Y không tha những mẩu xú vơ nia từ mọi xó xỉnh về làm tổ. Y thích sang trọng một lèo, tôi đánh cuộc là quần áo lót của y cũng không phá cách, triệt để tận nơi chót cùng như thế thì không còn là người Việt.

Quả thật tôi ngỡ vừa thoát địa phận Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam một hôm được mời sang chơi nhà anh hàng xóm xế bên trái. Tôi ngo ngoạy di chuyển như cục bụi khổng lồ duy nhất trong căn hộ tuyệt vô trùng, mi li mét nào cũng ngời tinh thần khai sáng của y. Tôi quay sang trái, tôi quay sang phải, tôi dán mắt lên trần gục mặt xuống chân, có thể thấy là tôi đã rất cố gắng tự trọng bằng nụ cười tỉnh bơ, chủ nhà cũng tỉnh bơ, thẳng đểu, nhưng tôi biết khí phách thày đồ của mình trong suốt cuộc viếng thăm đã theo cái máy thông khí trong nhà bếp của y mà bay đi mất. Tôi có thể gọi tên gần đúng một nửa đồ vật trong nhà y, vì chí ít thì y cũng là một con người tương tự tôi, cũng nằm giường ngồi ghế soi gương và ăn uống bằng cốc chén bát đũa.

Nhưng một nửa còn lại trong đó có cái máy thông khí tôi nhìn đầy lo ngại, cũng như tập hợp đồ make up của Marie Sến, tôi biết đại loại chúng là những vũ khí tối tân yểm trợ cho người ta vững tin ở mình, nhưng từng thứ một dùng vào việc cụ thể gì thì tôi xin chịu. Trong khi đợi cà phê máy espresso, y không dùng phin như lũ chúng ta, Hồng cho tôi biết tên cái máy thông khí bằng tiếng Anh,

TRẦN MỘNG TÚ

# GỬI NÚI

*(và người yêu Rainier)*

**Biết bao nhiêu hôm rồi**
**Núi theo mưa biền biệt**
**Mất hút ở phương nào**
**Sao không cho em biết**

**Chỗ núi đứng bây giờ**
**Có ai đang nhóm lửa**
**Khói xanh lên mang mang**
**Xóa mờ dấu chân núi**

**Em nhớ núi rưng rưng**
**Ngu ngơ đi tìm núi**
**Nhưng đất trời mênh mông**
**Bao giờ mình gặp lại**

**Núi thường ở bên trái**
**Có đêm em nằm mơ**
**Núi bước qua bên phải**
**Khi tỉnh giấc chiêm bao**
**Núi tan theo mây nổi**

**Ôi! Có phải tương tư**
**Khiến em rời được núi**

**Ôi con sông trắng xóa**
**Bóng núi chìm nơi nao**
**Em khua tay trong nước**
**Ảo ảnh loang loang sầu**

**Sáng nay núi trở về**
**Mang theo bao nhiêu nắng**
**Em đứng lặng lặng nhìn**
**Trái tim hồng bật khóc**

*Tháng 3/96*

như thế mỗi lần quạt chả vợ y không phải ra cầu thang làm mất vệ sinh chung. Tôi bảo, thảm nào nhà ông Tuất ở trên đầu y cứ thơm lừng mùi thịt nướng, ông ấy đã phá băng ống thông khói để có chỗ cho một cái chạn. Hồng đáp, ông ấy phải tự chịu trách nhiệm cho việc làm của mình. Con gái lớn của Hồng, Bội Lan, bình luận: " Càng tốt. Nhà ông ấy làm gì có chả nướng mà ăn." Hôm ấy Hồng và tôi ngồi uống cà phê trong căn phòng y trổ thêm ra ba mét từ ban công. Tôi bảo, ai cũng vươn ra thế này thì cái nhà đổ kềnh. Y đáp, vấn đề là ở chỗ không phải ai cũng có thể vươn ra như thế, thằng đê tiện, câu cú của y bao giờ cũng đầy đủ, ngữ pháp đứng đắn, y nói tiếng Việt không như người Việt. Trọ trẹ và lịch sự phát tởm. Y còn vươn tiếp trên mái hiên che lối vào mỗi cầu thang làm phòng cho hai cô con gái, nếp văn minh của y không chấp nhận vợ chồng con cái khách khứa và tổ tiên chung đụng gần gũi nhau. Ăn ở lộn bậy như lũ một phòng chúng ta hẳn là vô luân lắm.

Nếu biết Sến đến gặp y tôi đã chuẩn bị cho em cách để nguyên guốc mà gõ lên bốn chục mét vuông thảm len và trước đó nhất thiết em nên lội qua ngõ chợ Khâm Thiên hoặc phố rác Triệu Quốc Đạt, hãy tương cả cái thành phố bẩn thỉu người và phân người đuổi nhau từ trong nhà ra ngoài đường này lên lớp lót chân êm ru của y, hãy cho y biết những chú chuột cống ngạt thở trong nước cống có thể lắc lư vui mắt thế nào và thế nào là những hạt sạn xinh xinh trong bát bún rong mà lũ chúng ta vẫn lùa vào họng ngay trên hè phố. Như thế mới xứng là người Hà Nội cuối thế kỷ. Như thế thằng trẻ trai trưởng giả đó mới lưu ý đến em. Hoặc em phải đứng đầu danh sách chị em thượng lưu, nghĩa là giống hệt một nữ tiếp viên hàng không quốc tế hay nữ thư ký nhà băng Pháp đóng tại Hà Nội. Thế thôi. Giới thượng lưu của chúng ta dừng ở đấy, mỗi tháng từ năm đến mười vé, cũng là xa vời với cánh chân đất chúng tôi. Nhưng Sến sẽ chẳng nghe đâu, em bướng nắm, bướng nắm, em sẽ bỏ lời tôi xót xa ngoài tai, sẽ hăng hái rong ruổi làm con thoi tự nguyện nối một nhúm giàu sang với đám đông cùng khổ của xứ sở này, sẽ là hạt giống hiếm hoi của nếp trung lưu tương lai, sẽ là hy vọng của chúng ta, chúng ta cần một nếp trung lưu cố chấp, thiển cận, tầm thường và ham làm trưởng giả. Nếu không, đám dân đen bên dưới trong đó có tôi biết lấy đâu làm đích vươn lên? Nếu biết Sến đến gặp y tôi đã khuyên... Nhưng em sẽ chẳng nghe đâu, tôi lại thấy em bĩu dài: nghe chưa, ai đời đi ghen ăn tức ở, rởm lắm. Sến sẽ vặn hỏi, sao anh không tự đi mà làm? Vì em biết rõ, tôi không làm gì hết, nhổ một cái lông chân mà lợi thiên hạ tôi cũng không, tôi là một thằng trai Hà Nội trung niên bô lô nhếch yêu nhất cái sự nhàn, tôi đại diện tới cùng triết lý nhân sinh thong thả của phương đông, tôi thà no một nửa dạ dày, nửa kia thổi lên khâu lại, phết màu, thả lên trời làm bóng bay cho sướng mắt còn hơn bận rộn cũng chỉ vì mưu sinh.

Muộn mất rồi, bây giờ thì Sến cũng đang ngọ nguậy di chuyển, con giống trung thu sặc sỡ vụng về và có lẽ hơi béo, chân trần rón rén, bảng màu chói chang phô nhất trong căn hộ tuyệt hài hoà không mi li mét nào phản lại mi li mét nào của y. Chắc chắn Sến đang đờ đẫn ngắm tuyết xịn trong những công viên những quảng trường. Chắc chắn y đã mở máy thông khí. Nhà ông Tuất tầng trên hôm nay thơm lừng mùi nước hoa rẻ tiền Marie Sến.

Sến còn đến bính boong ở xế bên trái nhà tôi nhiều lần nữa, em luôn sẵn thư cần gửi đến những xứ tuyết. Tôi tin đấy là lí do chính đáng, người Việt chúng ta ai cũng có sẵn ít nhất một người bạn một người thân ở ngoài biên giới. Sến chọn thằng Hồng là phải. Bộ dạng câu cú và cái mặt tròn sáng sủa của y đại diện tốt cho một nền khoa học xã hội Việt Nam mang tầm vóc quốc tế thời mở cửa. Số lần đi nước ngoài mỗi năm ở y nhiều hơn số lần ngủ với vợ. Với Sến y là một chuyên gia lớn. Một sự nghiệp lẫy lừng. Tôi bảo, thằng đó không kể nổi tên các triều đại Việt Nam theo đúng thứ tự. Sến cười hơ hớ: "Cần gì, ông Tây nào sang đây kể lộn tùng phèo các triều vua Tây em cũng gật tuốt." Tôi lại bảo, thằng đó thời trước lảm nhảm về phong trào công nhân, bây giờ tí toét văn hóa dân gian, mẹ kiếp, loại người gì mà thời nào cũng trúng! Sến lại cười: "Chứ sao, không linh động không đa di năng thì chết!" Ôi, em là cán bộ, em là nhân dân, Marie Sến, lý lẽ của em sáng tỏ giản đơn, tôi lại biết phải lòng em là hợp lẽ. Cuối cùng tôi bảo: "Cứ nghe nó thời trước thì có bao nhiêu niềm tin dốc cả vào giai cấp vô sản, cứ nghe nó bây giờ thì có bao nhiêu tiền đầu tư sạch vào quan họ Bắc Ninh. Thằng đê tiện ấy có mỗi món võ phương pháp luận, thời trước nó bảo phải đặt vấn đề một cách hệ thống và toàn diện, bây giờ nó bảo phải đặt lại vấn đề một cách toàn diện và hệ thống, ngày xưa chống duy tâm, bây giờ chống duy ý chí, tiên sư khỉ, món phương pháp luận với mớ tiếng Anh là đi khắp thế giới."

Sến đáp: "Ai chẳng thích đi khắp thế giới, phương pháp luận thì lo gì, có giỏi í à, có giỏi thì nói tiếng Anh đi, nói đi, ai lớp viu, ai lớp viu, ai lớp..." ■

Dalat Landscaping
Design and Maintenance
Lic. #699783

P.O. Box 2054 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92684

Call: MR PHƯƠNG

(714) 539-1603 • (800) 200-9848

NGUYỄN XUÂN THIỆP

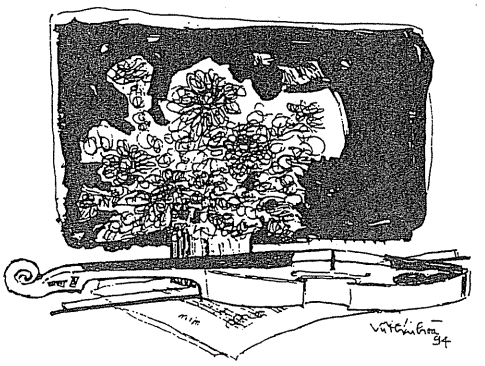

## PLEIKU, THÁNG BA 1974

Cầm bút viết. tháng ba rực cháy
hàng dầu cao trong bình minh
cơn sốt của trái chín và cánh đồng
trận gió hung trưa ngày ấy

Cầm bút viết. đồi hoa quỳ vàng
tháng ba xuống khu rừng bóng quạ
rung những nhánh cây màu tàn lửa
tiếng thét hư không. chiều rượt qua ngàn

Tháng ba. rực trời nắng gió
bụi bay. hợp âm qua hàng thông
em đốt đời em trên sắc lá
lãng quên. ngọn lửa dưới chân tường

Tháng ba. chân trời chớp tía
những chuyến xe lên đường. mưa chợt đến
rào qua mái nhà. bàng hoàng. mưa ngưng bặt
đêm. những căn nhà gỗ sáng đèn

Đồi xa. đỏ hừng vông nở
tôi trở về thị trấn tháng ba
những sợi dây trời cắt đau trí nhớ
cườm tay em rỏ máu hè xưa

Em đứng đó như ánh đèn đêm bão
cành phù dung run rẩy trong mưa
kể lại đời em đầy tiếng động
dội về từ khúc ca hư
như trái chín chỉ còn một nửa
rượu rã dưới trời nắng tháng ba
em là mùa thu trong hạ úa

Vò nát chiếc khăn. và đừng khóc
chiều nay chớp bể mưa nguồn
chia tay nhau. sương phụ
người đi. râu bám bụi đường

Tháng ba. em. những căn nhà gỗ
ánh đèn khuya. vệt máu hè xưa
đừng tiếc. chiếc khăn tay ngày ấy
sẽ bay trong lửa hoàng hôn
tháng ba cơn giông rền mặt đất.

## NHA TRANG, THÁNG BA 1975

Băng cánh đồng trăng chết
tháng ba về trên thành phố xưa

Như lời ngụ ngôn buồn của gió
nắng tháng ba vàng bạt mui xe
hành nhân tóc râu chín rộ
cơn mưa đầu mùa hạt hạt
rơi trên nón. trên áo. và thơ
biển xa. sâu như mây Tần
thùy dương dậy chiều tà hung hãn

Tháng ba trên thành phố xưa
bầu trời rạn màu men sấm ký
tưởng nghe xa tiếng cọp gầm
sạt mái tường vi. ngói vỡ
ngày phơi bãi bình sa.
ôi thành phố của mùa trăng Giả Đảo
những cây bàng ửng đỏ trong mưa
tháng ba ơi đang giữa bản đàn
bỗng nghe ve ngâm vượn hót
người yêu người làm sao quên
mái tóc đi về rặng cây bông sứ
tháng ba tháng ba trong đời tôi
và lịch sử. hoàng hôn nghiêng mái quán
hải âu. bay xa. về đâu
thùy dương dậy chiều tà hung hãn

Tháng ba. cọp chạy. người xa người
em mang hồn hoa sứ
ngủ nghìn năm đất xưa.

# NỬA ĐỜI SAU

*"Ta làm gì cho hết nửa đời sau"*
***Cao Tần***

XUÂN ĐỖ

Buổi sáng chủ nhật, trời thật lạnh và khô. Tiếng chuông điện thoại đổ liên hồi có đến bảy tám lần. Cuối cùng Claudia cũng vươn vai ngồi dậy, đi ra phòng khách, cầm ống điện thoại:

"Claudia's speaking."

Bên kia đầu dây, tiếng Thục gấp gáp:

"Claudia, chị Thục đây. Ba mẹ dậy chưa, cho chị nói chuyện."

"Ba mẹ còn ngủ."

"Claudia, em vào đánh thức ba mẹ giùm cho chị. Việc quan trọng lắm. Grandma té gãy chân, gãy tay. Nhanh lên."

Claudia để ống điện thoại xuống bàn, đi lại cửa phòng, ngập ngừng gõ cửa. Vẫn im lìm. Claudia định đi trở ra trả lời cho Thục, nhưng chợt nhớ lại Thục bảo, grandma té gãy tay, gãy chân, Claudia thấy sợ, lại gõ cửa phòng ba mẹ mạnh hơn. Chờ một chốc, Claudia gõ cửa lại. Trong phòng có tiếng cựa mình lăn qua của mẹ Claudia, bà Oanh. Bà ra mở cửa, hỏi con có vẻ bực mình:

"Có chuyện gì mà đánh thức ba mẹ sớm vậy."

Claudia vội nói:

"Chị Thục gọi điện thoại. Grandma té gãy tay, gãy chân. Chị Thục đang đợi nói chuyện với ba mẹ."

Nói xong Claudia vùng vằng bỏ về phòng mình, đóng mạnh cánh cửa gỗ.

Oanh kéo mền, gọi chồng:

"Anh, dậy mau. Mẹ bị té gãy tay, gãy chân gì đó. Thục nó gọi điện thoại và đang chờ nói chuyện với anh đó. Anh ngồi dậy, ra nghe điện thoại, nhanh lên."

Đồng mắt nhắm, mắt mở, nhìn vợ:

"Cái gì? Ai té gãy tay?"

Oanh gắt:

"Mẹ té gãy tay, gãy chân chi đó. Em chỉ mới nghe Claudia nói vậy. Thục nó đang chờ trên điện thoại kia kìa."

Đồng vẫn còn ngái ngủ, hỏi tiếp:

"Mà mẹ đi đâu bị té? Trời lạnh thế này mẹ đi ra ngoài làm gì khổ vậy?"

Oanh choàng cho chồng cái áo khoác, giục:

"Nhanh lên anh."

Đồng chạy ra phòng khách, cầm ống điện thoại:

"Thục hả, cậu Đồng đây. Bà làm sao con?"

Bên kia đầu dây, Thục nghẹn ngào:

"Sáng nay bà mở cửa đi đâu đó. Không biết bà đi làm gì? Có lẽ bà qua bà Hai như mọi khi. Con còn ngủ vì mới khoảng tám giờ. Tối qua con làm ở bên Egg Roll Express cho đến 12 giờ khuya mới về. Khi nghe bà Hai đập cửa thình thình, con vội chạy ra mở cửa. Bà Hai la toáng lên, bà An té nằm ngoài kia kìa. Không ai dìu bà vô nhà, bả chết lạnh bây giờ. Con hoảng quá, chỉ kịp choàng vội cái áo lạnh, chạy ra, chạy chân không, lạnh buốt. Con chạy trở vào, xỏ vội đôi giày, chạy ra đỡ bà dậy, cùng bà Hai, dìu bà vào nhà. Người bà tím ngắt. Con run quá, không biết làm sao. Con chạy vội qua

dãy apartment đối diện, đấm cửa phòng anh Châu, bạn con trên trường đại học TJC (*), nhờ anh chở bà vào nhà thương Saint Francis. Hiện con đang ở phòng emergency đây."

Đồng hỏi vội:

"Bà đã tỉnh hay còn ngất xỉu."

Thục tiếp tục kể:

"Bây giờ bà đã tỉnh rồi, nhưng bà đau đớn lắm. Y tá chỉ cho bà ngửi thuốc tỉnh thôi, chứ chưa làm gì cả. Họ bảo chờ bác sĩ khám và sắp đưa qua phòng chụp quang tuyến. Cậu có xuống với bà giúp con không?"

"Ờ, cậu xuống ngay bây giờ. À con có điện thoại cho cậu Lâm chưa?"

"Dạ rồi. Con điện thoại hai lần nhưng chỉ có answering machine thôi. Con có nói vào máy cho cậu Lâm biết và con cũng có nói nếu mợ Debbie có ở nhà, mợ xuống với bà gấp, vì mợ là y tá, mợ biết cách săn sóc bà lúc này. Thôi con chờ cậu. Con lại đứng bên bà, để xem bà có cần gì không?"

Đồng gác điện thoại, kể lại cho vợ nghe sự việc xảy ra cho mẹ, như lời Thục vừa nói.

Oanh giục chồng đi rửa mặt, thay áo quần ấm để đi. Oanh nhắc:

"Anh nhớ nhé, về giấy tờ, anh đừng đứng tên hay ký vào, nghe chưa anh? Chỉ để tên mẹ và tên Thục thôi. Mẹ có bên Welfare lo. Anh mà dính vào, bên nhà thương Saint Francis nó gởi bills đến thì khổ lắm. Mình phải è cổ ra trả nợ suốt đời cũng không xong."

Đồng bực mình. Anh đang băn khoăn, lo không biết mẹ có bị gãy tay, chân gì nặng lắm không? Tuổi già, mùa lạnh mà té thì nguy hiểm lắm. Mẹ có mệnh hệ nào, anh sẽ bị dằn vặt biết bao nhiêu. Trong ba người con, ngoài chị Luận, mẹ Thục, ở Việt Nam, Đồng là con trai trưởng. Dầu trong hoàn cảnh nào, anh không thể bỏ mẹ đơn độc, bơ vơ không người săn sóc như thế này.

Đồng vẫn bị ray rứt hoài việc mẹ phải ở riêng với Thục, chứ không ở chung với vợ chồng anh như lúc đầu. Vẫn biết việc mẹ cương quyết thuê apartment ở với cháu là cho thoải mái, lại có trợ cấp của cơ quan an sinh xã hội. Nhưng anh biết rõ, trong tận cùng thâm tâm, anh buồn lắm, mẹ cũng buồn lắm.

Tiếng Oanh làm anh giật mình, ngắt dòng suy nghĩ:

"Anh đánh răng, rửa mặt, thay áo quần chưa? Em dọn đồ ăn sáng cho anh sẵn sàng rồi đây. Anh ăn một tí gì rồi đi, mau lên anh."

Anh khật khưỡng đi vô phòng thay áo quần. Anh nghĩ, thôi đi mẹ nó cho rồi, còn bụng dạ nào mà ngồi đó ăn uống, cà phê cà pháo, trong lúc mẹ đang nằm ở phòng emergency. Còn Oanh, sao không thấy sửa soạn gì cả để đi với anh? Anh định mở cửa, hỏi vọng xuống nhà bếp. Chiếc quần mới xỏ vào một chân làm anh chòng chành, mất thăng bằng, muốn té.

Oanh đi lên, gắt nhẹ:

"Chưa xong gì cả à? Nhanh lên đi anh."

Đồng vội choàng chiếc áo lạnh, tìm chùm chìa khóa. Anh đảo mắt tìm đôi giày để ở đâu trong góc phòng, lượm lên, xỏ chân vào, đi ra mở cửa.

Tiếng Oanh the thé:

"Anh không ăn uống chi hả? Em sửa soạn cả rồi. Anh thưa với mẹ hộ cho em, khoảng 12 giờ trưa, em xuống thăm mẹ. Có lẽ em ghé lạ tiệm hoa mua chậu hoa, mua một ít cam ngọt khi lên thăm mẹ."

Đồng nhìn vợ. Anh muốn lắc đầu bực mình. Thôi bỏ đi em ơi, chậu hoa với cam ngọt!

Đồng mở cửa đi ra. Cái lạnh ngọt ngào như bao trùm lên người anh. Gió như cắt da cắt thịt. Anh cảm thấy như mình không mặc áo quần. Anh chạy vội lại xe, mở cửa, ngồi vào, đóngập cửa xe lại. Anh rùng mình hai, ba lần. Máy xe nổ khó khăn. Anh vội vàng bỏ số lui để lái xe đi. Xe chết máy. Chắc máy xe còn lạnh quá. Anh lóng cóng bỏ lại số, nổ lại máy xe, ngồi chờ trong nóng nảy, bực bội.

Sáng chủ nhật, đường xá thật vắng. Vài ba xe chạy vội. Bầu trời xám đục. Cây cối hai bên đường chỉ còn những thân cây khô đen, đong đưa trong gió lạnh. Đồng chăm chú lái xe thật nhanh đến nhà thương. Anh tìm chỗ đậu xe, chạy bộ vào phòng emergency. Anh thấy Châu, bạn của Thục đứng lên chào anh. Anh chỉ gật đầu và đảo mắt tìm Thục. Châu nói nho nhỏ và chỉ tay:

"Thục và bà ở góc phòng kia, cậu Đồng."

Đồng bước mau lại. Thục thật mừng chạy lại kêu cậu:

"Họ đã chụp X-ray rồi. Họ bảo khoảng 15 phút, đưa bà lên phòng để bác sĩ khám. Chắc bà còn đau đớn lắm nên bà mới thiếp đi. Bà vã mồ hôi trán. Con mới lau cho bà đó."

Đồng nhìn mẹ nhợt nhạt. Tóc mẹ xõa trên chiếc gối trắng. Tóc mẹ đã bạc quá nhiều. Mấy lâu nay Đồng không để ý, nay thấy mẹ già hẳn đi. Đồng kêu khẽ:

"Mẹ. Mẹ có đau lắm không?"

Đồng cầm bàn tay nhăn nheo, gầy gò của mẹ trong tay mình mà chợt thấy rưng rưng muốn khóc. Sao mẹ buồn khổ quá như thế này. Mình chẳng làm sao chia được cái đau đớn của mẹ.

Bà An cựa mình, mở đôi mắt lờ đờ, mệt mỏi, nhìn con, rồi quay qua bên kia, thật khó khăn. Đồng thấy mấy giọt nước mắt chạy quanh mắt mẹ, lăn xuống má, xuống gối. Đồng xúc động, bóp mạnh tay mẹ trong tay mình, rồi để tay mẹ xuống, kéo tấm mền đắp cho mẹ. Anh thẫn thờ chẳng biết nói gì bên mẹ.

Phòng cấp cứu rầm rập người ra vào. Y tá chạy lên, chạy xuống vội vàng. Chuông điện thoại đổ liên hồi. Đồng thẫn thờ nhìn mẹ. Anh đảo mắt tìm Thục. Thục và Châu, đứng dưới chân giường của bà, yên lặng.

Hai người y tá cầm hồ sơ đi lại. Chắc Thục đã biết hai người y tá này săn sóc cho bà, nên chạy lại. Cô y tá chỉ bà hỏi:

"An Nguyen?"

Thục gật đầu trả lời "yes". Cô y tá cho biết, đẩy giường của bà lên phòng khám, bác sĩ đang

sẵn sàng. Đồng và Châu, đi theo sau.

Cô y tá bảo Thục theo họ vào phòng, còn Đồng và Châu ngồi ở ngoài chờ. Châu kể cho Đồng nghe việc đưa bà vào nhà thương buổi sáng nay:

"Khi cháu chạy qua bên nhà, cháu định bảo Thục gọi xe cứu thương để đưa bà đi nhà thương. Nhưng Thục cứ sợ, chờ lâu quá, không biết bà có việc gì xảy ra không? Vả lại, Thục cũng sợ, gọi xe cứu thương nó sẽ "charge" nặng lắm, mà thẻ medicaid của bên welfare, nó chỉ cho có giới hạn. Khi cháu lái xe vào phòng emergency room, tên gác cổng không cho xe vào, bảo phải đậu bên parking lot. Cháu phải hét lên, chỉ vào bà nằm phía dưới băng sau, có Thục ngồi vịn, bà cụ này gãy tay, gãy chân, nguy kịch lắm. Rồi cháu cho xe chạy đại vào gần cửa trước. Cháu nhảy ra, bồng bà vào phòng cấp cứu. Thục lái xe đi tìm chỗ đậu rồi chạy vào theo. Giấy tờ lằng nhằng lắm, mấy bà Mỹ thư ký, hỏi đủ điều."

Đồng cảm thấy xốn xang, Đồng nhìn lại Châu. Châu là bạn học của Thục, còn trẻ lắm, khoảng 27, 28 tuổi, mới qua Mỹ ba, bốn năm, vừa đi học, vừa đi làm. Sao Châu có thể làm được những việc tháo vát đó cho mẹ mình mà chẳng có một thắc mắc, do dự nào cả. Mình thương mẹ, mẹ mình nuôi mình khôn lớn với biết bao nhiêu yêu thương đùm bọc, hy sinh, mà mình chẳng làm được việc gì cho mẹ vui lòng, trong những giây phút khó khăn của cuộc đời của mẹ. Đồng nhớ lại những năm tháng thời ấu thơ.

Ông Lạc, ba Đồng là một nhà giáo, trọn đời tận tụy với đám học trò trung học trước năm 1975. Bà An, mẹ Đồng, tần tảo với đồng lương ít ỏi của chồng, buôn bán thêm một tiệm bánh kẹo, để giữ cho một gia đình nho nhỏ, ba đứa con, một gái, hai trai, có một cuộc sống tạm đủ. Ước mơ bình thường của ông bà là con cái có một căn bản học vấn vững vàng, một gia đình nho nhỏ, hạnh phúc, trong đạo đức cổ truyền Á Đông tự ngàn xưa.

Mơ ước bình thường đó, đã nhiều phen bị thử thách. Thử thách vì những khó khăn kinh tế trong thời chiến tranh. Thử thách vì nỗi lo âu của cha mẹ khi nhìn thấy con cái lớn lên, phải dứt bỏ học để lao mình vào cuộc chiến tranh tương tàn, cuộc chiến tranh ủy nhiệm của hai ý thức hệ, từ đâu bên ngoài thế giới, quàng vào trên đầu, trên cổ người dân Việt Nam. Cuối cùng cuộc chiến tranh tàn khốc cũng chấm dứt, nhưng rồi nỗi đọa đày của hận thù vẫn còn tiếp diễn sâu hơn vào nửa phần dân tộc còn lại.

> Một sự phỏng đoán của người đàn bà còn đúng hơn là một sự tin chắc của người đàn ông.
>
> — *Rudyard Kipling*
>
> Cái lỗi lầm lớn ở người đàn bà là ao ước được giống như người đàn ông.
>
> — *Joseph De Maistre*

Ông Lạc trải những ngày cuối cuộc đời của mình nhìn con cái không có một tương lai nào trong cảnh đen tối chung của dân tộc. Ông trút hơi thở cuối cùng của cơn bệnh — bên vợ và các con. Ông xót xa, đau đớn khi để lại gánh nặng trên đôi vai gầy của vợ. Ông nhìn con cái và hai đứa cháu ngoại mà nhắm mắt không đành.

Đồng 19 tuổi, vừa xong bậc trung học, đang hăm hở bước vào ngưỡng cửa đại học. Lâm, 14 tuổi, tuổi của ăn học, nghịch ngợm, phá phách với bạn bè. Hai con trai rồi cũng phải bị đẩy vào guồng máy, để bị tẩy xóa nốt chút nhân tính còn lại, để yêu cái xã hội chủ nghĩa viễn mơ, thay vì yêu mảnh đất, dòng sông, ruộng đồng Việt Nam, do tiền nhân khai phá và để lại.

Trước vợ con, trước phút giây lâm chung, ông Lạc cảm nhận lại được cái thanh nhàn của những phút giây cuối của cuộc đời. Cầm tay vợ, xoa đầu các con, các cháu ông thẫn thờ những lời tâm huyết.

"Tôi ra đi, về với cha mẹ, ông bà ở bên kia thế giới. Bà ở lại bên các con, cháu. Rồi sẽ còn nhiều khó khăn. Nhưng tôi tin tưởng bà, tình thương của bà sẽ dìu dắt con cháu qua cơn nguy nan..."

Tiếng khóc thút thít của bà An, của chị Luận và hai cháu gái Yến và Thục, làm ông Lạc ngưng lại một chốc. Ông đưa tay muốn ôm Đồng, nhưng sức lực ông lui cạn dần. Giọng ông nhỏ đi:

"Đồng, con giúp mẹ dìu dắt em, giúp đỡ chị và các cháu.

Ông Lạc ngưng lại, thở vài hơi mệt nhọc. Mắt ông long lanh. Ông cầm tay Lâm, đang cúi xuống bên ông.

"Lâm, con là con út, ba biết con thông minh và tháo vát. Con ráng gắn bó với gia đình, thương mẹ, anh chị em, thương các cháu."

Ông Lạc hướng mắt nhìn Luận, người con gái đầu. Luận sụp quì xuống, úp mặt vào lòng bàn tay của ba. Tiếng thổn thức, nức nở rung chuyển toàn thân chị.

"Ba ơi, làm sao mẹ và các con sống được mà không có ba bên cạnh, không, ba ở lại bên mẹ, bên các con, ba... ba..."

Chị nghẹn ngào, tiếng khóc đứt quãng hòa với tiếng khóc của mẹ, của hai cháu. Ông Lạc xúc động, xoa xoa tay trên đầu hai đứa cháu. Giọng ông yếu hẳn đi:

"Luận, chồng con bị tù đầy ở vùng rừng sâu, nước độc. Con hãy can đảm chờ chồng, nuôi con."

Thục bước lại bên ghế của Đồng, đập khẽ lên vai cậu:

"Cậu Đồng. Bác sĩ khám bà xong rồi. Cậu vào để nghe bác sĩ dặn."

Đồng giật mình, bỡ ngỡ trong vài giây:

"Xong rồi hả con?"

Anh đứng vội lên, đi với Thục và Châu vào phòng. Bác sĩ đã kéo tấm che miệng và mũi xuống, nói chậm rãi:

"Bà cụ gãy xương chân, không nặng lắm. Cần bó bột, nằm lại nhà thương hai hôm, rồi về nhà.

Có lẽ cần ba tháng, vết thương mới lành hẳn. Còn tay chỉ bị xây xát, bị bong gân, chỉ cần uống thuốc chống đau nhức, trong vòng một tuần lễ, sẽ khỏi. Bây giờ y tá sẽ chuyển bà cụ qua phòng trị bệnh. Thế thôi. Chúc mọi người may mắn."

Đồng cầm tay trái của mẹ. Bà còn đau đớn, vẻ mệt mỏi hiện bên trên đôi mắt, trên khuôn mặt bơ phờ. Chân phải của bà đã được bó bột thẳng đờ và kê lên cao. Tay phải của bà cũng được băng bó và choàng vào cổ.

Đồng cúi sát xuống mẹ, hỏi:

"Mẹ có còn đau lắm không mẹ?"

Bà An chỉ khẽ gật đầu. Bà nhìn Đồng như muốn hỏi điều gì, nhưng bà mệt mỏi quá, không nói được. Đồng hiểu mẹ muốn hỏi Lâm đâu. Đồng cúi xuống nói nho nhỏ:

"Thằng Lâm có lẽ đi chơi cuối tuần với vợ, con chưa gọi điện thoại được. Khi nào hai vợ chồng nó về, bọn nó vào thăm mẹ còn vợ con, chốc nữa sẽ lên thăm mẹ."

Hai y tá đẩy giường bà qua dãy B West. Bà nhắm mắt như muốn ngủ. Đồng nói nho nhỏ với Thục và Châu:

"Thục, thôi con về nhà nghỉ một tí đi. Cậu cám ơn con và Châu. Tối nay, con có đi làm nhà hàng không? Không hả? Con cứ ở nhà học và nghỉ ngơi. Cậu ở lại trong này săn sóc bà. Con cứ đi học, đi làm ngày mai như thường lệ."

Đồng nhìn đứa cháu gái. Con bé xơ rơ, tóc tai rối bù. Bộ áo quần "Warm Up" xốc xếch. Đồng nghĩ, chắc nó và thằng Châu cũng chưa kịp đánh răng rửa mặt khi vội vã đưa bà vào nhà thương. Nhưng con bé không một lần than van, nhăn nhó.

Thục và Châu chào Đồng đi về. Đồng vỗ vai Châu:

"Cảm ơn Châu đưa bà vào nhà thương trong lúc nguy kịch."

Châu gật đầu dạ và chạy theo Thục đi ra tìm thang lầu xuống tầng trệt, đi ra parking lot tìm xe.

Đồng bước lại chỗ điện thoại, gọi về cho vợ. Tiếng Oanh:

"Em chờ anh gọi, sốt ruột quá. Mẹ khỏe không anh? Chân, tay mẹ có việc gì không?"

Anh nói những điều bác sĩ nói lúc nãy cho vợ nghe. Anh dặn Oanh, khi vào thăm mẹ, đi vào cửa trước, để xe ở khu dành cho thân nhân đi thăm viếng, lên lầu hai, phòng B207, khu West. Mẹ đang thiếp ngủ một tí, có lẽ mẹ còn đau nhức lắm.

Oanh hỏi:

"Còn Thục đâu? Bảo nó săn sóc bà, anh chạy về ăn uống gì một tí, chứ nhịn đói suốt ngày sao chịu nổi."

Đồng giải thích cho vợ:

"Anh mới bảo nó về nhà để nghỉ ngơi, đánh răng, rửa mặt, thay quần áo. Anh không thấy đói bụng lắm. Có lẽ khi em vào, anh chạy xuống cafeteria ở đây ăn gì một tí cũng được. Hay là em làm cho anh một cái bánh mì, đem vào cho anh ăn tạm cho xong."

Oanh ngập ngừng:

"Ờ thôi chốc nữa, khi em vào thăm mẹ, anh xuống cafeteria đi ăn coi được hơn. Với lại, khi em vào em phải xách đủ thứ, nào chậu hoa, nào cam, nào táo, nào nho. Tay đâu em cầm bánh mì cho anh. Vả lại, chỗ người qua kẻ lại, anh đứng ăn uống nhồm nhoàm không giống ai, coi kỳ lắm. À mà anh, em có gọi về Houston cho ba má, báo cho ba má hay để ba má fax cái 'fax' lên thăm mẹ và gọi cho 'flower shop' đưa hoa đến phòng mẹ. Để

TRẦN HỒNG CHÂU

# NGƯỜI MẸ

**người mẹ Kurde chạy loạn**
**cuống quít**
**xuống núi lên đèo**
**cheo leo**
**lạnh bởi đêm tuyết**
**vùi nông đứa con trai**
**độc nhất**
**vùi nông thiên thần**
**Chúa-trong-lòng-máng-cỏ**
**hết nước mắt rồi!**

**người mẹ Việt Nam**
**thuyền nhân**
**trên đỉnh sóng**
**mênh mông Thái bình dương**
**hoang tưởng**
**chết!**
**con nhỏ không sữa bú**
**thiên thần không sữa bú**
**quẳng xác thiên thần**
**Chúa Hài đồng xuống Biển đông**
**hết nước mắt rồi!**

**có ai ngồi bình tâm**
**viết luận về triết hiện sinh**
**hay nghe mưa rơi thánh thót**
**trên dương cầm Debussy**
**khi ở cuối đường biên chịu đựng**
**những người mẹ**
**đã thành gỗ đá thảm sầu**
**khi lửa đỏ cuồng loạn**
**còn giăng màn chết**
**khắp trời bốn phương!**

em nhắc lại, phòng B 207 khu West, hả anh? Chốc nữa em đến nhé. Bye cưng."

Đồng để nhẹ ống điện thoại vào giá. Anh thấy mẹ vừa trở mình khó khăn, nhìn qua bên anh. Mẹ mở mắt mệt nhọc, hướng nhìn vào bình nước trên bàn. Đồng vội vàng pha ly nước lọc, đem lại kê ống hút vào miệng mẹ. Mẹ khó khăn mới uống được vài ngụm. Môi mẹ khô cằn, nhợt nhạt. Anh định hỏi mẹ có đói bụng không, nhưng mẹ xây qua nhắm mắt, nằm yên.

Đồng ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh. Anh tìm cái gì để đọc, để trí óc khỏi suy nghĩ rối tung. Vớ được cuốn *People* cũ mèm, nhìn lại thấy năm 1994. Đồng lật lật vài trang, toàn hình ảnh các tài tử điện ảnh ở Hollywood, các ca sĩ nổi tiếng của Mỹ. Trang khác, cuộc đời, sự nghiệp, tiền tài, danh vọng của Michael Jackson. Đồng ném tờ báo lên bàn, nằm dựa ngửa trên nệm ghế. Nhìn mẹ, mẹ thở đều như ngủ. Mẹ chưa lúc nào tìm được một khoảng thời gian an vui. Mẹ chạy chỗ này, chỗ kia nghe ngóng, hỏi han, tìm manh mối lo cho hai con ra đi, tìm nơi có tự do để lập tương lai. Ném con vào biển cả, vào chỗ chết, để tìm lẽ sống cho con.

Chú Sáu nhỏ to, thầm thì nói chuyện với mẹ, có chỗ quen, đi từ Vũng Tàu, mỗi đứa năm cây, chị có đủ khả năng không? Nhà tôi vơ vét sạch, cũng chỉ đủ cho một đứa. Mấy đứa còn lại, chờ cho anh nó, nếu không chết trên biển cả, qua được bên Mỹ, làm có tiền, gởi về cho đi tiếp. Mẹ già sọm xuống vì lo âu. Bán căn nhà đang ở, về ở với chị Luận, cũng mới đủ cho một đứa. Thôi cho thằng Đồng đi trước chớ biết làm sao. Nó lại ở trong lứa tuổi nghĩa vụ quân sự, gởi đi Kampuchia như bạn bè nó. Nhưng tội cho thằng Lâm, nó thông minh, lanh lợi quá. Mẹ đi gặp chủ ghe để giao vàng. Kể lể một hồi, té ra người tổ chức lại là bạn cũ của ba, cũng một nhà giáo. Mẹ thắp hương khấn lạy ba trên bàn thờ, ba phò hộ cho hai đứa con. Chủ ghe cho đi chịu một đứa, nợ năm cây. Qua bên đó, trong một năm phải trả đủ, để họ thanh toán với những người hùn hạp. Đồng, con nhớ con nhé. Con phải hy sinh đi làm trước để trả món nợ ân nghĩa, trước vong linh ba đó. Lời khấn của mẹ thật mầu nhiệm. Ba đã đưa hai đứa con đến nơi an lành, trong cơn bão tố, hiểm nghèo thập tử nhất sinh.

Đồng khoắc khoải giữ lời hứa với mẹ, với vong linh ba. Đồng đi làm ngày, làm đêm khi sang đến Mỹ. Đồng dành dụm tiền để đủ tiền ăn, tiền nhà, tiền gởi về biếu mẹ, biếu chị, biếu cháu và trả món nợ ân nghĩa. Lâm thảnh thơi, không một trói buộc vật chất, tinh thần nào cả. Lâm học hành chăm chỉ, thông minh. Làm vài việc cuối tuần để chung với anh, gởi về biếu mẹ.

Mười bốn, mười lăm năm đi qua như một mũi tên thả ra khỏi dây cung, bay vào khoảng không phía thước. Đồng gặp và yêu Oanh "cô em Bắc kỳ nho nhỏ" như lời thơ của Nguyễn Tất Nhiên. Oanh đem lại cái vui tươi, liếng thoắng vào đời Đồng. Đồng cảm thấy cuộc đời tươi mát hơn, tìm được người đồng hành và nương tựa nhau trong yêu thương. Đồng viết thư về cho mẹ. Mẹ mừng cho con trai, có đôi lứa nơi đất dung thân xa xôi.

Lâm bước vào đời với tự tin, xông xáo. Đi học, gặp và yêu cô bé tóc vàng cùng trường, khác phân khoa. Ra trường Lâm trở thành một chuyên viên ngân

PHAN NHẬT NAM

## NHÂN NGHE ĐỌC VĂN, THƠ CỦA BẠN

*Thân gởi tất cả Bằng Hữu*
*Những người chịu khổ nghiệp chữ nghĩa.*
*Đêm Lê Thị Huệ, Tô Thùy Yên, Houston 9-3-96*

**Dẫu câu, tiếng siết trì thêm cào ngất**
**Vẫn, cuối cùng nên cứu viện Bình Yên**
**Ngồi đêm lâu, thấm hiểu điều Thùy Hiện**
**Thơ cùng Người lung động tới tầng Không.**

**Quả kinh ngạc buổi Ngây Thơ mới lớn**
**Hóa đáng sợ lắng chịu đời khổ nạn**
**Nghiệp phận Việt Nam... Gào khốc âm than**
**Qua sinh-tử chạm đến kỳ Sự Thật. (*)**

**Hãy tiến bước,**
**Người cùng tôi bước tới,**
**Xuyên vô cùng, đêm đẫm lệ chứa chan**
**Giọt sương muộn cho mong manh buổi sáng**
**Hằng ngời ngời sức chuyển đổi cưu mang.**

**Ồ... Hoan Lạc,**
**Bạn ơi, chung chia phần ân phúc**
**Trầm giòng Thơ, sâu Chữ Nghĩa đòi cơn**
**Nổi lửa lớn, phá thân nên Hiện Sống**
**Suốt Cô Đơn - Lần Vĩnh Cửu, Ta Về.**

*(*) Khởi Đi Từ Ngây Thơ Để Đến Gần Sự Thật - Lê Thị Huệ*

hàng. Người yêu, Debbie, một y tá dưỡng viên (therapist) cho các bệnh nhân tê liệt, bại xụi. Debbie kiên nhẫn, có lòng nhân ái, tận tụy với nghề nghiệp. Mẹ lại nhận được thư vui của con trai út, báo tin sắp có vợ Mỹ. Mẹ cười thoải mái. Mẹ có hai người dâu ở phương trời xa. Một dâu Việt Nam, một dâu Mỹ. Dâu Biệt Nam để cảm thông với mẹ trong cùng một ngôn ngữ, trong sự săn sóc và thương yêu, vun xới hạnh phúc cho Đồng. Dâu Mỹ, để mẹ có cháu nội tóc vàng sợi nhỏ, da trắng màu hồng, mắt xanh màu ngọc thạch, để mẹ thương yêu bằng mối tình trời biển.

Đồng lập hồ sơ bảo trợ mẹ qua đoàn tụ với con cháu, để nửa đời sau của mẹ không còn đơn độc lo âu, cho có mẹ có con sum vầy. Mẹ buồn vui lẫn lộn khi phải rời bỏ mảnh đất ngàn đời, bỏ mồ mả cha mẹ, tổ tiên. Bỏ mộ chồng, không người săn sóc, hương khói.

Chị Luận nài nỉ mẹ nên đi để hai em không còn thiếu vắng tình mẹ. Luận chấp nhận ở lại mảnh đất quê hương với hình ảnh người chồng trên bàn thờ. Thành đã bỏ mình ở miền rừng núi ngoài Bắc. Chị và con gái lớn, Yến, lặn lội ra tận nơi anh nằm xuống, hốt mớ xương còn lại, đem vào chùa hỏa táng, để mang về Nam nắm tro tàn.

Bà An bước chân xuống đất tự do vào một đêm đầy trăng sao và ánh đèn chói chan của tháng Sáu năm 1994. Hai con trai sau mười mấy năm xa cách, bây giờ là hai thanh niên trưởng thành. Hai người con dâu Việt, Mỹ ôm bà mẹ chồng trong mừng vui hội ngộ, chia sẻ niềm vui với chồng. Chỉ có Thục ngơ ngác trong xa lạ. Thục không nhận ra hai người cậu ruột xa cách quá lâu, khi Thục còn bé. Thục bỡ ngỡ trong vòng tay ôm của mợ Oanh, đầy lời an ủi, khen tặng ngọt ngào. Thục vui vui khi nói được những câu tiếng Anh với mợ Debbie, vợ của cậu út. Ngay cả cậu Lâm, nói tiếng Việt với mẹ, với Thục, trong giọng mũi của một người ngoại quốc, một ông Mỹ gốc Việt.

Đồng ôm mẹ trong bùi ngùi. Mẹ vẫn còn phảng phất thơm mùi sữa, mùi đồng ruộng ngày xưa mà Đồng còn nhớ mãi. Đồng xúc động rưng rưng nhìn mẹ đã già hẳn. Đồng mong làm sao dung hợp được nỗi vui của mẹ, của Đồng, của Oanh, của Lâm, của Debbie, của Thục để tạo được hạnh phúc gia đình hoàn hảo. Đồng kính trọng hiếu thảo với mẹ. Đồng yêu thương chìu chuộng vợ, con gái — Claudia—, thương mến và đùm bọc Lâm, Debbie. Đồng cũng hứa, sẽ săn sóc cho Thục, đứa cháu côi cút, lạc loài của chị Luận.

Dành cho mẹ và Thục một phòng trong ngôi nhà của hai vợ chồng, Đồng và vợ một phòng. Con gái một phòng. Mẹ ra vào nghỉ ngơi. Mẹ cả đời khổ cực quá nhiều. Mẹ cần được thảnh thơi để hằng ngày nhìn hoa nở bên vườn, nghe chim hót trên cành cây. Thục đi học Anh văn để vào đại học như ước mơ của chị Luận.

Năm, bảy tháng trôi qua trong vui vẻ, hòa hợp, kính nhường. Mẹ giúp đỡ lặt vặt, nấu nướng trong nhà khi cả Đồng, cả Oanh đều đi làm. Mẹ săn sóc Claudia từng miếng ăn, giọt sữa. Nhưng hình như giữa mẹ và Oanh vẫn lấn cấn, như có một hạt sạn nhỏ rớt vào trong giày. Món ăn kiểu Nam của mẹ hình như hơi ngọt quá, nhiều bột ngọt và mắm muối. Món ăn kiểu Bắc của Oanh, hình như cầu kỳ quá, tốn thì giờ mà không mặn mà.

Bà An nhận thấy con trai hình như càng ngày càng bị lệ thuộc đến mức không có một quyết định nào, mà chỉ làm một kẻ cười cười, vâng vâng, cho yên cửa, yên nhà. Đời bà, bà thương chồng, chìu chuộng chồng từng miếng cơm, vá từng chiếc áo, chiếc quần, nhưng bà luôn luôn kính phục chồng và ông Lạc luôn luôn giữ vai trò hướng dẫn, quyết định.

Nỗi buồn bực mơ hồ, âm thầm, câm nín làm cho bà kém vui, ăn không thấy ngon, ngủ không an giấc. Lại còn khắc khoải trăm chiều. Ở đây dư thừa quá, trong lúc bên nhà thiếu thốn từng hạt gạo, từng mớ rau. Ở đây tự do quá, đảo lộn hết mọi thứ tự, ở bên nhà thì xô bồ, hỗn độn, xã hội ngả nghiêng. Hình như trên thế giới không một nơi nào có an vui.

Thục cũng không muốn làm buồn lòng mợ Oanh. Thục đôi khi đi làm thêm để kiếm tiền đổ xăng nhớt cho xe, chi tiêu lặt vặt cho chính mình và dành dụm gởi về cho chị, cho mẹ. Thục đôi khi cũng muốn tiếp bạn bè cùng trường, cùng cảnh ngộ, tự lập cuộc đời, đôi khi cũng muốn điện thoại dông dài, nói năm ba câu chuyện nhảm nhí với bạn bè cùng lứa tuổi. Nhưng Thục e dè, sợ làm cậu Đồng, mợ Oanh mất vui.

Một hôm khi Thục được rảnh rỗi, đưa bà xuống sở An sinh Xã hội (welfare) để xin trợ cấp tiền già, xin trợ cấp nhà cửa bên housing. Lại gặp may mắn. Bà được chấp thuận. Trợ cấp không nhiều lắm, chỉ đủ chi tiêu lặt vặt. Housing trợ cấp phần lớn việc thuê căn apartment hai phòng cho hai bà cháu.

Trong một bữa cơm vui vẻ, thân mật cuối tuần, bà thông báo cho hai vợ chồng Đồng, Oanh biết quyết định của bà. Bà ôn tồn giải thích cho con trai, con dâu hiểu nên để cho con cái được cái thoải mái, riêng biệt. Hơn nữa bên welfare có cho thẻ medicaid để có bảo hiểm về sức khỏe là điều cần thiết nhất. Con cái thương mẹ nhưng ở xã hội này, cũng không cưu mang hết cho mẹ được, khi ốm đau sau này.

Đồng buồn bực, áy náy. Oanh hết lời can gián mẹ, mẹ nên ở với con cái, và mẹ ở riêng e ngại bạn bè, thân thuộc chê cười.

Đồng gọi điện thoại cho Lâm, bảo em bàn luận với Debbie. Lâm trả lời rằng, quyết định của mẹ hợp lý. Lâm đồng ý với anh, mỗi tháng hai anh

> Quả tim của người đàn bà không bao giờ già cỗi, và một khi nó không yêu nữa thì là vì nó đã ngừng đập.
>
> — *P. Rochepèdre*
>
> Người ta có thể tha thứ được sự phản bội, nhưng không bao giờ quên nó được.
>
> — *Bà De La Fayette*

em, chung góp biếu mẹ ít tiền để mẹ tiêu dùng lặt vặt.

Đồng vẫn băn khoăn. Oanh thầm cám ơn mẹ đã tinh ý, nhặt giùm cho con dâu hạt sạn lấn cấn trong gia đình.

Bà An trải hết lòng thương còn lại cho Thục, đứa cháu côi cút. Bà săn sóc Thục, lo cho Thục cái ăn, cái áo, cái quần. Bà ngong ngóng chờ tiếng xe của cháu đi học, đi làm về. Bà vui khi Thục có người bạn trai đồng cảnh ngộ, học cùng trường. Châu thường đến thăm bà, lễ phép ngồi nói chuyện với bà, nói chuyện về Việt Nam, về nước Mỹ, về tương lai. Nhưng Thục, Châu bận rộn quá. Thì giờ của bà thì dư thừa quá. Có nấu món này một tí, món kia một ít, làm kiểu bánh này, kiểu bánh khác cho Đồng, cho Lâm, cho Claudia, cũng còn dư thì giờ còn lại. Mấy bà khác ở cùng dãy apartment chỉ có bà Hai hay qua lại, nói năm ba câu chuyện. Bà ước ao có một chuyến trở về thăm con gái, thăm đứa cháu ngoại đã có chồng con kia, thăm lại mộ của chồng, của ông bà, tổ tiên. Nhưng đường xa vời vợi và tốn kém quá, bà không muốn mang thêm một gánh nặng khác cho các con.

Cửa phòng nhè nhẹ mở, nhưng cánh cửa cũng vang lên tiếng kêu. Đồng giật mình, ngẩng nhìn lên. Oanh khệ nệ bưng, xách, khó khăn bước vào. Anh đứng lên đỡ giúp cho vợ những túi cam, bao nho, chậu hoa. Claudia ôm một bó hoa khác, để lên bàn, định chạy lại ôm bà. Đồng ra dấu cho con dừng lại. Bà đang ngủ. Chân tay bà còn đau nhức, đừng chạm vào. Bà nghiêng mình, mở cặp mắt mệt nhọc nhìn con dâu, nhìn cháu. Bà muốn đưa tay kia xoa đầu cháu, nhưng cánh tay vẫn đau, nhức nhối. Oanh lại gần, cuối xuống hỏi thăm bà đủ điều. Bà chỉ gật đầu nhè nhẹ. Oanh cũng nói cho bà biết, Oanh đã phone được cho Debbie, khi tìm ra số "page", "beeper" Debbie mang theo trong người. Lâm và Debbie trên đường về, đến thăm mẹ. Oanh cũng mở tờ thư, đọc tờ điện thư của ba má Oanh đã fax từ Houston lên, chúc bà sớm bình phục. Oanh chỉ vào chậu hoa lớn, Oanh để trên bàn. Chậu hoa là của ba mẹ Oanh gọi điện thoại cho tiệm hoa đưa đến nhà thương biếu mẹ để mong chúc bà an vui.

Đồng khẽ nhắc Oanh, mẹ còn đau nhức lắm, nên để mẹ nghỉ ngơi. Anh ra dấu cho vợ bước ra hành lang bên ngoài, sau khi mở tivi thật nhỏ, cho con gái xem show hoạt họa vui cười.

Đồng thấy bụng đói cồn cào. Đã hơn một giờ trưa. Oanh nói cho chồng về việc nàng đã gọi được cho Debbie. Còn Lâm đi câu cá ngoài hồ Fort Gibson. Debbie bảo sẽ gọi Lâm về ngay và chạy đến thẳng nhà thương để xem mấy phim của X-ray và khi mẹ về nhà, Debbie nói sẽ thường xuyên đến săn sóc cho bà. Oanh nhún vai "nghề của nàng" mà. Đồng đi xuống cafeteria để tìm cái gì ăn.

Khi Đồng trở lại phòng mẹ nằm, Đồng nghe tiếng nói rì rào của Debbie, của Lâm từ trong vọng va qua cánh cửa mở he hé. Đồng mở nhẹ cửa bước vào. Debbie đang nói, Lâm dịch nho nhỏ lại cho mẹ. Debbie bảo, may mắn bệnh tình mẹ không đáng ngại lắm đâu. Chỗ xương vế chỉ bể một đường ngắn, không gãy. Cần bó bột một thời gian vì mẹ lớn tuổi. Sau đó khi lành, bà tập đi lại cho bình thường.

Xoay qua Đồng, Debbie nói:

"Vấn đề chính của bà cụ là tình trạng tinh thần. Bà cụ đang ở trong một tâm trạng bất an thường trực. Bất an với chính mình. Bất an với mọi người. Không nơi nào mang lại an vui cho bà cả. Bà sống trong hiện tại, nhưng tinh thần lưu lạc ở một nơi nào khác. Khi bà bước đi, bà không biết bước đi của mình đi đến đâu. Do đó vấp té. Bây giờ và sau khi chân bà lành, trạng thái bất an vẫn còn vây quanh bà mãi. Vấn đề chính là giúp bà lấy lại sự an ổn của tâm hồn. Về phương diện tâm lý trị liệu, phải tạo cho bà nhìn lại được hiện tại. Muốn nhìn được hiện tại của mình, phải tạo cho bà nhìn thấy cái bất an, cái khổ đau của người khác, để bà chia sẻ, để bà thấy cái khổ đau là một điều kiện của hiện hữu, nhưng là một điều có thể tránh qua một bên. Không nên để bà đơn độc để cái cảm thức bất an đó lại vây quanh bà. Cần tạo cho bà công việc làm để bà không còn quá nhiều thì giờ dư thừa. Việc làm đó, không cần phải là việc làm để kiếm tiền, vì sức khỏe, tuổi tác bà không cho phép. Bà cần làm một công việc nào có tính cách tình nguyện giúp đỡ kẻ khác bớt khổ đau, như đến giúp ở một nhà dưỡng lão, một viện mồ côi hay một nhà thương. Ví dụ như đến giúp trong đoàn tình nguyện ở nhà thương Saint Francis đây. Sắp xếp các món quà, các chậu hoa ở gift shop. Giúp săn sóc các bệnh nhân như chuẩn bị và đưa các thức ăn. Một tuần lễ mẹ cần đi làm việc ba ngày. Mỗi ngày bốn, năm giờ. Đủ giữ bà bận rộn và bà nhìn được hiện tại, nhìn lại được bà là kẻ may mắn, kẻ đang có hạnh phúc. Bà cụ sẽ vui lên, yêu đời và hết buồn chán. Cảm thức bất an đó biến mất.

Lâm nói tiếp đến các khó khăn.

Thứ nhất, ai đưa bà đi và về. Debbie vui vẻ, tôi lo việc đưa bà cụ đi vì đó là giờ đi làm việc của tôi, tôi tới nhà đón bà. Tôi sẽ tìm những bà tình nguyện khác đưa bà về khi xong việc.

Thứ hai, trở ngại về ngôn ngữ, vì bà không nói được tiếng Anh. Điều này không khó lắm, xin bà cụ đừng quá lo sợ, tập nói và tiếp xúc cho quen, bí quá ra dấu tay cũng được.

Thứ ba, ai sẽ thuyết phục bà nghe theo để bà vui vẻ làm công việc tình nguyện này? Debbie ngưng lại, nhìn mọi người, cười nói tiếp, "Thì ai khác ngoài chúng ta? Có tôi, Lâm, Đồng, Oanh và Thục. Chúng mình nói với bà cụ bằng tiếng nói con tim, của sự chân thật của các con đối với mẹ!"

Debbie ngưng nói, nhìn mọi người. Đồng, Oanh im lặng, gật đầu đồng ý. Lâm cúi xuống bên mẹ, nói vắn tắt những điều Debbie vừa nói cho mẹ nghe. Mẹ cười, nụ cười héo hắt của cơn đau. Nhưng có nụ cười. Debbie vỗ tay, reo lên. Bà cụ hiểu rồi, bà cụ hiểu vì bà cảm nhận được tiếng nói phát ra từ con tim chân thật!■

(*) TJC: Tulsa Junior College

# KẺ VÔ DANH

NGUYỄN HIỀN

Những buổi tiếp tân trong giới doanh thương thường rập một khuôn y nhau. Vài bài diễn văn dí dỏm đóng khung bằng một thứ khuôn sáo sang trọng. Những lời chúc tụng nở ra trên môi cho một thành công chắc có đến nửa số người hiện diện không mong xảy ra. Số thính giả vỗ tay đều một loạt, dù có người không biết mình vừa nghe điều gì. Tuy nhiên, trong số những người đó không có tôi. Tôi nghĩ, chỉ có mình là người duy nhất đến với tất cả nỗi vui mừng muốn chia sẻ. Chẳng vậy mà tôi đã bỏ hơn nửa ngày bay tới dự. Đạt bấm tôi, rỉ vào tai:

"Làm gì mà anh đứng như bị hớp hồn vậy? Tới dự lễ hay tới coi bà Chi."

Tôi choàng tỉnh, khẽ lắc đầu:

"Cả hai. Dù sao cũng là một thành công của người mình, phải không anh? Hơn nữa, hãng tôi thỉnh thoảng có liên lạc với bà Chi, mình đã bỏ công bay tới đây thì phải tận dụng cho đáng đồng tiền. Nghề giao dịch nó vậy, sau này có dịp gặp bà ta nếu mình nhắc tới buổi tiệc hôm nay, tôi chắc chắn thế nào cá cũng cắn câu."

Đạt nháy mắt:

"Anh gặp mụ ta chưa?"

"Chưa."

"Sao không lại bắt tay cái?"

"Thong thả đã."

Tôi bắt đầu bực mình, định bước lên vài bước tránh nỗi quấy rầy, nhưng bài diễn văn chót đã chấm dứt. Tôi thấy Đạt, như một phản xạ, cũng hòa trong tràng pháo tay nổ ra cùng tiếng cười thoải mái kết thúc phần đầu khô khan, mở đầu cho những thoải mái, với chúc tụng, các bà các cô mang nữ trang cho nhau xem, và những chuyện bên lề.

Đúng như lời Đạt nói, chủ nhân công ty Oriental Enterprise, bà Phạm Thị Quỳnh Chi, là cây đinh cho những bàn tán trong buổi tiệc. Không những ở cách ăn mặc, dáng thanh lịch, lối nói chuyện hấp dẫn, thân mật nhưng không suồng sã với bọn khách đàn ông bu quanh như ruồi, mà còn ở thành quả của công ty. Từ phạm vi kinh doanh gia đình, sau mười năm Oriental Enterprise đã thành một cơ sở đồ sộ, bề thế. Với số tuổi ngoài ba mươi, người đàn bà này có quyền hãnh diện với sắc đẹp, vũ khí trời ban và với tiền tài, vũ khí người tạo dựng bằng mồ hôi trộn nước mắt và tiếng cười. Tuy nhiên, người có vũ khí lợi hại, dẫu được mọi người quy phục, nhưng đằng sau thường chứa thùng thuốc nổ chậm.

Người đàn bà đó hiện đang đứng kia, cách tôi không đầy mười thước, ly rượu champagne mới rót sóng sánh bọt cầm hờ hững trong tay. Tôi ngửi thấy, qua khoảng cách, mùi nước hoa phảng phất, mùi nước hoa dường như trong dĩ vãng đã làm tôi nhiều lần rung động... Tôi bước lại gần hơn. Người đàn bà không tỏ ra một biểu lộ nào là nàng chú ý đến tôi. Có lẽ vì sự chênh lệch của hơn hai mươi năm tuổi đời, nhưng cũng rất có thể vì nàng không nhớ ra đã gặp tôi bao giờ. Tôi lách vào giữa đám đông, đưa ly rượu, cười xã giao:

"Xin mừng bà chủ thành công."

Nàng nhoẻn miệng:

"Cám ơn ông."

Tôi được thể đi xa hơn:

"Nghe tiếng bà đã lâu, nay mới được gặp, thật hân hạnh."

Nàng cầm tấm danh thiếp tôi đưa, nhíu mày suy nghĩ. Tôi nhắc:

"Tôi tên Mạnh. Mấy năm trước có lần tôi liên lạc với bà về việc tìm đại lý bên Âu châu."

"A... à. Tôi nhớ rồi."

"Rất tiếc là chuyện đó không thành."

Nàng cười thành tiếng thủy tinh:

"Đời mà ông. Không được lúc này thì được lúc khác. Hồi này bên đó ra sao?"

"Cũng vậy vậy thôi."

"Tôi ít có dịp sang bên đó. Ông nghĩ, xứ Mỹ

cũng còn quá lớn đối với quy mô của hãng tôi hiện giờ."

Tôi nghĩ đó là một lời từ chối khéo. Cũng được. Vả lại, cái tên Mạnh tôi vừa nhắc không phải là tên tôi, mà chỉ là một cái tên tôi mượn tạm của người quen. Người đàn bà đã quay sang bắt câu chuyện đang nói dở, bỏ tôi lạc lõng trong rừng âm thanh lao xao. Tôi trở về chỗ Đạt đang đứng tán gẫu với mấy người bạn. Thấy tôi, hắn hất cằm:

"Sao?"

"Sao là sao?"

"Có được cái gì chưa?"

Tôi chìa tấm danh thiếp:

"Được mỗi cái này."

Hắn cười phá lên:

"Anh đem về lộng kiếng là vừa."

Thấy tôi có vẻ phật ý, hắn chữa lại:

"Thôi quên đi. Mất tiền máy bay nhưng lâu ngày gặp anh em cũng dư sức bù lại."

Tôi lặng thinh. Đạt tiếp:

"Mà con mẹ ấy đâu có là cái gì mà anh phải cau có."

Tôi nói lảng:

"Dù sao cũng mất tiêu một ngày. Thôi uống đi. Chúc anh..."

Chúng tôi cụng ly. Câu chuyện lại trở về đề tài cũ. Đạt giới thiệu tôi với anh chàng đứng cạnh. Đôi mắt đen, hàng mày rậm. Bộ ria mép Clark Gable tỉa khéo vểnh lên cụp xuống theo từng câu nói. Cánh tay vung lên hạ xuống một cách tự tin điểm dáng cho câu chuyện. Biết tôi bên Âu Châu sang, hắn xoắn lấy. Những câu chuyện mang nhiều khoe khoang của một người tỏ ra sành đời hơn là mang tâm sự trao đổi cho nhau. Tôi phải công nhận hắn cũng từng trải nhiều. Từ những địa danh nổi tiếng bên Âu hắn có thể kể rành rọt như đang đứng trong đó. Từ phố Ramblas bên Barcelona với những tòa kiến trúc đồ sộ, hắn bỗng nhảy sang những hóc hẻm Amsterdam ngổn ngang xe đạp dựa thành cầu bắc ngang những con kinh xẻ cắt thành phố. Hắn nói:

"Âu Châu mình mê nhất có cái êm đềm, không xô bồ như bên đây. Hoặc nếu xô bồ thì chỉ có ở những thành phố dân cư chen chúc như Paris, Roma... Bên này giành giựt tùm lum, tiền là trên hết, thế rồi kiện tụng nhau, vợ chồng bỏ nhau cũng chỉ vì đồng tiền. Gia đình nào cũng có chuyện."

Tôi cãi:

"Đâu hẳn thế."

Trung, anh chàng có ria mép cũng không vừa:

"Vậy chứ anh xem bà chủ Oriental này. Coi vậy chứ cũng đâu ra gì. Cha mẹ cũng tùm lum tà la ra."

Đạt hỏi:

"Anh quen ông Hoàng hả?"

Trung bỗng cao giọng lên:

"Gì chứ xừ ấy tôi rõ quá mà. Hồi đó chúng tôi ở cách nhau mười phút xe. Tôi muốn nói hồi tôi còn ở trên Milpitas kia. Tụi tôi thường tán dóc với nhau về những chuyện cũ, hồi còn trong lính đó. Anh ấy hồi mới sang còn hăng máu, gặp ai cũng nắm lại đòi giảng chủ thuyết này đường lối nọ. Nhưng mà..."

Anh ta nhấp ngụm rượu, để ly xuống bàn, hạ thấp giọng:

"Nhưng mà sau này anh chàng mê cờ bạc sao đó, bỏ bê vợ con. Vợ đòi ly dị, anh ta gây lại, hai vợ chồng choảng nhau như cơm bữa. Tôi cũng kẹt trong vụ đó, bởi bà ấy cứ nghi tôi rủ rê ông chồng chơi bời."

Đạt lộ vẻ không tin:

"Anh nói sao chứ người ta cả một sản nghiệp như vậy chẳng lẽ lại tạo được bằng những cuộc cãi lộn?"

"Ấy vậy mới có chuyện. Nghe đâu bà ấy cũng tằng tịu với một thằng Việt Nam làm cùng sở. Lúc đó tôi dọn về dưới này rồi. Thỉnh thoảng Hoàng nó có gọi cho tôi than thở. Nhưng sau đó một thời gian tụi tôi mất liên lạc. Tôi hỏi người quen trên đó thì họ nói hai vợ chồng gấu nhau dữ lắm, rồi thằng Hoàng nó xách gói bỏ đi. Nghe nói nó sang bên Pháp hay Bỉ gì đó. Còn bà xã nó sau cũng cuốn gói khỏi Milpitas. Chắc chịu không nổi miệng lưỡi thiên hạ."

"Hay tại đất đó không thiêng?" Tôi dè dặt thêm vào.

"Gì mà thiêng với chẳng thiêng. Ở đó làm sao còn làm ăn được nữa. Chỉ tội con bé."

"Anh nói bà Quỳnh Chi."

"Thì con mụ đó chứ ai. Hồi đó nó còn nhỏ xíu, đâu biết gì. Mẹ nó tha lôi khắp nơi, rồi cuối cùng cũng tạt về đây. Hôm tình cờ gặp lại, bà mẹ nó làm mặt lạ, không chào tôi. Thôi họ muốn xóa dĩ


# CHIA BUỒN

Được tin buồn

**Học giả**
**HOÀNG XUÂN HÃN**

vừa từ trần ngày 10 tháng Ba 1996, tại Paris, Pháp Quốc, hưởng thọ 88 tuổi.

Chúng tôi, nhà xuất bản An Tiêm, xin cầu nguyện vong linh Cụ sớm vãng sanh về cõi Cực lạc, và xin chia buồn cùng tang quyến.

***An Tiêm - Thanh Tuệ***
*Kính bái*

vãng làm lại, cũng nên để họ yên. Nhưng có lẽ nhờ vậy mà chịu cực được, mới có ngày hôm nay."

"Lâu nay không thấy bà ấy đâu nhỉ?" Đạt hỏi.

"Chết đâu cũng gần mười năm rồi. Làm ăn cực quá mà, chịu đâu có nổi. Hôm đưa đám, tôi cũng có tới dự. Chẳng gì cũng một lần trong đời, chắc bà ấy dưới âm phủ cũng biết là tôi chẳng dính dáng gì đến chuyện cờ bạc của thằng Hoàng hết. Tụi tôi lính tráng gặp nhau nhậu, tán dóc chơi quên ngày quên tháng chứ đâu có bài bạc gì. Cũng may hồi đó cái hãng Oriental này cũng đang phát, gặp lúc thiên hạ thích cất nhà, thành ra gặp thời, thế là lên như diều."

"Chắc bà Chi cũng giỏi."

"Giỏi thì có, nhưng mà cái mặt mụ đó sao tôi không ưa được. Cứ làm như con nhà gia giáo không bằng. Cái thằng chồng sau của bà mẹ chịu không nổi, cũng cuốn gói rồi."

"Còn cái ông Hoàng đó cũng tệ — Tôi nói — Giận nhau thì giận, chứ sao lại bỏ đi. Sau này anh còn gặp anh ta nữa không?"

"Tôi cũng hỏi mấy người quen bên Pháp, nhưng không ai biết. Tôi mà gặp thằng Hoàng bây giờ thì vui dữ. Hơn chục năm rồi chứ ít gì."

Lúc Trung lại quầy lấy thêm rượu, Đạt bấm tôi nói nhỏ:

"Thằng cha Trung xạo. Anh đừng tin nó. Tụi này toàn một thứ như vậy cả thôi. Có một nói thành lên đến mười. Nó có ở Milpitas bao giờ, chỉ ba xạo! Anh không biết, hắn bị bà Chi làm cho mấy vố mất khách, ê ẩm mới đâm nói bậy nói bạ. Thôi mình lại chào bà ấy rồi đi kiếm cái gì ăn, mai anh còn phải về sớm."

Đạt dẫn tôi lại chủ nhân, giới thiệu vài ba câu tâng bốc. Tôi đứng im, lặng người đi khi ôn lại câu chuyện vừa nghe. Người đàn bà trước mặt tôi hiện đang nghĩ gì. Có bao giờ nàng nhớ lại cái quá khứ xưa không? Tôi nhớ lúc nhỏ, thật nhỏ có những kỷ niệm thật tầm thường nhưng khó quên. Một lần đi lạc khóc giữa chợ hoa ngày Tết. Những lần hai anh em đi tắm, còn trong túi ít đồng lẻ dốc ra mua khô bò chia nhau ăn. Một lần đá banh bể cửa kiếng nhà hàng xóm. Thỉnh thoảng trong lúc rảnh rỗi những kỷ niệm này vẫn chợt hiện ra, cho dù tôi không thể tìm được giải thích nào thỏa đáng cho câu hỏi: tại sao có những chuyện chẳng có gì đáng nói nhưng ta cứ nhớ hoài giữa muôn ngàn chuyện. Người đàn bà trước mặt tôi, bà có đang nghĩ gì về những ngày xưa khổ cực, những kỷ niệm của một tình cha con ngắn ngủi, những lần dọn nhà, những lần cãi nhau. Tôi nắm tay nàng, nói lời từ giã, bàn tay thon nhưng tôi cảm thấy trong đó cả một sức sống, tôi đã có những lần được nắm bàn tay như vậy. Tôi hiểu một phần vì sao nàng thành công.

Tối đó chúng tôi tạt vào một tiệm dọc đường, ăn qua quít. Thấy tôi có vẻ mệt, Đạt đưa tôi vào một quán rượu gần khách sạn, có nhạc country, uống mỗi đứa một ly Bud, xong chúng tôi bắt tay từ giã. Xe hắn khuất, tôi vào quầy khách sạn, gọi thêm một ly whisky, và lảo đảo lên phòng, đắp mền cố dỗ giấc ngủ.

*

Hôm sau trước khi lên đường tôi đến thăm mộ vợ tôi. Lần thứ ba tôi ghé nơi này. Cả ba lần tôi thăm mộ đều không có ai đi cùng. Tấm bia đá đỏ vân trắng dãi dầu mưa nắng, những cạnh sắc ngày xưa đã bắt đầu mẻ, mặt bia lăn răn đường nứt. Tôi đặt trước mộ bó hoa buổi sáng mới mua trong khách sạn, bùi ngùi. Tôi biết đây là lần cuối cùng, đến đây để có thể nhìn lại hình người xưa, hay đúng hơn, để cảm thấy một gần gũi nào đó. Thời hạn thuê mộ mười lăm năm sắp chấm dứt. Những người chết sau kỳ hạn đuổi nhà tàn nhẫn lần chót thường không còn đủ tài sản để tìm ra một chỗ trú ngụ khả dĩ tạm được. Tấm lòng của những người thân còn ở lại nhiều khi cũng đã phai. Vì thế, có khi chỗ ở cuối cùng của kẻ quá cố còn thu nhỏ bằng một cái tiểu con. Có khi phải mượn dòng nước làm nơi tan biến. Có khi chỉ còn lại cái tên, một tấm hình mờ cũ. Tôi cố thu hình ảnh hôm nay vào ký ức đã bắt đầu mòn, trong khi phân phát cho các ngôi mộ láng giềng mỗi người một nhánh bông. Tôi quay về khách sạn, lấy taxi ra phi trường, vừa vặn giờ bay. Trên máy bay, tấm danh thiếp trong túi áo một lần nữa lại được rút ra. Quỳnh Chi, tôi chỉ còn sợi dây mong manh này, một cái tên ba mươi mấy năm trước chúng tôi đã mấy đêm nặn óc tìm ra. Những câu chuyện ngày xưa, nay sót lại chỉ là một mớ kỷ niệm bèo nhèo và một hàng chữ trên tấm cạc nhỏ.■


# CHIA BUỒN

Được tin buồn

**Nhà báo CHỬ BÁ ANH**

Giám đốc hãng tin CBA News và Chủ Bút báo *Phụ Nữ Diễn Đàn* vừa từ trần ngày 12 tháng Ba 1996, tại thành phố Burke, tiểu bang Virginia, hưởng thọ 63 tuổi.

Xin chân thành chia buồn cùng nữ sĩ Vi Khuê, và tang quyến
Xin cầu chúc hương hồn nhà báo Chử Bá Anh sớm siêu thoát.

***Tạp chí Thế Kỷ 21***
***Nhật báo Người Việt***
***Đài phát thanh VNCR***
***Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ***

# MƯA GIÓ XA MUÔN TRÙNG

## HÀ KỲ LAM

*Qua truyện này tác giả xin thắp một nén hương lòng cho nhạc sĩ Văn Cao.*

Mới hơn tám giờ tối mà mọi nhà trong khu quận lỵ nhỏ bé này đều cửa đóng then gài. Chỉ có ánh đèn le lói qua các khe hở của vách ván hay qua các song cửa là dấu hiệu người ta còn thức. Mưa vẫn nặng hạt và đều đều với từng cơn gió thỉnh thoảng đẩy làn mưa thành những đường chỉ xiên xiên trước ánh đèn xe. Có lẽ một phần vì tình hình chiến sự có vẻ bất ổn sau một loạt đột biến như các vụ di tản chiến thuật ở miền Trung, rồi ở Cao nguyên, và một phần vì trời mưa nên người dân ở đây đi nghỉ sớm. Chiếc xe jeep nhà binh dừng trước một căn nhà mái tôn với ánh đèn bên trong hắt qua các khe cửa sổ lá sách đã đóng lại. Rạng nhảy ra khỏi xe, và tài xế cho xe lao đi. Chàng dò dẫm mấy bực thềm trước khi có thể chạm tay vào cánh cửa. Chàng đứng im nghe ngóng mấy giây. Im phăng phắc — không có lấy một tiếng xầm xì bên trong. Dán mắt vào một khe hở của vách ván, Rạng vừa thoáng thấy bóng dáng Trâm đang ngồi chấm bài bên ngọn đèn dầu hỏa. Trâm là một cô giáo mấy năm nay.

Rạng đưa tay định gõ cửa, nhưng dừng lại. Tiếng gõ cửa ban đêm thường làm người ta sợ. Chàng nói lớn nhưng ôn tồn:

"Trâm mở cửa cho anh. Rạng đây!"

Một cánh cửa sổ hé mở và một mái tóc xõa in hình trong khung cửa, rồi một giọng con gái reo vui:

"Anh Rạng!"

Cửa mở. Rạng bước vào nhà với bộ quần áo trận phong trần lấm tấm những hạt mưa, và Trâm đứng nép một bên nhường lối. Nàng nhìn Rạng từ đầu đến chân rồi hỏi:

"Thật là lâu anh mới đến. Đi công tác một mình hay cả đơn vị?"

"Bọn anh lại sắp được ném vào một lò lửa nào đây. Lâu quá nay mới có dịp qua vùng này nên ghé thăm hai bác và Trâm."

"Ba má em lên Sài Gòn lo đám hỏi cho anh Trực, mai mới về. Tối nay anh ở lại đây nhé. Một năm rồi anh mới ghé. Đi đâu mà biệt tích lâu dữ vậy?"

Câu nói thân tình làm Rạng cảm thấy dễ chịu, thoải mái, một thứ cảm giác chỉ có mái ấm gia đình mới đem lại. Gia đình của Trâm là một mái gia đình thứ hai đối với quãng đời nhiều xê dịch của Rạng. Trực, anh của Trâm, là bạn thân của Rạng từ thuở nhỏ. Nhưng chưa bao giờ ý nghĩ đi "cua" em gái bạn đến với Rạng.

Không phải vì Trâm không đẹp cỡ chim sa cá lặn. Thật ra, một nhan sắc ưa nhìn như Trâm cũng đủ cho những thằng con trai như Rạng dệt mộng ước, mặc dù tuổi trẻ nào cũng mang ảo tưởng mình không thiếu giai nhân. Có lẽ vì "lỡ" thân thiết với Rạng quá, và "lỡ" cư xử thân tình với Trâm từ hồi nào không hay nên "trổ mòi" thì hơi kỳ! Rạng thấy chẳng cần phân tích làm gì. Có thể tình thế là như vậy, và có thể cũng không hẳn đúng, nhưng chàng biết mình mến mọi người trong gia đình này, chàng thấy mình quí Trâm vì sự chân thật của nàng. Chàng vẫn tìm thấy ở gia đình này một điểm tựa tinh thần, nhất là với Trâm. Rạng đáp:

"Anh là cá biển chim trời mà!"

"Hay bị cô nào xích anh lại bấy lâu nay?"

Đôi mắt Trâm long lanh một vẻ mà Rạng không nói được là một tia nhìn diễu cợt hay thăm dò. Chàng nói:

"Chỉ có thằng Trực sắp bị một người con gái xích lại thì đúng hơn."

Trâm cười:

"Bị xích hay được xích đấy? Cả anh nữa, phải được xích mới nên người!"

Rạng cười lớn và nhìn Trâm. Chắc đúng vậy. Em phải xích anh lại đi Trâm. Trong một thoáng Rạng nghĩ đến những người con gái khác mình quen biết. Chẳng có ai đủ "tư cách" buộc chân chàng lại. Trâm thì khác. Ô hay, sao lại đi so sánh như thế kia! Vấn đề không đặt ra như vậy. Trâm là Trâm. Trâm không nằm trong bảng sắp hạng những bóng hồng chàng chạy theo. Trâm mang một nghĩa lý khác đối với Rạng; không phải một cái đích chàng nhắm tới, nhưng cũng không phải là một đối tượng để đùa cợt; không phải là tình yêu để lo lắng tận tụy, nhưng cũng không phải một hình bóng thoáng qua rồi mất hút trong quên lãng. Vị trí của nàng là một cõi nào đó trong ý thức của Rạng, ở đó mỗi lần bất chợt tìm đến chàng thấy một sự ấm áp, vỗ về. Trâm là một loại ốc đảo trong sa mạc của một lữ hành. Với Rạng, Trâm thật gần gũi, thân tình mà không là người tình. Tuy không lãng mạn chàng vẫn thấy cái đường ranh mờ ảo trong tâm hồn mình có cái gì đẹp và dễ chịu hơn một tương giao xác định và kề cận của tình yêu trai gái. Đối diện Trâm chàng cảm thấy tự do, phóng khoáng, và cùng lúc, tương kính. Nhưng tất cả cái đó sẽ mất đi, hoặc sẽ hết nguyên vẹn với một lời tỏ tình, một cặp môi hôn, hay một vòng tay ôm siết cuồng si. Có thể đó chính là đường ranh mờ ảo và đẹp bắt chàng dừng lại. Và gặp lại Trâm sau một thời gian xê dịch đó đây bao giờ cũng là một hạnh phúc đối với Rạng. Trâm là một thứ em

gái mà Rạng có thể thổ lộ tâm sự mà chính Lan, em gái Rạng, cũng khó có thể chia sẻ hay cảm thông.

Rạng kéo một chiếc ghế và ngồi đối diện với chồng bài vở Trâm đang chấm dở. Trâm đi rót nước trà vào tách bưng đặt lên bàn trước mặt Rạng, đoạn, ngồi vào vị trí cũ. Nàng thu vén chồng bài vở, dẹp sang một bên, và rồi thôi thì đủ thứ chuyện: chuyện đời, chuyện nắng, chuyện mưa... Rạng có cảm tưởng cái giòng tương đắc của hai người không bao giờ bị cắt đứt, mà chỉ gián đoạn vì những năm tháng chia xa để lại tiếp tục khi tái ngộ.

Rạng chợt thấy một bản nhạc để góc bàn và với tay cầm xem: bản "Bến Xuân" của nhạc sĩ Văn Cao. Đó là một trong số các bản ưa thích của Rạng và chàng nghĩ có lẽ cũng là một bản ưa chuộng của Trâm. Rạng không quên Trâm có một giọng ca khá điêu luyện. Có lúc Rạng đã nghĩ nếu Trâm quyết định đi theo nghề ca hát có lẽ nàng cũng đã thành công.

Trâm hỏi:

"Anh Rạng biết bản nhạc này không?"

"Biết thôi à? Còn mê nữa kia."

Gương mặt Trâm thoáng vẻ hài lòng của một kẻ bắt gặp điều mình tìm kiếm. Nàng nói nhanh và khẽ:

"Em hát tặng anh nhé."

Rạng trao bản nhạc cho Trâm, ngồi ngay ngắn như đón nhận một món quà. Liếc nhìn vẻ "nghiêm trang" của Rạng, Trâm mỉm cười rất tươi:

"Không có đàn thành ra hơi khó ca."

Và giọng trong trẻo, truyền cảm của Trâm cất lên trong gian nhà nhỏ, giữa một không gian im vắng về đêm chỉ có tiếng mưa rơi, gió thổi bên ngoài, và chỉ có hai người với nhau...

*"Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước*
*Em đến tôi một lần..."*

Âm thanh trầm bổng của lời ca ru Rạng vào một cõi mộng đẹp vô ngần. Chàng chiến binh Rạng giã từ những dốc cao, những lũng sâu, những con đường mòn tử địa với âm thanh chát chúa của đủ loại súng, với mùi khói súng khét lẹt, ở đó não cân tê dại hay căng thẳng, để:

*"Dìu nhau theo dốc suối nơi ven đồi*
*Còn thấy chim ghen lời âu yếm*
*Tới đây chân bước cùng ngập ngừng*
*Mắt em như đáng thuyền soi*

# Một bài thơ của Hồ Xuân Hương do Gs Hoàng Xuân Hãn chép lại

LTS: Bức ảnh dưới đây là một bài thơ chép tay của học giả Hoàng Xuân Hãn do Nguyễn Xuân Hoàng chụp tại tư gia của giáo sư Hãn hồi trung tuần tháng Mười Một 1994 tại Paris.

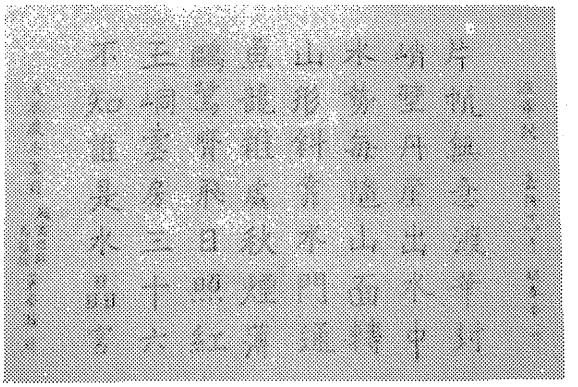

**Phiến phàm vô cấp độ Hoa Phong**
**Tiêu bích châu nhai xuất thủy trung**
**Thủy thế mỗi tùy sơn diện chuyển**
**Sơn hình tà kháo thủy môn thông**
**Ngư long tạp xứ thu yên bạc**
**Âu lộ tề phi nhật chiếu hồng**
**Ngọc động vân phòng tam thập lục**
**Bất tri thùy thị thủy tinh cung**

*HỒ XUÂN HƯƠNG*
*Gia Long thập bát niên*
*Hoàng Xuân Hãn đề*

# ĐI THUYỀN QUA HOA PHONG

*(dịch nghĩa)*

*Chiếc thuyền thong thả qua Hoa Phong*
*Vách núi đỏ nhô trên mặt nước*
*Nước chảy theo mặt núi thay đổi*
*Hình thể núi nghiêng mở cho nước trôi*
*Rồng cá khắp nơi, khói thu mỏng*
*Cò, hạc cùng bay nắng chiếu hồng*
*Ba mươi sáu phòng trong động ngọc*
*Không biết đâu là thủy tinh cung.*

LÂM HOÀI THI

# QUÊ NGƯỜI, CHIỀU CUỐI NĂM

**Chiều nay, chiều cuối năm rồi!**
**Quê người, xao động một trời quê hương**
**Từ ta bỏ phố, xa phường**
**Ngày dài, tháng rộng, năm buồn bã trôi**
**Chiều nay kẻ lạc bên trời**
**Nhớ quay quắt nhớ, mong rời rã mong**
**Chiều nay, cạn cốc rượu nồng**
**Trong hồn rượu đốt, ngoài song tuyết đầy.**

*Tháng Hai 1996*

# MÙA XUÂN

**Thở đất thơm rừng mình chuyển động**
**Con chim hiền quẹt mỏ hót líu lo**
**Búp măng non gật đầu cười nắng mới**
**Người thanh xuân tim rực lửa tình nồng.**
**Là bào thai mùa xuân**
**Vừa bắt đầu mở mắt**
**Chào đời như trẻ thơ**
**Trong vòm trời thần thánh.**

*Tháng Hai 1996*

*nước...''*

Rạng nghĩ chưa bao giờ giọng ca của Trâm hay đến thế, một giọng ca không kèn trống phụ họa, không có kỹ thuật âm thanh tăng cường. Nếu có bao giờ ta hy hữu chiêm ngưỡng một dung nhan Tây Thi không son phấn thì đó chính là cảm giác của Rạng lúc này đây, khi lắng nghe lời ca trần trụi của Trâm bằng xương bằng thịt! Lòng chàng lâng lâng. Đôi uyên ương với căn nhà bên suối mộng mị trong thế giới âm thanh kia ở trong cõi lòng của mỗi người nghe nhạc.

Rồi lời hai của bài ca làm tâm hồn Rạng chùng xuống một cảm xúc khó tả. Từ một trạng thái lâng lâng ngây ngất chàng bước vào một tình cảm nao nao. Cõi mộng chàng bước vào đầu bài ca bây giờ đã tan biến, đã ra đi theo bóng giai nhân:

*"Nhà tôi sao vẫn còn ngơ ngác*
*Em vắng tôi một chiều*
*Bến nước tiêu điều còn hằng in nét đáng yêu...''*

Giọng Trâm ngân dài với âm cuối bản nhạc, rồi nàng ngước lên nhìn Rạng, mỉm cười, khẽ hỏi:

"Nghe được không, anh Rạng?"

"Tuyệt. Anh nhớ lại, có lẽ chưa bao giờ Trâm ca hay như đêm nay. Bản 'Bến Xuân' là một trong những bản yêu thích của anh, nhưng chưa lần nào câu ca

*'Người đi theo mưa gió muôn trùng*
*Dừng bước phiêu du về bến cũ...'*

lại làm anh cảm xúc như bây giờ. Lời ca đã làm anh nao nao: anh cảm mà không diễn đạt được. Có lẽ anh đang sống trong câu ca đó, hay câu hát đã diễn tả hộ anh những gì anh thể nghiệm về một phần đời của mình, hay những linh cảm của mình về những ngày mưa gió đang chờ... Anh thật không biết diễn tả thế nào, nhưng cám ơn Trâm về một giọng ca cùng một bài ca hay."

"Em tin là anh khen thật chứ không khen lấy lòng. Bỗng nhiên em thấy rung cảm theo từng lời ca, và có lẽ vì thế làn hơi có cảm hứng phải khác lạ hơn mọi lần. Có điều lạ là em cũng có cùng một ấn tượng như anh về hình ảnh 'mưa gió xa muôn trùng'."

Rạng im lặng, chẳng biết nói lời gì. Chàng đang tận hưởng một khoái cảm lâng lâng vì vừa có được một sự đồng cảm. Rạng nghĩ, nếu đời sống còn có những phút giây cộng hưởng hiếm hoi của hai tâm hồn thì vẫn còn nhiều lý thú, chứ không đến nỗi nhàm chán; đó là một thứ hạnh phúc mong manh và tiềm tàng. Rạng thấy từ trước đến giờ Trâm thường có cùng cảm ứng với chàng trước nhiều sự vật, từ dáng vẻ một dòng sông đến cảnh trí buổi hoàng hôn, từ một cuốn phim đến một nhạc khúc như đêm nay... Chàng thấy tâm hồn Trâm là một tâm hồn đẹp và nhạy cảm; nó lai láng như sông nước vùng quê hương mưa nắng hai mùa trong đó nàng lớn lên.

Hai người lặng im nghe tiếng mưa rơi đều đều trên mái tôn hòa với âm thanh vi vu của từng cơn gió lướt qua vách ván. Tự nhiên Rạng thấy ngại bước đường "mưa gió xa muôn trùng" mà ngày mai, ngày kia, và biết đâu đêm nay chàng phải xông pha. Chàng bắt gặp ánh mắt Trâm, và bỗng nhiên chàng tin Trâm cũng đang "nhìn" mưa gió như mình. Tình yêu là sự hòa hợp của hai tâm hồn và thể xác. Có đúng như định nghĩa cổ điển kia không? Lại định nghĩa! Làm sao định nghĩa được điều không thể định nghĩa! Và tại sao mình lại mọi ký ức ra cái câu quái đản kia? Đã có tình yêu chưa mà xao xuyến. Anh cũng muốn hỏi Trâm đấy. Rạng không biết mình đang nhìn Trâm hơi lâu. Lần đầu tiên từ ngày quen Rạng, Trâm cúi xuống tránh cái nhìn của chàng. Rạng lên tiếng phá tan sự im lặng:

"Thế là Trực quyết định lấy vợ. Cũng đương sự đó phải không?"

Trâm chưa kịp trả lời bỗng có tiếng gõ cửa. Rạng đến bên cửa sổ nhìn và nhận ra chiếc xe jeep nhà binh đỗ trước nhà. Bên thềm chàng nhận ra dáng thấp bé của Cảnh, viên sĩ quan phụ trách kế hoạch hành quân. Rạng mở cửa bước hẳn ra đứng dưới mái hiên bên cạnh Cảnh. Cảnh bảo nhỏ:

"Về thôi. Lệnh khẩn cấp đêm nay lên đường. Kế hoạch trực thăng vận hủy bỏ."

Rạng thấy tim mình đập nhanh lên một tí,

không hẳn là nhói buốt. Chàng chẳng còn lạ với cái màn chợt đến chợt đi của kiếp sống quân ngũ thời chiến. Chỉ vì Rạng vừa nghĩ đến Trâm. Chắc nàng sẽ nhớ mãi đêm "mưa gió xa muôn trùng" này. Nhớ hay tiếc nhớ? Thôi đừng tiếc nghe Trâm. Cứ để cho đêm nay trở thành một hoài niệm đẹp về sau. Ý nghĩ ngủ lại đêm trong căn nhà chỉ có chàng và Trâm làm chàng lo sợ vẩn vơ, sợ biên giới mờ ảo trong lòng mình rồi sẽ mất... Thôi thế càng hay. Nhưng Rạng bỗng nghe lòng mình thầm hứa sẽ quay lại.

*

Từ sở làm ra Rạng lái xe đến thẳng nhà vợ chồng Tùng, người bạn mà chàng quen biết mấy năm nay, từ lúc "thiên đô" về vùng New England buốt giá này. "Bọn tớ vừa nhận được một bức thư từ Việt Nam, trong đó có một câu thật bất ngờ nhắn gửi cậu. Không thể đọc qua phone, cũng không tiện mang đến nhà cho cậu xem. Cậu ghé lại tớ đi... đàn ông hay đàn bà thì cậu sẽ biết, không muốn tiết lộ sớm!"

Suốt buổi tối hôm qua, rồi cả ngày hôm nay ở sở làm Rạng không ngớt nghĩ đến lời của Tùng. Có thật có một thư như thế hay tên Tùng này lại lừa mình đến để uống vài chai bia với hắn, như có lần hắn đã làm hồi năm ngoái. Nhưng Rạng có linh cảm lần này Tùng nói thật. Rạng moi ký ức nhưng đành chịu, không tìm nổi một liên tưởng hợp lý. Chàng nhớ đến nội dung thường có của những bức thư đến từ Việt Nam: những lời cầu cứu, những chuyện chạy gạo kiếm cơm... Trong một xứ sở với kinh tế bi đát và một nền cai trị hà khắc, độc đoán, ít ai còn lòng dạ viết thư chỉ để khơi lại kỷ niệm xưa, chuyện cũ, nếu không vì một ẩn ý đánh thức chút tình cảm ở những thân nhân, bạn bè giờ đây đang no đủ ở ngoài nước. Có thể một lời nhắn gửi như thế lắm.

Vừa trông thấy Rạng vợ Tùng tươi cười nói:

"Anh Rạng ngồi xuống đây, bình tĩnh lại nhé!"

Tùng cầm tờ thư bằng giấy mỏng, loại giấy viết thư ở Việt Nam người ta vẫn dùng, chi chít những chữ nhỏ li ti viết tràn ra cả ngoài lề, đưa cho Rạng:

"Cái câu liên quan tới cậu tớ gạch đít bằng bút đỏ. Nhưng cậu có thể đọc hết bức thư."

Rạng dán mắt ngay vào hàng chữ có gạch đỏ. Chỉ vỏn vẹn một câu, không dài, không ngắn, thật đầy đủ, và cũng thật... khó tả! Nó sắc như nhát dao bổ đôi ý thức Rạng. Trâm! Có thế mà Rạng đã không nghĩ ra. Vâng, chàng chỉ không nghĩ ra, chứ không thể quên nàng. Làm sao có thể nghĩ đến được, vì đời sống là một chuỗi những tình cờ. Tình cờ chàng quen biết vợ chồng Tùng. Và Trâm là "tình cờ" như thế nào với hai người này? Rạng tò mò đọc bức thư từ đầu đến cuối để cuối cùng cũng phải hỏi Mai, vợ Tùng, về liên hệ họ hàng với Trâm. Mai và Trâm là đôi chị em con dì. Rạng đọc lại những chữ gạch đỏ một lần nữa trước khi trả tờ thư lại cho vợ chồng Tùng. *"Cho em gởi lời thăm anh Rạng và nhắn với ảnh rằng người đi theo mưa gió xa muôn trùng bao giờ mới về thăm lại Việt Nam."*

Mai hỏi một câu thăm dò:

"Chắc hai người có nhiều kỷ niệm đặc biệt với nhau lắm thì phải?"

Rạng mỉm cười, lòng phân vân, tự hỏi có nên kể lại cái điển tích "mưa gió xa muôn trùng" của một đêm năm xưa không. Chàng chẳng thấy hứng thú khơi lại chút tro tàn dĩ vãng của mình và Trâm. Rạng nghĩ có lẽ một ai đó đã đúng khi nói rằng đàn bà thường chất chiu kỷ niệm mà đàn ông thì không thích sống với kỷ niệm nhiều. Rạng chậm rãi nói:

"Không có kỷ niệm gì đặc biệt cả. Cô ấy nhắc lại câu ca trong bản 'Bến Xuân' của Văn Cao để trêu tôi đấy. Số là hồi đó tôi hay đến nhà chơi với Trực, và Trâm biết tôi rất thích câu hát đó, thế thôi."

Dù không chất chiu cái kỷ niệm năm xưa như Trâm, dù ký ức mình chẳng mấy khi khơi lại nó gần hai mươi năm nay, dù bây giờ bên cạnh mình đã có hẳn một người đàn bà và bốn nhóc, và dù cuộc sống xứ này như bánh xe lăn quay không cho chàng ngừng nghỉ, Rạng phải nhận rằng lời thư của Trâm đã len vào tâm tư chàng qua một ngõ ngách khác. Trâm không chỉ là kỷ niệm.

Đêm từ giã Trâm, Rạng đã theo đơn vị di chuyển về hướng Cần Thơ. Cả tiểu đoàn không ai biết mục đích chuyển quân, chỉ làm theo lệnh trên. Trưa hôm sau, khi còn cách phi trường Cà NÓc ba cây số, Rạng và tất cả đồng đội sửng sốt nghe lệnh đầu hàng phát đi từ Sài Gòn! Tại sao? Miền Tây mênh mông không hề nhận một dấu hiệu nào của chiến trận khốc liệt, đơn vị chàng còn nguyên vẹn, cả một quân đoàn còn nguyên vẹn, và bao nhiêu quân đoàn khác nữa... Tại sao? Mọi người lặng thinh, trầm ngâm. Rạng nhìn lại những năm tháng miệt mài phong sương, nghĩ đến những đồng đội đã gục xuống. Đơn vị trưởng đi họp ở trên về cho hay mọi người có thể tự do về nhà hay theo đến điểm hẹn để được tàu đón rời Việt Nam. Rạng đã thấy những giọt nước mắt long lanh trên nhiều bộ mặt. Dĩ nhiên Rạng chấp nhận ra đi. Từng khuôn mặt của người thân hiện về trong trí chàng. Rạng sắp bỏ lại tất cả. Bỗng khuôn mặt Trâm hiện ra rõ nét nhất và bao trùm cả không gian! Nàng sẽ ở lại hay cũng ra đi? Làm sao Trâm có thể có phương tiện. Hay là mình chạy về rủ Trâm cùng đi? Không được, trễ rồi! Bây giờ Rạng còn nhớ rõ lúc đứng trên tàu trực chỉ hướng Phi Luật Tân, nhìn trời nước mênh mông, chàng đã nghĩ đến Trâm nhiều hơn nghĩ về người thân của mình. Chàng không nhớ mình đang xa Việt Nam, mà chỉ thấy mình thực sự xa Trâm. Hình ảnh Trâm bị bỏ lại xa dần, nhòa dần sau muôn trùng sóng. Và bây giờ Rạng còn nhớ rõ trên con tàu vượt trùng dương buồn bã năm ấy mình đã quay nhìn Việt Nam thầm nói, Trâm ơi, giờ đây xa bến bờ anh mới thật sự đi theo mưa gió xa muôn trùng...■

*15 tháng Chín, 1995*

# NƠI KHÔNG PHẢI LÀ QUÊ NHÀ

VŨ HẠ

Dựa trên truyện ngắn "Pháo thuyền trên dòng Yang Tsé" của Trần Vũ

**Nhân vật**: Chi, Toàn, Kate

**Không gian**: Một căn phòng nhỏ.

Trong cùng và trên cao, đối diện khán giả, là cửa sổ. Dưới thấp, một tủ sách chiếm gần trọn chiều ngang căn phòng. Hai bên Phải, Trái theo thứ tự là cửa buồng ngủ và cửa chính. Bên góc Phải, dựa vào tường là cây đại vĩ cầm và cái ghế thấp, cạnh đấy là máy truyền hình được đặt trên giá có bánh xe, lưng máy quay về phía khán giả. Bên trái, một bàn tròn, trên có vài chai nước ngọt đã cạn, ly, chén... Sau bàn là hai chiếc ghế. Giữa sân khấu là một sô pha dài.

**Thời gian**: Một buổi tối nóng bức. Qua cửa sổ, sấm chớp đôi khi lóe lên báo hiệu cơn bão sắp tới.

*(Khi màn mở, Chi đứng cạnh bàn, mặt hướng về khán giả. Toàn đứng đối diện Chi, lưng quay lại khán giả, đang bịt chặt hai mắt Chi bằng một dải khăn đen dài.)*

**Toàn:** Thế nào? Chị thấy gì không?

**Chi:** Không

Toàn: Nhiều khi những cái không trông thấy mới thật kích thích.

*(Toàn siết chặt hai đầu khăn).* Bây giờ chị đã thấy rồi chứ gì?

**Chi:** Không!

**Toàn:** Để nhìn được điều mình muốn, nhiều khi người ta phải suy nghĩ. Nhưng con người rất lười suy nghĩ nếu không bị đau đớn. *(Toàn siết mạnh hai đầu khăn).*

**Chi:** *(Hét to)* Đủ rồi!

BToàn: *(Tháo dải khăn khỏi mắt Chi, ve vẩy như một con rắn. Toàn lượn quanh Chi nhưng luôn luôn trong tư thế quay lưng lại khán giả. Toàn đột ngột tung cao dải khăn rồi cất tiếng cười man dại)* Phải! Đủ rồi! *(Đi dần về phía đại vĩ cầm. Ngồi xuống, nhưng vẫn quay lưng về phía khán giả. Kéo đàn một cách vụng dại).*

**Chi:** *(Bịt hai tai. Hét to)* Đủ rồi!

**Toàn:** *(Đứng bật dậy)* Đủ rồi! Lúc nào chị cũng nói "đủ rồi!" *(Đột ngột quay mặt về phía khán giả. Đó là một thanh niên với khuôn mặt đầy xẹo vì vết đao chém)* Đây! Thế này là "đủ rồi" phải không?

**Chi:** Toàn!

**Toàn:** Chị không muốn nhìn thấy mặt Toàn phải không?

**Chi:** Toàn, đủ rồi! Lại đây ăn đi.

**Toàn:** *(Bước tới nắm lấy vai Chi)* Chị nói sang đây, chị sẽ không bỏ Toàn. Chị sẽ sống hoàn toàn vì Toàn. Chị còn nhớ không?

**Chi:** *(Im lặng cầm ly cà phê lên. Bốc một viên đường từ cái lọ nhỏ. Ngắm nghía một lúc rồi vò nát viên đường trước khi bỏ những mảnh vụn vào ly cà phê)* Chị nhớ.

**Toàn:** Nhớ?! Nhớ sao chị không làm? *(Một lúc)* Ai đã hy sinh vì chị?

**Chi:** Toàn đã hy sinh vì chị. *(Toàn đến gần Chi hơn, đưa tay vuốt ve mái tóc Chi)* Đừng... cho chị xin... *(Toàn cúi xuống định hôn Chi)* Thôi, đủ rồi!

**Toàn:** Đủ rồi! Lúc nào cũng đủ rồi! Chị không nói được câu nào khác hơn sao? *(Toàn cúi xuống hôn lên cổ Chi. Chi quay lại, đưa tay đỡ lấy khuôn mặt Toàn. Toàn thân Chi run rẩy. Một lúc. Đột ngột, Chi vùng ra khỏi tay Toàn)*

**Chi:** Thôi, đủ rồi... *(Một lúc)* Toàn phải có bạn gái.

**Toàn:** Chị nói gì? Bạn gái? Chị có đùa không? Ai dám yêu thằng này?

**Chi:** Chị đã tìm cho Toàn một cô bạn... Kate sẽ đến đây thăm Toàn hôm nay.

**Toàn:** Chị đã nhìn kỹ Toàn rồi chứ? Ai yêu được khuôn mặt này? Chị tưởng có thể lừa được Toàn à? Chị tưởng Toàn không biết mặt mũi mình gớm ghiếc đến độ nào sao? Hừ, chỉ cần sờ hai bên má... *(Như cấu xé từng mảnh thịt trên mặt)* Này má! Này mũi! Này môi! Ai, ai có thể yêu được bộ mặt ghê tởm này? Chị nói đi?! Chị nói đi!?

**Chi:** Đừng Toàn! *(Ôm đầu Toàn, vỗ về)* Đừng bao giờ làm như thế nữa, nghe Toàn. Hãy nghe chị, đừng bao giờ, đừng bao giờ...

**Toàn:** Nghe chị? Nhưng có bao giờ chị chịu nghe Toàn đâu. Chị đâu có yêu Toàn.

**Chi:** Chị không thể... Chị không có quyền... Vì chị là... Thôi, em vào phòng tập đàn đi.

**Toàn:** Chị đuổi Toàn đấy à?

**Chi:** Không! Chị chỉ muốn ngồi nghỉ một tí thôi...

**Toàn:** Chị đuổi Toàn! Toàn biết... Chị đuổi Toàn *(Chạy lại ôm đàn rồi đi nhanh vào phòng. Chi đi về phía sô pha, ngồi xuống. Dù không điêu luyện, tiếng đàn từ phòng Toàn vẳng lên lúc não nuột như dao cứa, lúc lao xao như giận dữ, lúc cuống quít như sợ hãi. Được một lúc, có tiếng gõ cửa. Chi bước về phía cửa chính, mở cửa. Kate — một cô gái Tây Phương — xuất hiện)*

**Kate:** Chào chị.

**Chi:** Kate đến thật đúng lúc. Hãy ngồi xuống đây. Uống tí rượu nhé? *(Kate lắc đầu)* Hãy uống tí đi. Trời lạnh, uống rượu là một cái thú *(Rót rượu ra ly đưa cho Kate)*

**Kate:** *(Nhấm nháp. Nhìn quanh)* Ồ, tủ sách lớn quá. Có phải sách này là của Toàn?

**Chi:** Không. Sách này là của tôi. Toàn không đọc được.

**Kate:** Có phải vì...?

**Chi:** Vâng. Toàn chỉ có thể đọc được những loại sách đặc biệt dành cho những người yếu thị giác... Toàn bị thương ở mắt và...

**Kate:** Tôi hiểu. Tôi đã gặp nhiều trường hợp như thế. Chị đừng ngại. Tôi nghĩ là tôi có thể trở thành bạn thân của Toàn. Tôi biết cách xử sự. Chị cứ tin tôi đi. Chị hãy cho tôi gặp Toàn... *(Chi và Kate đi về phía cửa phòng Toàn)*

**Chi:** *(Gõ cửa)* Toàn, có khách! (Kate bước vào. Chi vừa quay lại thì đột nhiên có tiếng rú thất thanh của Kate)

**Kate:** Trời ơi! *(Chạy tông về phía cửa chính)*

**Toàn:** *(Chạy ra theo. Giận dữ)* Chị thấy chưa? Chị đã thấy chưa? Không ai có thể yêu Toàn. Không ai có thể làm bạn gái của Toàn.

**Chi:** *(Chạy đến ôm Toàn, vỗ về)* Nín đi Toàn! Toàn vẫn còn có chị.

**Toàn:** Chị! Chị! Toàn chỉ còn mỗi mình chị. Toàn yêu chị *)Toàn vuốt tóc, vuốt má Chi)*

**Chi:** Đừng! Toàn! Đừng! *(Toàn cúi xuống hôn rồi dìu Chi đến sô pha. Chi trong một cử chỉ nửa chống cự, nửa âu yếm, kéo đầu Toàn xuống ngực. Bóng tối đổ ập xuống độ 30 giây... Khi ánh sáng*

THẢO TRƯỜNG

# CHẠY LOẠN

**Bà giắt cháu đi chơi**
**trước một siêu thị Việt Nam trên đất Mỹ**
**chờ con gái mua thực phẩm bằng foodstamp trong chợ**
**Con gái đã đưa cho mẹ mấy đồng coins**
**chỉ cho bà biết cách bỏ tiền vào máy trò chơi**
**để cháu ngoại bay phi thuyền lái xe cưỡi ngựa.**

**Cả thảy là ba thế hệ**
**thế hệ thứ nhất vừa là bà vừa làm babysitter**
**thế hệ thứ hai vừa là con vừa làm mẹ**
**thế hệ thứ ba ngụp lặn giữa hai ngôn ngữ**
**của bà ở nhà và của cô trong nhà trẻ.**
**Cháu ngồi trên lưng ngựa phi nước kiệu**
**và cười và nói Mom trả lương ngoại rồi nhé!**

**Bà bế cháu đổi ngựa sang xe**
**bỏ hai mươi lăm cents vào máy**
**nhưng tương lai đòi lên phi thuyền bay vào vũ trụ**
**chiếc xe hơi có tiền bèn chạy không người lái.**
**Bà chợt nghĩ tới đứa cháu nội hồi ở Việt Nam**
**đi thăm tù hỏi sao ông nội gọi bà nội là em?**

**Ba thế hệ đều tội nghiệp**
**như ba thứ đồ chơi**
**con ngựa, chiếc xe và phi thuyền vũ trụ**
**đều bị cùm vào cột siêu thị**
**như cái thùng bán báo bị xiềng gần đó.**
**Không rõ chúng có biết nhìn nhau**
**như con người có mắt nhìn thấy nhau trói nhau**
**như bắt tay nhau?**

**Tất cả, chúng ta, bà, cháu và con,**
**và người homeless quì ăn xin,**
**đều nhìn thấy nhau, di cư như đi chợ!**

*HB. 10/95*

*trở lại, Chi ngồi vụt dậy, đưa tay vén mái tóc rối bời)*

**Toàn:** *(Vẫn ngồi trên sô pha. Rụt rè)* Chị, Toàn yêu chị vô vàn. Toàn không hối hận gì cả *(Chi quay lại nhìn vào mặt Toàn)* Đừng! Chị đừng nhìn mặt Toàn. Khuôn mặt gớm ghiếc này sẽ làm chị sợ.

**Chi:** *(Đứng dậy đi về phía cửa sổ. Ánh chớp và sấm sét bắt đầu nhặt hơn. Chi đứng ở cửa sổ một lúc rồi lại trở về ngồi trên sô pha. Lơ đễnh bấm nút viễn khiển máy truyền hình)*

**Tiếng từ máy truyền hình**

Et maintenent, nous sommes enchantés de vous présenter un grand film avec Steve McQueen dans le principal rôle: La canonnière du Yang Tsé. *(Tiếng nhạc nền và đối thoại rì rầm của truyền hình kéo dài đến khi Màn Hạ)*

**Chi:** *(Đột ngột)* Đã bao lâu rồi hở Toàn?

**Toàn:** Chị nói gì?

**Chi:** Từ cái ngày hôm ấy...

**Toàn:** Chị đừng nhắc lại chuyện ấy nữa... Toàn chỉ nhớ những chiều mình đi dạo bờ biển trước nhà. Toàn nhớ mãi buổi chiều chị mặc chiếc áo tím... Màu tím in trên nền cát vàng chạy dài đến chân núi... Tóc chị lúc đó còn dài chấm lưng, gió biển thổi phất bay theo từng gợn mây trắng. *(Một lúc).* Chị còn nhớ không?

**Chi:** Ừ, chị nhớ!... Những ngày Toàn còn bé... Toàn thường lẽo đẽo theo chân chị, vòi vĩnh quà... Nhiều lúc Toàn khóc vì đòi kẹo không được lại bị bố mắng... Chị đã ẵm Toàn trong tay để vỗ về... Ngày ấy, chị em mình thật hạnh phúc bên cạnh bố, mẹ...

**Toàn:** Ngày đó đã xa, đã mất... *(Đột ngột)* Còn anh Thuấn? Chị vẫn còn yêu anh ấy phải không? *(Chi im lặng, Toàn giận dữ)* Nó đã hôn chị rồi phải không ? *(Chi vẫn im lặng)* Nó đã làm gì chị?

**Chi:** Toàn! đủ rồi!

**Toàn:** Đủ rồi! Đủ rồi! Lúc nào chị cũng nói "đủ rồi" để tránh trả lời các câu hỏi của Toàn. Chị hãy trả lời đi. Thằng Thuấn đã làm gì chị?

**Chi:** Thuấn? Thuấn còn có nghĩa lý gì nữa sao? Toàn hãy nói đi, nói đi! Toàn đã thấy đấy... Những thằng hải tặc hôi hám, thân thể đen mốc, xâm chạm chằng chịt đã vật chị xuống... Những bàn tay man rợ đã cào cấu khắp thân thể chị... Những tấm thân cuồng nộ của lũ súc vật đã đè nghiến thân xác chị... Những tiếng cười man dã đó... Những hò hét cuồng say đó... Toàn đã thấy, thấy từ đầu đến cuối phải không? Thế thì Toàn còn muốn chị nói gì về Thuấn nữa đây?

**Toàn:** *(Giận dữ) Thế chị có nhìn thấy những vết sẹo này không? Ai đã hy sinh vì Chi? Ai? Ai? Chi nói đi?*

**Chi:** Toàn! Em! Tội nghiệp em tôi *(Ôm Toàn vào lòng. Vừa nức nở vừa hôn lên từng vết sẹo trên mặt Toàn)*

**Toàn:** Chị! Chị hứa đi! Chị yêu Toàn mãi mãi. Chị không lấy ai khác ngoài Toàn. Chị hứa đi.

**Chi:** Chị hứa.

**Toàn:** CHI sẽ yêu Toàn mãi mãi nhé?

**Chi:** Với một điều kiện là Toàn phải gọi chị bằng chị.

**Toàn:** Sao không cho Toàn gọi bằng tên?

**Chi:** Chị yêu Toàn và muốn mãi mãi làm chị của Toàn. Toàn hiểu không?

**Toàn:** Toàn sẽ yêu chị suốt đời. Chị đừng bao giờ bỏ Toàn... Chị phải thuộc về Toàn mãi mãi... Phải gắn liền... Phải thắt chặt. *(Đột ngột)* Chị phải cho Toàn một đứa con.

**Chi:** Đừng! Đừng nghĩ đến chuyện ghê gớm đó, Toàn. Chị sợ lắm.

**Toàn:** Chị hãy cho Toàn một đứa con. Một đứa con khỏe mạnh. Một đứa con được sinh ra và lớn lên trong tự do với đầy đủ tình thương của bố và mẹ là Toàn và chị.

**Chi:** Không! Không thể được. Chúng ta không phải là vợ chồng. Chúng ta không thể là vợ chồng! Toàn hãy hiểu cho chị.

**Toàn:** Nhưng Toàn muốn! Toàn muốn một đứa con!

**Chi:** Thương giùm chị! Thương giùm chị, Toàn ơi!

**Toàn:** Thương giùm chị nhưng ai sẽ thương Toàn? *(Giận dữ nhặt dải khăn đen dưới đất. Ôm Chi rồi buộc thật chặt dải khăn quanh mắt Chi, siết mạnh)* Trong bóng tối, chị sẽ không còn phải thấy những điều luân lý cần đến suy nghĩ. Chị có nghe Toàn nói gì không?

**Chi:** Không! Chị không thể!

**Toàn:** Cho Toàn một đứa con.

**Chi:** Không!

**Toàn:** *Chụp một chai nước ngọt trên bàn, đập vỡ. Kê sát phần chai vỡ vào cổ Chi)* Chị phải cho Toàn một đứa con.

**Chi:** Chị không thể! *(Toàn cứa mạnh vào cổ Chi, Chi hét lớn).* Đừng, Toàn!

**Toàn:** Chị đâu có yêu Toàn.

**Chi:** Chị thương Toàn.

**Toàn:** Không đúng. Thương sao không muốn có con với Toàn?

**Chi:** Toàn, đừng ép chị! *(Toàn ấn mạnh cái chai vỡ vào cổ Chi. Chi hét to đau đớn và vùng thoát)* Mẹ ơi! Bố ơi! Sao con khổ thế này! *(Toàn chạy đuổi theo)* Toàn, tha cho chị. *(Chi chạy đến góc tường, vấp ngã. Toàn sấn tới, đè nghiến Chi)*

**Toàn:** Nói yêu Toàn! Nói muốn có con với Toàn! Nói! Nói! *(Chi vật vã. Toàn vẫn đè trên người Chi. Tiếng sấm nổ và chớp lóe liên hồi. Rồi đột nhiên bóng tối tràn ngập sân khấu. Tiếng nhạc nền từ máy truyền hình lớn dần)*

**Tiếng từ máy truyền hình**

Mais bon sang! Qu'est ce qui m'est arrivé? J'étais ancore chez moi hier! *(Ánh sáng từ từ tỏa trên sân khấu như từ ánh mặt trời buổi bình minh. Chỉ còn một mình Chi tơi tả)*

**Chi:** *(Uể oải ngồi dậy)* Chuyện gì đã xảy ra vậy? Hôm qua tôi vẫn còn đi dạo với Toàn ở bãi biển quê nhà kia mà?

**Màn**

*Sơ thảo xong ngày 21/9/1990*

# NHỮNG ĐOẠN THÊM VÀO ĐÃ LÀM HỎNG ÔNG ĐỒ

BÙI BẢO TRÚC

VŨ ĐÌNH LIÊN

## ÔNG ĐỒ

**Mỗi năm hoa đào nở**
**Lại thấy ông đồ già**
**Bày mực tàu giấy đỏ**
**Bên phố đông người qua.**

**Bao nhiêu người thuê viết**
**Tấm tắc ngợi khen tài**
**"Hoa tay thảo những nét**
**Như phượng múa rồng bay."**

**Nhưng mỗi năm mỗi vắng**
**Người thuê viết nay đâu?**
**Giấy đỏ buồn không thắm**
**Mực đọng trong nghiên sầu...**

**Ông đồ vẫn ngồi đấy**
**Qua đường không ai hay**
**Lá vàng rơi trên giấy**
**Ngoài trời mưa bụi bay.**

**Năm nay đào lại nở**
**Không thấy ông đồ xưa**
**Những người muôn năm cũ**
**Hồn ở đâu bây giờ?**

Tôi "gặp" ông đồ của Vũ Đình Liên lần đầu tiên năm 1952 trong một trang sách của cuốn tập đọc lớp nhì, cuốn tập đọc của các ông Nguyễn (?) Ngọc Trụ, Nguyễn Quí Bính và Hoàng Đình Tuất, do nhà xuất bản Văn Hồng Thịnh ở phố Hàng Bông xuất bản với những dòng chữ cẩn thận viết: "Tác giả và nhà xuất bản giữ bản quyền trên toàn cõi Đông Dương," ngoài bìa còn ghi giá kỹ bán ở Bắc Việt là 4 đồng, Trung và Nam Việt 5 đồng.

Trong bài thơ họ Vũ viết năm 1936, ông đồ, một biểu tượng của quá khứ, cái quá khứ của "cái học ngày nay đã hỏng rồi" như Trần Tế Xương than thở, buồn bã với cảnh "vứt bút lông đi, giắt bút chì" không còn nữa: "Năm nay đào lại nở / Không thấy ông Đồ xưa..."

Và những năm sau, thì cảnh ông đồ với giấy hồng điều, mực đen, bút đại tự càng ngày càng khó thấy. Đến cuối những năm 60, vào dịp tết, khắp Sài Gòn chỉ còn độ một hay hai cụ bày giấy bút ra viết giữa phố phường ngơ ngác, với số người đọc được các cụ và chính các cụ có thể cũng chỉ ngang nhau là nhiều. Một cụ, tôi nghĩ, có thể mấy chục năm trước cũng hay trốn học và học dốt như tôi, nên một người ít chữ Hán (như tôi) cũng thấy ngay được là chữ của cụ không đẹp lắm. Mấy chữ đại tự là cụ "vẽ" lại rồi tô bằng bút nhỏ thì đúng hơn. Nét bay bướm không thấy ở những sổ, những ngang, những chấm... Tiếng tấm tắc ngợi khen tài không còn thấy ở những người hiếu kỳ đứng xem. Tôi tội nghiệp cụ, năm nào ghé xem cụ viết, tôi cũng tặng cụ mấy chục mà không mang chữ nào của cụ về nhà...

Bài thơ của họ Vũ giữ mãi được chút hoài niệm ấy, chút hoài niệm ông khéo bắt được và ghi lại trong những câu 5 chữ luôn luôn gợi những bâng khuâng, những thương tiếc một qua khứ cổ kính êm đềm. Vũ Đình Liên chắc chắn phải làm nhiều bài thơ khác, nhưng ông được nhớ đến, thì vẫn lại là nhờ bài thơ Ông Đồ.

Tác giả đáng lẽ nên ngừng ở đó. Bài thơ 5 chữ ông viết năm 1936 đã đảm bảo một chỗ đứng rất tốt đẹp cho ông trong văn học Việt Nam. Bài thơ này cho thấy một điều, đó là sự nghiệp của một thi sĩ nhiều khi được làm nên, có thể chỉ cần một bài thơ. Chỉ một bài Ông Đồ, Vũ Đình Liên sống mãi trong lòng người Việt mỗi dịp tết. Đó là vinh dự ít người có được.

Trong một cố gắng mới, tái sáng tạo chính mình, Vũ Đình Liên đã làm hỏng vinh quang mà ông có được nhờ bài Ông Đồ.

Mùa xuân năm 1977, sau kỳ Đại Hội thứ 4 của đảng Cộng sản Việt Nam, Vũ Đình Liên lôi ông đồ ra, kéo cái vạt áo đã sờn tuy vẫn còn rất đẹp mà ông mặc trên người, và vá vào đó một miếng vải bố, thứ vải thô, cứng hoàn toàn không thích

hợp với chiếc áo thơ của ông đồ, Vũ Đình Liên nối thêm 3 đoạn 4 câu 5 chữ vào bài thơ làm nên danh tiếng của mình và gửi tặng báo xuân *Đoàn Kết* ở Paris như sau:

*"... Năm nay đào nở đỏ*
*Mừng Hội Đảng Hồi Đào*
*Bút ông đồ lại họa*
*Những nét chữ đẹp thắm*

*Nghiên bút xưa vẫn đợi*
*Từ ngàn năm bài thơ*
*Từ ngàn năm câu đối*
*Đảng sáng tác bây giờ*

*Nghệ sĩ với ông Đồ*
*Tình nước non vô tận*
*Như Đảng với Bác Hồ*
*Hương đất trời Cộng sản*

Và do đó, đúng 40 năm sau ông đồ đã chết, lại được lôi cổ dậy, một con mèo được cho leo qua người ông, cái xác ướp vì chưa được các chuyên viên Liên Xô dùng kỹ thuật ướp tẩm, đã biến thành một con quỉ nhập tràng kinh khủng ra mừng Đại Hội Đảng lần thứ 4. Nhà thơ vì áo cơm và những tấp tểnh phù du đã phải thêm những câu thơ ngớ ngẩn, cho Đảng biết làm thơ, làm câu đối và nghiên bút đợi cả ngàn năm nay mới có dịp viết xuống. Ông đồ quỉ nhập tràng không còn thảo được những chữ như "phượng múa, rồng bay" nữa. Ông là ông đồ giả hiệu không biết viết, ông chỉ biết "vẽ" chữ, một hình thức thất học nhất mà chỉ những kẻ không biết viết chữ Hán mới làm:

*"... Bút ông đồ lại họa*
*Những nét chữ đẹp. thắm..."*

Rõ là tầm bậy.

Những câu thơ nối vào cuối đã làm hỏng hết bài thơ viết năm 1936, và có lẽ nhiều người cũng thấy được điều đó, nên ngay cả những bài viết về Vũ Đình Liên ở trong nước sau khi ông qua đời mới đây, người ta cũng không thấy ai nhắc lại 3 đoạn mà họ Vũ viết tặng báo *Đoàn Kết* số Xuân năm 1977.

Ông đồ chỉ còn mãi với bài thơ cũ.

Đem Đảng vào cạnh ông đồ thì thành... đồ đảng, nghe đầy trò tặc cướp.

Đặt bác Hồ bên cạnh ông đồ thì là... hồ đồ. Nghĩa là chẳng ra làm sao cả.

Tiếc cho họ Vũ đã dại dột đưa hai cái chẳng ra gì vào để làm hỏng bài thơ rất hay của ông. ■


TOGETHER WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM

SAP-VN

A Helping Hand for Needy People in Vietnam

# Lá Lành Đùm Lá Rách

**SAP-VN** là một hội thiện nguyện hợp pháp (thành lập năm 1992) được hưởng qui chế miễn thuế của tiểu bang California và liên bang Hoa Kỳ theo điều luật 501(c)3 của IRS.

**Mục đích** — Trợ giúp về y tế, giáo dục và xã hội cho các trẻ em nghèo, khuyết tật, và đồng bào kém may mắn ở Việt Nam.

**Ngân quỹ hoạt động** — Do sự đóng góp tài chánh của mạnh thường quân và sự nỗ lực gây quỹ của hội.

Ngân khoản trợ giúp hằng năm trung bình khoảng $50.000 mỹ kim; dụng cụ và vật liệu y tế trị giá khoảng $100.000 - $500.000 mỗi năm.

**Bản tin Green Cross** phát hành miễn phí mỗi tam cá nguyệt để tường trình về hoạt động của SAP-VN ở Hoa Kỳ và Việt Nam.

## HOẠT ĐỘNG CỦA SAP-VN

- **Tài trợ hoạt động khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí.**
- **Bảo trợ chi phí phẫu thuật chỉnh hình, vá môi và hở hàm ếch cho trẻ em khuyết tật gia đình nghèo.**
- **Bảo trợ Quỹ Khuyến Học cho Giáo sinh Sư phạm ở các tỉnh.**
- **Chuyển tặng trang thiết bị, vật liệu y khoa cho các bệnh viện, đại học.**
- **Tài trợ Quỹ Ẩm Thực cho Trường Nuôi Dạy Trẻ Khuyết Tật Nhà Bè.**
- **Trợ giúp nạn nhân thiên tai, bão lụt (khi điều kiện ngân quỹ cho phép).**

***Mọi đóng góp ý kiến, công sức và tài chánh xin liên lạc về:***
**10608 Garden Grove Blvd., Garden Grove, California 92643**
**Phone & Fax (714) 537-4877**
***Giờ mở cửa văn phòng: Từ 10 giờ sáng - 5 giờ chiều mỗi Thứ Bảy.***

XIN CÙNG NHAU GÓP MỘT BÀN TAY NHÂN ÁI!

TOGETHER WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

# MỘT VẦNG CHÍNH KHÍ

Tên sách: Tuyển Tập HÀ SĨ PHU
Người viết: NGUYỄN XUÂN TỤ 4 E Bùi Thị Xuân, Đalạt, Việt Nam
Xuất bản: Tạp chí THẾ KỶ 21
và Phong Trào NHÂN QUYỀN CHO VN NĂM 2000
cùng thực hiện và phát hành.
Địa chỉ liên lạc: P.O. Box 4638, Garden Grove, CA 92642 - 4638. U.S.A.
Hoặc 11022 Acacia Pky #A, Garden Grove CA 92640, USA.
Số trang: 270 - Giá bán: $12.00, ngoài Hoa Kỳ $15.00 Mỹ kim

## Người giới thiệu: Như Phong LÊ VĂN TIẾN

Khi cờ đỏ dựng lên Nguyễn Xuân Tụ mới hơn năm tuổi. Một năm sau, chiến tranh Việt - Pháp nổ ra. Gia đình không tản cư ở lại bám ruộng, làng Đông Hồ thuộc huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh. Cách Hà Nội hơn 15 dặm đường chim bay, vùng này là cái nôi của văn minh Việt Nam từ các Vua HÙNG. Làng Đông Hồ nổi tiếng vì hai món: tranh mộc bản nhiều màu in trên giấy lụa gió có pha bột vỏ trai (gọi là giấy Điệp) và Gà Hồ, một giống gà rất lớn con, thiến nuôi để cúng Đình. Chiến tranh chấm dứt Nguyễn Xuân Tụ đã 14 tuổi, lên trung học vừa mở mắt nhìn đời được thấy ngay biến cố "long trời lở đất": Cải Cách Ruộng Đất (CCRĐ). Phân định thành phần giai cấp theo Luật CCRĐ, gia đình được quy là trung nông lớp dưới, nghĩa là nghèo, không bóc lột ai, được Đội Phát Động chiếu cố chia cho một mảnh ao nhỏ.

Vào ngưỡng cửa đại học Nguyễn Xuân Tụ được đọc *Đất Mới*, tuyển tập của sinh viên Hà Nội trong phong trào chung Nhân Văn - Giai Phẩm tranh đấu cho tự do và dân chủ. Và tiếp đó là chiến dịch của Đảng "đánh" Nhân Văn - Giai Phẩm, rồi "diệt" Xét Lại - Chống Đảng. Không rõ Nguyễn Xuân Tụ đi học ở Tiệp Khắc thời gian nào để trình luận án Phó Tiến sĩ ngành sinh học. Ông viết "...những năm 1960-70 tôi dạy học." Như vậy trong thập niên 70 ở Tiệp người nghiên cứu sinh này hẳn đã sống những năm quân đội Liên Xô chiếm đóng nước này, dập tắt Mùa Xuân Praha. Qua các Thầy và bạn, Nguyễn Xuân Tụ tất phải biết đến Hiến Chương 77 cùng những bản phản kháng của VONS (Ủy ban Bảo vệ Những Người Bị Đàn áp phi pháp). Thêm vào cái vốn khoa học tự nhiên Nguyễn Xuân Tụ đã tự học Anh-Pháp-Hán văn, triết, và những năm gần đây, tin học.

Tấm hình in ở bìa sau sách cho thấy một Hà Sĩ Phu khá phong lưu. Nét tinh anh lột được đôi phần nhưng vẻ phong lưu chỉ có trong hình chụp. Lương hưu trí non mỗi tháng của Phó Tiến sĩ Nguyễn Xuân Tụ đủ ăn ba tô phở ở Chợ Bolsa. Cửa hàng bán tạp hoá và quà vặt trong xóm của vợ ông có thu nhập khoảng dưới 15kg gạo/tháng. Theo tiêu chí của Học viện Chính trị Quốc gia HCM về "khái niệm nghèo thông qua V + m" thì mức thu nhập về kinh tế cỡ đó thuộc hạng "nghèo tuyệt đối." Không may và may, gia đình này không có con.

Từ ngày 5 tháng Mười Hai 1995, Hà sĩ Phu nằm trong nhà giam. Vợ ông dẹp cửa hàng ra Hà Nội lo cho chồng. Tin cho biết những ngày gần Tết Nguyên Đán bà Hà Sĩ Phu lưng vốn còn chừng dăm trăm ngàn đồng (khoảng 50 đôla Mỹ) đang lo tìm nơi ở trọ.

Những người ngưỡng mộ Hà Sĩ Phu ở Âu châu và Bắc Mỹ đang vận động lấy chữ ký để lập một Ủy ban Bảo vệ Hà Sĩ Phu cùng những người không cùng chính kiến với Đảng Cộng sản đang bị đàn áp phi pháp ở trong nước.

Tuyển Tập Hà Sĩ Phu chọn in ba bài nghị luận nổi tiếng:

- Dắt Tay Nhau Đi Dưới Những Tấm Biển Chỉ Đường Của Trí Tuệ, 20 trang, viết xong ngày 2 tháng Chín 1988;
- Đôi Điều Suy Nghĩ Của Một Công Dân, 68 trang, viết xong tháng Năm 1993;
- Chia Tay Ý Thức Hệ, 103 trang, viết xong ngày 19 tháng Tám 1995.

Phần Phụ Lục có bài Biện Chứng và Nguỵ Biện Trong Công Cuộc Đổi Mới (1989); Thư gửi Tiến sĩ Phan Đình Diệu (1994); hai cuộc đối thoại được ghi âm và truyền thanh: Hà Sĩ Phu trả lời Phỏng vấn của Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (VOA) ngày 29 tháng Bảy 1995 thực hiện tại Đalạt, và Hà Sĩ Phu trả lời Phỏng vấn của Đài VNCR (Nam California) ngày 28 tháng Mười Một 1995 qua dây nói viễn liên; bài của nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự viết về Hà Sĩ Phu cuối tháng Mười Hai 1995 sau khi ông này bị bắt; sau cùng còn có một số bài thơ và câu đối của nhà suy tưởng hào hoa phong nhã này từ 1984. (Thời điểm ghi dưới mỗi bài của Hà Sĩ Phu đều là những ngày lễ lớn của nhà cầm quyền trong nước).

Trong bài nghị luận đầu mà Hà Sĩ Phu công bố, ông dùng những hiểu biết của một nhà khoa học tự nhiên để đi tìm "nguồn gốc những rắc rối"

trong hệ thống xã hội và chính trị nó đã đưa Việt Nam đến tình trạng nghèo khổ cùng cực vào năm 1988. Nguồn gốc đó chính là chủ nghĩa Mác với công cụ là giai cấp đấu tranh. Nền chuyên chính vô sản, nguyên tắc tập trung với chủ nghĩa duy lợi cực đoan, cái nọ đẩy cái kia tới đối lập với nhân loại, với nhân quyền và mâu thuẫn với phát triển. Thực tế xã hội cho thấy là quyền lực bị chiếm hữu bởi một đám người ngu dốt, nói dối, ngụy trang. Đám người này đã làm ngược hoàn toàn với lý tưởng mà họ cao rao trước kia là thủ tiêu chiếm hữu bóc lột, đưa xã hội tới phát triển, dân chủ, tự do, v.v... Hà Sĩ Phu lập một Sơ Đồ trình bày "quan hệ nhân quả giữa các hiện tượng tiêu cực trong xã hội." Nếu một nhà bình luận ở Liên Xô thời *glasnost* đã đề nghị cách sửa chữa là tất cả các đoạn trên con dấu toán học cần phải đổi ngược lại, thì ở Việt Nam Hà Sĩ Phu chủ trương phải quay ngược hết những tấm biển đang chỉ đường cho xã hội để mọi người "dắt tay nhau đi dưới những tấm biển chỉ đường của Trí Tuệ." Cuối bài, ông ghi ngày viết xong: 02 tháng Chín 1988. Mười lăm tháng sau, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã, những tấm biển chỉ đường cho các xã hội đó được dân chúng quay ngược lại.

Phải hai năm sau khi Liên Xô sụp đổ, sự "sụp đổ sạch sành sanh, không thể cứu vãn, có tính triệt để, cội nguồn và toàn cục," Hà Sĩ Phu mới công bố tiếp những điều ông suy nghĩ. Bài sau dài gấp ba lần bài trước. Muốn tìm lối thoát khỏi bế tắc ông phân tích con người và xã hội, quy luật tiến hoá của nhân loại, và điều mà ông gọi là tính cách Việt Nam. Viết bài này, Hà Sĩ Phu nhấn mạnh: "chính từ mặc cảm tội lỗi, tội lỗi của cá nhân, của thế hệ, của giống nòi, mặc cảm bị lưu manh hoá." Ở Việt Nam "lưu manh đã lên ngôi chính thống," ông đặt vấn đề với người đọc: "Những thế hệ con cháu sau này sẽ hiểu chúng ta là những người thế nào, khi chúng thấy chúng ta đã chung sống với cái phi lý, với cái lưu manh một cách hòa thuận đến thế? Nhưng lưu manh đâu chỉ là cái nằm bên ngoài mình? Nó đang nằm trong cả những người cầm bút dấn thân nhất."

Sau khi nói lên được mặc cảm tội lỗi của chính mình, Hà Sĩ Phu nói thẳng với Đảng Cộng Sản Việt Nam những suy tư khẳng định: đã là một thực thể xã hội có giá trị lịch sử tự thân, đảng hãy từ bỏ một ý thức hệ độc tôn ngoại lai không còn thích hợp với đất nước và thời đại, trở về với cộng đồng dân tộc.

Hai năm sau, chẳng những đảng không sửa sai mà còn lún sâu thêm, bám chặt hơn cái "ngôi chính thống," Hà Sĩ Phu công bố bài thứ ba ở cả trong và ngoài nước nhờ Văn minh Tin học: Chia Tay Ý Thức Hệ. Đã nói đến ý thức hệ trước hết phải nói đến triết học Mác-Lê. Việc phân tích Mác-Lê của Hà Sĩ Phu không nhằm mục đích "đánh đổ" nó, bởi vì "trên nhận thức toàn nhân loại thì nó đổ rồi." Ông chỉ lấy việc phân tích Mác-Lê cũng như phân tích Khổng-Mạnh làm điểm tựa để trình bày những tư duy mới. Để tránh dài dòng, ông xin phép người đọc dùng cách viết hỏi và đáp. Tự đặt câu hỏi để trả lời, ông đưa người đọc đi từ phương pháp luận Mác-xít sang phạm trù vật chất và ý thức, đến tính duy tâm và siêu hình của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Phân tích chính trị Mác-Lê, Hà Sĩ Phu chỉ rõ đó là biến tướng của phong kiến và ông đã trở lại với việc đối chiếu nó với Khổng-Mạnh, điều mà ông chưa nói được nhiều trong bài trước. Đứng trên cơ sở triết học nhân văn cổ điển và nhân văn mới để bàn về Đức trị và Pháp trị, ông điểm qua những biến thể của hai phương pháp tổ chức và điều hành xã hội và đưa ra nhận định rằng chính trị Mác-Lê thuộc hệ Đức trị nhưng thực chất chỉ là tư tưởng phong kiến phục hưng đã bị vượt qua, và thứ đạo đức mà nó nói chính là đạo đức giả. Minh chứng cho quan điểm của mình về bản chất phong kiến của "nền đức trị Mác-xít" trong thực tiễn Việt Nam, Hà Sĩ Phu dẫn ra hai người chứng bằng xương bằng thịt là Chủ Tịch Hồ Chí Minh và Thủ Tướng Phạm Văn Đồng. Ông đã dành sáu trang (tr. 142-147) để tuyên dương "đức và tài" của hai nhà lãnh đạo nền "đức trị chuyên chính vô sản" này.

Bàn về điều mà nhà cầm quyền gọi là "tư tưởng Hồ Chí Minh," Hà Sĩ Phu tỏ rõ là một nhà tư tưởng công bằng và chính trực. Là người Việt Nam sống và lớn lên trong lòng chế độ chuyên chính vô sản, ông viết: "Cụ Hồ thuộc những nhà Nho yêu nước lớn, là một người Việt Nam điển hình của thế kỷ 20. Song, điều đáng tiếc là sự nghiệp Hồ Chí Minh đã không đi tiếp vào con đường Dân tộc hòa bình sáng lạn. Mặt tiêu cực là đã du nhập vào đất nước mình một mô hình xã hội chủ nghĩa không tưởng, đặt căn bản trên một ý thức hệ phong kiến tân thời, một thiên đường trại lính Mao-ít, nên nước Việt Nam độc lập đã không bắt kịp trào lưu canh tân của thế giới mà trở thành nạn nhân bi đát nhất của cuộc chiến hai phe của các nước lớn..."

Trong năm trang kế, (tr. 148-151) Hà Sĩ Phu viết rõ thêm những điều ông nghĩ về Hồ Chí Minh, nhà chính trị tài ba nhưng không phải là một nhà tư tưởng: "Cụ Hồ mang nhiều tính truyền thống Việt Nam điển hình, trong đó có truyền thống thực dụng, không có tư tưởng, không chính thống, không coi trọng lý luận (chỉ dùng lý luận khi ngụy biện). Cứ chắp vá mỗi thứ một tí, vay mượn Khổng-Mạnh, Mác-Lê, Thích Ca, Giê-Su, Tôn Dật Tiên... đủ cả, miễn sao đạt tới mục đích..." (tr. 150). Chấm dứt phần này ông viết: "Thế hệ hôm nay chọn con đường nào là việc của thế hệ hôm nay. Không thể lấy sự lựa chọn của Bác Hồ để cấm sự lựa chọn của thế hệ hôm nay." Hà Sĩ Phu nói thẳng với những lãnh tụ đang phát động Chiến dịch tư tưởng HCM rằng: - Uy tín hôm nay thì hôm nay tự mình phải tạo ra, nếu không ắt người ta bảo mình là kẻ "ăn mày dĩ vãng" (*Ăn Mày Dĩ Vãng* là tựa đề một truyện dài của Chu Lai, được hai giải thưởng văn học năm 1993, bán rất chạy trong mấy năm qua, in lại nhiều lần.)

Dưới tiêu đề "Tính văn hóa thấp của trào lưu cộng sản," Hà Sĩ Phu bàn đến những đòi hỏi nóng bỏng của thời đại: Văn hóa và Quyền Con Người. Sau khi nhận định rằng nền văn hóa vô sản đã thiếu văn hóa ngay từ gốc, ông điểm qua tình hình văn học gọi là cách mạng trong cái xã hội mà nền văn hóa đó tạo ra. Trong xã hội quái đản ấy bật ra bút pháp Nguyễn Huy Thiệp: "Cái khốn nạn, lưu manh hết chỗ nói mà cứ bình thường như không, thương nó cũng dở, giết nó không nỡ, không lần được cái đầu mối khốn nạn nó nằm ở đâu. Làm điều đồi bại mà cứ như vô tình... Cái Thiện, cái Mỹ thì mong manh như mây khói..." Rồi đến Thơ Bút Tre "chính xác và thông minh, đa nghĩa lại núp dưới cái vỏ ngô nghê đơn nghĩa, để nhại chính cái thứ văn học công nông đại chúng tùy tiện giáo điều. Cười bò ra, rồi chảy nước mắt... vì đau trong ruột."

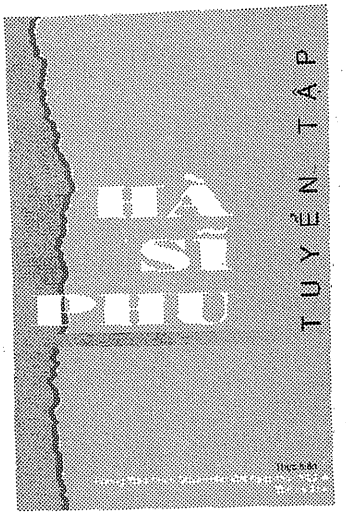


Sang phần chót của cuộc Chia Tay, Hà Sĩ Phu không nói với đảng nữa mà nói với mọi người Việt Nam. Ông mong mỗi người tự nhận ra mình, toàn xã hội nhận ra mình trong thời đại mới để hội nhập với nhân loại giữa lúc kỷ nguyên Văn Minh Tin Học bắt đầu. Ở đoạn này ông có nhắc đến hai triệu người Việt Nam ở hải ngoại: "Lịch sử hình thành cộng đồng người Việt ở hải ngoại là một quá trình sàng lọc, khiến nó có ưu điểm mà không một quốc gia nào tự nhiên có được" (tr. 191). Nhưng tiếp đó ông nhấn mạnh: "Việc đánh giá đúng vai trò rất cao của các nước tiên tiến và của Việt kiều không được làm mờ đi cái nguyên lý biện chứng: cái bên trong là quyết định, cái bên ngoài chỉ có tác dụng thông qua cái bên trong."

Phân tích những trở ngại, một lần nữa ông nhấn mạnh sự cần thiết phải vượt qua ngụy biện, từ ngụy biện của đảng đến những kiểu ngụy biện để tự bào chữa của mỗi giới, của mỗi người. Có kiểu ngụy biện rất phổ thông hiện nay mà ông gọi là "ngụy biện Chí Phèo," sau khi phân tích ông nhận định: "Phải lên án không thương tiếc cái ngụy biện vừa tuyệt vọng vừa dã thú này."

Hà Sĩ Phu phân tích một kiểu ngụy biện khác, có lẽ là của không ít người trong giới trí thức muốn tỏ ra cao ngạo nhưng thật ra chỉ để lẩn tránh thực tế xã hội. Đối chiếu với giới này, ông kể tên nhiều nhân vật đã bị đảng coi là đối lập với chế độ, thậm chí "vu cáo là phản động." Và ông đưa ra lời thách đố: "Liệu có thể cứ tiếp tục vu cáo như thế với các ông Lê Giản, Nguyễn Trung Thành, Ngô Thức, Trần Độ, La Văn Lâm, Nguyễn Văn Đào... mà danh sách họ cứ càng ngày càng dài thêm, những người cộng sản mà đảng chưa kịp khai trừ đã được nhân dân giang tay ra đón?"

Trước khi kết luận, Hà Sĩ Phu đưa lời trung cáo: Triều đại phong kiến cuối cùng cần có sự thoái vị. Cái bình phong dùng làm nơi ẩn núp cửa những yếu tố tiêu cực đang kìm hãm sự tiến bộ xã hội cần phải dẹp đi để cuộc tranh đấu được bày ra công khai và hòa bình. Đây là cuộc đấu tranh nội bộ của dân tộc, không phải chuyện "địch-ta." Nhưng ông nhận định rằng việc này không đơn giản, bởi vì chế độ này đang còn có một bộ máy chuyên chế khổng lồ. Ông nghĩ một cách rất độ lượng rằng bộ máy chuyên chế này "có mặt ưu và mặt nhược rất đặc trưng," đã gây lỗi lầm nhưng có lúc cũng lập công lao. Hà Sĩ Phu viết rõ chủ trương của ông: "Lỗi lầm cũ còn được tha thứ thì công lao cũ sao lại cần phải phủ định? Không một xáo động nào được phép xảy ra. Xã hội vẫn hòa bình mà đi lên..." Ông cũng nhìn rõ tình trạng ổn định hiện nay là ổn định giả, mâu thuẫn không được khơi thông, cứ tích lũy sẽ sinh bạo loạn.

Nhưng cuối cùng Hà Sĩ Phu vẫn lạc quan: "Bởi nghĩ rằng chỉ có con đường trao đổi thẳng thắn, xây dựng, cởi mở và rộng rãi, thật rộng rãi và dân chủ, mới tạo được sự đồng thuận thực sự để đổi mới đất nước một cách hòa bình và trong sáng."

Người làm ăn bình thường, chân chất có thể nghĩ rằng con đường trí tuệ là cao siêu lắm, khó đi vào mà cũng chẳng có gì vui; rằng triết học, chính trị học với đủ thứ chủ nghĩa rắc rối lắm, làm sao có thể hiểu. Nhưng cùng với Hà Sĩ Phu "dắt tay nhau" đi vào sẽ thấy nhẹ nhàng thích thú. Bởi vì những câu chuyện mà ông khơi ra chính là những suy nghĩ vốn có trong đầu mỗi người nhưng ít có dịp trao đổi với ai. Ông không dùng những chữ thông thái, không nghị luận đao to búa lớn mà dùng phương pháp của khoa học chính xác. Chủ nghĩa Mác-Lê cũng như cấu trúc xã hội thời phong kiến cũ và thời đại mới, nền cai trị chuyên chính mang nhãn hiệu đức trị và dân chủ pháp trị... tất cả đều được cắt lát để phân tích. Người đọc thấy như đang xem tận mắt những tế bào bị ung thư hủy hoại trên lát cắt mà nhà khoa học định bệnh xẻ ra từ mẫu ung bướu với những lời chỉ dẫn nhiều khi rất dí dỏm mà đầy ý nghĩa.

Thực tiễn Việt Nam được phơi ra, bấy nhầy đến bi thảm nhưng theo Hà Sĩ Phu không phải là hết thuốc chữa. Rất khiêm tốn, ông viết: "Tôi đã liều lĩnh vượt qua cái trở ngại quá lớn là trình độ thô thiển của mình mà giãi bày chút nhận thức nông cạn, cũng chỉ cốt để được thu nhận sự chỉ bảo của bạn đọc kính mến."

Vậy xin trân trọng giới thiệu nhà tư tưởng rất đáng yêu này cùng tuyển tập súc tích châu ngọc vô giá.■

*Rằm tháng Giêng Bính Tý*

# NGUYỄN ĐÌNH TOÀN VÀ "ĐỒNG CỎ"

Ông bà Nguyễn Đình Toàn, Saigon 1995
*Ảnh Phan Lạc Tiếp*

Như thường lệ, khi đến dự buổi ra mắt cuốn Đồng Cỏ của Nguyễn Đình Toàn tổ chức vào chiều thứ Bảy, 9 tháng Ba 1996 tại phòng Sinh Hoạt của nhật báo Người Việt (Westminster, California), mọi người có ý tìm xem tác giả ở đâu. Nhưng tác giả Đồng Cỏ không có mặt tại đó, ông đang ở tại Việt Nam. Cuốn Đồng Cỏ do nhà xuất bản Đồng Dao ở Úc ấn hành, và đây là lần đầu tiên ra mắt tại Nam Cali.

Nhiều văn hữu và bạn hữu của tác giả đã phát biểu trong buổi ra mắt này. Nguyễn Xuân Hoàng đã nói rằng:

"... Gần như không một buổi sáng nào chúng tôi không gặp nhau ở quán Cái Chùa (La Pagode) này trước khi đến sở. Nguyễn Đình Toàn làm ở đài phát thanh, Đặng Phùng Quân dạy ở Văn Khoa, Huỳnh Phan Anh bên Nguyễn Trãi, Nguyễn Nhật Duật ở Quận Tám, tôi ở tạp chí *Văn*.

"... Điểm đặc biệt mà người đọc có thể tìm thấy trong tiểu thuyết Nguyễn Đình Toàn, đó là hầu hết nhân vật chính của ông đều là phụ nữ. Cuốn Đồng Cỏ, tác phẩm sau cùng của ông viết vào những ngày chót của cuộc chiến tranh Việt Nam là một ví dụ."

Nữ ca sĩ Quỳnh Giao phân tích tác phẩm:

"Cuốn tiểu thuyết viết về một người con gái đôi mươi, làm việc trong một đài phát thanh của một xứ triền miên chiến tranh, và như một cánh chim run rẩy trước không gian bạt ngàn sẽ bay tới, cô ta chuẩn bị đi du học tại một quốc gia văn minh thanh bình. Phụng, nhân vật trong truyện, sẽ rời gia đình thân yêu, rời đài phát thanh và các bạn, rời Việt Nam binh lửa và đói rách như một đồng cỏ khô, để được bay bổng ra một cõi ngoài tươi thắm hơn. Nỗi bâng khuâng của người con gái, sự tần ngần xót xa của con người đa cảm trước một đổi thay lớn của đời mình với biết bao ràng buộc thắm thiết với đồng cỏ để lại phía sau, đã được hòa nhập trong một mối tình đầu đời với một đồng nghiệp trong đài, một nhân vật mang nhiều vóc dáng của chính tác giả. Cuốn truyện viết về những ngày cuối đó của Phụng."

Từ Washington D.C. Bùi Bảo Trúc gửi về bài "Nguyễn Đình Toàn ở La Pagode" mà Lê Đình Điểu "đọc hộ" tại buổi ra mắt sách. Trích một đoạn:

"Nhưng cái tiếng nói ấy, khi bay bổng trên những làn sóng phát thanh của đài Sài Gòn trong chương trình nhạc chủ đề mà ông phụ trách vào một tối trong tuần thì không có gì có thể lấn lướt được nó. Cái lối nói rỉ rả, như rót vào tai, đầy cầu khẩn, đầy thiết tha, đầy tình cảm như len qua những khe cửa, đến tận những cái đầu giường, vào ngồi cạnh chiếc ghế bắc trên ban công nhìn ra bầu trời khuya của những đêm Việt Nam. (...)

"Nguyễn Đình Toàn đã đến với nguyên một thế hệ ở Việt Nam bằng cả chữ viết lẫn lời nói. Từ Dọc Đường, Chị Em Hải đến Áo Mơ Phai ở trong nước, rồi bây giờ, Đồng Cỏ ở Úc, ở Hoa Kỳ, Nguyễn Đình Toàn là một sự thủy chung, một người bạn thân tình bằng thứ văn xuôi căng ứa chất thơ của ông. Với thính giả của những năm 60, 70, ông là một tiếng nói vỗ về, những lời tỏ tình, những

Quỳnh Giao nhớ về những ngày ở Đài phát thanh Saigon, cùng với Nguyễn Đình Toàn...

Bạn bè và người yêu văn Nguyễn Đình Toàn dự buổi ra mắt "Đồng Cỏ," tại Phòng Sinh Hoạt Ngươoi Việt. Ngồi hàng đầu có gia đình chị ruột nhà văn họ Nguyễn, vợ chồng nhà văn Phan Lạc Tiếp và Nguyễn Đình Tri, con trai Nguyễn Đình Toàn. (*Ảnh Lý Kiến Trúc*)

biểu lộ ông nói giúp, gửi đến những buổi tối phập phồng đầy lo âu của không khí chiến tranh lúc nào cũng ăm ắp chung quanh."

Và đây là Lê Đại Lãng, từ Úc:

"... Ngay từ những bước đầu tiên đi vào Đồng Cỏ, bỗng nghẹn ngào vì chạm một (và những) cuộc ra đi.

"Ra đi! Cái ý nghĩa của sự ra đi, và những bước chân sắp sửa rời đất nước của nhân vật Phụng ám ảnh và tiên báo nhiều số phần, nhiều số phần trong những ngày cuối khi cả nước sắp thay tên. Phụng có ý nghĩ như thế này: *'Tôi muốn sống cái cảm giác lẻ loi của một kẻ bơ vơ nơi đất lạ quê người, một ngày nào đó, xách va ly từ trên phi cơ bước xuống cái phi trường rộng lớn, tấp nập hay vắng vẻ nào, như một kẻ bị đày biệt tích, sống một lượt sự lẻ loi như một tình cảm lãng mạn và nỗi lẻ loi sợ hãi mang theo từ quê hương.'* (tr.2).

"Nguyễn Đình Toàn viết những dòng này vào năm 1974. Chưa ai nghĩ đến những chuyến ra đi cuồn cuộn. Ta còn xa lạ với 'lưu đày,' ta còn xa lạ với 'nỗi lẻ loi sợ hãi mang theo từ quê hương.'"

Nguyễn Đình Toàn sinh năm 1936 tại Hà Nội. Ông di cư vào Nam năm 1964 và bắt đầu viết văn từ đó. Ông đã in khoảng 30 tác phẩm, gồm tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch, và thơ. Ngoài viết văn, ông còn làm chương trình phát thanh. Ông được ái mộ nồng nhiệt qua các chương trình "Nhạc Chủ Đề" trên đài phát thanh Saigon, với phong cách giới thiệu nhạc một cách chải chuốt, thấm sâu vào lòng người nghe.

Tiểu thuyết "Đồng Cỏ" được viết và đăng hàng ngày trên nhật báo *Chính Luận* trong hai năm 1973 và 1974, chưa in thành sách lần nào. Do một độc giả cắt giữ được bản in trên báo và gửi cho cơ sở Đồng Dao, cuốn "Đồng Cỏ" lần đầu tiên ra mắt bạn đọc hải ngoại.

Trong buổi ra mắt sách, con trai nhà văn Nguyễn Đình Toàn, là anh Nguyễn Đình Tri hiện ngụ tại Long Beach, đã thay mặt "bố Toàn" cảm ơn nhà xuất bản và các văn nghệ sĩ ở hải ngoại giúp cho tác phẩm "Đồng Cỏ" có mặt trong dòng văn học Việt Nam hôm nay.

Các nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình và ca nhạc sĩ, như Nguyễn Xuân Hoàng, Thảo Trường, Quỳnh Giao, Hà Linh Bảo, Trọng Nghĩa, Mộng Lan và Phan Lạc Tiếp đã lên diễn đàn nói về nhà văn và tác phẩm, hoặc trình bày các bài hát, bài thơ của Nguyễn Đình Toàn.


*Tìm đọc*

**LUẬN CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

(trong và ngoài nước)
của VŨ KÝ
Do Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Việt Nam
Bruxelles (Vương quốc Bỉ) xuất bản 1995

- Tập hợp các luận thuyết mới về nguồn gốc dân tộc và văn hóa Việt Nam
- Luận về nền văn hóa cổ truyền - về *nền mạo hóa mác-xít* và thực trạng xã hội Việt Nam hiện tại - về nền văn hóa Việt Nam lưu vong

Liên lạc:
- TTVHXHVN, 56 rue Vautier, 1040 Bruxelles, Belgique.
Tel: 02/649.81.27
- Cô Vũ Tường Vân, 1237 Culpepper Dr. San Jose, CA 95121, USA.
Phone và Fax: (408) 286-2569

Sách gồm hai tập. Giá mỗi tập US$13.00
(chưa kể cước phí)

# Vòng chân trời văn học nghệ thuật

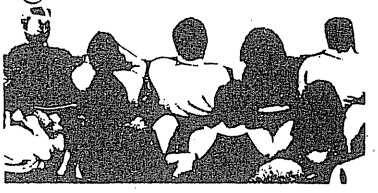

LÊ TAM CA

LOS ANGELES

## Hội Âm Nhạc tặng Việt Hùng huy chương vàng

Trong một chương trình trình diễn nhạc dân tộc, tại thính đường Shenshi Temple, Los Angeles, ngày 25 tháng Hai, nghệ sĩ lão thành Việt Hùng đã được trao tặng huy chương vàng Nghệ Thuật Sân Khấu của Hội Quốc Tế Nghiên Cứu Âm Nhạc Việt Nam.

Nghệ sĩ Việt Hùng hiện sống tại Nam Cali, đã dấn thân vào ngành sân khấu cải lương từ thuở nhỏ, vào thập niên 1940, ở Việt Nam, và còn mang tiếng hát truyền cảm và nghệ thuật diễn xuất sang Hoa Kỳ trình diễn cũng như giúp đào tạo nhiều lớp nghệ sĩ mới.

Trong bản tuyên dương, có nhữngn câu vinh danh nhà nghệ sĩ 70 tuổi như sau: "Bằng một tình yêu lớn đối với sân khấu cải lương và nguồn trí tuệ không ngừng tuôn chảy của mình, ông đã phát huy và bảo vệ sân khấuy cải lương; (...) đã nhiệt tâm đào tạo một tầng lkớp trẻ tại Hoa Kỳ nay đã trở thành nghệ sĩ tên tuổi trong các chương trình truyền hình, băng video, và trên sân khấu."

Buổi tối cùng ngày, một buổi tiệc mừng để khoản đãi nghệ sĩ Việt Hùng và một số thân hữu, do giáo sư Nguyễn Thuyết Phong tổ chức, đã diễn ra ở nhà hàng Kim Sư, vùng Little Saigon. Ông Đỗ Ngọc Yến đã thay mặt các thân hữu và văn nghệ sĩ có mặt chúc mừng lão nghệ sĩ Việt Hùng.

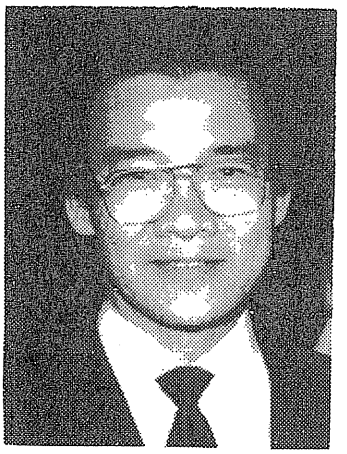

BS Haing S. Ngor (*Ảnh Lê Phúc*)

## Tài tử người Kampuchia Haing S. Ngor bị giết

Bác sĩ Haing S. Ngor, người đã đóng vai ký giả Diph Pran trong phim "*The Killing Fields*" và được trao giải Oscar nhờ vai trò này, vừa bị sát hại ngay trước cửa nhà ông ở Los Angeles.

Haing Ngor vốn là một bác sĩ y khoa đang hành nghề và suấng hạnh phúc với vợ con ở thủ đô Phnom Penh thì Khmer Đỏ tràn đến, mở ra một "trường sát đấu" giết hại hàng triệu người dân lành. Gia đình ông bị thảm sát trong thời kỳ này, Haing Ngor may mắn trốn thoát được và sang Mỹ. Ông làm cán sự xã hội cho một cơ sở từ thiện ở Los Angeles trước khi tình cờ được mời đóng phim.

Từ khi được giải Oscar, Haing Ngor trở thành nổi tiếng và thành công trong việc làm ăn buôn bán. Tuy nhiên, theo lời bác sĩ Seang Son, một người bạn cùng làm ở cơ quan từ thiện với ông, thì Haing Ngor dùng tiền kiếm được để giúp dân tị nạn, và gần đây giúp các nhà thương và trường học ở Kampuchia.

Nữ tài tử Kiều Chinh, khi trả lời một cuộc phỏng vấn của đài VNCR về Haing Ngor, cũng nói rằng ông bác sĩ - tài tử điện ảnh này là một người đáng mến, một "người tử tế." Kiều Chinh, cũng như tất cả những người quen biết ông, cho đến nay, vẫn không hiểu tại sao ông bị giết bằng súng ngay trước cửa nhà vào ngày 25 tháng Hai vừa qua.

QUẬN CAM

## Kịch Lôi Vũ diễn lần 2 cũng thành công

Chiều Chủ Nhật mùng 3 tháng Ba, tại hí viện Don Wash, thị xã Garden Grove, kịch đoàn Việt Nam trình diễn lần thứ hai vở "Lôi Vũ," được coi là thành công, cả về nghệ thuật lẫn tài chánh.

Với hơn 1,000 ghế rất ít ghế trống, mở màn trễ nửa tiếng, chương trình kéo dài từ 3 giờ chiếu tới 7 giờ 30 tối mới mãn. Riêng vở kịch bốn màn hai cảnh đã chiếm 3 tiếng đồng hồ. Phần phụ diễn ca nhạc mở đầu của nữ ca sĩ Thanh Hà tuy hay và được tán thưởng, nhưng cũng làm cho chương trình dài quá sức chịu đựng của một số người, nhất là những người lớn tuổi.

Cảnh trí đơn sơ, nhưng âm thanh và ánh sáng tốt, cộng với tài diễn xuất của các diễn viên nhà nghề và tài tử, vở "Lôi Vũ" của Tào Ngu do Hoàng Xuyên dịch, và Nguyễn Minh Phương nhuận sắc và đạo diễn, đã lôi cuốn khán giả suốt từ đầu đến cuối. Các vai nữ do Túy Hồng (vai Mai Kim Bình), Ái Vân (vai Lỗ Tứ Phượng) và Thanh Lan (vai Phồn Y) đóng đã làm đổ nước mắt của nhiều khán giả. Phồn Y đúng ra phải bị khán giả ghét vì tính lăng loàn và những thủ đoạn tàn độc, nhưng Thanh Lan đã làm người ta thương nhiều hơn.

Anh Dũng hợp với vai Chu Xung, ngây thơ, nhưng chưa lột tả được mối tình si. Joseph Hiếu có nhân dáng rất thích hợp với vai Chu Bình nhưng "hiền" quá. Phải "dân chơi" thêm một chút, "đĩ" hơn một chút — có lẽ Thanh Lan không "vào vai" nên không kích thích được Joseph Hiếu chăng? Lâm Hùng, Ngọc Phu làm tròn vai của mình.

Riêng Xuân Phát, coi như thành công lớn vì ông vốn là kịch sĩ hài hước, nay đóng bi kịch rất vững. Tuy nhiên, ông ít động tác mạnh, và giọng nói chưa lột được cái "uy" cũng như cái "ác" của vai Chu Phát Viên.

Vào tháng Mười Một năm qua, kịch đoàn Việt Nam đã diễn "Lôi Vũ" lần đầu ở rạp Ebell, thành phố Santa Ana. Trong tháng Ba, kịch đoàn còn diễn một buổi nữa ở San Jose. Đạo diễn Nguyễn Minh Phương cho biết, trong năm 1996 có thể kịch đoàn sẽ diễn vở "Yêu" do ông phỏng theo tiểu thuyết cùng tên của Chu Tử.

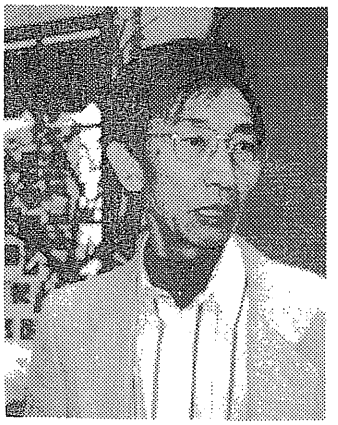

Đạo diễn Nguyễn Minh Phương (*Ảnh Lê Tam Ca*)

## Tạp chí Đối Thoại đóng cửa

Nhà báo Hoàng Sử Mai vừa gửi một thư chung cho thân hữu và độc giả, thông báo việc tờ tạp chí *Đối Thoại* do ông cùng một số văn hữu chủ trương, phải đóng cửa, vì "thiếu hụt tài chánh và khủng hoảng nhân sự."

Tạp chí *Đối Thoại* nguyên là một tờ báo chuyên về tư tưởng và chính trị, chấp nhận đăng tải những bài vở thuộc nhiều quan điểm khác nhau, kể cả của những người cộng sản Việt Nam.

Bức thư cũng cho biết ban chủ trương của tạp chí sẵn sàng hoàn lại tiền đặt mua báo dài hạn của các độc giả chưa hết hạn. Nhiều tờ báo đóng cửa thường "âm thầm" và quên việc này.

## Ra mắt sách "A Thousand Tears Falling"

Đài Phát Thanh VOV bảo trợ cuộc ra mắt sách cho một tác giả Mỹ gốc Việt — bà Trần Mỹ Dung, với tên Mỹ là Yung Krall — và sách viết bằng tiếng Anh, "A Thousand Tears [Are] Falling" (Ngàn Giọt Lệ Rơi), vào lúc 12 giờ trưa, thứ Bảy mùng 9 tháng Ba, tại thị xã Garden Grove.

Tác giả Trần Mỹ Dung là con gái của cựu đại sứ cộng sản Việt Nam tại Liên Xô. Nhưng bà sống ở miền Nam Việt Nam, có chồng là một phi công Mỹ, và đã từng là nhân viên tình báo CIA.

Cuốn sách kể lại chuyện đời của tác giả và gia đình, một chuyện cho thấy chính trị, ý thức hệ và chiến tranh đã phá nát một hay hầu hết gia đình Việt Nam như thế nào.

Một người điểm sách viết trên tờ *San Francisco Examiner & Chronicle* so sánh "Ngàn Giọt Lệ Rơi" của Trần Mỹ Dung với "Tiểu Thuyết Vô Đề" của Dương Thu Hương, cho thấy đó là những khía cạnh khác nhau của cuộc chiến được đưa ra thế giới. Nhưng có lẽ phải kể thêm Lệ Lý Hayslip, với quan điểm từ phía người miền Nam Việt Nam đi theo cộng sản nữa.

## Dàn nhạc Hòa Tấu Thiếu Niên Việt Nam trình diễn

Chiều thứ Bảy mùng 10 tháng Ba 1996, tại nhà thờ Westminster, thị xã Westminster, Dàn nhạc Hòa Tấu Thiếu Niên Việt Nam (*The Vietnamese-American Youth Chamber Orchestra*), dưới sự dìu dắt và bảo trợ của Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ (*Vietnamese-American Philharmonic*), đã trình tấu lần thứ ba, sau hơn hai năm thành lập.

Hiện đã có 35 em tham gia dàn nhạc, sử dụng nhiều nhạc khí khác nhau từ dương cầm, vĩ cầm, trung hồ cầm, đến sáo, kèn, trống, v.v...

Điều đáng ghi nhận trong buổi hòa nhạc này là sự tổ chức chu đáo, có sự phối hợp nhịp nhàng giữa ban Giảng huấn, ban Điều hành, hội Phụ huynh và chính các em nhạc sĩ thiếu niên. Không khí tuy thân mật nhưng nghiêm túc. Các em tuy còn nhỏ nhưng tác phong chuyên nghiệp, có phong thái nghệ sĩ và tinh thần kỷ luật cao.

Các nhạc sĩ Nguyễn Mỹ Lệ, Vũ Duy Hiển, Vũ Tôn Bình, Ngyễn Khánh Hồng, đã cùng nhiều nhạc sĩ và phụ huynh khác, bỏ rất nhiều thì giờ và tâm huyết hướng dẫn các em, để các em "không những có tài năng trong việc trình diễn ấm nhạc mà còn biết thưởng thức và tôn trọng cái đẹp, cái thiện." (*Theo Kim Hà*)

## Triển lãm của họa sĩ Rừng

Trong hai ngày cuối tuần, thứ Bảy 16 và Chủ Nhật 17 tháng Ba 1996, họa sĩ Rừng triển lãm phiên bản các họa phẩm của ông, tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt.

Cuộc triển lãm có chủ đề "Phiêu Du Mộng Tưởng Ánh Sáng và Bóng Tối," do nhóm thân hữu của họa sĩ Rừng tổ chức, là cuộc bày tranh đầu tiên của Rừng tại Quận Cam từ ngày ông đến Mỹ (1995).

## Đêm Thái Thanh với ba thế hệ

Thái Thanh "Đêm ba thế hệ." (*Ảnh Lý Kiến Trúc*)

Tối thứ Sáu 15 tháng Ba, tại vũ trường Ritz, nữ ca sĩ Thái Thanh hát với các con và cháu ngoại, đã chinh phục cảm tình của hơn 600 khán thính giả, trong đó chắc hẳn có những người đã nghe cô từ nửa thế kỷ qua.

Khi ở tuổi đôi mươi, Thái Thanh đã là "cái đinh" của ban hợp ca Thăng Long — một ban hợp ca gia đình gồm bốn anh chị em ruột là Hoài Trung, Hoài Bắc, Thái Hằng và Thái Thanh.

Hai con gái của Thái Thanh là Ý Lan và Quỳnh Hương đã xuất hiện bên cạnh mẹ, với phong cách nhí nhảnh, tự nhiên, xứng đáng là "truyền nhân" của người nữ ca sĩ có tiếng hát "vượt thời gian và không gian."

Mai Linh, 17 tuổi, con gái của Ý Lan, tức cháu ngoại của Thái Thanh, xuất hiện nh một con chim non, nhưng đã có những nét của một người nắm vững nghệ thuật trình diễn.

Đặc biệt, đêm Thái Thanh được kết thúc với bài *Tình Hoài Hương* của Phạm Duy, Thái Thanh đã hát cùng với hai con gái, con rể Tuấn Cường, con trai Lê Đại (phải ngồi xe lăn, nhưng có giọng hát trầm ấm), Duy Quang (cháu gọi Thái Thanh bằng dì), và cháu ngoại Mai Linh. (Theo PV/NV)

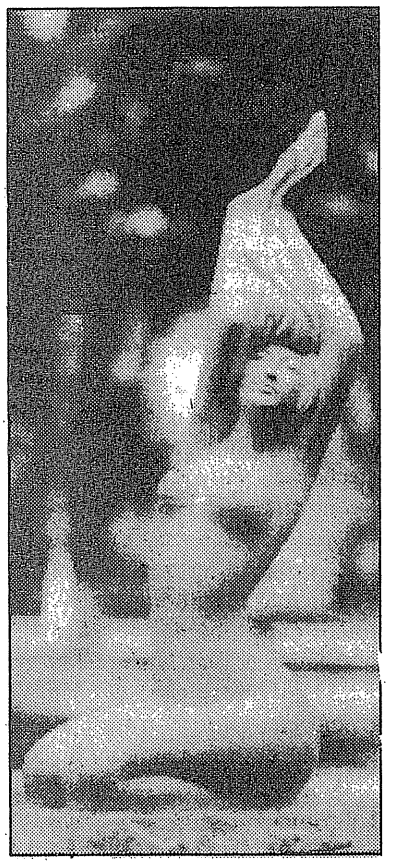

Tượng *Xuân Thì* của Trần Văn Lên

## Lời rao... mất tượng!

Điêu khắc gia Trần Văn Lên, đã từng được giới thiệu trên *Thế Kỷ 21*, vừa cho biết, một tác phẩm của ông, tượng "Xuân thì," cho Hội Chợ Tết Cộng Đồng mượn để triển lãm trong hai ngày Hội chợ, đã bị "thất lạc."

Tượng "Xuân thì" bằng đá mài bóng, cao 3'5", đã triển lãm một lần tại trụ sở Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, trị giá $25,000.00, bị mất trong khoảng từ 8 giờ đến 10 giờ tối, ngày 25 tháng Hai 1996, tại khu vực Hội Chợ, thuộc công viên Garden Grove Park.

Ai phát hiện được bức tượng nói trên ở đâu xin liên lạc với Ban Tổ chức Hội chợ Cộng Đồng Nam California (714) 775-6820.

BẮC CALI

## Đinh Cường bày tranh và nói chuyện về hội họa

Tối thứ Bảy mùng 9 tháng Ba, tại tư thất của luật sư Nguyễn Hữu Liêm, những người yêu thích nghệ thuật tạo hình đã tham dự một cuộc triển lãm bỏ túi và cuộc nói chuyện thân mật của họa sĩ Đinh Cường đến từ Virginia.

Đinh Cường, một thành viên của Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam ở Saigon trước 1975, đã định cư ở miền Đông Hoa Kỳ từ năm 1989, và vẫn tiếp tục vẽ đều đặn. Đây là lần đầu tiên ông đến sinh hoạt với giới thưởng ngoạn nghệ thuật vùng Thung Lũng Hoa Vàng (tức San Jose, San Francisco). (*Theo NV*)

WASHINGTON DC

## Nhà báo Chử Bá Anh từ trần

Nhà báo Chử Bá Anh, giám đốc hãng tin CBA News, chủ bút nguyệt san *Phụ Nữ Diễn Đàn*, từ trần ngày 12 tháng Ba 1996, tại thành phố Burke, tiểu bang Virginia, hưởng thọ 63 tuổi.

Ông Chử Bá Anh nguyên là giáo sư trung học tại Dalat. Từ ngày định cư ở Mỹ, ông làm báo. Ông cung cấp tin tức cho hàng trăm tờ báo Việt ngữ ở khắp nơi trên thế giới. Ông cũng là người theo dõi và sưu tầm được hầu hết các báo Việt ngữ hải ngoại suốt từ 1975 đến nay.

Hồi tháng Hai 1996 (như đã đăng tin trên TK 21 số 83),

Hai nhà báo Chử Bá Anh và Đỗ Ngọc Yến, trước thư viện đại học UCI, 2-1996. (*Ảnh Lê Tam Ca*)

ông đến thăm Văn Khố Đông Nam Á thuộc Viện Đại học UCI. Ông có ý định tặng Văn Khố của đại học này một số tài liệu mà ông thu thập được để các sinh viên và các nhà nghiên cứu sử dụng chung.

Ông mất đi để lại vợ là nhà thơ Vi Khuê, và bốn người con đã trưởng thành. Song thân của ông là hai cụ Chử Ngọc Liễn vẫn còn tại thế.

Ông Chử Bá Anh cũng để lại một khoảng trống trong làng báo Việt ngữ hải ngoại, với tư cách một nguồn cung cấp cũng như một trạm chuyển tiếp các tin tức liên quan tới người Việt ở khắp nơi trên thế giới.

PHÁP

## Marguerite Duras, tác giả "Người Tình," từ trần

Nữ văn sĩ Marguerite Duras, một *enfant terrible* (đứa con phá phách) của nền văn chương Pháp, và là người đã dùng chính cuộc đời của mình làm nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm tiểu thuyết cũng như phim ảnh, đã tạ thế tại nhà riêng ở Paris hôm mùng 3 tháng Ba 1996, thọ 81 tuổi.

Bà đã được trao giải Goncourt năm 1984, với cuốn "Người Tình" (*L'Amant*), sau 41 năm viết văn. Tác phẩm đầu tiên của bà là "Những Kẻ Thô Lỗ" (*Les Impudents*) đã được chú ý ngay khi vừa xuất bản. Nhiều tiểu thuyết của bà đã được dựng thành phim — trong đó nhiều cuốn do chính bà đạo diễn hoặc sản xuất.

Cuốn "Người Tình," gần như tự truyện, kể lại mối tình của một cô gái Pháp nhà nghèo yêu một thanh niên Việt gốc Tàu, với bối cảnh là Sa đéc, Saigon và Chợ Lớn, với nhiều đoạn ái ân mùi mẩn, đã được dịch ra 13 thứ tiếng trước khi được giải Goncourt. Ngay sau đó, truyện đã được quay thành phim.

Marguerite Duras, là bút hiệu của Marguerite Donnadieu, sinh ngày 4 tháng Tư 1914, tại Gia Định, Việt Nam. Thân phụ bà là một giáo sư toán, mất năm bà mới lên bốn. Bà theo mẹ sang Miên sinh sống, nhưng gia sản bị một trận lụt cuốn trôi, cả nhà lại về Việt Nam.

Những nỗi đau đớn trong thời gian ấy được bà ghi lại trong tác phẩm nổi tiếng "Con Đập Ngăn Thái Bình Dương" (*Un Barrage Contre le Pacifique*) viết năm 1950.

Năm 18 tuổi bà sang Paris học luật, toán và chính trị, sau đó làm công chức trong sáu năm, và bắt đầu viết từ năm 1942.

Bà để lại 30 cuốn sách và 15 bộ phim. Các nhà phê bình văn học đã xếp các tác phẩm của bà vào loại "những tiểu thuyết mới" dù bà chưa bao giờ chấp nhận danh hiệu đó.

PHÁP

## Giáo sư Hoàng Xuân Hãn qua đời

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn qua đời sáng Chủ Nhật mùng 10 tháng Ba 1996, tại Paris, thọ 88 tuổi.

Là chứng nhân (và cũng là tác nhân) gần một thế kỷ lịch sử và văn hóa Việt, Giáo Sư Hoàng Xuân Hãn là một học giả mà giới nghiên cứu Việt học coi như bậc thầy chung, một bộ óc bách khoa Việt Nam.

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn (Ảnh *Nguyễn Xuân Hoàng*)

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn sinh ngày 8 tháng Ba 1908, tại làng Nguyên Hồ, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Thuở nhỏ, ông học chữ Hán với cha là cụ Hoàng Xuân Úc, tối học tiếng Pháp ở Vinh, sau đó là Lycée Albert Sarraut, Hà Nội, rồi du học Pháp.

Ông về nước năm 1934, nhưng ít lâu sau lại sang Pháp học thêm về Toán. Đậu Thạc sĩ, ông trở về Việt Nam dạy học. Năm 1945, ông tham gia chính phủ Trần Trọng Kim trong chức vụ Bộ trưởng Giáo dục.

Ngay khi còn học ở trường Bách Khoa (Ecole Polytechnique) ở Pháp, ông đã soạn cuốn từ điển "Danh Từ Khoa Học" — cuốn này vẫn còn được dùng hiện nay.

Ông nghiên cứu và viết nhiều sách về lịch sử và văn học, trong đó công trình đồ sộ nhất là bộ sách về truyện Kiều của Nguyễn Du (chưa xuất bản). (*Theo Nguyễn Nam Anh*)

VIỆT NAM

## "Làng Nghệ Thuật Việt Nam" với Trịnh Cung và Điềm Phùng Thị

Công ty Du lịch Saigon Tourist đang chuẩn bị xây dựng "Làng Nghệ Thuật Việt Nam" ở Bình Quới (bắc Saigon), theo mẫu của họa sĩ Trịnh Cung và điêu khắc gia Điềm Phùng Thị.

Họa sĩ Trịnh Cung từng là thành viên Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam ở Saigon trước 1975. Hiện ông vẫn ở Saigon, tiếp tục vẽ và viết phê bình hội họa.

Điêu khắc gia Điềm Phùng Thị sống lâu năm ở Pháp, gần đây về nước cư ngụ tại thành phố Huế.

"Làng Nghệ Thuật" sẽ là nơi các nghệ sĩ tới trình bày tác phẩm, hội họp, sáng tác và nghỉ ngơi. Đó cũng là địa điểm để tiếp đón các nghệ sĩ từ nước ngoài đến Việt Nam sinh hoạt, đồng thời cũng sẽ là một thị trường nghệ thuật cho Việt Nam đối với quốc tế. (*Theo NV*)■

# SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI
LÊ TAM CA

## Không Biên Giới

hồi ký của **Thanh Sung**, Thanh Văn xuất bản, 324 trang, giá US$15.00, ngoài Hoa Kỳ thêm $3.00. Liên lạc về phát hành: Văn Nghệ, P.O. Box 2310, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Viết hồi ký là để kể chuyện đời mình, thường không có mục đích làm văn chương. Khi viết phải "nhớ lại" là chủ yếu, chứ cố gắng chính không phải nằm trong việc tưởng tượng, hư cấu, xây dựng nên câu chuyện. Nhưng kể chuyện của mình cũng phải có tài kể mới làm cho người đọc bị lôi cuốn, nhất là chuyện ấy được viết thành sách cho mọi người đọc. Lúc bấy giờ dù là kể việc riêng, nó đã đứng vào hàng ngũ văn chương và bị chi phối bởi những quy luật của viết lách.

Câu chuyện đời của tác giả *Không Biên Giới* không phải thuộc loại ly kỳ hiếm có kích thích sự hiếu kỳ của người đọc.

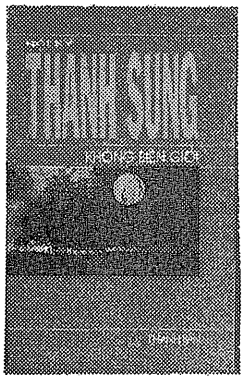


Đó là chuyện một người con gái rất bình thường của xứ Huế, lớn lên học Sư phạm Qui Nhơn vào những năm cuối thập niên 60, đi dạy học, yêu đương, rồi lấy chồng, theo chồng về Mỹ. Nhưng những chương của cuộc đời bình thường được kể theo thứ tự thời gian ấy lại có một quyến rũ riêng, nhờ sự chân thành và tính chất rất Huế của nó. Khác với những câu hò Huế thường rất buồn, lối kể chuyện của người Huế, nhất là con gái Huế, lại vui và dí dỏm một cách thẳng thắn, có thể ngay trong khi kể những chuyện không vui. Đó là một cái duyên riêng. Các chi tiết của chuyện kể trong *Không Biên Giới* thoạt có vẻ "nhớ đâu nói đấy," không chọn lựa kỹ, nhưng đó chính là điều làm nên cái đặc sắc của cuốn sách này, đó là máu thịt, sức sống của suốt một đời con gái. Cô ta nhìn gia đình, bạn hữu, nhiệm sở, biến cố trong tâm hồn mình và trong xã hội... như thế nào thì kể lại thế ấy, tách ra từng sự việc lắm khi thấy tẻ nhạt, nhưng tổng hợp lại thì hơn ba trăm trang sách ấy là một cái gì đáng kể, về phương diện viết văn cũng như tài liệu sống của một thời.

Một điểm nhỏ đề nghị sửa chữa khi tái bản: đầu sách ở trang đề tặng, tác giả viết: *Để tưởng nhớ nhạc mẫu, bà Edythe Fleming...*, ở đây tác giả muốn nói đến bà mẹ chồng của mình. Nhưng chữ *nhạc mẫu* chỉ có nghĩa là *mẹ vợ*.

## Cụm Hoa Tình Yêu II

tuyển tập thơ do Hội Nhà Thơ Tài Tử Việt Nam xuất bản 1996, 319 trang, giá US$15.00, tại Canada US$17.00, các châu khác $19.00. Liên lạc: Lê Quang Sinh, 1515 V Street, #5, Sacramento, CA 95818, USA. Tel: (916) 446-0448.

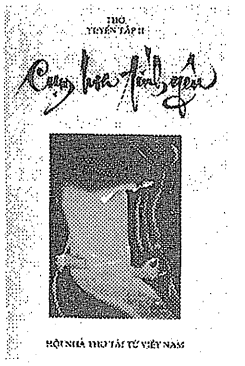


*Cụm Hoa Tình Yêu I* đã ra đời vào mùa xuân năm Ất Hợi 1995 và đã được độc giả hoan nghênh đón nhận. Mùa xuân năm nay, 1996, *Cụm Hoa Tình Yêu II* lại tiếp tục đến với bạn đọc yêu thơ, với sự góp mặt của 45 tác giả từ Hoa Kỳ, Pháp, Na Uy, Úc, Canada và Việt Nam:

*Bích Xuân, Ánh Việt, Thanh Tương, Nguyễn Lý Tưởng, Vũ Thành, Đông Vi, Lê Quang Tiềm, Hàn Trúc, Nguyên Phương, Cao Phước, Từ Phong, Việt Phong, Hoàng Thanh, Nguyễn Phúc Sông Hương, Lưu Trần Nguyễn, Phạm Ngọc, Sương Mai, Song Nhị, Đăng Nguyên, Nguyễn Phan Nhật Nam, Thúc Hoài N.T.S., Hà Ly Mạc, Tràm Cà Mau, Thái Lâm, Trọng Khanh, Hoa Thu, Vũ Đức Tô Châu, Huỳnh Mai Hoa, Song Linh, Huỳnh Mỹ Khê, Nguyễn Thanh Huy, Hồng Khôi, Lâm Thùy Giang, Ngọc An, Lê Sỹ Đông, Phạm Nhã Dự, Nguyễn Văn Cường, Xuân Chính, Hoàng Xuyên Anh, Dương Đức Bửu, Kim Bảo, Hà Linh Bảo, Như Hoa, Song Châu Diễm Ngọc Nhân, Vân Đình.*

Kể ra người làm thơ Việt Nam nào cũng là tài tử chứ chẳng ai "chuyên nghiệp," nhưng việc lập một "hội thơ tài tử" là một sáng kiến hay vì nhờ đó thơ của những người yêu thích sáng tác thơ ca dễ có điều kiện xuất hiện, và khi xuất hiện dễ được chú ý hơn. Tuyển tập nhiều tác giả có cái lợi là người đọc, chỉ trong một cuốn sách, được thưởng thức nhiều dáng vẻ của nhiều tài năng khác nhau. Lời nhận xét của nhà văn Trần Quán Niệm đối với *Cụm Hoa Tình Yêu I* sau đây cũng đúng với tuyển

tập lần này: *Lời thơ khi khí phách ngang tàng, khi mượt mà diễm lệ, mỗi nhà thơ là một hơi thở cá biệt. Đây chính là điểm son của tuyển tập, vì cùng một lúc khách yêu thơ thưởng thức được những nét đa dạng, đáng yêu không thấy hiện diện ở trong một tập thơ của một tác giả.*"

## Ky Tô Giáo Dưới Mắt Một Phật Tử

sách tôn giáo của **Đại Sư Buddhadàsa**; **Nguyễn Văn Tùng** và **Nguyễn Bá Tùng** chuyển sang Việt ngữ từ bản Pháp ngữ *Ur Bouddhiste Dit le Christianisme aux Bouddhistes* của L.M. Edmond Pezet, Định Hướng Tùng Thư xuất bản 1996, 218 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Định Hướng Tùng Thư, 2 B rue de la Bruche, 67116 Reichstett, France. Tel: 88 20 58 22.

Buddhadàsa sinh năm 1906 tại Thái Lan, là một tu sĩ Phật giáo nổi tiếng không riêng tại Thái Lan mà còn vượt khỏi biên giới của nước này. Đại sư là tác giả một số tác phẩm quan trọng về Phật giáo bằng tiếng Thái được dịch ra Anh ngữ, và những buổi thuyết pháp của ngài thực sự gây được nhiều ảnh hưởng trong quần chúng. Tác phẩm *Ky Tô Giáo Dưới Mắt Một Phật Tử* là lời thuyết pháp của ngài trong một số buổi giảng năm 1979, được đệ tử của ngài thu băng và viết lại.

Có thể coi đây là một cố gắng hiểu Kitô giáo bằng giáo lý Phật giáo, qua 12 bài giảng với 12 đề tài khác nhau, nhưng tất cả đều dựa trên *Dharma*, Chân Lý Độc Nhất và Tuyệt Đối, Tiên Khởi và Tối Hậu. Theo Đại Sư Buddhadàsa *chúng ta vẫn luôn có thể nhận thức được điều gì đó về Chân lý Tối hậu của* Dharma *ở bất kỳ đâu và trong bất cứ điều gì; như thế chúng ta sẽ cảm thấy đủ năng lực chấp nhận và hiểu ra rằng* Dharma *Tối hậu cũng hiện diện một cách nào đó trong các tôn giáo khác với tôn giáo của chúng ta.*

Vì tìm thấy được mẫu số chung đó, Buddhadàsa đã dẫn dắt người đọc đi vào các huyền nhiệm của tôn giáo độc thần là Kitô giáo bằng tâm thức khai mở của Phật giáo mà ngài gọi là loại tôn giáo minh triết. Giải thích cái kia bằng ánh sáng của cái này và ngược lại có thể nói là những khám phá vô cùng thú vị, sẽ đem lại hiểu biết và lợi ích rất lớn cho tín đồ của cả hai tôn giáo (hoặc có thể người theo tôn giáo khác; hoặc không theo tôn giáo nào), giúp họ không những hiểu tôn giáo bạn hơn mà còn hiểu sâu sắc tôn giáo của mình với một ánh sáng mới của nhân loại.

Những cuốn sách như cuốn này sẽ cho chúng ta thấy rằng cái gọi là "thánh chiến" chỉ là một trình độ nhận thức còn thấp về tôn giáo của con người. Vả chăng nhu cầu tìm hiểu các tôn giáo khác không phải chỉ là một nhu cầu có tính thời sự của ngày hôm nay, nó đã nằm trong minh triết của con người từ xa xưa, như lời chiếu của vua A Dục ở Ấn Độ thế kỷ thứ ba trước công nguyên: *"Người ta không nên tôn vinh duy tôn giáo của mình và kết án tôn giáo của kẻ khác, nhưng trái lại người ta nên tôn vinh tôn giáo của kẻ khác vì nhiều lý do. Khi hành động như thế người ta giúp cho chính tôn giáo của mình lớn mạnh lên, và đồng thời cũng phục vụ tôn giáo của kẻ khác. Bằng hành động ngược lại, người ta đào huyệt chôn tôn giáo của chính mình, và đồng thời cũng làm hại tôn giáo của kẻ khác. (...) Ước gì mọi người lắng nghe và ước muốn lắng nghe giáo thuyết của các tôn giáo khác."*

Hai dịch giả Nguyễn Văn Tùng và Nguyễn Bá Tùng đã thực hiện một bản dịch rất tốt, đã vượt qua được sự khác biệt ngôn ngữ của hai hệ thống tín ngưỡng khác nhau, để đem lại một sự thông hiểu chung, bằng một văn mạch sáng sủa khúc chiết không phải lúc nào cũng có được khi nói về những vấn đề triết lý trừu tượng.

## Việt Nam Văn Học Sử

biên khảo của **Đỗ Văn Gia**, Văn Gia xuất bản, 762 trang, giá US$28.00. Liên lạc: Nxb Văn Gia, 10451 Bolsa Ave. #207, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 531-1341.

Cố soạn giả Đỗ Văn Gia, đến Mỹ năm 1975, nguyên là giảng viên văn học và ngôn ngữ Việt Nam tại đại học Cornell, Hoa Kỳ, từ năm 1982 đến năm 1990. Ông sinh năm 1946, năm 1954 vào Nam định cư tại Sài Gòn. Từ 1968 tới 1971 ông dạy các trường Trung học ở Việt Nam. Năm 1971 ông trình luận án Cao học Triết học Đông phương, và sau đó dạy tại Viện Đại học Hòa Hảo, từ năm 1974 ông làm Khoa trưởng Đại học Văn Khoa tại đây.

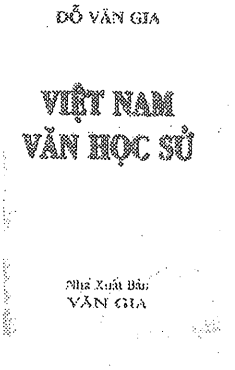


Ông qua đời năm 1992, giữa lúc có nhiều nghiên cứu về văn học và ngôn ngữ Việt Nam chưa hoàn tất. Thủa sinh thời cố giáo sư Đỗ Văn Gia đã có ý định in những bài giảng của ông thành sách, và nay thân nhân và bạn bè ông thực hiện ý muốn đó, với tập sách mới được đặt tên là Văn Học Sử Việt Nam này.

Sách gồm ba phần chính: Văn học dân gian, Văn học cổ điển và Văn học hiện đại. Mỗi phần có bài giảng giải của soạn giả về đặc tính của loại văn học ấy, sau đó là giới thiệu tác giả và trích văn thơ. Các bài giảng thường ngắn và cô đọng, chỉ phác họa vài nét chính. Phần trích văn thơ đem lại một số ích lợi về tài liệu, nhất là những tài liệu lâu nay ít xuất hiện trong các sách nghiên cứu văn học,

ví dụ bản dịch một số truyện trong Truyền Kỳ Mạn Lục của Nguyễn Dữ, hay bài báo được xem như "tuyên ngôn về Thơ Mới" của Phan Khôi đăng trên Phụ Nữ Tân Văn năm 1932 cùng lúc giới thiệu bài Tình Già của ông v.v...

Sách cũng không quên nhắc đến một số tác giả và tác phẩm ở miền Bắc trước 1975, nhưng đó toàn là những người đã thành danh từ trước 1945, và những tác phẩm của họ sau 1945 chỉ được trích hoặc được nhắc tới một cách sơ sài.

Văn học sử Việt Nam là một kho tàng to lớn, nhiều người đã và đang đào xới, nghiên cứu. Công trình của Đỗ Văn Gia góp một phần trong việc tìm tòi nghiên cứu đó.

## Chàng

thơ của **Bích Xuân**, Nhóm Viễn Phương xuất bản tại Paris 1996, 112 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Bích Xuân, 1 Allée Camélinat 94800 Villejuif, France. Hoặc: Nhóm Viễn Phương, 2 Avenue de la Convention, 77184 Emerainville, France.

Tập thơ in đẹp, công phu, có nhiều phụ bản của của Vũ Thái Hòa, Từ Duy, Vũ Hối, Lê Tài Điển, có nhạc (phổ thơ) của Mạnh Bích, có tựa của Hồ Trường An, bạt của Trà Lũ và Diên Nghị, có trích cảm tưởng của Duyên Anh, Từ Nguyên, Nguyễn Hữu Nhật, Diên Nghị.

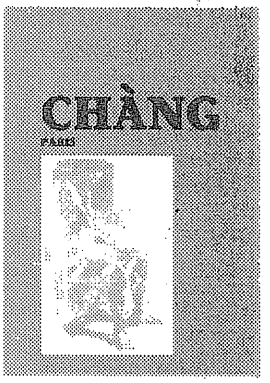


Thơ của một nhà thơ nữ mà mang tên *Chàng* thì chắc chắn là thơ tình yêu. Tác giả cũng không dấu: *Thông điệp của "Chàng" trên trang giấy như mong manh như đa tình như diễm ảo, như mây trắng bay bay trên cành lá.* Người viết tựa cũng nhận xét rằng *tình yêu đã khơi dậy ở tác giả một nguồn cảm hứng bao la và phồn thịnh. Cho nên dưới ngòi bút cô, thơ tình yêu cứ cuồn cuộn tuôn ra tuôn ra lớp lớp hàng hàng làm cho thế giới thi ca của cô lung linh một vẻ đẹp mơ màng và huyền ảo.*

Đọc thơ Bích Xuân người ta thấy đây là người đau khổ với tình yêu, nhưng đã tinh kết đau khổ thành thơ. Có lẽ đó là niềm "hạnh phúc khổ đau" (hoặc "khổ đau hạnh phúc") của thi nhân vậy.

## Trong Chu Kỳ Chuyển Động

tham-luận chính trị của **Nguyễn Hữu Hoạt**, tác giả xuất bản 1995, 281 trang, giá US$18.00. Liên lạc: P.O. Box 892166 Okc, Ok 73189-2166. Tel: (405) 692-0515.

Trước khi đi vào phần phân tích chính trị, tác giả đã để ra mấy chương để nói về một số vấn đề triết học, như "Văn hóa trong Duy thức luận," "Sự lưu đày trong tư tưởng," "Vũ trụ vô hình nhưng hữu thể" v.v... phần nhiều khó hiểu, người đọc nhiều khi như lạc lối, có lẽ là do cách trình bày, diễn đạt. Qua các chương ấy, chúng ta thấy tác giả chú trọng đến tôn giáo trong đời sống con người, vì ông quan niệm rằng *tôn giáo là phần hồn, là trái tim, còn chính trị là não bộ, là trí tuệ.*

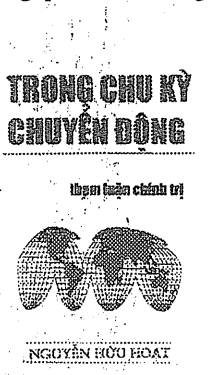


Phần "não bộ" của cuốn sách, tức là phần chính trị, ta thấy tác giả điểm qua một số vấn đề của thế giới, như "Hiện tượng dầu hỏa trong vùng Đông Nam Á," "Á châu trong gọng kềm tư bản," "Nhật Bản trước vòng cung dân chủ," "Hoa Kỳ trước cơn xoáy lãnh đạo," "Ai Cập: phục hồi hay ủy nhiệm" v.v... đồng thời cũng có những chương tham luận về một số vấn đề có tính chất lý thuyết như "Tiến trình dân chủ hóa," "Nguyên tắc căn bản trong chiều hướng phát triển" v.v...

Đây không phải là một cuốn sách đưa ra một chủ thuyết nhất quán về chính trị, mà là một tập hợp của nhiều đề tài của môn khoa học nhân văn nói chung. Có lẽ tác giả muốn gửi gắm trong tất cả những nắm bắt phức tạp đó lòng hoài vọng của mình — về tâm linh, về đời sống, về chính trị... — nhưng người đọc khó lãnh hội điều ấy vì tính chất phân tán của các đề tài và cả của cách trình bày.

## Viết Từ Phương Đông

thơ của **Mai Vi Phúc**, Imn xuất bản, 120 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Edition Imn, Sachsenweg 13 - 53119 Bonn, Germany. Tel: 0228/697351.

Mai Vi Phúc là một cây bút rất hoạt động từ trước 1975, đặc biệt trong hai ngành dịch thuật và biên khảo. Năm 1979, ông vượt biên đến Đức, và sau đó lại tiếp tục viết văn, làm báo. Và làm thơ. Tập thơ "Viết Từ Phương Đông" của ông được nhà xuất bản Imn ấn hành; đây là nhà xuất bản do ông sáng lập tại Đức, chăm lo các tác phẩm văn học Việt Nam.

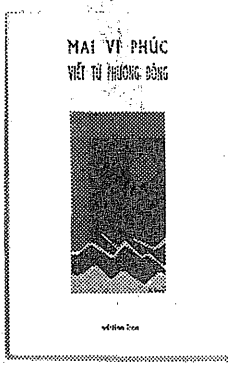


Tập thơ chia làm ba phần: Nghìn Xưa Nghìn Sau, Thời Gió Bụi, và Tình Thu. Thơ ông lời và ý đẹp, nhuốm màu cổ điển. Hình như đã lâu chúng ta không thấy trong thơ những từ ngữ như *chinh phụ, chinh phu, lỏng tay cương, vó câu, kiếm báu, sa trường, da ngựa, công hãn mã...* để chỉ một "thời gió bụi" (cái thời mà từ ngữ bây giờ gọi

là "chiến tranh"); về mùa thu cũng thế, ta lại gặp những âm hưởng rất xưa: *nỗi hàn, thiên thu, trúc ty, trăng thề, thu hoàng hoa*... Thơ ông mang nhiều âm điệu xưa, hình ảnh cũ, dễ đưa người đọc về tâm trạng hoài cảm mang mang. Nhưng ông tránh được lối mòn, cái cổ điển của ông vẫn gợi được những rung động mới, đó là điều khẳng định cái độc đáo của thơ ông.

## Long Vân Tự Cửa Thiền Dậy Sóng

sách tài liệu của **Bửu Sao**, tác giả tự xuất bản 1996, 180 trang, giá US$7.00. Liên lạc: Bửu Sao, P.O. Box 680797, Orlando, FL 32868-0797, USA. Hoặc: Bửu Sao 26 rue Henri Turot, 75019 Paris, France.

Nhan đề nghe như sách kiếm hiệp! Sự thật không phải. Tuy vậy cửa chùa Long Vân quả thật đã dậy sóng: đã ba lần vị trụ trì phải sử dụng điện thoại 911 gọi cảnh sát Mỹ đến đuổi Phật tử ra khỏi chùa, thấy lại cho dựng bảng yết: *"private property no trespassing"* cấm Phật tử vào chùa, đưa đến chuyện "Phật tử phải kiện chùa," kết quả thầy thua kiện phải rời cửa thiền...

Chuyện có thật. Ngôi chùa ấy ở thành phố Orlando, Florida. Mọi sóng gió chỉ mới tạm yên vào năm 1995 vừa qua. Tác giả Bửu Sao đã nhìn ở đây *là một bài học vô giá cho tất cả mọi Hội Chùa trên Thế giới, đồng thời cũng là một bài học vô giá cho mỗi một người trong toàn khối cộng đồng Việt Nam hải ngoại* nên đã ra công sưu tầm tất cả tài liệu liên quan đến nội vụ để trình bày cho chúng ta trong cuốn sách mang tên giống như một cuốn kiếm hiệp này.

## L'Immigration Asiatique: économie communautaire et stratégies professionnelles

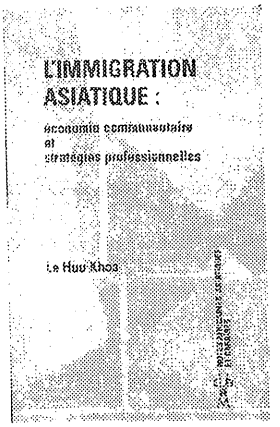


Biên khảo của **Lê Hữu Khóa**, C.H.E.A.M. xuất bản, Paris, 1996. Dày 192 trang, giá 110FF (khoảng 22 mỹ kim). Liên lạc: 29-31 quai Voltaire, 75340 Paris Cedex 07, France.

Lê Hữu Khóa, giảng viên đại học Nice-Sophia Antipolis, đồng thời Giám đốc Nhóm Nghiên cứu Định cư Đông Nam Á, một cộng tác viên của *Thế Kỷ 21*, với những biên khảo văn học, xã hội và những bài thơ tự do, đã xuất bản sáu tập khảo luận về các vấn đề liên quan đến sự hội nhập — nhất là về mặt văn hóa — của người Việt Nam vào xã hội Pháp.

Trong tác phẩm mới này (*Nhập cư gốc Á: nền kinh tế cộng đồng và các chiến lược [thăng tiến] nghề nghiệp*), Lê Hữu Khóa đã phỏng vấn tới 500 người, trong 10 năm, để rút ra những nhận định khái quát về những phương thức hội nhập và thăng tiến nghề nghiệp của những dân nhập cư từ Á châu, đặc biệt những người Việt, Miên, Lào và người gốc Hoa ở các xứ này. (LTC)

## Thương yêu theo phương pháp Bụt dạy

của **Thích Nhất Hạnh**, Lá Bối xuất bản, dày 240 trang, không đề giá. Liên lạc: Lá Bối, PO Box 3189, Walnut Creek CA 94598. ĐT (510) 686-2908.

Đây là cuốn sách nói về chủ đề Tình Thương Yêu Rộng Lớn, hay Tứ Vô Lượng Tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Bên cạnh việc trình bày các kinh văn, giải ý nghĩa, kể lại các trường hợp Bụt Thích Ca giảng dạy những kinh này, thượng tọa Nhất Hạnh còn theo kinh nghiệm thiền tập đưa ra ba bài thực tập, mỗi bài gồm ba phần, nhắm vào việc phát triển những tình cảm thiện, giảm những tình ý tiêu cực, cấy các hạt giống lành trong tâm thức.

Thực tập hay hành trì giáo pháp, đối với người Phật Tử, là điều quan trọng hơn bất kỳ kiến thức lý thuyết nào. Ba bài thực tập về Từ Bi Hỷ Xả được tác giả khai triển, giải thích rất rõ ràng và đưa ra những đề nghị thực tế.

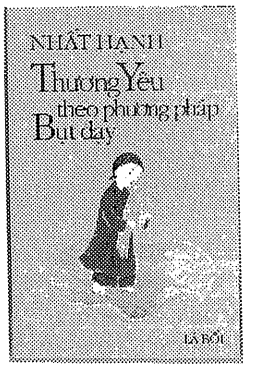


Thương Yêu là nguồn cội của Hạnh Phúc. Và theo tác giả, sự tu học, thực tập Từ Bi Hỷ Xả sẽ làm cho tình thương yêu chân thật nở ra, lớn lên và vững mạnh trong tâm. Ta sẽ chữa được những bệnh sâu đau khổ ái vì giận hờn, lo lắng....và ta sẽ được bồi bổ bằng lòng Từ ái, đức hoan hỷ, được sống An Vui ngay cõi đời này, không cần đợi chết, lên Niết bàn mới an lạc.

Cũng như cuốn *Con Đường Chuyển Hóa* giảng về cách hành trì kinh Tứ Niệm Xứ, đây là cuốn sách giảng về nhiều Kinh Phật giáo dạy về Lòng Thương Yêu bằng cách đưa ra những bài học thực tiễn, dễ thực tập. Đây chính là phương pháp giảng kinh Phật độc đáo của Thiền sư Nhất Hạnh, khác lối giải thích ý nghĩa từng chữ từng câu thông thường. Kinh điển từ mấy ngàn năm trước nay trở thành những bài học áp dụng được trong đời sống hàng ngày. Từ Bi Hỷ Xả không còn là lý thuyết cao siêu mà trở nên những thang thuốc trị các tâm bịnh và bồi bổ cho một cuộc sống Hạnh Phúc.(HQ)

## CD Hỏi Tình Yêu

Đĩa nhạc "Tiếng hát Ngọc Hương," gồm 10 tình khúc của các tác giả nổi tiếng, như Ngô Thụy Miên, Trịnh Nam Sơn,... — với một vài bài nhạc ngoại quốc lời Việt của Khúc Lan, Duy Quang, Julie,...

Hoàng Trọng Thuy, trong một chương trình giới thiệu Ngọc Hương trên đài VNCR, nhận xét về tiếng hát của người nữ ca sĩ mới xuất hiện này như sau: "Tiếng hát Ngọc Hương có một sắc thái riêng biệt không pha lẫn với chất giọng của những ca sĩ khác đã đi trước mình, trẻ trung với những lãng mạn và ngọt ngào, quyện trong tiết điệu, pha một chút nắng của vùng châu Mỹ La tinh. Ngọc Hương thích hát những nhạc phẩm trẻ, đặc biệt là nhạc ngoại quốc với lời Việt. Tuy nhiên, với những nhạc phẩm Việt Nam, Ngọc Hương hát với một phong cách khác; tiếng hát của cô làm trẻ hóa và làm dịu đi những nỗi buồn phiền thường thấy trong nhạc Việt Nam..." (LTC)

## CD Midnight Serenade

độc tấu dương cầm, của **Sasha Alexeev**, do S.A. và Lan Music sản xuất. Liên lạc: Bích Thu Vân 9200 Bolsa Ave. #137-138, Westminster CA 92683.

Trong 12 bài, có hai sáng tác của chính Sasha Alexeev, còn lại là của các nhạc sĩ Việt Nam như Phạm Duy, Lâm Tuyền, Trịnh Công Sơn, Trần Thiện Thanh, Dương Thiệu Tước, Phạm Trọng, Y Vân và Nguyễn Văn Thương. Tất cả là những bản nhạc êm dịu, nếu không ca tụng cái đẹp của buổi hoàng hôn thì cũng thích hợp để nghe vào lúc chiều xuống.

Thính giả Việt Nam đã từng nghe Sasha Alexeev trong nhiều buổi trình tấu (do Hội Văn Học Nghệ thuật Việt Mỹ tổ chức), hoặc qua các CD của anh, như "Velvet Rain" do Giana sản xuất.

Sinh ra và lớn lên ở Nga, Sasha Alexeev đến Hoa Kỳ năm 1975 tiếp tục học nhạc. Anh đặc biệt ưa thích các giai điệu Á đông.

Trong CD "Midnight Serenade," anh dùng lối hòa âm độc đáo, pha trộn sự mềm mại của nhạc Việt với những sóng âm thanh tân kỳ của New Age, để làm cho những giai điệu cũ có những cuốn hút mới.

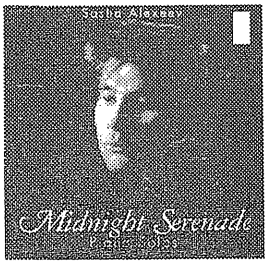


Nếu trong văn học và tâm lý học, người ta nao nức tìm đến với cuốn "Hành Trình Về Phương Đông," thì trong âm nhạc, khuynh hướng "về phương Đông" cũng thể hiện trong rất nhiều tác phẩm, như George Winston với CD "Forest," và Sasha Alexeev với "Midnight Serenade." (LTC)

*

Ngoài các sách trên, Tòa soạn có nhận được cuốn **Mẹ ơi, Con Muốn Đời Mình Khá Hơn**, sách biên khảo về nhi khoa của **Vũ Thị Loan**, do Trái Tim Đức Mẹ xuất bản từ 1994. Xin cám ơn tác giả và nhà xuất bản, và xin trân trọng giới thiệu đến bạn đọc. ■


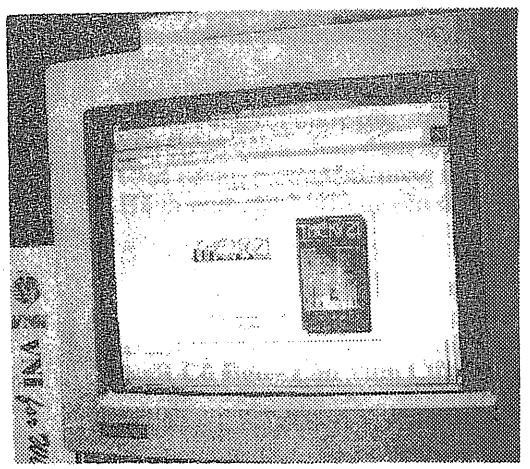

*Mời bạn cùng "lên lưới" với Thế Kỷ 21*

Bạn có thể dùng một trong hai địa chỉ thư điện tử sau đây, để viết thư, gửi bài, đặt mua báo dài hạn, v.v...

**75504,3510@compuserve.com**

hoặc

**theky21@ix.netcom.com**

Bạn muốn đọc trước, ngay khi báo chưa phát hành, một số bài vở trên Thế Kỷ 21? Hãy "vào mạng" Internet với địa chỉ sau:

**http://www.vietmedia.com/theky21**

Ghi chú: Hình trên là màn ảnh điện toán có trang đầu của báo TK 21 trên mạng WWW.

# MỘT CHUYỆN THỜI THƯỢNG

## VIỆT TÂM

Mới mùa thu vừa rồi (1995) những người sử dụng nguồn thông tin điện tử *Internet* trên toàn thế giới đã có dịp đọc một câu chuyện khá lý thú về phi hành gia Neil Armstrong.

Khi phi hành gia Neil Armstrong rời phi thuyền Apollo 11 để bước những bước chân lịch sử trên mặt trăng ông ta đã thốt lên, "Ông Gorsky, xin chúc ông may mắn." Chỉ có trung tâm phi hành không gian của NASA nghe được câu nói đó, còn công chúng Hoa Kỳ không hề nghe. Lúc đó những người làm việc tại Cơ quan Quản trị Hàng không và Không gian (NASA) nghĩ rằng ông Armstrong muốn nói đến một phi hành gia Sô Viết nào đó. Tuy nhiên lúc bấy giờ trong chương trình không gian của Nga Sô chẳng có ai tên Gorsky cả. Ông Armstrong thì từ chối trả lời các thắc mắc về câu nói của mình.

Tháng Bảy vừa rồi, ông Armstrong đến diễn thuyết tại Tampa, Florida, và có người đã hỏi ông ta về câu nói ngày xưa. Lần này ông Armstrong kể rằng ngày nhỏ gia đình ông sống cạnh nhà ông bà Gorsky. Một hôm trong lúc chơi ném bóng với anh mình thì quả bóng bị ném quá đà bay sang tận sân sau của nhà Gorsky, ngay dưới cửa sổ phòng ngủ của hai ông bà. Khi cậu bé Armstrong chồm sang để nhặt quả bóng thì cậu nghe bà Gorsky hét với chồng rằng chỉ khi nào thằng bé láng giềng lên mặt trăng được thì bà mới thõa mãn cái thị hiếu tình dục của ông!

Câu chuyện trên *Internet* chỉ có thế. Nhiều người đã gọi điện thoại tới NASA muốn biết thực hư ra sao. Và nhân viên tại trạm phi hành Johnson lại một phen điên đầu vì không có hồ sơ nào nói đến cái tên quái gở Gorsky cả! Và như vậy đó là một câu chuyện bịa đặt, nhưng dựa trên một vài sự kiện thật về con người (Neil Armstrong), về nơi chốn (mặt trăng)... Nó là một loại truyền thuyết tân thời. Tác giả của nó chỉ nhắm "đùa dai" với công chúng thôi. Và đặc điểm của truyền thuyết hay thần thoại tân thời là nó chẳng mang một vẻ thần thoại nào cả, và rất có vẻ thực đến nỗi khó tin nó là sản phẩm của tưởng tượng.

Câu chuyện trên nhắc tôi nhớ đến vài hiện tượng tại Sài Gòn đang có hai tài liệu chuyền tay mà chẳng ai biết xuất xứ. Tôi không định so sánh các tài liệu mà tôi sắp đề cập với câu chuyện về ông Gorsky ở trên. Điều làm tôi liên tưởng, hay liên kết hai sự việc ở hai phương trời chỉ là cái "vẻ" tương đồng về nguồn gốc: không ai biết từ đâu có câu chuyện.

Tài liệu thứ nhất có tựa đề "Ý Nghĩa của Một Bài Học Lịch Sử," với tên và tước vị tác giả viết rườm rà, "Chu Nguyên Chương, giáo sư tiến sĩ, Việt kiều ở Mỹ." Nội dung "tài liệu tham khảo" chuyền tay đó (như bài viết được dán nhãn hiệu) tố cáo kế hoạch diễn biến hòa bình của tòa thánh La Mã được Mỹ thực hiện, và được các người phản kháng tiếp tay, như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Lý Tống, Trần Mạnh Quỳnh. Phần kết luận thật đột ngột và khá lạc đề là ngợi khen các nhà lãnh đạo Việt Nam hiện thời là "những bậc cao minh, nhìn xa thấy rộng, và lòng yêu nước của họ không gì so sánh nổi." Người đọc có ngay ấn tượng là tài liệu báo động dân chúng về âm mưu của Mỹ, và thuyết phục mọi người về tính cách chính thống của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Tài liệu thứ hai là một đề tài về khoa học huyền bí, liên quan đến thần linh và bùa phép ếm phong thổ của một vị chuyên nghiên cứu về khoa này. Tài liệu nói đến việc các toán chuyên gia Trung Cộng ếm long mạch trên phần đất Việt Nam, và sự kiện hai đoàn viên trong ngành nghệ thuật của họ chết đuối ở Hồ Tây năm nào được giải thích là do đức Trần Hưng Đạo nổi giận bóp cổ cho chết.

Điểm lạ lùng là tài liệu này đã được thuyết giảng tại Hà Nội cho cán bộ các cấp nghe. Ở một xã hội nằm dưới chế độ độc tài như nhà nước Việt Nam cộng sản hiện nay, làm gì có những sinh hoạt tự do như thế, nếu sinh hoạt đó không được chính quyền cho phép, hay nói trắng ra, không do chính quyền tổ chức.

Về tác giả "Chu Nguyên Chương, giáo sư tiến sĩ, Việt kiều tại Mỹ," thì một người ít đọc sách báo như tôi mù tịt là chuyện tự nhiên, song hỏi bạn bè đọc rộng đào sâu họ cũng đành lắc đầu, trả lời không biết. Nhưng cũng chẳng quan trọng cái việc tác giả ký tên thật, hay ký bút hiệu, sống ở Mỹ, hay "làm bộ ở Mỹ". Cái đáng chú ý là nội dung bài viết và cung cách lưu hành (chuyền tay chứ không qua báo chí).

Người viết có một thắc mắc là không biết hai tài liệu trên có được đưa vào *Internet* như câu chuyện "Ông Gorsky" không. Nếu đã vào *Internet* thì giờ này chắc chúng đang chu du khắp thế giới, tạt vào nhà này, ghé thăm nhà kia... Nhưng có điều tôi nghĩ rằng chúng không ăn khách bằng truyện ngắn "Ông Gorsky", và nếu có một độc giả nào đó chịu khó biên thư (vì gọi điện thoại thì còn lâu mới tới được) hỏi ông Võ Văn Kiệt, hoặc ông Đỗ Mười, hay ông Lê Đức Anh, về các bài đó, thì chắc thế nào cũng được trả lời, "chúng tôi không hay biết về các tài liệu đó. Nhân dân tự ý làm đấy, vì đó là tự do ngôn luận, tự do tư tưởng mà!"

*4 tháng Ba, 1996*

# THE PEOPLE'S ARMY OR THE PARTY'S ARMY?

LAM LE TRINH

The Eighth Session of the Vietnamese Communist Party (known by its French acronym PCV) is taking place this June. For months now, in anticipation of the meeting, several factions within the Party have been crossing swords and these skirmishes may well degenerate into full-blown battles.

Facing each other are the Conservatives and the Reformists. The Conservatives, who are for the most part from the North, are subdivided into two groups, the hardliners and the moderates. The hardliners are led by Do Muoi and Dao Duy Tung, both candidates to the post of Secretary General of the Party, both pro-Chinese and fierce supporters of Communism and the one-party system. The moderates include Bui Thien Ngo, the current Minister of the Interior, and Nguyen Dinh Loc, the Minister of Justice. The Reformists, mostly from the South, are led by Prime Minister Vo Van Kiet and his Assistant Phan Van Khai and advocate non-interference by the Party in the affairs of the government. They have a retinue of by "young" technocrats (aged 50 or less) clamoring for more posts and more responsibilities.

In the midst of these rivalries, the Vietnamese People's Army (known by its French acronym APV) who has a large number of senior officers from Central Vietnam, remains neutral, biding its time. In his recent book Following Ho Chi Minh Memoirs of a North Vietnamese Colonel (Hurst & Co., London, 1995), But Tin talks about "the gang of four", General Le Kha Phieu, Doan Khue, Nguyen Quyet and Dao Dinh Luyen, who hold between them the key posts within the Army. For allegedly "deviating" in support of Vo Van Kiet, Luyen recently lost the post of chief of staff to Pham Van Tra.

The APV, like the Party which created it, has been through a series of upheavals, starting with the demobilization of 700,000 men in 1985. The dismantling of the Communist bloc in 1989 was another watershed.

## Party/Army relation before 1989

Ho Chi Minh founded the PCV in 1930 and used it as a tool to bring under his control first, North Vietnam, then the rest of the country at the Third Internationale. Marxist-Leninism together with Stalinist sectarism and Maoist feodalism became the catechism and the *raison d'être* of the Vietnamese communist cadre. A foreign journalist once asked Ho why he hadn't put political thought in writing, to which Ho replied: *"I have nothing left to write. President Mao has thought it all, written it all!"*

Until his heath failed him in 1964, Ho kept the lid on his lieutenants' rivalries. Le Duan and Le Duc Tho, proud of their seniority and of the many years they had spent in captivity under the French, resented Ho for favoring Giap the "intellectual" (he had made him head of the Army) and for thinking of Giap as a replacement for Truong Chinh as secretary general of the Party (instead of Duan).

Ho's last years (1965 to his death in September 1969) were plagued by illness. During that time, Le Duan (known as "Third Brother") and Le Duc Tho ("Sixth Brother") got hold of the reins of power within the Party and the Army. Le Duan was secretary general of the Party. Le Duc Tho was remember of the Politburo, member of the Supreme Military Council and Head of the Central Committee in charge of party organization. For the next thirty years, they ran the political and military machinery of the country, as well as the whole network of internal and external security, and of espionage and counter-espionage of North Vietnam.

After Ho's death, his private secretary Vu Ky handed his four wills to Le Duan, at Prime Minister Pham Van Dong's request. Only one was made public, with several alterations. By 1983, Duan was making personal and political attacks on Ho at party meetings; he called him *"feudal, reactionary, temperamental..., still talking about general elections after the Geneva Conference..., slavishly following Stalin and Mao's orders."* (Hoa Xuyên Tuyết by Bùi Tín, Editions Nhân Quyền, California 1991, p.126).

As for Vo Nguyen Giap, he remained the Minister of Defense nominally till 1976 and after the Fourth Plenary, was replaced by General Van Tien Dung.

From 1960 onward, there were two camps

within the PCV, one pro-Chinese and one pro-Soviet. Their vying for powers was punctuated by bloody purges within the Party and the Army. After 1975, the pro-Soviet side was on top. Relations with China were tense, especially after the invasion of Cambodia in December 1978. Politburo member Hoang Van Hoan, who was on his way to Pakistan for an official visit, fled to China where he was given political asylum and was sentenced to death *in absentia*. Foreign Secretary Ung Van Khiem, General Chu Van Tan who oversaw the Viet Bac, Hoang Minh Chinh, director of the Institute of Marxist Thought... were all imprisoned. The PCV' fluctuating alliances have placed Viet Nam under the control, at times, of China and at others, of the USSR, regardless of the impact on the people. Let's just mention a few examples.

1. From 1954 till 1946, Secretary General Truong Chinh, with Ho's approval, blindly applied Mao's agrarian reform to Viet Nam, causing the death of more than 100,000 innocent peasants. The very same Truong Chinh enthusiastically adhered to Kruchev's policy of peaceful co-existence in 1960, and much later in 1985, became a dedicated supporter of Gorbachev's perestroika.

2. From 1977 till 1982, Secretary General Le Duan was a vocal critic of China, *"our enemy for centuries to come"*. Many years before, in 1960, he had firmly placed the PCV in the Chinese camp.

3. Secretary General Nguyen Van Linh's support for Doi Moi (Renovation), introduced in 1987 and modeled after the restructuration that had been going on in the USSR, earned him the nickname of Vietnamese Gorbachev. Linh's slogan was *"Renovate or die"*. He urged artists and writers to *"say it bluntly, say it frankly, say it all"*. In 1994 however, he sided with Tran Bach Dang and Tran Van Tra against Nguyen Ho and Ho's friends in the Club of the Veterans of the Resistance, simply because they had asked for democratic reforms (in an open letter penned by Ho, *"Viewpoints and life"*, which was widely circulated abroad).

4. Current Secretary General Do Muoi and Chief of State Le Duc Anh are self-proclaimed supporters of Doi Moi but deep down they are conservatives. Prime Minister Vo Van Kiet is a political chameleon who swears allegiance to the unique leadership of the PCV and at the same time, insists on the need for democracy and the rule of law. His 22-page long open letter of 8.9.1995 to the Politburo is a scathing indictment of that body. It is difficult to understand the political maneuvering that led to the wide publicity given abroad to this document, labeled "Top Secret".

5. In 1986, Tran Xuan Bach who, at 60, is the youngest member of the Politburo, was swiftly relieved of his many functions within the Secretariat General and the Politburo. Although he was careful not to make any pronouncements about multipartism, he was still kicked out of the party for Promoting market economy and greater cultural, social, religious and diplomatic freedom.

## The Army's current position vis-a-vis the PCV

In 1985, Viet Nam had an army of 1,600,000 men and 600,000 others in the security forces. For budgetary reasons, 700,000 were let go following the dismantling of the communist bloc in Eastern Europe. The 1994 budget, with an eye on the tensions in the South China Sea, still provided military expenditure with a 16% increase on the previous year, and a 60% increase for police and security forces (see *"Challenge of growth"* and *"A fortune in waste"* by Murray Herbert in The Far Eastern Economic Review of 12.12.94).

The Army and Party remained closely linked until 1989 as demonstrated by the way the upheavals within the Army mirrored the crises experienced by the Party. There are numerous parallels:

*A. Strategic disagreements*

Politburo members often disagreed about strategy. Ho Chi Minh made no direct mention of military concerns in "Nguc Trung Nhat Ky" (Prison Diary) and other press articles. Vo Nguyen Giap has yet to write his autobiography and to reveal his thoughts on strategy. Two documents of which Truong Chinh claims to be the author have served as training material for the Army for years. They are *"Truong ky khang chien nhat dinh thang loi"* (A war of attrition guarantees victory) and *"Ban ve Dan chu moi"* (About New Democracy). They are mere translations of two well-known pieces by Mao on Warfare *"Tri Cuu Chien"* (A study of the nine facets of war) and *"Tan dan chu luan"* (A Thesis on New Democracy). As for Le Duan, he used to boast of being the "creative strategist" of the regime. He talked endlessly about his "global, extremist strategy" prompting Truong Chinh to comment that *"Third Brother's ideas about the internal machinery of the revolutionary struggle are by no means unique, nor is he the first person to expound them"*. He did not leave any writings behind.

In order to demystify Vo Nguyen Giap, Le Duan often publicly stated that he did not share his views regarding the North's great military operations such as the 1964 Gulf of Tonkin attack, the 1973 invasion of the Highlands, the 1975 overrun of South Viet Nam by 15 tank divisions, and last but not least, the 1978 invasion of Cambodia. Duan went so far as to state that he had had to assume leadership of the war on several occasions due to Giap's *"indecisiveness, timidity... he was as shy as a rabbit"* (quoted by Bui Tin in Mat That, Saigon Press, CA 1993).

*B. Purges*

Hoang Minh Chinh, Nguyen Ho, Le Hong Ha, Nguyen Trung Thanh and others speak bitterly about the many purges carried out within the Army, three of which really stand out. 1. From

1964 to 1966, Le Duc Tho spearheaded what is known as the *trial of the revisionists,* aimed at Kruchev sympathizers. This investigation, which was conducted by the Interior Minister Tran Quoc Hoan, led to the elimination of many Giap supporters within the Staff and the Army's mouthpiece, *Quan Doi Nhan Dan* ("The People's Army"). 2. The second purge, which took place in 1986, followed a "mini-military coup" (to use Bui Tin's words ) led by Giap lieutenants against the PCV's "stable" (Van Tien Dung, Chu Huy Man and Dang Vu Hiep) who wanted to have them replaced with their own elected representatives at the 7th Plenary. Generals Hoang Van Thai and Le Trong Tan were eliminated when the "coup" failed, and Giap was forced to retire from the Politburo, ostensibly because of old age. 3. The Liberation Front of South Vietnam (FLN) and its army, led by Tran Van Tra, were quietly dismantled after April 1975. This was followed in 1995 by the harassment of Nguyen Ho and other leaders of the Club of the Veterans of the Resistance. These measures have resulted in widening the gap between Northerners and Southerners and emphasizing the regional factor in Vietnamese politics (*Memoirs of a Viet Cong* by Truong Nhu Tang, Editions Flammarion, Paris 1983, and *Letter to my mother and to the National Assembly* by Nguyen Van Tran, Editions Van Nghe, California 1995).

Twenty one years after the fall of Saigon, the people of South Viet Nam still recall with great bitterness the excesses of the Northern army. Factories and hospitals were vandalized, medical equipment and other goods were taken back to the North. The Americans left behind equipment estimated at six billions US dollars and 16 tons of gold were confiscated from the National Bank of South Viet Nam. These remain unaccounted for.

Between the 6th and 7th Plenaries, a team of conservative generals with little leadership experience were given important posts. 70,000 military personnel, 12% of the Army, take part today in the management of 300 governmental firms which have a monopoly of the hotel business, tourism, banking, exports, real estate... Every year, the Defense Ministry receives 150 billions of piastres in taxes. Most real estate in the country is in the hands of the Army. There is a new class of "red capitalists", co-existing with countless veterans (many disabled), widows and orphans living in abject poverty. The Party is utterly indifferent to the fate of 300,000 Vietnamese MIAs.

*C. Moral deterioration*

Favoritism, corruption and smuggling are everyday occurrences at all levels within the Army. There is fierce competition between the Army and the security forces under the Ministry of Interior to see who will get rich before whom. As expected, both bodies suffer from a lack of discipline. The already high rate of desertion jumped up during the invasion of Cambodia because of the strain it put on conscription in the South. Those in the Army who cannot get rich in the above-mentioned state firms practice smuggling along the sieve-like borders with Cambodia, Laos and China. Several thousand tons of rice sent as relief from the South to Northern provinces disappeared without trace.

The legendary solidarity between the People and the Army, elevated to the rank of national virtue by the Communists, has become nothing more than that - is a thing of the part. The people have begun to question the Army and to distance themselves from it. Yet there are still many idealists in the lower ranks of the Army, mainly young soldiers born after the war between North and South and aware of the evils of Marxism. They constitute a frustrated bloc, silently (at least for now) looking on as the people struggle with poverty and injustice. Communism has lost all meaning for them; they know that it is not the foundation of unification but the source of great inequalities.

## The APV has a decisive role to play vis-a-vis the PCV: ally, adversary or arbiter?

The patriotism of the malcontents within the Army will be put to the test in 1996. By coincidence, three events of the greatest importance for those who fight for democracy in Viet Nam are taking place this year: the 8th Congress of the PCV will be held in June; the US are electing a new president in November; the probable demise of Teng Tsiao Ping, which will lead to a succession struggle in China, is also expected to occur within the year. IF these opportunities are used wisely and in a timely fashion, they may further the cause of democracy. The current campaign of criticism of the Marxist administration within Viet Nam must be stepped up. The internal crisis which is tearing the Communists apart should be allowed to spread to the people among whom the seeds of discontent were sown long ago.

Hanoi is in obvious disarray: the press has been silenced, "deviationists" are being fired all over the place, the US are subjected to violent and endless attacks and accused of all kinds of crime, this in spite of the normalization of relation between the two countries, cadres are on the alert, local authorities are waging a fierce campaign against "degrading foreign literature" just like in the old days of the blooming of the hundred flowers, Do Muoi and Dao Duy Tung are going back and forth to Bejing taking orders and seeking advice...

The PCV, searching for subversive elements, is keeping a close watch on the Army, *Nhan Dan* (the Party's mouthpiece) and *Quan Doi Nhan Dan* and *Tap Chi Quan Doi* (the Army's) publish virulent articles exhorting their respective cadres to remain faithful to Uncle Ho's thinking and to refrain from selling their souls to the white devils. *Nhan Dan* is less aggressive than the other two

publications. Editorial writer Dang Vu Hiep, and ultra-conservative general writing for *Quan Doi Nhan Dan*, does not beat around the bush: he accuses the US of plotting to *"sabotage Viet Nam politically, economically, diplomatically and socially... to divide and neutralize our country"*. In another article in the same periodical published last October, Pham Quoc Huynh states bluntly that many cadres have *"revealed state secrets to foreigners, for money or inadvertently"*. Huynh specifically mentions that *"two cadres working for the Ministry (sic) have sold some vital documents for the sum of 10 million piastres in September 1995"*. Party leaders are haunted by the "mini-military coup" of 1986 which Bui Tin mentioned in his memoirs.

In November 1995, the periodical *Defense* published an interesting editorial by Tran Mo under the title *The peaceful war* (the new name for *peaceful evolution* which Hanoi now finds dated). In it, Mo states that *"no nation is capable of destroying Marxism in Viet Nam. Communists can only be destroyed by Communists.* Was this not tested and proven true in the Soviet Union?

The Politburo is on alert. The greatest danger comes from within. From now till June, everything will be done to track down and neutralize this internal enemy: traps, false accusations, systematic purges, physical elimination, forced retirement, corruption, bargains, false opposition, fake "liberation" fronts, phantom revolutionary governments, and so on, the usual Marxist arsenal of subterfuges!

Those Vietnamese who are against Marxism must set aside their own internal disagreements and come together within a larger union to fight the Communists *with peaceful means* and bring about *democracy* and *respect for human rights.* This union must also include former Communists (whether they call themselves Reformists or Revisionists) as long as they are sincere converts to the democratic cause. This means that they must be *categorically opposed to the one-party system and wholeheartedly support free elections and the right to self-determination.* Hanoi maintains that Viet Nam *"practices democracy and respects human rights"*. It is therefore not anti-constitutional to demand that Hanoi actually *does* what it *says* it is doing. The repression of a peaceful, legally organized campaign, especially if it takes place in full view of an international public, would spark off a deep crisis with unforeseeable consequences. A Vietnamese Tien An Men is a real possibility.

According to AP and AFP, at the end of 1995, 50.000 people demonstrated in the streets of Saigon to show their disappointment when the Vietnamese soccer team lost in the final of the South East Asian games in Chien Mai, Thailand. Many youths were arrested for vandalizing store signs and for fighting (and wounding) the police. A policeman told AFP that *"this is the first time since 1975 something like this has happened"*. A similar incident occurred on a smaller scale in Hanoi, with hooligans blocking traffic around the city cathedral with their motorbikes. Yet another incident, a sensational one this time, found its way in the press: on November 20, 1995, during a "brainwashing" session at K3 re-education camp in Xuan Loc, Dong Nai province, a number of political prisoners turned the debate into a public pro-democracy demonstration. What's more, they managed to send a fax abroad, duly sign *Lien Minh VN Tu Do* (Vietnamses Union for Liberty).

What is clear from this is that the Vietnamese people is no longer afraid to raise its voice. The fear has gone. This is a sign of the times. These demonstrations have become a habit, an irreversible trend the local authorities have learned to accept while all around them Communism collapses on itself, bleeding from multiple internal wounds. This does not mean however that the Marxist apparatus will fold without a struggle. The PCV will fight to the end. In its final phase, it will cal to its rescue its creature and its shield, the Army.

How will the Army respond at the decisive moment? Will it react as a faithful **ally** of the Communists and silence the voice of the people? Will it rebel against orders and rise as an **adversary** of the regime, converted to democratic ideals like the Romanian forces under Ceaucescu and the Soviet divisions under Gorbachev and Yeltsin? It is unlikely that military leaders will be able to control the tidal wave of popular anger. A third alternative would be for the Army, under the leadership of new elements, to play the role of arbiter between the people and the government and try and find a path to democracy. Whatever happens, the Army is sure to have an important part to play. Let us hope that it will know to take the right decision, one that is independent from the Party and that its sole consideration will be the good of the people,

**In conclusion,** the ultimate role is not simply to preserve the integrity of the national territory but above all, to protect the land from all harmful interference and the people from all forms of dictatorship, be it the dictatorship of an individual or a group of people. If it can do this successfully, the people will be safe and the Nation will prosper.

The Army must not betray the people by siding with the Party. Without the people, there is no Party. The Party comes after the people. The people is eternal, while, regimes, governments and political parties come and go. And to deserve its name of "People's Army", the APV will have to strive to be "of the people, by the people, and for the people". The *Vietnamese* people.■

*February 19, 1996*
*Huntington Beach, CA.*

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

# HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA
Tél: (714)537-2468

- Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
- Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

## Phiếu Mua Báo Dài Hạn

*(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)*

Tôi tên: _____
Địa chỉ: _____
_____
_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ____. Xin gửi kèm ngâm phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa **Hoa Kỳ** và **Canada**:
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
**Úc** và **Á châu**:
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
**Âu châu**:
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không).
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.



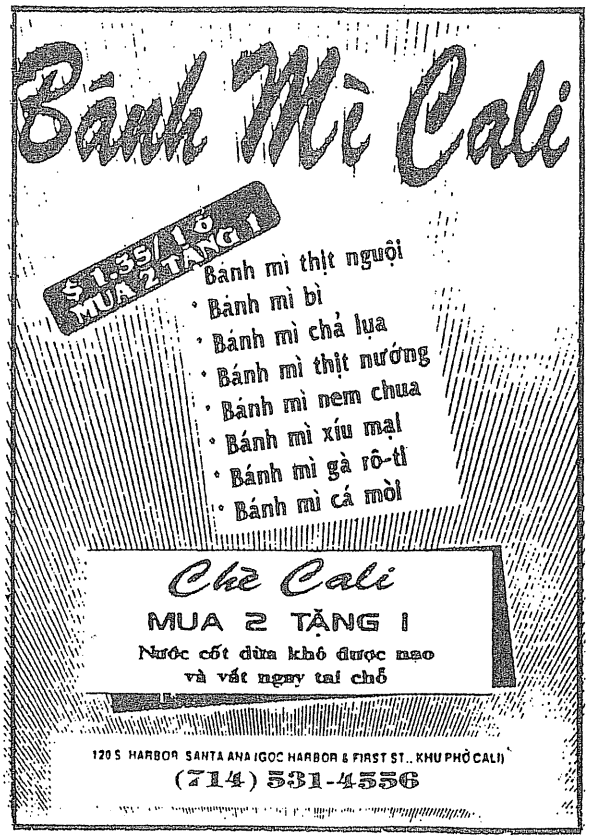




Khi quý vị và gia đình cần đến dịch vụ

## NHA KHOA

*Xin nhớ tới Bác Sĩ Nha Khoa*
*PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.*
*Bác Sĩ Nha Khoa*
*DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.*

Chuyên về:
- NHA KHOA TỔNG QUÁT: Chữa bệnh nướu răng, răng bị chảy máu, đánh răng trắng, lấy gân máu, nhổ răng, làm răng giả các loại.
- NHA KHOA THẨM MỸ: Vá răng sứt mẻ, làm khít răng thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi màu thành trắng đẹp, niềng răng.
- NHA KHOA NHI ĐỒNG: Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên.

- WESTMINSTER và các khu lân cận **(714) 893-6768**. 14044 Magnolia St., #125 Westminster, CA 92683 (Góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)
- Quý vị ở LONG BEACH xin mời đến Anaheim dentistry **(310) 491-5529**. 906 E. Anaheim St Long Beach. CA 90813 (Đối diện Phở 79, cạnh Food To Go Sáu Voi)

# MORTGAGE

JM MORTGAGE CORPORATION
17802 IRVINE BLV. #125, TUSTIN, CA 92680
PHONE: 714-544-5009 * 1-800-565-3637 (NGOAI ORANGE COUNTY)
FAX: 714-544-5677

**HOME IMPROVEMENT, FHA TITLE ONE, EQUITY LOANS:**

Bạn có thể mượn tới $25,000 để làm landscaping, hàng rào, xây thêm phòng, sửa nóc nhà, patios, sơn nhà, đồ dùng kitchen. Không cần Equity, không cần appraisal nếu dưới $25,000. Nhà đang ở hoặc cho thuê đều được.

**NHÀ SẮP BỊ TỊCH THU (Foreclosure)**

Nếu quí vị dự định bỏ nhà vì: *Giá trị căn nhà thấp hơn nợ cũ *Tiền trả hàng tháng cao quá *Bệnh nặng hoặc chết chóc *Không thể trả nỗi nữa vì một lý do chính đáng. Xin gọi công ty để "Save your credits" và quí vị không phải trả tiền huê hồng.

Property must qualify based on negotiation with current lien holders for all costs incurred included brokerage fees.

Đặc biệt: **JM MORTGAGE** chuyên môn **FHA, VA, Conv** (trên toàn Hoa kỳ), Cal Pers, Chfa, **Hud Repo Panel**, SBA, và Cities Loans.

*** Có Chương Trình Mua Nhà Không Cần Tiền Down***

"Leads" provided by company for agents. Công ty sẽ hoàn trả tiền học phí cho người muốn vào ngành địa ốc.

E-mail: jmmtgcor@aol.com

*Kha John (Pager: 714-571-6885)*

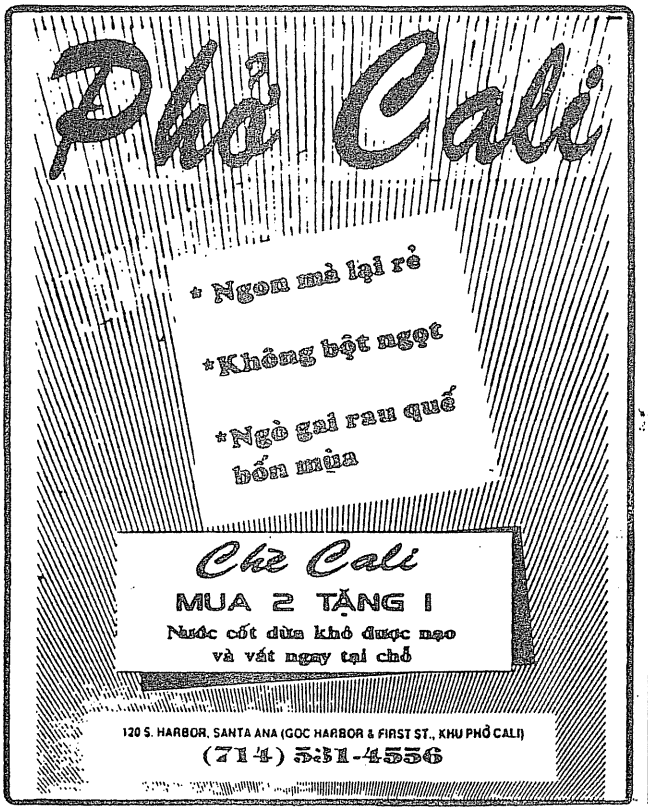


Thuh
BEAUTY INSTITUTE
8181 Bolsa Ave., Midway City CA 92655
Tel & Fax (714) 894-9949
BẠCH THU HÀ,
RN, BSN . Cosmetician. Esthetician

LISE DIEU TRANG VO
*Agent*
**New York Life Insurance Company**
2677 N. Main Street, Suite 700
Santa Ana, CA 92701
Bus: (714) 560-7850 Direct
(714) 560-7800
Fax: (714) 560-7892
Pager Toll Free: 1 (800) 918-1172
NEW YORK LIFE
*The Company You Keep*

**Hi-Tech Telephone**
**COMMUNICATIONS**

# GẮN — SỬA — BÁN
# tất cả các dịch vụ về ĐIỆN THOẠI

*** Đã từng gắn các cơ sở báo chí, truyền thanh, truyền hình...**

*** Bán tất cả *PAYPHONE* gửi đi khắp các tiểu bang.**

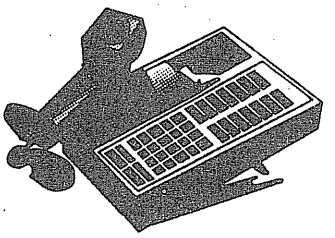

# Liên lạc:
# (714) 531-2621

# BÍ MẬT của Phan Thiên Ân

Bạn đã ngạc nhiên khoái trá khi đọc trên các báo về cuộc phiêu lưu kỳ thú của anh T., nguyên Thiếu Úy Hải Quân, vượt biển đến Mỹ vào năm 1977. Bắt đầu từ chân lao công cho một hãng sửa tàu biển ở Washington, anh đã trở thành chủ nhân của hãng này sau tám năm.Dù vẫn không thạo ngôn ngữ, Anh đã điều khiển hơn 200 nhân viên bản xứ. Ngày nay, thương vụ của công ty Anh lên đến 86 triệu Mỹkim và tài sản cá nhân của Anh phải hơn 50 triệu.

Rồi chuyện của anh L., năm nay mới 35 tuổi, qua Mỹ lúc còn là học sinh. Sau khi ra trường, Anh đi làm cho một hãng điện tử ở San Jose. Bốn năm sau, anh mở hãng cung cấp phụ tùng máy vi tính cho nhiều hãng lớn danh tiếng của Mỹ. Ngày nay, thương vụ của công ty Anh vượt quá 100 triệu Mỹ kim và tài sản cá nhân của Anh phải hơn 45 triệu Mỹ kim.

Đã hãnh diện và vui sướng với những thành quả vẻ vang của đồng hương trên chốn thương trường, bạn sẽ thích thú hơn nữa khi chiêm nghiệm cuộc đời thăng trầm của Phan Thiên Ân. Từ một chân tài xế xe vận tải ở Việt Nam, ông đã trở thành một trong những người giàu nhất thế giới. Ông sẽ chia xẻ cái bí mật làm giàu của ông ở cuốn sách này.

## BÍ MẬT CỦA PHAN THIÊN ÂN

***Anh H.N.T.:*** *Cám ơn bạn hiền đã gửi tặng cuốn sách. Không dấu gì bạn, tôi đang gặp rất nhiều khó khăn trong đời sống. Từ tiền bạc đến gia đình bà con. Tôi gần như tuyệt vọng. Cuốn sách của bạn giúp tôi tìm thấy mọi giải đáp cho những bài toán nan giải. Cám ơn cái món quà lớn nhứt cho đời tôi.*

***Ông T.X.N.:*** *Cuốn sách của ông là một bản hòa tấu tuyệt diệu như "Giòng Sông Xanh" của Strauss. Một ngợi ca bất hủ về thiên nhiên, tình yêu, con người, sự sống và Thượng Đế. Nếu cuộc đời là một nhiệm màu, Bí Mật Của Phan Thiên Ân sẽ là đôi cánh đưa ta bay đến Thiên Đường đó.*

***Chị N.T.V.:*** *Tôi đã đọc rất nhiều cuốn sách về bí quyết làm giàu, từ nhanh đến chậm. Sau cùng, tôi đã tìm thấy. Tôi không ngờ nó giản dị như vậy. Cám ơn, Mr Phan Thiên Ân.*

### Phiếu Mua Sách

Tên: _____

Địa chỉ: _____

_____

Đính kèm $ _____ để trả cho _____ cuốn sách

(Giá $5.00 một cuốn kể cả cước phí)

*Thư và chi phiếu xin đề:*

*T.A. PHAN P.O.Box 915, Los Alamitos, CA 90720*

# MAXIM'S
# ENTERTAINMENTS

Một Món Quà Cho Mùa Xuân

THANH LAN - ELVIS PHƯƠNG - LÊ THU - KENNY THÁI - DUY QUANG - TRỊNH NAM SƠN - NHẬT TRƯỜNG - Ý NHI - MỸ LAN - QUỲNH HƯƠNG - HOÀI NAM - PHI NHUNG - QUỲNH LAN - DIỄM HƯƠNG - HẠ VY- KHẢ TÚ - THANH VÂN - MALINA NHÃ LAN - SONYA LE - LAURA

10161 Bolsa Ave. A 104, Westminster, CA 92683

Tel: **(714) 839-8628** * Fax: **(714) 839-6586**

# 100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

# LITTLE SAIGON
## SUPERMARKET

小西貢海鮮市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

## ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy qúi khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén diã tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

## CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME ATM

California Lotter LOTTO
California Lotter DECCO
Little Lotto

# NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

# VANCO FOODS
## SUPERMARKET

## MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

**RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG**

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

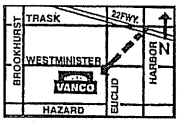


ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999

**MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM**

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

# VNCR

# VIETNAM CALIFORNIA RADIO

## 106.3 FM

VNCR Phone :
714-534-9430
714-534-9431
714-534-9432
Fax 534-9433

**Phát thanh từ Thứ Hai đến Thứ Sáu**
**từ 12 pm đến 4 pm**

**ĐÀI CÓ CÔNG XUẤT MẠNH**
**NGHE ĐƯỢC RẤT RÕ TẠI CÁC VÙNG**

ORANGE LOS ANGELES
VENTURA SAN BERNARDINO RIVERSIDE

**TIN TỨC THỜI SỰ NHANH, CHÍNH XÁC & PHONG PHÚ**
**VĂN NGHỆ CHỌN LỌC**
**GIẢI TRÍ THOẢI MÁI, THANH LỊCH**
**HỘI THOẠI PHỎNG VẤN ĐỀ TÀI THIẾT THỰC**
**QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU**

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92640

Ấn Phí: Bốn Mỹ Kim